



ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN VESAK LIÊN HIỆP QUỐC 2019



QUAN ĐIỂM PHẬT GIÁO VỀ CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0 & MÔI TRƯỜNG BỀN VỮNG THÍCH NHẬP TỪ BIÊN TẬP



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

QUAN ĐIỂM PHẬT GIÁO
VỀ CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0
VÀ MÔI TRƯỜNG BỀN VỮNG

BAN CHỨNG MINH

HT. Thích Trí Quảng

Phó Pháp chủ Hội đồng Chứng minh GHPGVN

HT. Thích Thiện Nhơn

Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN

HT.TS. Brahmapundit

Chủ tịch Ủy ban Tổ chức quốc tế Đại lễ Vesak LHQ (ICDV)

HT. Thích Thiện Pháp

Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng Trị sự GHPGVN

HT. Thích Thanh Nhiễu

Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng Trị sự GHPGVN

ỦY BAN HỘI THẢO

TT.TS. Thích Đức Thiện

TT. Thích Thiện Thống

GS.TS. Lê Mạnh Thát

HT. Thích Huệ Thông

TT.TS. Thích Nhật Từ

TRỢ LÝ BIÊN TẬP

Nguyễn Mạnh Đạt

TS. Lê Thanh Bình

Giác Thanh Hà

Nguyễn Thị Linh Đa



Hãy scan và xem tác phẩm này dưới dạng pdf

ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN LIÊN HIỆP QUỐC 2019

QUAN ĐIỂM PHẬT GIÁO
VỀ CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0
VÀ MÔI TRƯỜNG BỀN VỮNG

Chủ biên
THÍCH NHẬT TỪ

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

MỤC LỤC

Lời nói đầu, <i>HT.TS. Brahmapundit</i>	vii
Lời giới thiệu, <i>HT. Thích Thiện Nhơn</i>	ix
Đề dẫn, <i>TT. Thích Nhật Từ</i>	xiii

I. PHẬT GIÁO VÀ CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0

1. Cách tiếp cận của Phật giáo về sự lãnh đạo toàn cầu và trách nhiệm cùng chia sẻ vì xã hội bền vững - thời đại cách mạng công nghiệp 4.0 <i>TT. Thích Đức Thiện</i>	3
2. Mặt trái của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 <i>TT. Thích Nhật Từ</i>	35
3. Công tác hoằng pháp thời cách mạng công nghiệp 4.0 <i>HT. Thích Tấn Đạt</i>	55
4. Hoằng pháp với phương tiện truyền thông xã hội <i>Thích An Tấn</i>	63
5. Thử bàn về vai trò của Phật giáo trong thời đại công nghiệp 4.0 <i>Nguyễn Đình Chú</i>	69
6. Phật giáo với cuộc cách mạng công nghệ 4.0 <i>Nguyễn Thoại Linh</i>	85
7. Việc ứng dụng công nghệ tại cơ sở Phật giáo: Hình thức và ý nghĩa <i>Đào Thị Diễm Trang</i>	99
8. Phật giáo Việt Nam thời kỹ thuật số <i>Nguyễn Thanh Hải</i>	115
9. Vai trò của Phật giáo trong cách mạng công nghiệp 4.0 <i>Nguyễn Thị Toan</i>	129

10. Bảo tồn và phát huy giá trị di sản Phật giáo châu Á và Việt Nam trong cách mạng công nghiệp 4.0 nhìn từ hệ quan điểm ký ức lịch sử - dân tộc

Trần Kỳ Đồng 143

II. TIÊU THỤ VÀ MÔI TRƯỜNG BỀN VỮNG

11. Phật giáo với văn hóa tiêu dùng thời cách mạng công nghiệp

Trương Văn Chung161

12. Tiêu thụ và môi trường bền vững Phật giáo với văn hóa tiêu dùng thời cách mạng công nghiệp Phật giáo với việc tiêu thụ có trách nhiệm

Thiện Đức Nguyễn Mạnh Hùng - Thuận Tâm Thảo Triều 179

13. Tư tưởng đạo đức Phật giáo về bảo vệ môi trường tự nhiên

Võ Quang Hiền..... 191

14. Triết lý nhân sinh của Phật giáo với vấn đề bảo vệ môi trường ở Việt Nam hiện nay

Bùi Thị Tĩnh 199

15. Khoa học xây dựng hạ tầng và tư tưởng Phật giáo về bảo vệ môi trường nước hiện nay

Lê Thị Kiều Oanh 211

16. Phật giáo Việt Nam: Các vấn đề về tôn giáo sinh thái và bảo vệ môi trường

Thích Thiện Huy..... 225

17. Tiếp cận kinh tế: cách nhìn từ Phật giáo qua thực tiễn tỉnh Ninh Bình

Thích Thanh Điện - Lê Thị Minh Thảo - Vũ Sĩ Đoàn 243

Vài nét về các tác giả 259

LỜI NÓI ĐẦU

Vào năm 1999, Đại hội đồng Liên Hợp Quốc thông qua Nghị quyết công nhận ngày Vesak là ngày lễ hội văn hóa thế giới và thừa nhận các đóng góp to lớn của đức Phật cho thế giới. Từ năm 2004, Chính phủ Hoàng gia và nhân dân Thái Lan nói chung và Đại học Mahachulalongkornrajavidyalaya nói riêng vô cùng vinh dự đăng cai đại lễ Vesak LHQ 12 lần tại thủ đô Bangkok, Thái Lan.

Từ năm 2004 đến nay, cộng đồng Phật giáo thế giới đã đi một chặng đường dài của đại lễ Vesak LHQ. Đất nước Thái Lan rất vinh dự và vui mừng đóng vai trò là nước đăng cai nhiều lần nhất. Quảng thời gian 16 năm đã giúp Ủy ban Tổ chức Vesak LHQ được trưởng thành và phát triển với bốn phương diện: Hội thảo, văn hóa, nghi lễ và phụng sự. Nhiều kinh nghiệm đã đạt được và đây là thời gian chúng tôi có thể chia sẻ cơ hội đăng cai với các nước khác. Dĩ nhiên, sẽ luôn có chỗ cho sự tăng trưởng, phát triển và tất cả chúng ta rất phấn khởi để chứng kiến sự phát triển đó.

Vào năm 2006, sau khi tham gia vào Ủy ban Tổ chức quốc tế Đại lễ Vesak LHQ với vai trò Phó Tổng thư ký, Thượng tọa TS. Thích Nhật Từ đóng vai trò quan trọng trong việc thiết lập mối quan hệ hữu nghị giữa Giáo hội Phật giáo Việt Nam với Ủy ban Tổ chức quốc tế Vesak LHQ nói riêng và cộng đồng Phật giáo thế giới nói chung. Nhờ đóng góp năng động của Thượng tọa, đại lễ Vesak LHQ 2008 đã được tổ chức rất thành công tại Trung tâm Hội nghị quốc gia và đại lễ Vesak LHQ 2014 tổ chức thành công tại Trung tâm Hội nghị quốc tế Chùa Bái Đính.

Ủy ban Tổ chức quốc tế đại lễ Vesak LHQ đã ủng hộ và chúc mừng đất nước Việt Nam và Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHP-GVN) đăng cai thành công mỹ mãn Đại lễ Vesak LHQ và hội thảo quốc tế tại Trung tâm Hội nghị quốc gia, Hà Nội vào năm 2008 và Trung tâm Hội nghị Quốc tế Chùa Bái Đính, tỉnh Ninh Bình vào năm 2014. Lần này, chúng tôi có thêm niềm tin đầy đủ với Việt Nam với tư cách là nước đăng cai đại lễ Vesak LHQ 2019 tại Trung

tâm Hội nghị Quốc tế Chùa Tam Chúc, tỉnh Hà Nam, lần thứ ba. Chúng tôi tán dương và tri ân Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt nam và những người đã đóng góp cho sự thành công của các đại lễ Vesak LHQ trong những năm trước và mong mỗi rằng đại lễ Vesak LHQ năm nay cũng như các năm sau sẽ tiếp tục thành công.

Những lời dạy minh triết và đạo đức của đức Phật vượt qua mọi ranh giới, vì tâm trí của tất cả là như nhau, những đau khổ của con người đều giống nhau và tiềm năng giải thoát của tất cả là như nhau. Tôi rất vui mừng cho sự khởi động Vesak LHQ như một tiến trình, phát triển phạm vi hoạt động của Vesak LHQ. Bây giờ là thời gian mà các quốc gia khác và tất cả chúng ta đi theo con đường tương tự, phát triển lễ Vesak LHQ, tưởng niệm đức Phật đản sinh, thành đạo và nhập niết-bàn như sự kiện quốc tế thực sự đặc biệt và thiêng liêng, có thể chia sẻ với cộng đồng thế giới, bất luận tôn giáo, màu da, sắc tộc.

Hãy để giáo pháp của đức Phật là ngọn hải đăng cho thế giới, chuyển hóa vô minh và khổ đau trong tâm chúng ta, mang lại sự phát triển vào năng lực bền vững cho nhân loại và quan trọng hơn, cho hòa hợp và hòa bình thế giới.

HT.TS. Brahmapundit

- Chủ tịch Ủy ban Tổ chức quốc tế Đại lễ Vesak LHQ
- Chủ tịch Hiệp hội các trường Đại học Phật giáo thế giới

LỜI GIỚI THIỆU

Lịch sử nhân loại ghi nhận rằng Sa-môn Gotama giác ngộ thành Phật tại Bồ-đề đạo tràng, Ấn Độ và giới thiệu con đường tỉnh thức, dẫn dắt thế giới cho đến ngày hôm nay. Đó là con đường tỏa chiếu trí tuệ và cung cấp tuệ giác, giúp con người vượt qua vô vàng thách đố và thành tựu các phúc lợi cho nhân loại.

Thừa nhận các giá trị minh triết mang tính thực tiễn của đức Phật cũng như các giá trị và đóng góp của đạo Phật, vào ngày 15.12.1999, LHQ đã quyết định tưởng niệm đại lễ Vesak thiêng liêng (Đản sinh, thành đạo, nhập Niết-bàn của Phật) vào rằm tháng 4 âm lịch, nhằm trung tuần tháng 5 dương lịch. Đại lễ Vesak LHQ lần đầu tiên được tổ chức trọng thể tại Trụ sở LHQ ở New York vào năm 2000. Cho đến năm 2019, LHQ đã tổ chức thành công 19 lần đại lễ Phật đản LHQ trên toàn cầu. Từ năm 2004-2019, cộng đồng Phật giáo thế giới đã tổ chức thành công 16 lần đại lễ Phật đản LHQ.

Ngày nay, hành tinh chúng ta đang đối diện với hàng loạt các khủng hoảng và các thiên tai không tiên liệu được. Sự đe dọa của chủ nghĩa khủng bố, bạo lực sắc tộc, cũng như nỗ lực khắc phục sự nghèo đói, cung ứng giáo dục và sự phát triển bền vững đã thôi thúc chúng ta cần nỗ lực nhiều hơn nữa cho công bằng xã hội. Nhu cầu cấp bách cho các kế hoạch khẩn thiết và nỗ lực đúng phương pháp ở phạm vi quốc tế nhằm mang lại hòa bình vĩnh viễn trong các xã hội cũng như cuộc sống của mỗi cá nhân.

Trong bối cảnh của những xung đột và bất hạnh lan rộng dẫn đến các vấn nạn và khủng hoảng phức tạp, Phật giáo với di sản phong phú về sự độ lượng, bất bạo động, tử bi, hóa giải hận thù có thể đóng góp to lớn, gây cảm hứng với thông điệp tử bi của Phật, sự hòa bình và hòa hợp trên thế giới ngày nay. Đại lễ Phật đản LHQ 2019 là một minh chứng cho sự kiện này.

Việt Nam được vinh dự và trách nhiệm đăng cai đại lễ Phật đản LHQ vào năm 2008 tại Hà Nội và năm 2014 tại Ninh Bình. Sự kiện quốc tế này chứng minh cảnh tượng tuyệt vời về lễ hội thiêng liêng,

với sự tham dự của hàng ngàn Tăng Ni, Phật tử khắp thế giới, hội tụ tại Việt Nam nhằm truyền bá thông điệp hòa bình, từ bi và hòa hợp của đức Phật.

Năm 2019 là lần thứ 3 Việt Nam đăng cai sự kiện quốc tế quan trọng này. Đối với cộng đồng Phật giáo thế giới thì đây là cơ hội truyền bá thông điệp và các giá trị về tình thương, hòa bình, bất bạo động và độ lượng của đức Phật trên toàn thế giới.

Thật là vinh dự lớn lao cho đất nước Việt Nam, nhân dân Việt Nam và Giáo hội Phật giáo Việt Nam cũng như cộng đồng Phật giáo thế giới tham dự đại lễ Phật đản LHQ và truyền bá di sản văn hóa Phật giáo, đặc biệt là những lời dạy của đức Phật về bình đẳng, công bằng, tôn trọng và hiểu biết vì lợi ích của nhân loại. Cộng đồng Phật giáo thế giới và đặc biệt là cộng đồng Việt Nam trên toàn cầu vô cùng vui mừng khi Việt Nam đăng cai sự kiện quốc tế quan trọng và an lành lần thứ 3. Các diễn đàn học thuật, biểu diễn văn hóa và nghi lễ thiêng liêng mang tính quốc tế tại đại lễ này chắc chắn đẩy mạnh sự tương tác và giao lưu các giá trị văn hóa và tri thức giữa các quốc gia và các tổ chức Phật giáo.

Hội thảo Phật giáo quốc tế với chủ đề “*Cách tiếp cận của Phật giáo về sự lãnh đạo toàn cầu và trách nhiệm cùng chia sẻ vì xã hội bền vững*” (*Buddhist Approach to Global Leadership and Shared Responsibilities for Sustainable Societies*) trong suốt thời gian đại lễ Vesak LHQ 2019 không chỉ mang tính thích ứng mà còn tính hợp thời. Tác phẩm này và kết quả một trong năm diễn đàn được thuyết trình trong hội thảo quốc tế. Các phương diện khác của hội thảo bao gồm:

(i) Sự lãnh đạo bằng chánh niệm vì hòa bình bền vững (*Mindful Leadership for Sustainable Peace*);

(ii) Cách tiếp cận của Phật giáo về gia đình hòa hợp, chăm sóc sức khỏe và xã hội bền vững (*Buddhist Approach to Harmonious Families, Healthcare and Sustainable Societies*);

(iii) Cách tiếp cận của Phật giáo về giáo dục đạo đức toàn cầu (*Buddhist Approach to Global Education in Ethics*);

(iv) Phật giáo và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (*Buddhism and the Fourth Industrial Revolution*);

(v) Cách tiếp cận của Phật giáo về tiêu thụ có trách nhiệm và

phát triển bền vững (*Buddhist Approach to Responsible Consumption and Sustainable Development*).

Hội thảo quốc tế này nhằm mục đích khuyến khích sự hợp tác giữa các cộng đồng và các tổ chức Phật giáo nhằm ứng dụng các giải pháp Phật giáo, giải quyết các vấn nạn toàn cầu.

Các bài tham luận trong tác phẩm này phù hợp với chủ đề chính và các diễn đàn phụ, có ý nghĩa nghiên cứu từ nguồn tài liệu gốc cũng như đáp ứng được các chiều kích học thuật mới mẻ với phong cách trình bày ấn tượng và dễ hiểu.

Đại lễ Phật đản LHQ 2019 chắc chắn là cơ hội quan trọng đối với cộng đồng Phật giáo thế giới và Giáo hội Phật giáo Việt Nam nhằm đạt được nhiều lợi ích từ các truyền thống và giá trị phong phú cũng như các lý tưởng tâm linh trong đạo Phật. Con đường tỉnh thức mang tính thực tiễn được đức Phật chỉ dẫn có khả năng làm cho thế giới này trở thành nơi hòa bình, hòa hợp, an toàn và tốt đẹp hơn vì phúc lợi và an lạc cho con người và tất cả chúng sinh.

Với tư cách chủ tịch Ủy ban tổ chức quốc tế Đại lễ Vesak LHQ 2019 tại Việt Nam, thay mặt nhân dân Việt Nam, Giáo hội Phật giáo Việt Nam và nhân danh cá nhân, tôi thành kính chào đón các vị Tăng vương, Tăng thống, Pháp chủ, Lãnh đạo các Giáo hội, Lãnh đạo các tổ chức Phật giáo, các thành viên Tăng đoàn và các học giả đến từ 110 quốc gia, tham dự đại lễ và hội thảo quốc tế này. Tôi thành kính tri ân sự hiện diện và đóng góp của chư Tôn đức và liệt vị vì sự thành công của đại lễ.

Tôi thành kính tri ân chư tôn đức Hội đồng Chứng minh và Hội đồng Trị sự đã đồng hành với Ban tổ chức, nhờ đó Đại lễ Vesak LHQ thành công mỹ mãn. Tôi ghi nhận và tán dương các đóng góp to lớn của HT. Thích Thanh Nhiễu và TT. Thích Đức Thiện trong việc điều phối tổng quát 25 chuyên ban phụ trách Đại lễ Vesak LHQ, nhờ đó Vesak LHQ 2019 đã thành tựu mỹ mãn. Tôi tán dương TT. Thích Thanh Phong đã bảo trợ toàn bộ ẩm thực trong suốt những ngày Đại lễ Vesak LHQ và điều phối hơn 1000 Phật tử chùa Vĩnh Nghiêm làm công việc hậu cần.

Các đóng góp của TT. Thích Thọ Lạc và các thành viên Ban Văn hóa Trung ương cho các sự kiện Văn hóa Phật giáo gồm: Lễ đài Hòa bình thế giới, lễ hoa đăng, triển lãm văn hóa và hội chợ văn hóa... đáng được khen ngợi. Tôi tán dương TT. Thích Minh Nhãn đã đóng

góp tích cực vào các hoạt động truyền thông phục vụ Vesak LHQ. Những đóng góp của chư tôn đức thuộc 25 chuyên ban của Vesak LHQ đã góp phần tạo sự thành công của đại lễ này lần thứ 3 tại Việt Nam.

Nhân dịp này, tôi bày tỏ lòng tri ân sâu sắc đối với HT.GS.TS. Brahmapundit đã liên tục 3 lần ủng hộ Việt Nam đăng cai sự kiện quốc tế thiêng liêng này. Tôi cũng cảm ơn các thành viên của Ủy ban tổ chức quốc tế đại lễ Vesak LHQ, Ủy ban Hội thảo và các thành viên Ban biên tập về những cống hiến có ý nghĩa.

Tôi gửi lời chúc mừng và cầu nguyện an lành đến tất cả đại biểu quốc tế và đại biểu trong nước; đặc biệt là chư tôn đức tham gia 25 Tiểu ban chuyên trách của Đại lễ. Tôi mong rằng sự kiện trọng đại này thắt chặt chúng ta vào trách nhiệm và cam kết cải thiện thế giới bằng cách thực tập chánh đạo được đức Phật truyền bá.

Tôi tán dương công đức cư sĩ Xuân Trường về sự bảo trợ nơi tổ chức, vé máy bay, khách sạn cho 1.500 đại biểu quốc tế và lãnh đạo GHPGVN trong nước. Tôi tán dương các mạnh thường quân khác, các phụng sự viên, các tổ chức và cá nhân... đã góp phần tạo nên sự thành công của đại lễ.

Ấn bản sách này đã không thể thành tựu nếu thiếu sự đóng góp, nỗ lực và tận tụy của TT. Thích Nhật Từ. Tôi rất cảm kích các đóng góp công sức, chất xám, kinh nghiệm và sự trợ giúp tích cực của TT. Thích Nhật Từ trong việc mời các phái đoàn quốc tế, tổng điều phối hội thảo cũng như biểu diễn nghệ thuật Phật giáo, nhờ đó, đại lễ Vesak LHQ thành công mỹ mãn. Tôi khen ngợi Ban lãnh đạo Quỹ Đạo Phật Ngày Nay đã bảo trợ ấn tống quyển sách này và gần 30 quyển sách khác phục vụ Đại lễ Vesak LHQ 2019.

Xin hồi hướng công đức của Đại lễ Vesak LHQ 2019 và việc ấn tống gần 30 tác phẩm phục vụ Vesak, mang lại phúc lợi và hạnh phúc cho nhân loại. Tôi mong rằng, nhờ ân Tam bảo, các loài hữu tình trải nghiệm hạnh phúc và giải phóng khỏi các khổ đau.

Tôi cầu chúc đại lễ Vesak LHQ 2019 tại Việt Nam thành công mỹ mãn.

Hòa thượng THÍCH THIỆN NHƠN

- Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN

- Chủ tịch Ủy ban Tổ chức quốc tế Đại lễ Vesak LHQ 2019

ĐỀ DẪN

Tập sách là tuyển tập các bài tham luận được trình bày tại trong 2 diễn đàn về “*Phật giáo và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0*” (*Buddhism and the Fourth Industrial Revolution*) và “*Phật giáo và phát triển bền vững*” (*Buddhism and Sustainable Development*) nhân dịp Đại lễ Vesak LHQ 2019 được tổ chức tại Trung tâm Hội nghị quốc tế Chùa Tam Chúc, Hà Nam, Việt Nam vào ngày 12-14/5/2019.

Nhóm tham gia nghiên cứu trong hội thảo quốc tế này rõ ràng không đại diện cho dòng tư duy có xu hướng chủ đạo hoặc sự hiểu biết mang tính ước lệ về lĩnh vực này, mặc dù tập sách cũng phản ánh lên sự phong phú và đa dạng này. Rút ra từ kinh nghiệm đáng kể trong việc nghiên cứu, hầu như tất cả tham dự viên đã chia sẻ một trong những giả thuyết cốt lõi nhất.

Tác phẩm này đề cập đến hai vấn đề quan trọng “Phật giáo & cuộc cách mạng công nghiệp 4.0” và “Cách tiếp cận của Phật giáo về môi trường bền vững”.

Phản hồi quan điểm Phật Giáo về chủ đề chính, T.T. Thích Đức Thiện khái quát các yếu tố cốt lõi, cơ hội và thách thức của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. đối với năng lượng, môi trường và cuộc sống con người. Theo tác giả, cách tiếp cận Phật Giáo về vấn nạn nêu trên bắt đầu từ thay đổi tầm nhìn của lãnh đạo toàn cầu, đề cao các trách nhiệm chung toàn cầu, vượt qua chủ nghĩa dân tộc cực đoan. Theo đó, mọi thành phần xã hội bắt luận ý thức hệ chính trị, tôn giáo, sắc tộc, giới tính cần năng động trong nhập thế góp phần xây dựng xã hội bền vững hướng tới thế giới hòa bình, theo tinh thần Phật Giáo.

“Vai trò của Phật giáo trong thời đại công nghiệp 4.0” của GS. Nguyễn Đình Chú một mặt sử dụng tính chất ưu việt của Phật giáo về phương diện khoa học, mặt khác tích cực chia sẻ chân lý Phật qua các phương diện truyền thông kỹ thuật số với

tâm thế “tĩnh tâm”, Phật giáo giúp con người làm chủ sự tiêu thụ để vượt lên chủ nghĩa thực dụng, làm chủ cảm xúc để vượt qua thế giới thị phi, chuyển hóa tham sân si để không bị chìm trong thói quen xấu và đòi hỏi, nhờ đó sống an lạc và hạnh phúc trước mọi biến cố của cuộc đời.

Nguyễn Thoại Linh qua bài viết “*Phật giáo với cuộc cách mạng công nghệ 4.0*” khẳng định rằng việc tận dụng Trí tuệ nhân tạo (AI), Vạn vật kết nối (IoT) và Dữ liệu lớn (Big Data) trong mọi lĩnh vực sẽ góp phần phát triển xã hội theo cách tiếp cận kinh tế học Phật giáo. Để đi từ nghề nghiệp chân chính, tác giả ôn lại con đường trung đạo về kinh tế, theo đó đề cao sự an tâm, an thân, an gia và an nghiệp để con người không bị tác động bởi các mặt trái của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

Đào Thị Diễm Trang đề xuất “*Ứng dụng công nghệ tại cơ sở Phật giáo*” nhằm nâng cao tính hiệu quả trong truyền thông Phật giáo, đồng thời, đề xuất các chùa nên sử dụng màn hình LCD, LED, Robot nhà sư, thuyết giảng bằng ánh sáng công nghệ, phần mềm chỉ đường, nghĩa trang kỹ thuật số, nhằm mang lại diện mạo mới cho Phật giáo, góp phần cải thiện đời sống tinh thần và tri thức của con người.

TS. Nguyễn Thị Loan khi phân tích “*Vai trò của Phật giáo trong cách mạng công nghiệp 4.0*” nhấn mạnh một số sự tương đồng, nổi bật giữa Phật giáo và các thành tựu khoa học hiện đại, theo đó chỉ ra vai trò của Phật giáo trong việc giảm bớt áp lực bằng chính niệm và kết nối yêu thương bằng tâm từ bi và trí tuệ.

Bài “*Phật giáo Việt Nam thời kỹ thuật số*” của Nguyễn Thương Hải nhấn mạnh vai trò của trí tuệ, giúp con người không chấp dính vào thế giới vật chất; ngược lại, sử dụng các phương tiện kỹ thuật số nhằm giới thiệu và truyền bá Phật Pháp cho con người hiện đại một cách thích ứng và hiệu quả hơn.

TS. Trần Kỳ Đồng qua bài “*Bảo tồn và phát huy giá trị di sản Phật giáo châu Á*” đề nghị nghiên cứu di sản Việt Nam từ quan điểm, ký ức, lịch sử và dân tộc nhằm bảo vệ các di sản Phật giáo Việt Nam trên bản đồ di sản văn hóa thế giới.

GS. Trương Văn Chung phân tích “*Phật giáo với văn hóa tiêu*

dùng”, làm rõ giá trị và ý nghĩa thực tiễn của quan điểm về văn hóa tiêu dùng từ góc nhìn kinh tế học Phật giáo. Dựa vào các nguyên lý lập nghiệp chân chính, tâm linh kinh tế và Trung đạo, người tiêu dùng theo Phật giáo điều tiết nhu cầu, ham muốn và tập hài lòng để không trở thành kẻ nô lệ của chủ nghĩa hưởng thụ.

TS. Thích Thanh Tâm qua bài *“Cách tiếp cận của Phật giáo về phát triển bền vững”* phân tích mô hình của nước Bhutan, đồng thời gợi mở cách tiếp cận toàn diện và bền vững cho sự phát triển cân đối giữa vật chất và các giá trị phi vật chất, nhằm hướng đến sự phát triển bền vững nền kinh tế Việt Nam.

TS. Thích Không Tú đề cập *“Đóng góp của Phật giáo Việt Nam về phát triển bền vững ở Việt Nam”* nêu bật các định hướng bền vững về kinh tế, xã hội và môi trường, nhằm góp phần cải thiện và làm tiến bộ các phương diện cuộc sống.

TS. Lê Ngọc Thông & Đỗ Hữu Tài phân tích *“Các nhân tố ảnh hưởng tới hiệu quả giáo dục”* dựa vào quan điểm Phật giáo về phát triển bền vững, đề xuất xây dựng tính bền vững trên sự tỉnh thức, đề cao đạo đức người tiêu dùng, thấy rõ bản chất khổ đau, hướng đến lý tưởng giải phóng con người khỏi sự bất hạnh, đồng thời chuyển hóa cái tôi ích kỷ thành vị tha, vô ngã và khoan dung.

TS. Thích Thanh Điện & Lê Thị Minh Thảo qua bài *“Tiếp cận kinh tế - Một số cái nhìn từ Phật giáo”* đã nghiên cứu mô hình tỉnh Ninh Bình nhằm khẳng định rằng các giá trị văn hóa, vật thể và phi vật thể của Phật giáo thúc đẩy phát triển du lịch tâm linh, đóng góp vào nguồn ngân sách của nhà nước.

TS. Võ Quang Hiến trong bài nghiên cứu *“Đạo đức Phật giáo về bảo vệ môi trường tự nhiên”* phân tích mối quan hệ giữa con người với thiên nhiên, con người với xã hội, theo đó, gợi ý về nghệ thuật ứng xử nhằm thay đổi hành vi, con người theo hướng tích cực và hữu ích.

Kỹ sư Lê Thị Kiều Oanh qua bài viết *“Tư tưởng Phật giáo trong vấn đề bảo vệ môi trường nước hiện nay”* đánh giá các tác động tiêu cực của quá trình xây dựng đối với môi trường nước và hệ sinh thái. Dựa vào thế giới quan và nhân sinh quan, tác giả

đề xuất các biện pháp bảo vệ môi trường nước như cách thức bảo vệ Trái đất của chúng ta đang sống.

TS. Bùi Thị Tĩnh qua bài *“Triết lý nhân sinh của Phật giáo về bảo vệ môi trường”* đề cao tầm quan trọng của nhận thức, lối sống và hành động; kêu gọi đức hy sinh, thái độ vô ngã, tâm từ bi, bảo vệ sự sống của chúng sinh là cách tốt nhất bảo vệ môi trường. Trên nền tảng thuyết tương tác của Phật giáo, tác giả kêu gọi tinh thần năng động trong việc *cứu môi trường*, bởi đó là *sự sống của chính chúng ta*.

NSC. Thích Nữ Nhuận Bình nghiên cứu “Tinh thần bình đẳng của Phật giáo”, một mặt kêu gọi xóa bỏ giai cấp, bỏ thái độ trọng nam khinh nữ, mặt khác, đề cao quyền bình đẳng sự sống đối với các loài động vật. Tinh thần hiếu sinh của Phật giáo được tác giả chứng minh là cách cân bằng sự đa dạng sinh thái, theo đó, giúp con người nhận thức và làm chủ được các thói quen và hành vi để bảo vệ môi trường một cách hiệu quả hơn.

Lấy Phật giáo Việt nam làm nền tảng, đại đức Thích Thiện Huy đề cập “các vấn đề về tôn giáo sinh thái và bảo vệ môi trường” và đề xuất một số giải pháp thiết thực trong chuỗi các hoạt **động** của Phật giáo Việt Nam hướng **đến** mục tiêu cùng xã hội chung tay bảo vệ môi trường sinh thái hiện nay nhằm ngăn chặn biến **đổi** khí hậu, giáo dục về sự thân thiện với môi trường, trồng rừng trong các rừng lâm, tổ chức tu tập trong môi trường thiên nhiên và sử dụng nguồn tài nguyên một cách chính niệm và bền vững.

TS. Nguyễn Mạnh Hùng và Thuận Tâm Thảo Triều nghiên cứu về “Phật giáo với việc tiêu thụ có trách nhiệm” kêu gọi mọi người đề cao chính niệm trong tiêu thụ để bảo vệ các nguồn tài nguyên thiên nhiên, không săn bắt thú rừng, không khai thác quá mức để một mặt cân bằng sinh thái và mặt khác không làm tuyệt chủng một số loài vật. Kêu gọi mọi người nghĩ về môi trường trước khi tiêu thụ, các tác giả khuyên hạn chế xả rác, không dùng túi nilon, chai nhựa, không bỏ thức ăn thừa, phế liệu thép, tiết kiệm điện và năng lượng xăng dầu, sử dụng các sản phẩm được tái chế... nhằm bảo vệ sự bình an của Trái Đất thay vì ráng sức sở hữu nó, phá hủy vẻ đẹp của cuộc sống.

Thông qua việc nghiên cứu, trao đổi những nội dung liên quan đến thực tiễn về lĩnh vực lịch sử, văn hóa và những đóng góp của Thiền viện Trúc Lâm đối với sự phát triển của tỉnh Lâm Đồng nói chung, của thành phố Đà Lạt nói riêng, bản thân thực hiện đưa ra một số giải pháp nhằm bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa nhất là văn hóa tâm linh trên địa bàn thành phố Cần Thơ, góp phần thúc đẩy loại hình du lịch văn hóa này phát triển trong thời gian tới.

Phạm Văn Chiêu nghiên cứu về “Thiền viện Trúc Lâm” ở Đà Lạt, đề cao sự bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa Phật giáo trong sự phát triển bền vững, nhất là văn hóa tâm linh trên địa bàn thành phố Cần Thơ, góp phần thúc đẩy loại hình du lịch văn hóa này phát triển trong thời hiện đại. Tác giả đề nghị tăng cường công tác quản lý nhà nước trong bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa; đào tạo người chuyên môn làm công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa và phát huy các vườn thực vật (vườn thuốc nam) tại các địa điểm di tích lịch sử - văn hóa.

Nhìn chung, các tác giả trong tác phẩm này đã trình bày các quan điểm Phật giáo về cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 cũng như những ảnh hưởng tiêu cực của nó đối với môi trường thiên nhiên mà con người đang sống. Từ đó, đề xuất các giải pháp Phật giáo về việc trị liệu các khổ đau do mặt trái của các cuộc cách mạng công nghiệp đã tạo ra, đồng thời kêu gọi mọi người cần nỗ lực hơn nữa nhằm góp phần bảo vệ môi trường sống bền vững vì hạnh phúc của nhân loại.

Mùa Phật đản LHQ 2019

Thượng tọa THÍCH NHẬT TỪ

Phó Tổng thư ký Ủy ban tổ chức quốc tế Đại lễ Vesak LHQ 2019

Tổng điều phối Hội thảo

PHẬT GIÁO VÀ CÁCH MẠNG
CÔNG NGHIỆP LẦN THỨ TƯ

CÁCH TIẾP CẬN CỦA PHẬT GIÁO VỀ SỰ LÃNH ĐẠO TOÀN CẦU VÀ TRÁCH NHIỆM CÙNG CHIA SẺ VÌ XÃ HỘI BỀN VỮNG - THỜI ĐẠI CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0

TT. Thích Đức Thiện*

Chúng ta đang ở buổi bình minh của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 hay thường được gọi là công nghiệp 4.0. Đây là một cuộc cách mạng công nghệ được dự báo sẽ làm thay đổi căn bản mối quan hệ của chúng ta với những người xung quanh cũng như cách sống và làm việc của chúng ta. Những thay đổi này, về tầm quan trọng, phạm vi và mức độ phức tạp của chúng, sẽ không giống như những gì nhân loại đã biết cho đến tận bây giờ. Chúng ta có thể chưa biết điều gì sẽ xảy ra trong tương lai với cuộc cách mạng công nghệ mới này, nhưng có một điều chắc chắn là ảnh hưởng và tác động của nó sẽ mang tính toàn cầu. Cụ thể, cuộc cách mạng này liên quan đến tất cả các đối tượng cũng như các lĩnh vực: khu vực công, khu vực tư nhân, giới khoa học, các nhà hoạt động văn hóa và tôn giáo và xã hội dân sự.

Không thể phủ nhận rằng cuộc cách mạng 4.0 đã đem tới rất nhiều thành công chưa từng có trên tất cả các khía cạnh của xã hội. Thế nhưng bên cạnh những thành công đó, cuộc cách mạng này cũng đã tạo ra một số vấn đề nghiêm trọng và khó giải quyết trên qui mô toàn cầu. Đó là sự xuống cấp của môi trường và hệ sinh thái, biến đổi khí hậu, bạo lực chính trị có tổ chức, sự nghèo đói và bất bình đẳng. Từ thực trạng này đặt ra vấn đề: *Làm thế nào để xây dựng một xã hội bền*

*Tiến sĩ, Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký Hội đồng trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam

vững? Lực lượng nào sẽ đủ sức để thực hiện được điều này?

Phật giáo được đánh giá không chỉ đơn thuần là một tôn giáo mà nó còn là cả một tư tưởng triết học, đạo đức, và tư duy. Vậy trong thời đại của cuộc cách mạng 4.0 này, *Phật giáo có cách tiếp cận như thế nào về lãnh đạo toàn cầu và trách nhiệm cùng chia sẻ để hướng tới một xã hội bền vững trên toàn cầu?* Đó là những nội dung sẽ được đề cập đến trong bài viết này.

1. THẾ GIỚI HIỆN TẠI VÀ KỈ NGUYÊN CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0

1.1. Cách mạng công nghiệp 4.0

1.1.1. Khái niệm và sự xuất hiện

Theo Klaus Schwab, người sáng lập và chủ tịch điều hành Diễn đàn Kinh tế Thế giới, «*Cách mạng công nghiệp đầu tiên sử dụng năng lượng nước và hơi nước để cơ giới hóa sản xuất. Cuộc cách mạng lần 2 diễn ra nhờ ứng dụng điện năng để sản xuất hàng loạt. Cuộc cách mạng lần 3 sử dụng điện tử và công nghệ thông tin để tự động hóa sản xuất. Bây giờ, cuộc Cách mạng công nghiệp thứ tư đang nảy nở từ cuộc Cách mạng lần ba, nó kết hợp các công nghệ lại với nhau, làm mờ ranh giới giữa vật lý, kỹ thuật số và sinh học*».

Thuật ngữ Công nghiệp 4.0 xuất hiện lần đầu tiên vào năm 2011 tại Diễn đàn Công nghiệp Hannover. Dự án «*Công nghiệp 4.0*» hay «*Công nghiệp của tương lai*» là một cách mới để tưởng tượng các phương tiện sản xuất. Thuật ngữ này có thể được hiểu là bao gồm một tập hợp các công nghệ và khái niệm liên quan đến việc sắp xếp lại chuỗi giá trị [Hermann, 2015]. Do đó, tầm nhìn của Công nghiệp 4.0 dựa trên giao tiếp thời gian thực để giám sát và hành động trên các hệ thống thực. Các hệ thống này không chỉ giao tiếp và tương tác với nhau, mà còn giao tiếp và tương tác với con người, để phân cấp việc ra quyết định. Do đó, Công nghiệp 4.0 tập trung vào kết nối, từ đó thúc đẩy sự phát triển của các quy trình, sản phẩm và dịch vụ mới. Việc triển khai của nó đòi hỏi sự tích hợp các kỹ năng khác nhau đặc trưng của công nghệ kỹ thuật số.

Khái niệm này sau đó đã là một trong những điểm trọng tâm của một báo cáo mô tả kế hoạch về nền công nghiệp Đức được trình bày bởi một nhóm làm việc liên ngành cũng trong khuôn khổ của Hội

chợ Hanover vào năm 2013. Theo báo cáo này, 73% số công ty được hỏi (trong số 1.300) nghĩ rằng Công nghiệp 4.0, tức là sự kết nối của máy móc, các trang mạng và quy trình sản xuất, sẽ tăng cường thúc đẩy nền kinh tế của nước Đức. Tuy nhiên, theo 80% các công ty, việc thực hiện nó sẽ không thể thực hiện được trước năm 2025 do có rất nhiều khó khăn cần được giải quyết ví dụ như các vấn đề về bảo mật máy tính, thiếu các định mức và tiêu chuẩn, và thiếu nhân sự có trình độ. Các tổ chức giáo dục đại học sẽ không được chuẩn bị đầy đủ cho sự chuyển đổi này vào thời điểm hiện tại và cần phải lấp đầy khoảng trống này càng sớm càng tốt. Các ngành công nghiệp dự kiến sẽ được hưởng lợi nhiều nhất từ Công nghiệp 4.0 là ô tô, cơ khí, kỹ thuật điện và CNTT.

1.1.2. Các yếu tố cốt lõi của công nghiệp 4.0

Công nghiệp 4.0 là xu hướng hiện thời trong việc tự động hóa và trao đổi dữ liệu trong công nghệ sản xuất nhằm cải thiện quy trình sản xuất. Tuy nhiên, sự hiện diện ngày càng tăng của các cảm biến và trao đổi thời gian thực cũng mở ra các cơ hội mới trong việc định nghĩa về các sản phẩm truyền thông, cũng như trong «*dịch vụ hóa*» sản phẩm [Kohler & Weisz, 2015]. Về cơ bản, những đóng góp của kỹ thuật số có thể được chia thành ba trục chính:

** Về mặt quy trình, Công nghiệp 4.0 hứa hẹn sẽ chuyển đổi phương thức sản xuất từ sản xuất hàng loạt sang sản xuất cá nhân hóa. Các quy trình sẽ nhanh gọn hơn và có thể được cấu hình lại để phù hợp với nhu cầu của khách hàng và tối đa hóa việc tạo ra giá trị. Các quyết định liên quan tới sản xuất được điều chỉnh theo thời gian thực nhờ có sự xuất hiện của các máy tự chủ cũng như nhờ sự giao tiếp giữa các máy và các hệ thống không gian mạng thực-ảo.*

Trong trục này ta có thể thấy các mô-đun nhà máy thông minh (smart factory) như một phần của tầm nhìn Công nghiệp 4.0 với việc tự động cấu hình lại dây chuyền sản xuất và máy móc để đáp ứng nhu cầu sản xuất phù hợp theo nhu cầu cá nhân chứ không phải sản xuất hàng loạt. Trong các nhà máy thông minh này, hệ thống giám sát thực-ảo các quy trình thực tế, tạo ra một bản sao ảo của thế giới thực và đưa ra các quyết định phân tán. Qua Internet Vạn Vật, các hệ thống thực-ảo giao tiếp và cộng tác với nhau và với con người trong thời gian thực, và với sự hỗ trợ của Internet Dịch vụ, dịch vụ

nội hàm và dịch vụ xuyên tổ chức được cung cấp cho các bên tham gia chuỗi giá trị sử dụng.

Ví dụ đặc trưng của loại hình chuyển đổi phương thức sản xuất này có thể kể đến Uber và Grab. Với việc áp dụng công cụ phần mềm khiến cho sản phẩm dịch vụ (ở đây là các chuyến đi) được đến tay người sử dụng với sự minh bạch về giá cả, quãng đường cũng như chi phí rẻ và hạn chế lừa gạt, Uber và Grab mặc dù không sở hữu bất kì một chiếc xe nào đã dần thay thế vị trí của các hãng taxi truyền thống trước kia và trở thành một trong những hãng taxi lớn trên thế giới. Thậm chí dù tuổi đời còn rất trẻ nhưng giá trị các công ty này đã vượt qua cả để chế sản xuất xe hơi có tuổi đời hàng trăm năm. Cùng một nguyên tắc hoạt động, ta có Airbnb trong lĩnh vực khách sạn. Đây là trang web đặt phòng du lịch kết nối nhiều nguồn cung cấp dịch vụ từ những cá nhân có phòng trống, nhà trống cho thuê đến các khách sạn, nhà nghỉ v.v...

Những ví dụ tiêu biểu khác ta có thể thấy là Netflix, dịch vụ xem phim trực tuyến của Mỹ đã chính thức đặt chân vào thị trường Việt Nam vào năm 2016¹ hay phiên bản tương đương ở Việt Nam là FPT play, Fim+ v.v... Cùng một nguyên lý như Uber hay Grab, cũng nhờ vào sự kết nối Internet, các dịch vụ xem phim trực tuyến này cung cấp cho người dùng toàn bộ các phim đã có bản quyền, video chất lượng cao và có app để xem phim trên rất nhiều loại thiết bị, từ laptop, điện thoại, tablet, cho đến smart TV và cả một số hệ thống giải trí như các máy chơi game console Playstation, X box... Thay vì đến các rạp truyền thống, người tiêu dùng có thể hoàn toàn chủ động về thời gian và không gian khi xem phim cũng như khối lượng phim muốn xem với một chi phí rẻ hơn hẳn so với cùng lượng phim nếu xem ở rạp truyền thống.

** Các sản phẩm được kết nối cho phép thu thập dữ liệu thời gian thực.* Những dữ liệu này có thể được phân tích ngay lập tức và cho phép hệ thống thích nghi với môi trường của nó một cách tự chủ, hoặc được sử dụng sau đó để phát triển các sản phẩm hoặc dịch vụ mới.

Ví dụ về chiếc xe tự lái minh họa cho khả năng thích ứng với môi trường bên ngoài của các hãng Tesla hay Google, hay cô người

1. Nhân sự kiện Hiệp hội Công nghệ Người tiêu dùng CES 2016 diễn ra tại Mỹ, Netflix tuyên bố mở rộng dịch vụ tại 130 quốc gia và vùng lãnh thổ, trong đó có Việt Nam.

máy nổi tiếng Sophia² của công ty Hanson Robotics Hồng Kông, một robot có ý thức, có sự sáng tạo và có khả năng như bất kỳ con người nào để giúp con người trong các vấn đề cuộc sống thường ngày như để phục vụ chăm sóc sức khỏe, điều trị, giáo dục và các ứng dụng dịch vụ khách hàng.

** Sự sẵn có của dữ liệu và khả năng phân tích chúng dẫn đến cơ hội phát triển các dịch vụ mới* (dịch vụ dựa trên dữ liệu - [PWC, 2016]). Sự ra đời của các dịch vụ thể hệ mới cho phép phát triển các thị trường mới.

Ví dụ về việc sản xuất thiết bị gắn trên găng tay cho người chơi golf được kết nối trên điện thoại thông minh, nhiều công ty như Sensosolutions của Đức hay Zepp của Mỹ cung cấp dịch vụ cho người dùng thông qua phân tích dữ liệu. Người dùng nhận thông tin và tư vấn kỹ thuật nhằm giúp cải thiện cách chơi của mình. Các găng tay này có lắp các cảm biến cực nhạy cho phép phân tích áp lực của các cú swing thông qua các phản hồi bằng âm thanh và hình ảnh ở thời gian thực khoảng 80 lần mỗi giây. Cảm biến này cũng cho phép cảnh báo ngón tay nào đang nắm quá chặt để giúp điều chỉnh độ bám.

Các ví dụ khác như: Watson với những phần mềm khám chữa bệnh có khả năng giúp các y tá chẩn đoán ung thư chính xác hơn tới 4 lần so với y tá là người, Facebook hiện nay cũng đã có những thuật toán nhận diện khuôn mặt tốt hơn cả chính con người. Nhiều nơi trên thế giới, để phát triển nông nghiệp còn có những ứng dụng cho phép các cảm biến cảnh báo khi nào đất khô tới mức cần phải tưới và thậm chí kết hợp luôn cả hệ thống tưới tự động. Tất cả các thông tin hay hoạt động này đều được thực hiện một cách tự động, động lập và gửi báo cáo về máy tính hoặc điện thoại thông minh của chủ đất canh tác.

Theo đề xuất từ Tập đoàn tư vấn Boston [BCG, 2015], các yếu tố cốt lõi về đòn bẩy công nghệ của CMCN 4.0 gồm 9 nhóm sau:

- Dữ liệu lớn (Big Data): là một thuật ngữ cho việc xử lý một

2. Sophia là một robot hình dạng giống con người được phát triển bởi công ty Hanson Robotics ở Hồng Kông. Sophia được kích hoạt ngày 19 tháng 4 năm 2015, xuất hiện lần đầu tại Liên hoan South By Southwest (Liên hoan thường niên hàng năm tổ chức tại Texas, Austin vào trung tuần tháng 3 với các sự kiện lớn về công nghệ, ca hát hay phim truyện).

tập hợp dữ liệu rất lớn và phức tạp mà các ứng dụng xử lý dữ liệu truyền thống không xử lý được. Dữ liệu lớn bao gồm các thách thức như phân tích, thu thập, giám sát dữ liệu, tìm kiếm, chia sẻ, lưu trữ, truyền nhận, trực quan, truy vấn và tính riêng tư.

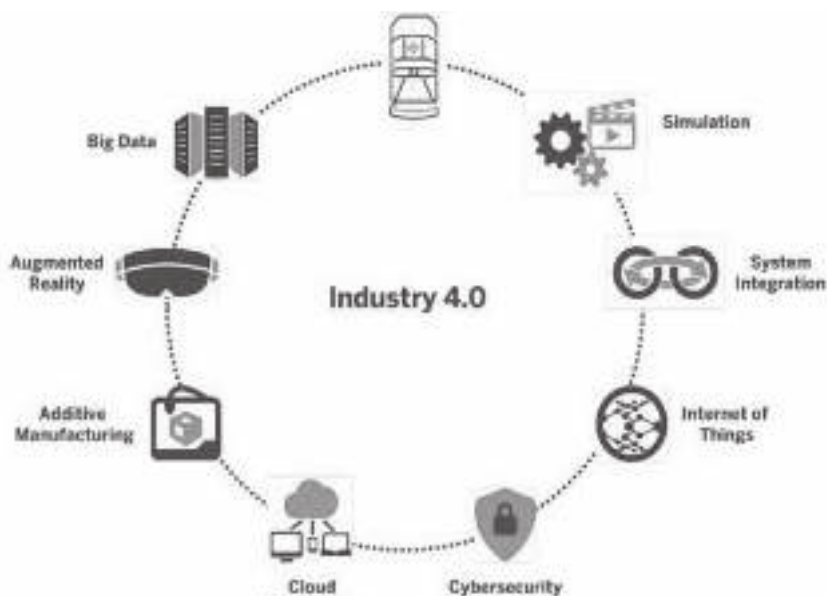
- Trí tuệ nhân tạo (AI): là một ngành thuộc lĩnh vực khoa học máy tính. Là trí tuệ do con người lập trình tạo nên với mục tiêu giúp máy tính có thể tự động hóa các hành vi thông minh như con người. Trí tuệ nhân tạo khác với việc lập trình logic trong các ngôn ngữ lập trình là ở việc ứng dụng các hệ thống học máy (machine learning) để mô phỏng trí tuệ của con người trong các xử lý mà con người làm tốt hơn máy tính. Cụ thể, trí tuệ nhân tạo giúp máy tính có được những trí tuệ của con người như: biết suy nghĩ và lập luận để giải quyết vấn đề, biết giao tiếp do hiểu ngôn ngữ, tiếng nói, biết học và tự thích nghi v.v...

- Điện toán đám mây (Cloud Computing): Thuật ngữ cloud computing ra đời giữa năm 2007 không phải để nói về một trào lưu mới, mà để khái quát lại các hướng đi của cơ sở hạ tầng thông tin đã và đang diễn ra. Quan niệm này có thể được diễn giải một cách đơn giản: các nguồn điện toán khổng lồ như phần mềm, dịch vụ và các dịch vụ sẽ nằm tại các máy chủ ảo (đám mây) trên Internet thay vì trong máy tính gia đình và văn phòng (trên mặt đất) để mọi người kết nối và sử dụng mỗi khi họ cần. Với các dịch vụ sẵn có trên Internet, doanh nghiệp không phải mua và duy trì hàng trăm, thậm chí hàng nghìn máy tính cũng như phần mềm. Họ chỉ cần tập trung vào kinh doanh lĩnh vực riêng của mình bởi đã có người khác lo cơ sở hạ tầng và công nghệ thông tin thay họ. Google nằm trong số những hãng ủng hộ điện toán máy chủ ảo tích cực nhất bởi hoạt động kinh doanh của họ dựa trên việc phân phối các cloud (virtual server). Đa số người dùng Internet đã tiếp cận những dịch vụ đám mây phổ thông như e-mail, album ảnh và bản đồ số.

- Vạn vật kết nối (Internet of Things IoT): tổ chức Global Standards Initiative on Internet of Things (IoT-GSI) định nghĩa IoT là «hạ tầng cơ sở toàn cầu phục vụ cho xã hội thông tin, hỗ trợ các dịch vụ (điện toán) chuyên sâu thông qua các vật thể (cả thực lẫn ảo) được kết nối với nhau nhờ vào công nghệ thông tin và truyền thông hiện hữu được tích hợp.

- Hệ thống không gian mạng thực-ảo (cyber-physical system)
- An ninh mạng
- Robot/máy móc tự động
- Liên lạc giữa các máy (Machine-to-Machine, M2M)
- Các hệ thống mô phỏng và tăng cường thực tế.

Các nhóm công nghệ này tập hợp nhiều công nghệ, phương pháp tiếp cận, phương pháp và kỹ thuật, như được hiển thị sơ đồ trong hình dưới đây. Sự kết hợp một cách khôn ngoan các yếu tố này sẽ cho phép thực hiện các chiến lược kỹ thuật số của công ty.



Nguồn: BCG - Institute_Aethon.com

1.2. Thực trạng xã hội và ảnh hưởng của cách mạng công nghiệp 4.0

Trong vòng gần 300 năm qua, kể từ năm 1750 lúc bắt đầu cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất với sự ra đời của đầu máy hơi nước dân số toàn cầu đã tăng gấp gần 10 lần từ 0,8 tỷ người lên đến 7,7 tỷ người vào năm 2018³. Với tỷ lệ tăng dân số hiện nay là 1,1%

3. Số liệu cung cấp bởi Wouldometers

mỗi năm, trong vòng 30 năm nữa chúng ta sẽ đạt tới khoảng 10 tỷ người trên hành tinh này.

Khoa học và công nghệ đã phát triển với tốc độ kỷ lục trong thời gian này. Công nghiệp hóa đã biến đổi một cách căn bản toàn bộ cấu trúc kinh tế xã hội của nhân loại.

Tuy nhiên, trong giai đoạn đặc biệt phong phú này của lịch sử nhân loại, nền kinh tế của các quốc gia khác nhau đã phát triển đặc biệt không đồng đều. Tổng sản phẩm quốc dân bình quân đầu người ở các nước phát triển, cao hơn gấp 80 lần so với các nước đang phát triển⁴. Sự phát triển về công nghệ cũng đã dẫn đến một sự thay đổi to lớn trong lối sống, đặc biệt là ở các nước giàu, đòi hỏi nhiều tài nguyên hơn và song song với nó là tạo ra nhiều chất thải hơn. Thêm vào đó là sự gia tăng dân số, điều này một mặt dẫn đến sự khai thác quá mức nhiều tài nguyên thiên nhiên và mặt khác là sự ô nhiễm nghiêm trọng và suy kiệt môi trường. Cuộc sống và điều kiện sống của người dân ở các nơi khác nhau trên thế giới chính vì vậy ngày càng trở nên phụ thuộc lẫn nhau hơn. Các quyết định và hành vi của một quốc gia và cư dân của nó ảnh hưởng ngày càng nhiều tới các quốc gia khác. Thế giới với cộng đồng các quốc gia khác nhau đã dần dần bắt đầu giống như một xã hội toàn cầu - xã hội này còn kém phát triển vì nó thiếu các quy tắc và thể chế đồng nhất làm chuẩn chung (pháp lý, sự bảo vệ xã hội, hệ thống giáo dục, bảo vệ môi trường v.v...). Bên cạnh đó, xung đột lợi ích đã trở nên phổ biến hơn và nghiêm trọng hơn, thậm chí giữa các quốc gia nằm ở vị trí địa lý rất xa nhau.

Trong bối cảnh xã hội như vậy, cuộc Cách mạng Công nghệ 4.0 chắc chắn cũng dẫn tới những thay đổi sâu rộng hơn nữa trên mọi khía cạnh khác nhau. Nó ảnh hưởng trực tiếp đến khía cạnh kinh tế, đồng thời cũng có tác động mạnh mẽ tới khoa học, xã hội, chính trị và môi trường.

1.2.1. Cơ hội mang lại của cuộc Cách mạng 4.0

Liên quan tới kinh tế, Công nghiệp 4.0 cho phép cải thiện cách thức và quy trình sản xuất, phân phối, cũng như tiết kiệm chi phí, tăng hiệu năng nên cơ hội đầu tiên mà cuộc cách mạng này đem lại

4. Theo cuốn những thách thức lớn nhất của thời đại của lászló szombatfalvy

đó chính là tăng trưởng thu nhập và kinh tế.

Với Công nghiệp 4.0, các doanh nghiệp có khả năng sản xuất hàng hóa thông qua máy in 3D, điều này có thể dẫn đến phân cấp và định vị lại sản xuất, hoặc thậm chí thay đổi định hướng của một phần của các hoạt động kinh tế, thay vì lấy trọng tâm làm cung thì giờ sẽ tập trung vào nhu cầu. Ngoài ra, thay vì sản xuất hàng loạt và sản xuất sản phẩm trước khi tìm được người mua, sau đó mới tìm kiếm người mua thông qua chi phí quảng cáo và tiếp thị đáng kể, một phần của sản xuất với cuộc cách mạng lần thứ 4 này có thể trở nên cá nhân hóa hơn và gắn với nhu cầu cụ thể của khách hàng cụ thể. Thêm vào tất cả những yếu tố này, Cách mạng 4.0 cho phép làm việc từ xa, bán sản phẩm và dịch vụ trực tuyến, tiếp thị dựa trên dữ liệu lớn hoặc quảng cáo trên mạng xã hội. Tất cả những yếu tố này đã hoặc sẽ sớm có ảnh hưởng mạnh mẽ đến cuộc sống hàng ngày của các tác nhân kinh tế.

Liên quan tới năng lượng và môi trường: cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0 với việc số hóa các hoạt động kinh tế sẽ giúp chúng ta cải thiện được hiệu quả sử dụng năng lượng và tài nguyên bằng cách giảm tiêu thụ năng lượng và tăng cường bảo vệ tài nguyên môi trường. Theo dự báo của Sáng kiến bền vững điện tử toàn cầu (GeSi), số hóa có thể giúp chúng ta tiết kiệm đến năm 2020 khoảng 16% lượng khí thải CO₂ toàn cầu. Thành phố thông minh, nhà thông minh, lưới điện thông minh, nhà máy thông minh: những đổi mới này có thể làm cho nền kinh tế của chúng ta xanh hơn hay việc tạo ra các nguyên vật liệu và năng lượng mới thay thế cho những nguyên vật liệu và năng lượng cũ làm trầm trọng hóa việc phát thải khí nhà kính hoặc không thích ứng tốt với BĐKH. Các sản phẩm của Cách mạng 4.0 như vậy giúp chúng ta bảo vệ được môi trường và ứng phó với BĐKH. Ngoài ra, được sử dụng đúng cách, các công nghệ kỹ thuật số có thể giúp sản xuất hàng hóa phù hợp hơn với nhu cầu và hiệu quả hơn, giảm lãng phí năng lượng và nguyên liệu thô và tăng khả năng cạnh tranh của các công ty.

Công nghiệp 4.0 cũng cho phép kiểm soát thông minh hơn các luồng vận chuyển và hàng hóa, giảm tiêu thụ năng lượng và chi phí. Tuy nhiên, có một điểm cần lưu ý đối với cuộc cách mạng này đó là cần ngăn chặn việc tiêu thụ năng lượng điện quá mức, liên quan đến các hệ thống hỗ trợ tin học cho quá trình số hóa.

Đối với cuộc sống của con người, cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0 sẽ cho phép con người hưởng lợi từ những phát minh và tiến bộ khoa học vượt bậc, đơn giản hóa, hiện đại hóa và tiện nghi hóa cuộc sống của con người. Sức khỏe của con người trong môi trường làm việc cũng sẽ được đảm bảo hơn do những phần việc nguy hiểm đã được máy móc xử lý còn con người chỉ tham gia giám sát. Các sản phẩm và dịch vụ được cung cấp một cách phong phú hơn, rẻ hơn và đáp ứng tốt hơn nhu cầu của mỗi cá nhân. An toàn thực phẩm sẽ được kiểm soát chặt hơn, tốt hơn, sạch hơn. Môi trường sống sẽ tốt hơn vì chất thải được kiểm soát tốt. Ngoài ra, con người cũng có thể được làm những việc vui vẻ hơn, hấp dẫn hơn, không bị nhàm chán. Những công việc nhàm chán như phân loại thư từ, đơn hàng hay các công việc nặng nhọc sẽ được thực hiện bởi máy móc. Quý thời gian nhàn rỗi của con người có thể được tăng lên. Trong những môi trường làm việc nguy hiểm, con người không phải xuất hiện nên giảm tỉ lệ tử vong, bệnh tật cho người lao động. Và với sự tăng trưởng của nền kinh tế, thu nhập của người lao động cũng như phúc lợi xã hội sẽ được tăng cao.

1.2.2. Thách thức và rủi ro của cuộc Cách mạng 4.0

Hiện Cách mạng Công nghiệp 4.0 đang diễn ra tại các nước phát triển như Mỹ, châu Âu, một phần châu Á. Bên cạnh những cơ hội mới, Cách mạng Công nghiệp 4.0 cũng đặt ra cho nhân loại nhiều thách thức phải đối mặt.

Thứ nhất, mặt trái của Cách mạng Công nghiệp 4.0 là nó có thể gây ra sự bất bình đẳng. Đặc biệt là nó có thể phá vỡ thị trường lao động. Khi tự động hóa thay thế lao động chân tay trong nền kinh tế, khi robot thay thế con người trong nhiều lĩnh vực, hàng triệu lao động trên thế giới có thể rơi vào cảnh thất nghiệp, nhất là những người làm trong lĩnh vực bảo hiểm, môi giới bất động sản, tư vấn tài chính, vận tải, lắp ráp cơ khí v.v...

Báo cáo của Diễn đàn Kinh tế Thế giới đã đặt ra vấn đề này theo các giai đoạn khác nhau. Giai đoạn đầu tiên sẽ là thách thức với những lao động văn phòng, trí thức, lao động kỹ thuật. Giai đoạn tiếp theo sẽ là lao động giá rẻ, có thể sẽ chậm hơn. Với sự chuyển động của cuộc cách mạng này, trong khoảng 15 năm tới thế giới sẽ có diện mạo mới, đòi hỏi các doanh nghiệp thay đổi.

Sự bất bình đẳng này cũng làm tăng thêm khoảng cách giàu nghèo không chỉ giữa các tầng lớp khác nhau trong xã hội và còn giữa quốc gia này với quốc gia khác. Giai cấp lao động chân tay hay tham gia công việc thuần túy ít sử dụng chất xám cũng như các quốc gia tụt hậu sẽ ngày càng bị tụt lại và khó có khả năng bắt kịp sự phát triển như vũ bão diễn ra hàng ngày, hàng giờ của công nghệ ở thời đại Cách mạng 4.0.

Thứ hai, những bất ổn về kinh tế nảy sinh từ cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0 sẽ dẫn đến những bất ổn về đời sống. Hệ lụy của nó sẽ là những bất ổn về chính trị, sắc tộc, tôn giáo. Bên cạnh đó, những cuộc chạy đua vũ trang chưa bao giờ nguội cũng góp phần làm trầm trọng thêm các bất ổn này. Nếu chính phủ các nước không hiểu rõ và chuẩn bị đầy đủ cho làn sóng Công nghiệp 4.0, nguy cơ xảy ra bất ổn trên toàn cầu là hoàn toàn có thể.

Những nghiên cứu mới về sinh học cũng có thể sẽ dẫn đến việc hệ sinh thái bị mất cân bằng hoặc đột biến ví dụ như sự xuất hiện của những sản phẩm biến đổi gen: cà chua lai dầu tây, cá lai gà v.v...

Thứ ba, những thay đổi về cách thức giao tiếp trên Internet cũng đặt con người vào nhiều nguy hiểm về tài chính, sức khỏe. Thông tin cá nhân nếu không được bảo vệ một cách an toàn sẽ dẫn đến những hệ lụy khôn lường. Việc tăng cường khả năng kết nối từ xa (Vận vật kết nối) cũng sẽ khiến các giao tiếp giữa người với người bị giảm thiểu.

Thứ tư, con người có khả năng ngày càng bị bó hẹp lại và sống chủ yếu trong giao tiếp ảo hay giao tiếp giữa người và máy (ví dụ như con người và máy smart phone, các robot phục vụ trong các cơ sở y tế, văn hóa thay vì con người v.v...). Những giá trị xã hội cũng như các mối quan hệ giữa người và người sẽ biến đổi. Những vấn đề về tinh thần hay tâm sinh lý có thể bị trầm trọng hóa nếu không được phát hiện sớm và kịp thời xử lý.

2. PHẬT GIÁO

2.1. Sự ra đời của Phật giáo

Phật giáo được Đức Phật Thích-ca Mâu-ni (Sakyamuni) truyền giảng ở miền Bắc Ấn Độ vào thế kỷ 6 TCN. Đức Phật sau khi giác ngộ chứng đạo tại Bodgaya, Ngài đã truyền bá giáo lý thoát khổ

cho chúng sinh trong khoảng thời gian 49 năm đến nhiều nơi, đến nhiều chủng tộc nên lịch sử phát triển của đạo Phật khá đa dạng về các bộ phái cũng như các nghi thức hay phương pháp tu học. Ngay từ buổi đầu, đức Bản sư Thích-ca Mâu-ni, người sáng lập đạo Phật đã tổ chức được một giáo hội với các giới luật chặt chẽ. Nhờ vào sự uyển chuyển của giáo pháp, đạo Phật có thể thích nghi với nhiều hoàn cảnh xã hội, nhiều đối tượng con người khác nhau, nhiều tập tục ở các thời kỳ khác nhau. Do đó ngày nay, Phật giáo vẫn tiếp tục tồn tại và ngày càng phát triển rộng rãi trên toàn thế giới ngay cả trong các nước có nền khoa học tiên tiến như Hoa Kỳ và Tây Âu.

2.2. Hiện trạng Phật giáo hiện nay trên Thế giới

Trong một tài liệu được công bố vào tháng 8 năm 2018 của Viện nghiên cứu Phật giáo tại Pháp, hiện tổng số thành viên của Phật giáo trên toàn thế giới lên đến 630 triệu người tập trung chính ở Đông Nam Á với khoảng 220 triệu người. Tại khu vực này, tỷ lệ dân chúng theo Phật giáo cao nhất là Lào (96% tổng số dân), Cam-pu-chia (95%), Thái Lan (95%), Myanmar (90%), Việt Nam (85%), tiếp đó Sri Lanka (70%), Singapore (55%), Mã Lai (22%), và cuối cùng là Phi-lip-pin (2.5%) và In-đô-nê-si-a (1%). Các nước mà số lượng dân chúng theo Phật giáo chiếm tỷ lệ lớn trong dân số có thể kể đến là Mông Cổ (90%), Bu-tan (75%), Ti-bê (100%). Xét về số lượng người, Trung Quốc là nước có số lượng người theo Phật giáo đông nhất lên tới 275 triệu người dù chỉ chiếm 20% dân số. Tiếp đó là Việt Nam 72 triệu người – đông thứ 2 trên thế giới sau Trung Quốc, Thái Lan 61 triệu người – đông thứ 3, Nhật Bản 51 triệu người (40% dân số) xếp thứ 4, Myanmar 43 triệu người xếp thứ 5 và Hàn Quốc 40 triệu người (55% dân số) xếp thứ 6. Tại Ấn Độ, chiếc nôi của Phật giáo, số lượng người theo tôn giáo này chỉ chiếm 1% dân số tức 11.3 triệu người. Tại Châu Âu, Nga là nước có số lượng người theo đạo Phật đông nhất lên tới 1.4 triệu người, chiếm 1% dân số, Pháp đứng thứ 2 với 1 triệu người chiếm 1.5% dân số, Đức và Anh đứng thứ 3 với 824.000 người Đức – 1% dân số và 732.000 người Anh – 1.2% dân số. Tại Châu Mỹ, Hoa Kỳ dẫn đầu với 6 triệu người chiếm 2% dân số, tiếp đó là Canada 1,17 triệu người chiếm 3.5% dân số và Châu Mỹ la tinh 820.500 người chiếm 0.2% dân số. Tại Châu Đại Dương, Úc có 430.500 người chiếm 2.1% dân số, còn lại các nước khác là 68.900 người chiếm 0.7% dân số.

Tại các nước phát triển số người theo đạo Phật trong những năm gần đây gia tăng nhanh chóng. Tại Mỹ, công chúng yêu mến đạo Phật cũng có sự gia tăng đáng kể. Trong một cuộc khảo sát về tình cảm của người Mỹ đối với các nhóm tôn giáo khác nhau được tiến hành vào năm 2017, Pew nhận được kết quả khá bất ngờ khi những người trẻ trong độ tuổi từ 18 đến 29 tuổi yêu mến đạo Phật chiếm tỷ lệ cao nhất. Theo Scott A. Mitchell, chuyên gia thuộc viện Nghiên cứu Phật học có trụ sở tại California, ngày nay dễ dàng tìm kiếm và nhận biết các cơ sở tâm linh hải ngoại đặt tại Hoa Kỳ xuất phát từ các tông phái Phật giáo có nguồn gốc châu Á. Tại Pháp, từ những năm 1970, cũng như ở các nước khác, Phật giáo đã phát triển rất mạnh mẽ. Một số bậc thầy của các nhánh khác nhau đã thành lập các trung tâm tại đây như: Ryotan Tokuda, Taisen Deshimaru hoặc Thích Nhất Hạnh, Kalou Rinpoche, Guendune Rinpoche, Dilgo Khyentse Rinpoche, Tharchin Rinpoche v.v... Một số tổ chức Phật giáo được Văn phòng Trung ương giáo phái công nhận là hội đoàn tôn giáo, phụ thuộc vào Bộ Nội vụ, theo luật ngày 09 tháng 12 năm 1905 liên quan đến việc tách Nhà thờ và Nhà nước. Và cũng giống như các tôn giáo được thành lập ở Pháp trong một thời gian dài hơn, Phật giáo ngày nay cũng có các chương trình phát sóng trên truyền hình. Theo Liên đoàn Phật giáo Pháp, có khoảng 800.000 Phật tử tại Pháp vào năm 1986, 3/4 trong số đó có nguồn gốc châu Á. Số lượng Phật tử được TNS Sofres công bố vào tháng 4 năm 2007 là 500.000 Phật tử (trên 15 tuổi), và năm 2018 theo Viện nghiên cứu Phật giáo số lượng này đã tăng gấp đôi. Năm 1999, nhà xã hội học Frédéric Lenoir ước tính rằng có năm triệu người «đồng cảm» với Phật giáo tại Pháp.



Bản đồ phân bố thành viên của Phật giáo trên thế giới (số lượng người theo Phật giáo chiếm số % trong tổng số dân)

3. CÁCH TIẾP CẬN CỦA PHẬT GIÁO VỀ SỰ LÃNH ĐẠO TOÀN CẦU VÀ TRÁCH NHIỆM CÙNG CHIA SẺ VÌ XÃ HỘI BỀN VỮNG - THỜI ĐẠI CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0

“*Cách tiếp cận của Phật giáo về sự lãnh đạo toàn cầu và trách nhiệm cùng chia sẻ vì xã hội bền vững*”, Vesak 2019 trao đổi các vấn đề, trong đó có cách tiếp cận của Phật giáo về sự lãnh đạo toàn cầu và trách nhiệm chia sẻ vì xã hội bền vững; sự lãnh đạo có chánh niệm vì hòa bình bền vững. Đặc biệt, các vấn đề Phật giáo trong đời sống, như cách tiếp cận của Phật giáo về gia đình hòa hợp, chăm sóc sức khỏe và xã hội bền vững, cách tiếp cận của Phật giáo về giáo dục đạo đức toàn cầu, cách mạng công nghiệp 4.0 và Phật giáo và cách tiếp cận của Phật giáo về tiêu thụ có trách nhiệm và phát triển bền vững cũng được đề cập đến.

3.1. Xã hội bền vững

Khái niệm về một xã hội bền vững đã được đưa ra vào đầu những năm 80s. Năm 1981, Lester Brown, người sáng lập ra Viện World-watch⁵, đã định nghĩa nó là «*Một xã hội có thể thỏa mãn nhu cầu của mình mà không làm giảm cơ hội của các thế hệ tương lai*».

Trong những năm qua, khái niệm này đã phát triển và tích hợp thêm một loạt các vấn đề về xã hội và môi trường. Nhiều nhà hoạt

5. Viện Theo dõi Môi trường Thế giới Worldwatch là một tổ chức nghiên cứu môi trường tập trung toàn cầu có trụ sở tại Washington, D.C.

động hình dung một xã hội bền vững như một sơ đồ tập hợp (dạng biểu đồ Venn) gồm ba mối quan tâm chồng chéo lẫn nhau là: Môi trường, Xã hội, và Kinh tế.

Trong một thế giới bền vững, mỗi một khía cạnh, lĩnh vực phải hoạt động hài hòa với nhau. Con người của ngày hôm nay được trao mọi cơ hội để phát triển và trở nên thịnh vượng nhưng những tài nguyên của ngày mai cần được bảo vệ và gìn giữ.

Để đánh giá về một xã hội bền vững, Quỹ xã hội bền vững Hà Lan⁶ đã công bố một chùm các chỉ số gọi là chỉ số xã hội bền vững (Sustainability Society Index SSI)⁷ vào năm 2006. Chỉ số này được cập nhật 2 năm một lần và cho phép đánh giá mức độ tiến bộ theo hướng bền vững ở khoảng 150 quốc gia. Hiện nay, SSI cũng đã được triển khai ở cấp khu vực và đang được nghiên cứu phát triển ở cấp địa phương.

Chỉ số xã hội bền vững xếp hạng mỗi quốc gia theo ba «chiều phúc lợi»:

- *Sức khỏe môi trường*: Thiên nhiên và môi trường (ví dụ: chất lượng không khí), khí hậu và năng lượng (ví dụ: giảm khí thải nhà kính) và tài nguyên thiên nhiên (ví dụ: đa dạng sinh học).

- *Sức khỏe của con người*: Nhu cầu cơ bản (ví dụ: nước an toàn), phát triển cá nhân và xã hội (ví dụ: bình đẳng giới) và sức khỏe (ví dụ: nước sạch).

- *Sức khỏe kinh tế*: Chuyển đổi (ví dụ: canh tác hữu cơ, chuyển đổi sinh kế) và kinh tế (ví dụ: việc làm).

Dưới đây là kết quả chỉ số xã hội bền vững được thực hiện vào năm 2016. Chỉ số càng cao thì mức độ bền vững càng lớn, nổi bật trong đó là các nước Bắc Mỹ và Tây Âu. Các nước Châu Phi là nước có chỉ số này thấp nhất do cả ba yếu tố môi trường, con người và kinh tế cộng lại.

6. Quỹ Xã hội Bền vững - SSF – là một quỹ tư nhân đã được Geurt van de Kerk và Arthur Manuel thành lập vào năm 2006 tại Hà Lan. Mục tiêu chính vẫn là phát triển Chỉ số xã hội bền vững - SSI - công bố và phổ biến kết quả sau mỗi hai năm.

7. <http://www.ssfindex.com/>



SSI 2016 – Quỹ Xã hội Bền vững

Vậy câu hỏi đặt ra là một xã hội như thế nào được gọi là xã hội bền vững ở thế kỷ 21 nhất là trong thời đại công nghiệp 4.0?

Hiểu một cách cơ bản nhất thì xã hội đó phải là xã hội tự túc, không gây ô nhiễm, các nguồn năng lượng tái tạo cung cấp được năng lượng nhằm tạo các hệ thống năng lượng bền vững thay thế các năng lượng cũ tạo phát thải cao, kỹ thuật sản xuất hiệu quả hơn và ứng dụng công nghệ mới, tăng tiêu dùng có trách nhiệm để giúp giảm bớt hoặc loại bỏ các chất thải. Nhờ đó, môi trường có thể được bảo tồn cho các thế hệ tương lai, nhiệt độ toàn cầu có thể ngừng tăng cao, chất lượng không khí, nước, môi trường sống tự nhiên và hệ sinh thái quan trọng sẽ được bảo vệ và bảo hộ bởi luật pháp.

Ngày 25/9/2015, hội nghị thượng đỉnh phát triển bền vững của Liên Hiệp Quốc với sự tham gia của 193 quốc gia thành viên đã chính thức thông qua chương trình Nghị sự phát triển bền vững toàn cầu đến năm 2030, bao gồm 17 mục tiêu phát triển bền vững đó là: (1) Xóa nghèo, (2) Xóa đói, (3) Đảm bảo cuộc sống khỏe mạnh và nâng cao phúc lợi, (4) Đảm bảo giáo dục chất lượng, (5) Đạt được bình đẳng giới và trao quyền cho tất cả phụ nữ và trẻ em gái, (6) Đảm bảo việc tiếp cận nguồn nước sạch và cải thiện các điều kiện vệ sinh cho tất cả mọi người, (7) Đảm bảo việc tiếp cận năng lượng với giá cả hợp lý, tin cậy, (8) Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững, tạo việc làm và công việc tốt cho tất cả mọi người, (9) Xây dựng cơ sở hạ tầng vững chắc, đẩy mạnh công nghiệp hóa và

bền vững, khuyến khích đổi mới, (10) giảm bất bình đẳng trong mỗi quốc gia và giữa các quốc gia, (11) Các thành phố trở nên an toàn, vững chắc và bền vững, (12) Các chương trình 10 năm nhằm hướng tới các mô hình tiêu dùng và sản xuất bền vững, (13) ứng phó với biến đổi khí hậu và các tác động của nó, (14) Bảo tồn và sử dụng bền vững các đại dương, biển và các nguồn tài nguyên biển, (15) Quản lý tài nguyên rừng bền vững, chống sa mạc hóa, chống xói mòn đất và mất đa dạng sinh học, (16) Thúc đẩy xã hội hòa bình, (17) đem lại sức sống mới cho quan hệ đối tác toàn cầu để phát triển bền vững.

Trong Chiến lược Phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020 (ban hành kèm theo Quyết định số 432/QĐ-TTg ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ) *cũng đã xác định rõ mục tiêu tổng quát và các mục tiêu cụ thể.*

Mục tiêu tổng quát: Tăng trưởng bền vững, có hiệu quả, đi đôi với tiến độ, công bằng xã hội, bảo vệ tài nguyên và môi trường, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia.

Các mục tiêu cụ thể :

- Bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, đặc biệt là các cân đối lớn; giữ vững an ninh lương thực, an ninh năng lượng, an ninh tài chính. Chuyển đổi mô hình tăng trưởng sang phát triển hài hòa giữa chiều rộng và chiều sâu; từng bước thực hiện tăng trưởng xanh, phát triển kinh tế các bon thấp. Sử dụng tiết kiệm, hiệu quả mọi nguồn lực.

- Xây dựng xã hội dân chủ, kỷ cương, đồng thuận, công bằng, văn minh; nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc. Con người phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất, tinh thần, năng lực sáng tạo, ý thức công dân, tuân thủ pháp luật. Giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ trở thành động lực phát triển quan trọng. Giữ vững ổn định chính trị - xã hội, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia.

- Giảm thiểu các tác động tiêu cực của hoạt động kinh tế đến môi trường. Khai thác hợp lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên, thiên nhiên, đặc biệt là tài nguyên không tái tạo. Phòng

ngừa, kiểm soát và khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường, cải thiện chất lượng môi trường, bảo vệ và phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học. Hạn chế tác hại của thiên tai, chủ động thích ứng có hiệu quả với biến đổi khí hậu, nhất là nước biển dâng.

Điều đó cho thấy để đạt tới xã hội bền vững, mỗi quốc gia và toàn thế giới đều cần xác lập những mục tiêu cụ thể với các tiêu chí định lượng rõ ràng. Bên cạnh đó, cần có các chỉ tiêu giám sát, đánh giá mức độ phát triển bền vững có thể đạt được. Điều này không mâu thuẫn với những ưu điểm mà Cách mạng 4.0 mang lại. Bởi vì, đặc trưng cơ bản của Cách mạng Công nghiệp 4.0 là sự hợp nhất giữa các lĩnh vực công nghệ, kỹ thuật số, sinh học v.v... để giải quyết những vấn đề kinh tế, xã hội, sự kết hợp giữa các hệ thống ảo và thực, các hệ thống kết nối Internet. Cách mạng Công nghiệp 4.0 làm thay đổi mạnh mẽ phương thức sản xuất và phương pháp quản trị “các nhà máy thông minh”, “công sở và thành phố thông minh” được kết nối Internet, liên kết với nhau thành một hệ thống thay vì các dây chuyền sản xuất và phương pháp quản trị hành chính trước đây. Nhờ khả năng kết nối bằng máy tính, các thiết bị di động tiếp cận với các cơ sở dữ liệu lớn từ nhiều nguồn, những tính năng xử lý thông tin được nhân lên nhờ những đột phá về công nghệ bằng trí tuệ nhân tạo, người máy, công nghệ in 3D, công nghệ na-nô, công nghệ điện toán đám mây, công nghệ sinh học, công nghệ lượng tử, công nghệ vật liệu mới v.v... Cách mạng Công nghiệp 4.0 sẽ mở ra kỷ nguyên mới của sự lựa chọn các phương án đầu tư kinh doanh, tối ưu hóa sử dụng các nguồn lực, thúc đẩy năng suất lao động và hiệu quả, tạo bước đột phá về tốc độ phát triển, phạm vi mức độ tác động làm biến đổi cơ bản hệ thống sản xuất và quản trị xã hội cả chiều rộng lẫn chiều sâu.

Về khía cạnh con người, trong một xã hội bền vững của thế kỷ 21, mỗi người dân đều có quyền truy cập như nhau vào các nhu cầu cơ bản như dinh dưỡng, nơi ở, giáo dục và chăm sóc sức khỏe. Trong thời đại Công nghiệp 4.0, con người thậm chí còn phải được thỏa mãn thêm những nhu cầu về mặt tinh thần. Các hệ thống kinh tế minh bạch, công bằng và bền vững, và các công ty sử dụng các phương pháp sản xuất và phân phối bền vững.

3.2. Cách tiếp cận của Phật giáo

Cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0 mang tới những tiến bộ khoa học và công nghệ vượt bậc. Nó cho phép xã hội có những bước phát triển như vũ bão trên mọi bình diện, kinh tế, văn hóa, xã hội và tất nhiên cả cuộc sống tinh thần và vật chất của con người. Cũng giống như các cuộc cách mạng trước đó, cuộc CMCN 4.0 có tiềm năng nâng cao mức thu nhập toàn cầu và cải thiện chất lượng cuộc sống cho người dân trên toàn thế giới.

Tuy nhiên, bên cạnh những cơ hội mới, cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư này cũng đặt ra cho nhân loại nhiều thách thức phải đối mặt, đó là sự xuống cấp của môi trường, sự mất cân bằng và biến đổi của hệ sinh thái, biến đổi khí hậu, xung đột lợi ích, bạo lực chính trị có tổ chức, sự nghèo đói và bất bình đẳng. Công nghiệp 4.0 với vạn vật kết nối, thế giới phẳng, trí tuệ nhân tạo, bảo mật thông tin, sự phụ thuộc ngày càng cao vào công nghệ, máy móc khiến cho những vấn đề nêu trên có thể sẽ trở nên ngày càng trầm trọng và tinh vi hơn. Những vấn đề này của xã hội liệu có được ý thức từ sớm để được giải quyết hay không và giải quyết ở mức độ nào thì hoàn toàn tùy thuộc vào ***sự chia sẻ và chịu trách nhiệm của các thành phần khác nhau trong xã hội***. Mức độ giải quyết các vấn đề trên còn phụ thuộc vào việc ra quyết định của giới lãnh đạo đại diện cho các quốc gia, việc tư duy tìm tòi sáng kiến khoa học của các nhà trí thức, khoa học gia, việc nghiên cứu và ứng dụng các mô hình sản xuất của các nhà kinh tế, doanh nghiệp, việc phục vụ nhu cầu tinh thần và định hướng tinh thần của các nhà văn hóa và các nhà hoạt động tôn giáo, và hơn hết chính là ý thức của cá nhân mỗi người. *Chung quy lại khoa học, công nghệ, văn hóa, kinh tế, xã hội, chính trị v.v... đều phải nhằm một mục đích tối thượng là phục vụ con người và làm sao để con người được sung sướng, hạnh phúc hơn.*

Thế giới hiện tại và tương lai với sự xuất hiện của cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ 4 thay đổi phương thức sản xuất từ đó dẫn tới những thay đổi sâu sắc và triệt để tất cả các vấn đề của xã hội. Điều đặc biệt nhất là vạn vật trở nên kết nối, mọi thứ đều có thể xóa nhòa khoảng cách về mặt địa lý, các cộng đồng và các quốc gia ngày càng trở nên phụ thuộc lẫn

nhau, thậm chí mất ranh giới. Ví dụ như cùng một phần mềm Uber ta có thể sử dụng dịch vụ này ở nhiều nước trên thế giới. Thế giới với cộng đồng các quốc gia khác nhau dần dần bắt đầu giống như một xã hội toàn cầu. Tuy nhiên, xã hội này còn phải đối mặt với nhiều vấn đề và xung đột (về kinh tế, văn hóa, chính trị v.v...) vì nó thiếu các quy tắc và thể chế đồng nhất làm chuẩn chung do việc mỗi nước đều có hệ thống pháp lý, hệ thống giáo dục, cùng các quy tắc về bảo vệ xã hội, bảo vệ môi trường riêng của mình. Chính vì vậy, để giải quyết các vấn đề xung đột này cần thiết phải có một **sự lãnh đạo toàn cầu**. Sự lãnh đạo toàn cầu này hiện nay đang được thực thi thông qua Liên Hiệp Quốc nhưng cách thức hay hình thức lãnh đạo toàn cầu có lẽ cần phải được đổi mới để phù hợp với sự phát triển của xã hội mà bên cạnh những tác động tích cực thì kèm với đó là sự gia tăng của các thách thức và các vấn đề phát sinh. Sự lãnh đạo này phải đảm bảo được sự bình đẳng, dung hòa được lợi ích và xung đột giữa các nền kinh tế, tầng lớp xã hội hay quốc gia lãnh thổ, cân bằng được môi trường, hệ sinh thái.

Bên cạnh những vấn đề của xã hội, con người là một động vật bậc cao tiến hóa nhất và phức tạp nhất còn chịu tác động bởi những vấn đề bên trong của bản thân. Xã hội càng phát triển con người càng có nhiều vấn đề khiến bản thân bị áp lực hay bị lôi kéo, định hướng một cách tiêu cực. Những áp lực này đến từ xã hội, từ gia đình, thậm chí từ chính bản thân mỗi người có thể khiến con người rơi vào những trạng thái khủng hoảng về tinh thần từ đó ảnh hưởng đến sức khỏe thể chất. Trong kỷ nguyên Công nghiệp 4.0, bên cạnh những khía cạnh tích cực mang lại lợi ích cho nhiều người thì việc sử dụng máy móc gia tăng, giao tiếp và chia sẻ giữa người với người giảm, thất nghiệp, bất bình đẳng, phân biệt đối xử, phân biệt chủng tộc, khủng bố, bạo hành v.v... cũng khiến chất lượng cuộc sống suy giảm. Và thực tế là chưa chắc xã hội phát triển vượt trội sẽ khiến con người có cuộc sống hài lòng hơn, hạnh phúc hơn, có cảm giác an toàn hơn, được yên tâm hơn, và những lợi ích của họ không ít bị xâm hại một cách thiếu chính đáng bởi những người đồng loại hơn.

Lợi thế của Phật giáo khi tiếp cận về sự lãnh đạo toàn cầu và trách nhiệm cùng chia sẻ vì xã hội bền vững - thời đại Cách mạng Công nghiệp 4.0

Với những vấn đề đặt ra cần giải quyết trong thời đại Cách mạng Công nghiệp 4.0, soi chiếu với những tư tưởng, giáo lý cốt lõi của mình, Phật giáo đang có nhiều lợi thế trong việc tham gia với sứ mệnh lãnh đạo toàn cầu và trách nhiệm cùng chia sẻ vì xã hội bền vững.

Thứ nhất, Phật giáo không chỉ đơn thuần là một tôn giáo mà nó còn là cả một tư tưởng triết học, đạo đức, và tư duy. Moni Bagghee, trong cuốn «Đức Phật của chúng ta» đã viết: “Điều đáng chú ý nhất nơi đức Phật là sự kết hợp gần như độc nhất một đầu óc khoa học trầm tĩnh với lòng thiện cảm sâu xa của từ tâm. Thế giới ngày nay ngày càng hướng về đức Phật, vì Ngài là người duy nhất tiêu biểu cho lương tâm của nhân loại”. ***Phật giáo nhập thế*** lấy con người và xã hội làm trọng tâm không thể tách rời và bàng quan với xã hội. Và như một văn hào phương Tây đã nói, “*Phật giáo là một phương thức làm sao để đạt được lợi lạc cao nhất từ cuộc sống. Phật giáo là một tôn giáo của trí tuệ mà ở đây kiến thức và thông minh chiếm ưu thế. Đức Phật không thuyết giảng để thu nạp tín đồ mà là để soi sáng người nghe*”. Đạo Phật là đạo giác ngộ, là đạo của con người, là đạo của tình thương, vì con người mà đạo Phật đem lại niềm an vui, hạnh phúc cho những ai có đầy đủ nhân duyên. Như vậy, cũng giống như cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0 cái đích cuối cùng hướng tới của đạo Phật là làm cho cuộc sống của con người tốt đẹp hơn, hạnh phúc hơn.

Thứ hai, về tư tưởng, trong Phật giáo chúng ta có đạo lý ***Duyên khởi***. Đây là một cái nhìn khoa học và khách quan về thế giới hiện tại. Duyên khởi nghĩa là sự nương tựa lẫn nhau mà sinh tồn và tồn tại. Không những các sự kiện thuộc thế giới con người như thành, bại, thịnh, suy mà tất cả những hiện tượng về thế giới tự nhiên như: cỏ, cây, hoa, lá cũng điều vâng theo luật duyên khởi mà sinh thành, tồn tại và tiêu hoại. Đạo lý vạn vật nương tựa, kết nối, ảnh hưởng tới nhau này cũng là một nguyên lý cơ bản của cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0 lấy vạn vật kết nối (Internet of things) làm trung tâm.

Đạo lý quan trọng thứ hai là luật nhân quả theo đạo lý **Duyên sinh**, một nhân đơn độc không bao giờ có khả năng sinh ra quả, và một nhân bao giờ cũng đóng vai trò quả, cho một nhân khác. Phật giáo cũng có giáo lý **từ bi, hỷ xả, tinh thần hiếu hòa, hiếu sinh** khiến cho con người có thể sống hài hòa với nhau và với xã hội, với thiên nhiên để tiến đến hạnh phúc chân thực và bền vững.

Qua đây có thể thấy, với những đạo lý cốt lõi nêu trên, đạo Phật có lợi thế rất lớn và rất phù hợp để là lực lượng có thể xây dựng một xã hội bền vững trong thời đại của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

Thứ ba, đạo Phật cũng có **Bát chính đạo**⁸ và Tứ diệu đế⁹ là những nguyên lý có thể thay đổi thế giới. Giáo sư T.W. Rhys Davids (1843-1922) - Giáo sư người Anh dạy tiếng Pali - thánh ngữ của Phật giáo và tiếng Phạn (Sanskrit) đã nói “*Là Phật tử hay không phải là Phật tử, tôi đã quan sát mọi hệ thống của các tôn giáo trên thế giới, tôi đã khám phá ra là, không một tôn giáo nào có thể vượt qua được sự quán triệt Bát chính đạo và Tứ diệu đế của đức Phật. Tôi rất mãn nguyện hưởng cuộc đời tôi đi theo con đường đó*”.

Quả thực, nhìn từ quan điểm Phật giáo, những vấn đề tiêu cực của xã hội đều có gốc rễ từ tham, sân và si trong trong hành vi của con người. Chúng thúc đẩy con người phạm vào những hành động phi đạo đức như hủy hoại sự sống, gây hại hoặc làm tổn thương cho các sinh linh, biến thủ tài sản của người khác, phóng túng trong các tà hạnh và hưởng thụ quá đáng những khoái lạc của giác quan, sử dụng những lời lẽ dối trá, cay độc, phỉ báng, phù phiếm, điều đó đã tạo nên những

8. Bát Chính (Chánh) Đạo là con đường “Trung Đạo” mà Đức Phật đã tìm ra để chúng ngộ Niết-bàn. Con đường gồm có tám điều chân chính, tám phương tiện mẫu nhiệm mà người Phật tử phải làm: “Chánh Kiến, Chánh Tư Duy, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng, Chánh Tinh Tấn, Chánh Niệm và Chánh Định”. Đó là con đường giác ngộ duy nhất. Đứng về mặt triết học, tám yếu tố ấy là tám trạng thái tinh thần (hay tâm sở) nằm trong tám loại tâm siêu thể có đối tượng là Niết-bàn.

9. “Tứ” là bốn; “Diệu” là huyền diệu, mẫu nhiệm, cao quý; “Đế”, là sự thật, là chân lý. Tứ Diệu Đế là bốn chân lý mẫu nhiệm. Đó là: khổ (Khổ Đế); nguồn gốc của khổ (Tập Đế); sự diệt khổ (Diệt Đế) và con đường dẫn đến sự diệt khổ (Đạo Đế).

vấn đề nổi cộm đã được nêu ở trên v.v...

Tiến bộ vượt bậc của khoa học và công nghệ không thể giải quyết giải quyết được gốc rễ này và chừng nào mà chúng chưa được khắc phục một cách đáng kể hoặc chưa được kiềm chế trong những giới hạn hợp lý thì vẫn khó có thể nghĩ đến thanh bình, hòa hợp, hạnh phúc và hài lòng trong xã hội con người hay nói một cách khái quát hơn là khó mà đạt tới một xã hội hạnh phúc và bền vững.

Phật giáo có thể được xem là con đường dẫn tới sự hoàn hảo về mặt đạo đức. Mục đích của Phật giáo là việc biến đổi hành vi của một người cùng với sự chuyển hóa kết cấu nhận thức và tình cảm của người ấy. Hậu quả của sự biến đổi và chuyển hóa ấy là con người này quan tâm đến việc vượt qua những điều xấu xa của sự sinh tồn và chấm dứt việc gây tạo những đau khổ cho người khác¹⁰.

Một trong những đặc điểm quan trọng nhất phân biệt đời sống giữa loài người với đời sống giữa loài thú là loài người không chỉ mong muốn được sống mà còn mong muốn được sống hạnh phúc, có lý tưởng. Loài người tìm kiếm ý nghĩa của đời sống; đồng thời, mưu cầu đạt tới một lý tưởng đạo đức chính đáng và hợp lý. Về phương diện này, so với các tôn giáo khác, có lẽ Phật giáo có thể đem lại nhiều đóng góp cho con người hiện đại.

Từ những quan điểm, nguyên lý nêu trên, rõ ràng chúng ta thấy được dưới góc độ tiếp cận của Phật giáo thì vấn đề về sự chia sẻ và chịu trách nhiệm của các thành phần khác nhau trong xã hội sẽ được giải quyết một cách tự nhiên và thuận lợi hơn rất nhiều.

Như vậy, Phật giáo với những tư tưởng và triết lý của mình hoàn toàn có thể chia sẻ trách nhiệm hướng tới một xã hội bền vững trên toàn cầu.

3.3. Tăng cường sự lan tỏa giá trị của Phật giáo dưới sự hỗ trợ của cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0 hướng tới một xã hội bền vững trên toàn cầu

10 . Buddhist Ethics, Moral Perfection and Modern Society, P.D. Premarisi, Hiệp hội Xuất bản Phật giáo, Sri Lanka, 2002

Như đã phân tích ở trên, Phật giáo có thể được coi như một cách thức hữu hiệu để giải quyết các vấn đề phát sinh của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 của loài người dựa trên các qui tắc, triết lý, đạo đức và tư tưởng của mình. Ngược lại cuộc cách mạng lần này cũng là một cơ hội để tăng cường sự lan tỏa giá trị của Phật giáo thông qua các công cụ công nghệ như vạn vật kết nối, trí tuệ nhân tạo, cơ sở dữ liệu lớn v.v...

Tuy nhiên, nhìn lại tình hình hiện tại, những giáo lý, tư tưởng của Phật giáo vẫn đang chủ yếu được truyền đạt, lan tỏa theo phương pháp truyền thống tức là việc học đạo, học tu tập (thiền, vv) của các Phật tử vẫn diễn ra chính tại các chùa. Bên cạnh đó, với sự bùng nổ mạnh mẽ của cuộc khoa học công nghệ 4.0 đang tạo ra rất nhiều sản phẩm đáp ứng nhu cầu và thu hút con người tham gia, từ đó đưa giá trị của Phật giáo đến cộng đồng nhiều hơn nữa.

Vậy giải pháp đưa ra là gì?

Trước hết để bắt nhịp được với sự phát triển của cuộc Cách mạng 4.0, Phật giáo cần xác định nhiều giải pháp nhằm thay đổi, đa dạng hóa phương thức truyền tải những tư tưởng, giáo lý đến được nhiều người hơn nữa, qua đó, đưa được những giá trị của Phật giáo sâu rộng hơn đời sống xã hội.

Nhìn về thời quá khứ, khi chưa có thiết bị công nghệ hiện đại người ta truyền bá kiến thức bằng hình thức truyền miệng nói chung hay đức Phật và các đệ tử của Ngài phải đi khắp các vùng miền để giáo hóa, chỉ dạy cho mọi người bằng kim khẩu của mình nói riêng. Nhưng nhìn chung thì phương thức truyền miệng khó nhớ, nhiều dị bản khi lưu lại đời sau, để truyền đi xa rất khó, vất vả, tốn nhiều thời gian, công sức.

Sau này, tiến bộ hơn đã có chữ viết, khắc chữ vào bản gỗ để in, viết vào lá bối, sau thì giấy mực ra đời thì họ truyền bá bằng chữ viết có thể lưu lại cho con cháu đời sau. Hình thức này tuy tiến bộ nhưng vẫn còn một số nhược điểm là dễ mai một, bản khắc di chuyển nặng nề, giấy bị mục nát, chữ viết nhòe theo thời gian, muốn sao chép thành nhiều bản rất tốn công sức, mất nhiều thời gian, thậm chí là cả về kinh tế.

Nhưng khi có những thiết bị công nghệ thông tin hiện đại chúng ta có thể dễ dàng xem, lưu trữ, tìm kiếm v.v... Chẳng hạn như một bộ sách kinh quý, theo thời gian sẽ bị hỏng, mục nát nhưng nếu được soạn thảo, lưu trữ dưới dạng file word và pdf thì ta có thể sao chép thành rất nhiều bản trong thời gian ngắn, không tốn nhiều công sức và đặc biệt khi bộ kinh đó được đăng tải trên các trang mạng thì sẽ được bảo quản lâu, rất khó mai một, có vô số người được tiếp cận, được đọc vì thế mà được lưu trữ lâu dài. Như vậy đó là lợi ích, ưu điểm đầu tiên của việc áp dụng công nghệ thông tin vào việc truyền bá chính pháp mà chúng ta dễ dàng thấy được.

Bên cạnh đó, việc đăng tải các video, bài pháp thoại của các vị thầy đức hạnh, tu chân chính có khả năng diễn giải một cách dễ hiểu giáo lý của Phật, giải đáp các vấn đề của xã hội thông qua triết lý đạo Phật v.v... trên mạng xã hội hay đơn giản chỉ là những bài chia sẻ kinh nghiệm tu tập của các vị tôn túc trên kênh Youtube, Website v.v... khi đăng tải như vậy sẽ có hàng trăm ngàn, thậm chí là hàng triệu lượt xem với mỗi video và như thế số người được xem, được tiếp cận, được mở rộng. Số lượng người được thấy biết rất lớn chứ không còn gò bó, giới hạn chỉ vài trăm người hay vài chục người tham dự khi chỉ diễn ra trong hội trường, giảng đường vì điều kiện cơ sở vật chất không cho phép.

Hoặc khi diễn ra buổi pháp thoại đó có những người vì bận công việc, vì gia duyên, vì khoảng cách địa lý v.v... họ không thể đến tham dự được nhưng nếu bài pháp thoại đó được đăng tải trên mạng thì họ vẫn có thể xem, học tập những gì mà vị thầy đã truyền dạy. Thêm vào đó là những người đã tham dự buổi pháp thoại hôm ấy về nhà họ vẫn có thể xem lại nhiều lần, có thời gian để nghiền ngẫm, suy nghĩ kỹ hơn về những điều đã được truyền dạy, thậm chí khi những vị đó không còn đủ sức khỏe để đi giảng dạy hay đã tịch thì thế hệ sau vẫn được nghe những lời chỉ dạy của người. Ví dụ như các bài pháp thoại của Hòa thượng Thích Nhất Hạnh, Hòa thượng Thích Thanh Từ, Hòa thượng Tịnh Không v.v...

Không những thế, ứng dụng CNTT vào việc truyền bá chính pháp của Phật giáo còn là việc phát trực tiếp những thời tụng kinh, tu tập ở các đạo tràng giúp cho mọi người có thể tham dự vào thời tụng niệm đó cùng thời điểm mặc dù không cùng địa điểm, khoảng cách địa lý đã bị xóa tan thay vào đó họ được gặp nhau trong những

tâm niệm hướng đến sự thánh thiện, cùng sách tấn nhau tu tập.

Hay như việc sử dụng mạng xã hội để đăng tải những dòng trạng thái tích cực, truyền năng lượng bình an đến với những người hữu duyên đọc được v.v... Và cũng có thể là việc chia sẻ kinh nghiệm, hướng dẫn đại chúng tu tập, chia sẻ một bài kinh ý nghĩa trên trang facebook của mình để biết đâu có ai đó họ đang buồn, đang đau khổ về những điều không mong muốn trong cuộc sống họ đọc được những điều này và từ đó nhận ra được đạo lý tốt đẹp của cuộc đời và có những suy nghĩ tích cực hơn giúp họ vượt đi phần nào nỗi khổ niềm đau do nghiệp mình đã tạo hoặc sẽ mạnh mẽ hơn để đương đầu với nghiệp.

Phật giáo cũng có thể nghĩ tới những phần mềm dựa trên trí tuệ nhân tạo, big data. Những phần mềm hay ứng dụng này có thể thu nạp những thông tin do người sử dụng khai, sau đó đưa ra những kết luận về tâm trạng, tinh thần hoặc định hướng về một loại hình học tập hay sinh hoạt nào đó ví dụ như những khóa tu tập hay những khóa thiền v.v... Bên cạnh đó, các thư viện, không gian Thiền, khóa tu trên không gian mạng là hoàn toàn khả thi trong thời kỳ 4.0.

Trong bối cảnh hiện nay, nhu cầu của con người về thông tin được đòi hỏi ngày càng cao. Do đó, ngôn ngữ truyền đạt của Phật giáo cũng cần nghiên cứu thay đổi để Phật tử có thể hiểu rõ nội dung, suy ngẫm và vận dụng. Việc giảng dạy giáo lý sẽ gần gũi, dễ nhớ, dễ hiểu tạo sức lôi cuốn hơn khi vị giảng sư biết sử dụng máy chiếu, soạn các bài giảng PowerPoint ấn tượng để trình bày bài giảng với những hình ảnh, âm thanh, video sống động, gần gũi chân thực để từ đó mọi người không bị nhàm chán, trái lại có thể dễ dàng áp dụng vào đời sống thường nhật của mình khi mà những giáo lý siêu tuyệt, chân thật của đức Phật đã đi sâu vào lòng người và khoảng cách không gian, thời gian được xóa nhòa.

Như vậy, chúng ta có thể thấy CNTT đang mang đến rất nhiều ích lợi, giá trị to lớn và đang được cộng đồng xã hội hưởng ứng hết sức nhiệt tình và được ứng dụng rộng rãi. Nhưng bên cạnh đó vẫn còn tồn tại một số vấn đề đáng lo ngại của việc ứng dụng công nghệ thông tin vào việc truyền bá chính pháp của đức Phật.

Thứ nhất, mạng xã hội không dành riêng cho ai, ai cũng có quyền đăng tải và xem bất cứ cái gì trên đó khi được để chế độ công khai

(public) vì thế mà có một số kẻ xấu đã lợi dụng để trà trộn vào, lồng ghép vào những giáo điều sai trái, truyền bá tư tưởng xấu làm sai lệch đi ý nghĩa thánh thiện giải thoát của kinh điển. Hay những bài giảng đăng tải một số thầy sư học và trải nghiệm chưa đủ để thuyết pháp, còn thuyết giảng với tư tưởng, suy nghĩ, quan điểm của cá nhân và cho rằng đó là ý của Phật vì thế làm sai lệch, mất đi giá trị của những bài pháp thoại theo đúng nghĩa của nó.

Từ đó khiến những người mới học đạo hay mới tìm hiểu về giáo lý giác ngộ của đức Phật bị mơ hồ, nghi hoặc, chao đảo thậm chí làm thối lui tâm bồ đề ban đầu của họ bởi thật giả lẫn lộn hay dẫn đến những tư tưởng lệch lạc cho rất nhiều người vì họ chưa đủ sức để phân biệt đâu là chính pháp đâu là tà pháp và tất cả những video đó tràn lan không có sự xác nhận đâu là chính pháp, đâu là tà pháp.

Thứ hai, sử dụng Internet phần lớn là những người trẻ, là học sinh, sinh viên - những người cả tin, luôn tò mò muốn biết mọi thứ nhưng họ chưa có kinh nghiệm sống, còn non nớt, thiếu chín chắn, luôn quyết định và hành động nhanh, hấp tấp, vội vàng vì thế mà rất dễ bị lợi dụng niềm tin tôn giáo, lôi kéo, dụ dỗ đi theo tà giáo, mê tín dị đoan.

Thứ ba, là sự giả mạo trang facebook của chùa, quý sư thầy, sư cô có uy tín để lừa đảo, lợi dụng lòng tin của người khác nhằm thỏa mãn mục đích cá nhân ích kỉ như phá hoại thanh danh, lừa tiền của của những người hảo tâm.

Tương tự như vậy, là các nhóm từ thiện, thiện nguyện lợi dụng danh nghĩa Phật giáo để nhằm mục đích lừa đảo hay vụ lợi cá nhân. Không những thế, điều đó còn làm ảnh hưởng xấu, tai tiếng cho pháp bố thí của những người chân chính.

Thứ tư, bất cập tiếp theo của việc ứng dụng CNTT vào việc truyền bá chính pháp là việc bị các hãng quảng cáo tự ý chèn video, hình ảnh quảng cáo không phù hợp vào bài thuyết pháp cần sự tôn nghiêm hoặc các bài quảng cáo làm gián đoạn video thuyết pháp, gián đoạn dòng suy nghĩ của người thính pháp. Đó là vấn đề hết sức nan giải và chưa có cách giải quyết triệt để. Nhiều video thuyết pháp bị tùy tiện chèn quảng cáo vào vì họ biết được đó là những video có hàng triệu lượt xem vì thế mà quảng cáo của họ cũng sẽ có hàng triệu lượt xem mà không tốn phí.

Giải pháp khắc phục

Bên cạnh sự phức tạp của thế giới mạng, của Vạn vật kết nối mà chúng ta buộc phải chấp nhận cả những điều tích cực lẫn tiêu cực, Phật giáo các nước và các tổ chức hay hội đoàn Phật giáo quốc tế có uy tín nên công bố những trang truyền thông chính thống của mình để làm cơ sở tra cứu chuẩn mực cho Phật tử khắp nơi. Những trang này có thể đăng tải các tài liệu về Phật giáo hay các bài thuyết pháp chính pháp có chất lượng về âm thanh, hình ảnh cũng như tạo ra các mục nhằm trao đổi và giải đáp những thắc mắc của người đọc hay người tìm hiểu về Phật pháp.

Ngoài ra, trong chương trình giảng dạy, ngoài những tư tưởng cốt lõi của đạo Phật cũng cần được cập nhật những giáo lý về toán học, y học, công nghệ IT v.v... để Phật tử có thể cảm nhận rõ ràng về sự tiến bộ, khoa học của Phật giáo trong bối cảnh xã hội mới. Đồng thời, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành của các cơ quan Phật giáo.

KẾT LUẬN/THÔNG điệp:

Con người là trung tâm của xã hội. Mọi tiến bộ khoa học, kĩ thuật, xã hội, kinh tế, chính trị, tôn giáo đều phải vì con người, phục vụ cho con người và cải thiện cuộc sống của con người. Lịch sử nhân loại cho thấy, chưa có cuộc cách mạng khoa học nào bên cạnh những thành quả đạt được mà không mang theo những thách thức, tiêu cực và hiểm họa cho con người. Trước những cơ hội cũng như thách thức đặt ra của cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0, các vấn đề của con người và xã hội ngày càng trở nên phức tạp. Tôn giáo được coi là cứu cánh để giúp con người xử lý các vấn đề này. Trong các tôn giáo, Phật giáo với triết lý và tư tưởng của mình xứng đáng chiếm một chỗ đứng quan trọng trong xã hội hôm nay và mai sau.

Phật giáo nhập thế lấy con người làm trọng tâm trong mối giao hoà với xã hội và chia sẻ trách nhiệm xã hội, trong mối quan hệ hài hòa giữa con người với thiên nhiên, được thiên nhiên bao bọc, nuôi dưỡng. Do đó, trong bối cảnh phát triển của cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0 hiện nay, Phật giáo *hoàn toàn* có thể giúp đỡ thế giới hướng tới một xã hội bền vững trên toàn cầu, tham gia xây dựng và hình thành một xã hội phát triển bền vững ở phạm vi quốc gia và trên toàn thế giới. Bởi vì, Phật giáo thúc đẩy tinh thần khoan

dung trong mỗi người, đây chính là chìa khóa để ngăn ngừa xung đột (chiến tranh), giúp xây dựng được nền văn hóa hòa bình trên thế giới. Phật giáo giúp giải quyết những xung đột đang diễn ra, không phải bằng cách can thiệp trực tiếp vào các xung đột mà có thể tư vấn cho các nhà chính trị cách giải quyết được xung đột một cách dung hòa. Tuyên truyền triết lý nhà Phật là dùng sự tha thứ và lòng yêu thương để đáp lại lòng thù hận, thì mới hóa giải được sự thù hận cũng như các đạo lý gốc rễ khác như duyên sinh, duyên khởi, và giáo lý căn bản Bát chính đạo, Tứ diệu đế v.v... sẽ góp phần duy trì được nền hòa bình một cách bền vững trên thế giới. Vesak 2019 hôm nay là một diễn đàn như thế. Cách tiếp cận của Phật giáo về sự lãnh đạo toàn cầu và trách nhiệm cùng chia sẻ vì xã hội bền vững - thời đại cách mạng công nghiệp 4.0 sẽ giúp mỗi chúng ta cùng chiêm nghiệm, nhìn nhận lại con đường đi, phương hướng đã lựa chọn để có được cho mình sự lựa chọn đạo đức nhất, hoàn hảo nhất và bền vững nhất.

Như Einstein, nhà vật lý học người Đức đã phát triển thuyết tương đối tổng quát, một trong hai trụ cột của vật lý hiện đại, cũng là một trong những nhà khoa học vĩ đại nhất mọi thời đại đã nói:

"The religion of the future will be a cosmic religion. It would transcend a person God and avoid dogmas and theology. Covering both the natural and the spiritual, it should be based on a religious sense, arising from the experience of all things, natural and spiritual, as a meaningful unity. Buddhism answers this description"

(Tôn giáo của tương lai sẽ là một tôn giáo toàn cầu, vượt lên trên mọi thần linh, giáo điều và thần học. Tôn giáo ấy phải bao quát cả phương diện tự nhiên lẫn siêu nhiên, đặt trên căn bản của ý thức đạo lý, phát xuất từ kinh nghiệm tổng thể gồm mọi lĩnh vực trên trong cái nhất thể đầy đủ ý nghĩa. Phật giáo sẽ đáp ứng được các điều kiện đó).

Phát biểu này của A. Einstein được nêu trong cuốn *Welcoming Flowers from Across the Cleansed Threshold of Hope: An Answer to the Pope's Criticism of Buddhism*, của tác giả Thinley Norbu (Nxb. New York: Jewel Publishing House, 1997).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Thinley Norbu (1997), *Đón hoa từ khắp ngưỡng cửa của hy vọng: Trả lời phê bình của Giáo hoàng về Phật giáo (Welcoming Flowers from Across the Cleansed Threshold of Hope: An Answer to the Pope's Criticism of Buddhism)*, NXB New York: Jewel Publishing House.

P.D. Premarisi (2002), *Buddhist Ethics, Moral Perfection and Modern Society*, Hiệp hội Xuất bản Phật giáo, Sri Lanka.

László szombatfalvy (2009), *Những thách thức lớn nhất của thời đại của*, NXB Ekerlids Publishing House.

Hoang Phong chuyển ngữ (2012), *BUDDHADASA, Quyền sách cho nhân loại Tóm lược Đạo Pháp của Đức Phật*, Nhà Xuất Bản Phương Đông.

Chiến lược Phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020 (ban hành kèm theo Quyết định số 432/QĐ-TTg ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Thủ tướng Chính Phủ)

Kagermann, H., Wahlster, W., & Helbig, J. (2013), *Các khuyến nghị để thực hiện sáng kiến chiến lược CÔNG NGHIỆP 4.0. Báo cáo cuối cùng về Công nghiệp 4.0 (Recommendations for implementing the strategic initiative INDUSTRIE 4.0. Final report of the Industrie 4.0)*

BCG: Boston Consulting Group (2015), *Công nghiệp 4.0. Tương lai của năng suất và tăng trưởng trong các ngành sản xuất (Industry 4.0. The Future of Productivity and Growth in Manufacturing Industries)*.

Hermann M, Pentek T., & Otto, B (2015), *Nguyên tắc chung cho các kịch bản công nghiệp 4.0: Xem xét hiện trạng tài liệu (Design principles for industrie 4.0 scenarios: A literature review)*. Working paper No. 01 / 2015. ISO/IEC CD 30141 - Internet of Things Reference Architecture (IoT RA)

Kohler & Weisz (2015), *“Cách mạng 4.0 : Chiến lược số nào ?”*, NXB Bpifrance Industrie 4.0.

Nhiều tác giả, 2016, *Bộ dẫn luận Phật giáo*, NXB Hồng Đức.

PwC 2016, Báo cáo Hoạt động kỹ thuật số toàn cầu 2016

Klaus Schwab (2017), Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 (The Fourth Industrial Revolution), NXB Currency.

Viện nghiên cứu Phật giáo Pháp: <https://bouddhismes.net/>

Viện Theo Dõi Môi Trường Thế Giới Worldwatch : www.world-watch.org

Chỉ số xã hội bền vững: www.ssfindex.com

Cổng thông tin điện tử Phật giáo tại Việt Nam: www.phatgiao.org.vn

MẶT TRÁI CỦA CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0¹

TT. Thích Nhật Từ²

I. BẢN CHẤT CỦA CÁC CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP

Mùa an cư năm 2018, tôi trình bày chuyên đề “*Phật giáo và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4*,” nhằm chia sẻ góc nhìn đạo Phật về sự tiến bộ kỹ thuật và công nghệ mà tất cả chúng ta là những dự phần, dù thừa nhận hay không thừa nhận. Con người hiện đại bị chi phối bởi hai chiều tác động tích cực và tiêu cực của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4. Trong chuyên đề này tôi nhấn mạnh các phương diện tiêu cực của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 để thấy rõ những gì chúng ta đang tiếp nhận từ sự tiến bộ của thế giới vật chất bao giờ cũng có mặt trái của nó.

Cách nhìn của đạo Phật đối với một vấn đề, hiện tượng, sự kiện phải mang tính “minh sát” (vipassana), thấy rõ đâu là hữu ích và đâu là tác hại bằng việc phân tích các nguyên nhân, duyên thuận, duyên nghịch dẫn đến kết quả hoặc hậu quả trước mắt hoặc lâu dài.

Trước khi phân tích mặt trái, tôi điếm qua bản chất của

1. Giác Minh Duyên biên tập từ pháp thoại của thầy Thích Nhật Từ tại Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP.HCM, ngày 16-12-2018

2. Tiến sĩ Triết học, Đại học Allahabad, 2002. Hiện là Ủy viên Hội đồng Trị sự GHPGVN, Phó Viện trưởng Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP.HCM

các cuộc cách mạng công nghiệp đã diễn ra trong khoảng 250 năm.

Cuộc cách mạng công nghiệp lần 1 bắt đầu khoảng năm 1780-1840. Đó là giai đoạn bùng nổ về năng lượng nước và hơi nước tạo sự thay đổi việc sản xuất hàng loạt bằng các loại máy móc trong khi trước đó chủ yếu bằng lao động tay chân. Sự tiến bộ về năng lượng nước mở ra phương trời mới của giai đoạn kỹ thuật.

Nếu đạo Phật bằng sự nhiệt huyết nhập thế của các Tăng Ni ở châu Âu và châu Mỹ từ thế kỷ thứ I trước Tây lịch thì nền khoa học thế giới có thể tiến bộ hơn bây giờ ít nhất 500 đến 1000 năm. Bởi nền minh triết Phật giáo nhấn mạnh các góc độ nhân quả ứng dụng trong khoa học vũ trụ, vật lý, sinh học, v.v... Rất tiếc đạo Phật chỉ mới tiếp cận giới trí thức phương Tây vào thế kỷ XIX.

Một số người cho rằng điều đó là cực đoan. Họ phản biện rằng tại sao nền khoa học kỹ thuật không phát triển ở các nước châu Á mà Phật giáo là quốc giáo mà chỉ phát triển tại châu Âu? Ý họ muốn nói thành quả phát triển khoa học kỹ thuật hiện đại thuộc về các tôn giáo khác, còn Phật giáo gần như không có vai trò về lãnh vực này. Nói như thế chỉ đúng ở hiện tượng mà sai bản chất.

Người da trắng vốn thông minh, có thể sáng tạo nhưng các tòa án dị giáo La Mã thường tuyên án tử hình bất kỳ nhà khoa học nào nói chân lý khoa học ngược với kinh thánh, điển hình là khoa học gia Galileo khi tuyên bố trái đất hình tròn chứ không phải mặt phẳng; vũ trụ không phải là nắp vung mà vô tận. Ông đã bị đưa lên giàn hỏa thiêu. Ngoài ra còn nhiều nhà khoa học phương Tây đã bị đà cản trở của các tòa án dị giáo. Nền khoa học phương Tây nếu không gặp đà cản trở này thì đã có thể tiến bộ hơn vài trăm năm.

Trong bối cảnh đó, nếu Phật giáo đến được phương Tây ở

thế kỷ thứ nhất thì chắc chắn những lời dạy minh triết của đức Phật sẽ giúp cho các khoa học gia phát triển nhiều hơn.

Cũng như có giai đoạn ở Campuchia, người ta không biết giá trị của vàng. Họ đem vàng đổi muối. Không phải do người dân không biết mà vàng bỗng dưng không có giá trị ở khu vực. Dù được thừa nhận hay không thì giá trị của vàng vẫn giữ nguyên như thế.

Cuộc cách mạng công nghiệp lần 2 bắt đầu năm 1870-1914. Đây là giai đoạn bùng nổ năng lượng điện thay vì trước đây chỉ sử dụng đèn dầu. Nguyễn Trường Tộ, sứ thần Việt Nam sang Pháp trở về mô tả sự tiến bộ năng lượng điện của Pháp thì triều đình và người dân Việt Nam cho rằng ông ảo tưởng.

Cuộc cách mạng công nghiệp này thúc đẩy quy trình sản xuất hàng loạt, nâng cao hiệu quả kinh tế Cuộc cách mạng công nghiệp lần 3 bắt đầu năm 1945-1970, một số nhà khoa học cho rằng kéo dài đến năm 1973. Đây là giai đoạn của phát minh điện, thông tin, kỹ thuật dẫn đến quy trình sản xuất tự động hàng loạt.

Cuộc cách mạng công nghiệp lần 4 về thời điểm xuất phát thì có nhiều giả thuyết khác nhau. Các khoa học gia hàng đầu ở Đức cho rằng bắt đầu khoảng năm 2000, có người xác định năm 2010, còn một số khác lại cho rằng năm 1983 khi internet có mặt. Đó là điểm xuất phát, còn phát triển mạnh nhất vẫn từ năm 2010.

Đây là giai đoạn phát triển kỹ thuật dẫn đến tiến trình công nghệ hoá trong mọi lĩnh vực sinh học, kỹ thuật số, vật lý... cao hơn nhiều lần so với ba cuộc cách mạng công nghiệp trước. Cuộc cách mạng công nghiệp lần 4 về bản chất là cuộc cách mạng kỹ thuật cao, hình thành nên thế giới thương thức bằng nhãn quan. Thay vì trước đây, chúng ta phải tiếp xúc trực tiếp thì bây giờ chúng ta có thể trải nghiệm bằng nhãn quan.

Nổi trội nhất là internet of things (vạn vật kết nối). Khái

niệm này đã được kinh *Hoa Nghiêm* - Phật giáo Đại thừa; kinh *Tương Ưng* - Phật giáo Nguyên thủy đề cập hàng nghìn năm trước, nhất là học thuyết Mười huyền môn về tính tương quan theo công thức truyền thống là cái này có cái kia có, cái này sinh cái kia sinh, cái này diệt cái kia diệt. Từ khái niệm được Phật giáo đề cập cách đây 26 thế kỷ, các khoa học gia đã tạo ra học thuyết về mạng lưới tương tác của mọi sự vật mà người Việt Nam thường dịch ngắn gọn là “vạn vật kết nối”.

Trọng điểm của cuộc cách mạng công nghiệp lần 4 là thông minh nhân tạo, giúp con người phát minh máy móc thay cho con người, trong đó có công nghệ robot, các loại xe, máy bay nhỏ lái tự động. Hiện nay, những thử nghiệm đó đã thành công, chỉ chờ luật pháp cho phép thì các tài xế xe bus, taxi sẽ được thay thế bằng những phương tiện giao thông được điều khiển tự động, như máy bay khi cất cánh đến độ cao nhất định thì phi công không cần làm việc nữa.

Chúng ta đã phát minh các phần mềm đầu tư, dữ liệu lớn, công nghệ in 3D, kỹ thuật nano, kỹ thuật sinh học, vi tính lượng tử và rất nhiều phát minh mới. Riêng về sự kết nối vạn vật thì hệ thống máy móc sẽ kết nối trực tiếp với con người nâng cao hiệu quả công việc.

II. CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC

Cơ hội

Cuộc cách mạng công nghiệp lần 4 góp phần cải thiện cuộc sống vật chất. Ai thích ứng trên nền tảng chuyên môn hóa kiến thức kỹ thuật thì người đó có cơ hội nhận lương cao. Dĩ nhiên tình trạng này sẽ dẫn đến sự loại trừ theo biểu đồ kim tự tháp, chỉ một số kỹ sư lỗi lạc được giữ lại, số còn lại bị sa thải hoặc không được trọng dụng.

Về phương diện sản xuất, cuộc cách mạng công nghiệp tạo ra các dòng sản phẩm, dịch vụ mới; kích thích phát triển các ngành nghề, trong đó xây dựng là lĩnh vực tiêu tốn nhiều nhất.

Về lĩnh vực cung ứng sản phẩm ra thị trường thì cuộc cách mạng công nghiệp lần 4 tạo thuận lợi cho các chuỗi cung ứng vịnó có thể sản xuất hàng loạt với chất lượng cao.

Như vậy, cuộc cách mạng công nghiệp lần 4 tạo ra thị trường mới, mở cửa nền kinh tế mới và thay đổi tác động toàn diện mọi phương diện của cuộc sống nhân sinh.

Thách thức

Thách thức của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 là hình thành sự bất công toàn cầu, thị trường công việc bị rối loạn. Kề đến là những căng thẳng xã hội giữa các cá nhân, khi chỉ một thiểu số những người giỏi thích ứng được mới có thể tồn tại. Về phương diện kinh doanh, cuộc cách mạng này tạo sự khác biệt hồi vốn cũng như đầu tư và cách các nhà kinh doanh tuyển dụng nhân sự.

Về bản chất xã hội thì cuộc cách mạng công nghiệp lần 4 làm giảm thiểu dần giai cấp trung lưu. Nó tạo khoảng cách lớn giữa giàu và nghèo. Xã hội theo đó mất cân đối.

III. TÁC ĐỘNG TÍCH CỰC

3.1. Kết nối thông tin nhanh

Khi nhận diện cơ hội và thách thức, chúng ta cần thấy những tác động tích cực. Đó là thay đổi cách sống của con người bao gồm làm việc, truyền thông, và trao đổi hàng hoá trực tuyến. Phương thức mua hàng trực tuyến đã không xuất hiện từ cuộc cách mạng công nghiệp lần 3 trở về trước. Hiện nay hai tập đoàn nổi tiếng lĩnh vực này là Alibaba của Trung Quốc và Amazon của Hoa Kỳ.

Truyền thông cũng có những thay đổi rất ngoạn mục. Các trang mạng xã hội như Facebook, Twitter, thay thế các phương tiện truyền thông như báo giấy, tạp chí. Chẳng hạn, tờ New York Time của Hoa Kỳ đã phải phá sản đến hai lần. Với truyền thông kỹ thuật số, người sử dụng có cơ hội tiếp nhận thông tin nhanh hơn, tăng cường cơ hội giải trí.

3.2. Tái cấu trúc chính phủ

Tác động quan trọng của cuộc cách mạng công nghiệp lần 4 là giúp tái cấu trúc chính phủ. Việt Nam là đất nước chỉ có 95 triệu dân mà có đến 12 triệu công chức, bộ máy công kênh và không hiệu quả. Hiện nay chính phủ Việt Nam đang tái cấu trúc từ cấp trung ương xuống cấp quận huyện, phường xã nhằm tăng cường tính kiến tạo và giảm thiểu nợ công.

3.3. Nâng cao chất lượng đời sống xã hội

Cuộc cách mạng công nghiệp lần 4 tác động tích cực đến mô hình giáo dục để nâng cao chất lượng; ngoài ra còn tác động đến lãnh vực chăm sóc sức khỏe, tạo ra các mối quan hệ xã hội, góp phần tăng trưởng thế giới vật chất, nhất là thế giới nghe nhìn.

Những tác động tích cực của truyền thông kỹ thuật số làm con người dễ bị nhiễm đắm, nếu đứng từ góc độ Phật học. Càng có nhiều phương tiện giải trí, thưởng thức, hưởng thụ thì con người càng dễ rơi vào tình trạng thực dụng, thiển cận.

Cuộc cách mạng công nghiệp mang đến sự phát triển vượt trội về khoa học sinh học đạo đức (*bioethics*) trong ứng dụng nghiên cứu, đặc biệt là biến đổi gen, những điều mà các cuộc cách mạng công nghiệp trước không làm được. Hiện nay, người ta đã biến đổi mô và tạo ra quy trình sản xuất trái cây nhân giống, khác với quy trình gieo hạt, chiết cây trước đây. Sự phát triển sinh học đạo đức góp phần nâng cao sức khỏe và tuổi thọ cho con người, chẳng hạn ứng dụng tế bào gốc trong điều trị. Theo đà này thì sau năm thập niên nữa, con người sẽ sống thọ hơn, các chứng bệnh ung thư, HIV có thể được khống chế.

Sự phát triển kỹ thuật và công nghệ mới góp phần cải thiện đời sống vật chất của con người. Con người hiện đại có nhiều cơ hội, khái niệm mang tiềm năng bản sắc mới thay thế cho bản sắc cũ. Nó làm đảo lộn giá trị sống truyền thống, buộc con người phải thích ứng.

Áp dụng vào giao thông thì cuộc cách mạng công nghiệp lần 4 giúp giảm thiểu tai nạn giao thông nếu luật pháp cho phép sử dụng phương tiện giao thông tự động thì không gian sống của con người sẽ thoáng hơn, thời gian di chuyển nhanh hơn.

IV. MẶT TRÁI CỦA CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP LẦN 4

4.1. Áp lực từ đóng thuế

Chính phủ phải đối diện áp lực từ người dân đóng thuế, vì chính phủ hiện đại lệ thuộc và hệ thống máy móc, thông minh nhân tạo để quản trị dân số và công chức nhà nước. Yêu cầu từ người đóng thuế là làm thế nào tinh gọn bộ máy để tiền thuế được sử dụng vào mục đích chân chính

4.2. Đảo lộn nền kinh tế sản xuất

Kinh doanh là ứng dụng học thuyết kinh tế vào lãnh vực mâu dịch gắn liền với sản xuất và tiêu dùng. Hai phương diện lý thuyết và thực tiễn tác động nên người ta phải xóa bỏ mô tuýp cũ để thích ứng mô tuýp mới. Quốc gia nào thích ứng nhanh thì sẽ phát triển mạnh.

Khi Việt Nam chủ trương khai thác bô xít ở Tây Nguyên, tập thể các nhà tri thức Việt Nam, trong đó có các khoa học gia đã cảnh báo rằng lợi ích nhóm trong lãnh vực này rất cao, việc mất an ninh quốc phòng và tổn thất kinh tế là điều mà chính phủ phải cân nhắc. Nhưng chính phủ đã không chấp nhận nên sau đó mới lâm vào cảnh thua lỗ. Tập đoàn than và điện lực Việt Nam cũng rơi vào tình trạng đó vì chúng ta mua công nghệ lạc hậu từ Trung Quốc. Ngân sách nhà nước vì thế mà thất thu, do không thấy rõ sự đảo lộn kinh tế.

Vinfast là niềm tự hào của Việt Nam trong lãnh vực sản xuất xe hơi dù mới công bố cách đây 2 năm, nhờ mua công nghệ của Đức. Về độ an toàn môi trường thì công nghệ này thuộc 4.0 trong khi Đức đã đạt công nghệ 5.0 cùng với các nước châu Âu khác đang áp dụng. Nếu không nắm bắt sự đảo

lộn về kinh tế thì các nhà đầu tư Việt Nam sẽ thu về phế phẩm của công nghệ lạc hậu trên thế giới với giá bán ngất ngưỡng mà hiệu suất kinh tế không cao. Không có tầm nhìn kinh tế sẽ mang lại tổn thất đáng kể cho quốc gia.

4.3. Ảnh hưởng tiêu cực đến cộng đồng xã hội

Cuộc cách mạng công nghiệp lần 4 đảo lộn vấn đề riêng tư của con người, quyền sở hữu của con người dễ bị xâm phạm. Các hacker mỗi ngày có thể kiếm được vài chục đến vài trăm triệu đồng bằng cách sử dụng phần mềm hacker tấn công tài khoản Facebook của người dùng trong xã hội. Tháng 10 vừa qua, tôi bị hacker phá bốn tài khoản Facebook. Tôi đã phải tốn vài chục triệu để mua lại mỗi tài khoản. Riêng Facebook âm nhạc và phim ảnh Phật giáo tôi vẫn chưa mua lại được vì họ không bán cho tôi mà bán cho người khác với giá cao hơn.

Tính sở hữu ở đời sống kỹ thuật số còn bấp bênh vì luật pháp còn nhiều lỗ hổng. Việt Nam là nước đầu tiên đề xuất thông qua dự luật thay đổi để đạt quyền sở hữu trên đời sống kỹ thuật số. Đăng ký tài khoản phải dựa vào số chứng minh thư hoặc hộ chiếu. Tương tự, việc đề xuất mua vé tránh tình trạng bán chợ đen, tạo ra sự khác biệt trong cách thức con người tiêu thụ. Sự nghiệp của con người sẽ phát triển nhanh chóng nhưng sụp đổ cũng rất nhanh chóng. Từ đó, nó động tiêu cực đến mối quan hệ con người.

Trong đời sống kỹ thuật số, người nổi tiếng có thể bị tụt xuống, còn người khác lại nổi lên. Ví dụ, tỷ phú Hoàng Kiều bị báo chí đưa tin ảo, đã khiến ông tổn thất hàng triệu đô la và rơi khỏi danh sách tỷ phú giàu nhất Mỹ. Một cô bé có biệt hiệu “Bà Tung” ở Nghệ An khoe cơ thể, rồi truyền thông đưa tin lạm dụng khiến cô bé bỗng trở nên nổi tiếng, sự nghiệp phút chốc thăng hoa. Trong sản xuất và kinh doanh, cuộc cách mạng công nghiệp lần 4 khiến các nhà đầu tư luôn gặp áp lực về sự kỳ vọng.

Đó là những mặt trái của truyền thông kỹ thuật số về phương diện xã hội mà dù chúng ta muốn hay không, nó vẫn diễn ra. Nó tạo tiến trình vô thường theo hai nghĩa, tiêu cực và tích cực. Trước đây, khi bất đồng chính sách của chính phủ, người ta chỉ biểu tình cục bộ; nhưng ngày nay do có mạng xã hội, người ta truyền thông với nhau nhanh chóng.

Chẳng hạn, trong tuần đầu tháng 12- 2018, các cuộc biểu tình chống tổng thống Pháp và Đảng cai trị những cải cách mới liên hệ việc đóng thuế làm người dân vì muốn bảo vệ mình mà kháng cự mạnh mẽ, dù chính sách cải cách đó có lợi cho đất nước. Cuộc biểu tình dẫn đến bạo động, đốt cháy, phá nhà, gây thương tích, chết chóc. Làn sóng mạnh tới mức tổng thống Pháp phải hoãn việc thi hành thậm chí có thể huỷ bỏ. Việt Nam khi đưa ra Dự luật đặc khu thì các cuộc biểu tình ngày 10-6-2018 vừa qua mạnh bạo đến độ nhà nước phải dừng lại.

4.4. Bất bình đẳng lao động xã hội

Tôi đã đề cập đến sự bất bình đẳng trong tuyển dụng người làm việc hiệu quả và giảm biên chế người lao động làm việc không hiệu quả. Tuy nhiên, tác hại quan trọng hơn là sự bất bình đẳng giữa con người và máy móc. Nó vừa là vấn đề pháp lý, xã hội cũng vừa là vấn đề đạo đức.

Trên phương diện tích cực, cuộc cách mạng công nghiệp lần 4 mang đến nguồn thu nhập cao, cải thiện chất lượng cuộc sống vật chất cho một nhóm nhỏ thì tự động tạo ra các bất công lớn cho đa số còn lại của xã hội. Khoảng cách giàu nghèo lớn hơn.

Những nước tiên tiến và phát triển đỉnh cao về kinh tế như Hoa Kỳ, Đức, Pháp, Anh thì mức độ chênh lệch giữa giàu nghèo không cao, do giới trung lưu chiếm đại đa số. Tôi từng đi nhiều thành phố của châu Âu trong bốn lần thuyết giảng cho cộng đồng Việt Nam. Khi có mặt tại biên giới giữa Đức và Tiệp Khắc, tôi không thấy sự khác biệt cơ sở hạ tầng. Nhà cửa

và chất lượng sống của người dân vùng biên địa không khác mấy so với các thành phố trung tâm. Dân số và diện tích Đức ngang với Việt Nam nhưng đi khắp Đức, chúng ta không có cảm giác đông dân vì họ phân bố rất đều.

Các bất bình đẳng xã hội bắt nguồn từ việc thích ứng hay không. Người thích ứng công nghệ mới sẽ trở thành một thiểu số thông minh, giàu có; người không thích ứng được thì trở nên chậm lụt, thất vọng, tạo nhiều xáo trộn về đời sống cá nhân và gia đình.

Trong cuộc cách mạng công nghiệp lần 3, con người chỉ cần có kỹ năng thích ứng được với công việc. Đối với cuộc cách mạng công nghiệp lần 4 thì kỹ năng vẫn chưa đủ mà phải có trình độ chuyên môn cao về kỹ thuật và công nghệ, bằng không sẽ bị loại trừ. Ví dụ, các hãng taxi truyền thống tại Việt Nam nếu không thay đổi cách thức vận hành với công nghệ mới thì rủi ro phá sản sẽ cao trước sự cạnh tranh khốc liệt với Grab và Uber. Vấn nạn này từng xảy ra ở châu Âu cách đây 5 năm nhưng Việt Nam vẫn không rút ra bài học kinh nghiệm. Các hãng taxi truyền thống của Pháp, Anh, Đức phải bị rủi ro phá sản vì công nghệ điều hành công kênh, lạc hậu và tốn kém.

Công nghệ gọi xe taxi bằng App đó đang được taxi Việt Nam áp dụng. Khi tổng đài báo địa chỉ của khách, các tài xế tranh đua nhau chạy đến, mười tài xế thì chỉ một người đến sớm nhất được đón khách; chín tài xế còn lại tốn xăng, công sức, thời gian; công ty taxi phải tốn tiền bảo dưỡng xe vận hành bộ máy công kênh ở văn phòng điều hành. Trong khi công nghệ điều khiển bằng App của Grab và Uber, chỉ cần điền địa chỉ xuất phát và đến, xe sẽ có mặt nhanh chóng. Các hãng nước ngoài đã sử dụng công nghệ mới này tấn công thị trường Việt Nam cách đây hai năm.

Mô hình kinh doanh truyền thống nếu không thích ứng, cập nhật với thời đại thì sẽ bị loại trừ. Đó là sự bất bình đẳng cơ hội nghề nghiệp nhưng được luật pháp cho phép. Hiện nay

theo đánh giá của một số khoa học gia Đức thì có khoảng 600 triệu người ở các quốc gia tiên tiến không có cơ hội tiếp xúc với cuộc cách mạng công nghiệp lần 4 hướng hồ những nước lạc hậu.

Trên thế giới khoảng 7,3 tỷ người thì 4 tỷ người không bắt kịp với cuộc cách mạng công nghiệp lần 4. Trong đó, 3 tỷ người thuộc các nước châu Á và châu Phi. Việt Nam thuộc top 10 nước sử dụng internet, khoảng 60/90 triệu người sử dụng smartphone và internet. Rất tiếc phần lớn người Việt Nam sử dụng internet chỉ để chơi game, cờ bạc online, cá độ, xem tin thị phi, giải trí... chưa tận dụng mặt tích cực của online trong lập nghiệp.

Nếu chúng ta thay đổi thói quen online như làm kinh tế theo cách thức Amazon hoặc Alibaba thì nền kinh tế Việt Nam sẽ tăng trưởng nhanh chóng. Sự giải trí vô bổ không khéo sẽ phá trí vì theo Đông y “đa thị hư thần”, nghĩa là xem nhiều sẽ bị hư thần kinh. Mỗi ngày xem bốn tiếng đồng hồ khiến cho con người rối loạn cảm xúc, 7-8 tiếng sẽ có nguy cơ tâm thần hoặc hoang tưởng.

Tôi làm công tác tư vấn từ 5 giờ đến 7 giờ tối mỗi ngày tại chùa Giác Ngộ. Giới trẻ đến với tôi đa phần là trầm cảm muốn tự tử, hay thất tình khiến cho rối loạn tâm thần, cảm xúc, rối loạn đa nhân cách, đều do sử dụng internet quá 3 giờ đồng hồ trở lên. Đó là điều đáng suy ngẫm.

Hiện nay, 2,4 tỷ dân số toàn cầu thiếu nước sạch và 1,2 tỷ người thiếu điện. Cuộc cách mạng công nghiệp lần 4 không thể giải quyết các vấn đề này dù nó thúc đẩy việc sử dụng năng lượng điện gió và mặt trời. Việt Nam là một trong những nước sử dụng thủy điện nhiều nhất nhưng lạc hậu nhất thế giới. Hiện nay, tỉnh Bình Thuận và Bạc Liêu đang thí nghiệm sử dụng năng lượng gió. Vì lợi ích nhóm hoặc tầm nhìn giới hạn mà diện tích biển và núi non trùng điệp của Việt Nam chưa phát huy được tiềm lực phát triển của nó.

Sự bất bình đẳng giữa con người và máy móc thể hiện ở chỗ, các chủ đầu tư sáng suốt lựa chọn. Dù có tình cảm với người A hay nhóm cá nhân B nhưng chủ đầu tư cần nhìn rõ hiệu quả làm việc con người không cao bằng máy móc được sản xuất từ trí thông minh nhân tạo. Tình trạng ít nghề nghiệp, mất việc làm do thay thế bởi hàng loạt robot có thể diễn ra. Nhật Bản là quốc gia đi đầu về công nghệ robot, kể đến là Hoa Kỳ, Israel. Hoa Kỳ sản xuất đủ loại robot như robot tình dục, ráp máy, tiếp tân ... Nhật Bản thành công khi chế tạo robot tung kính cầu an cầu siêu, và là nước đầu tiên sản xuất robot phục vụ khách sạn, đưa khách từ quầy tiếp tân đến từng phòng, mở chìa khóa, mời vào phòng, kéo vali, chào hỏi vui vẻ. Về robot cảm xúc thì Mỹ đang đứng đầu ở mức độ chính xác như con người.

Việc tuyển dụng robot cho các lĩnh vực nghề đã làm cho con người rơi vào rủi ro thất nghiệp, làm đảo lộn thị trường công dân, nghề nghiệp. Đây là mặt trái lớn về phương diện nhân đạo. Robot dần được nạp vào kỹ năng giải quyết vấn nạn con người tạo ra, trong khi nếu con người làm việc này thì họ phải là chuyên gia tâm lý hàng đầu hoặc các Tăng Ni dựa trên nền minh triết đạo Phật có kinh nghiệm thực tiễn giải quyết các vấn nạn hôn nhân, luật pháp, ngành nghề cho mọi đối tượng và lứa tuổi.

4.5. Suy thoái đạo đức

Khoảng hai thập niên trở lại đây, một số trường đại học tiên tiến trên thế giới mở ngành học mới, gọi là Khoa học đời sống (*Life Sciences*) dạy kỹ năng sống và giá trị sống, sự tương tác giữa con người với con người, giữa con người với thiên nhiên để giải quyết các tình huống mà phần lớn thuộc về vấn nạn.

Cuộc cách mạng công nghiệp lần 4 mở ra sự tiến bộ công nghệ sinh học, giúp nhà nghiên cứu sinh học biến đổi gen. Điều này tạo ra biết bao thay đổi mà chúng ta không thể tưởng tượng trong các cuộc cách mạng trước đó. Nếu đức Phật còn

tại thế, người ta có thể lấy công thức gen chuẩn và biến đổi để sao chép thành các vị thánh khác. Từ lý thuyết cho đến thực tiễn có thể mất hàng trăm năm nhưng chúng ta vẫn có thể thực hiện được. Vigen tác động đến lối sống, cách hành xử chứ không đơn thuần là môi trường sống, giáo dục và thói quen.

Nếu việc biến đổi gen được luật pháp cho phép sẽ tạo ra sự nhân bản về con người. Những thay đổi khi nhân bản diễn ra như thế nào thì lại là vấn đề phức tạp khác. Điện ảnh Mỹ cách đây 15 năm đã sản xuất bộ phim về con người nhân bản, một người thiện nhưng bản sao của người thiện đó lại là ác, do môi trường sống. Hiện nay, robot Sophia của Mỹ đã được cấp quyền công dân.

Con người có ông bà cha mẹ, họ tộc, lịch sử thì sẽ ý thức về sự xấu hổ, lương tâm, danh tự, thể diện, sợ hãi nhờ đó trở nên tốt hơn. Nhưng khi là con người nhân bản vô tính, họ không có truyền thống, quan hệ huyết thống nên khả năng tội phạm có thể gia tăng.

Cuộc cách mạng công nghiệp lần 4 tạo ra khái niệm “designed baby” -em bé được chế tạo bằng công nghệ. Việc thay đổi gen dẫn đến vấn nạn mà các nhà tư pháp, hành pháp, lập pháp phải đau đầu. Có lẽ khoảng hai thập niên nữa mới có thể giải quyết việc ứng dụng thí nghiệm được phép triển khai hay không.

Khi thông minh nhân tạo phát triển mạnh thì chủ nghĩa robot sẽ chiếm lĩnh đời sống xã hội. Từ kỹ nghệ sinh học, robot có khả năng tạo ra vũ khí nguy hiểm, vũ khí hóa học hiệu quả hơn sức sáng tạo của con người. Nếu không kiểm soát kỹ thì các robot cảm xúc có thể sở hữu các vũ khí gây nguy hại cho con người. Rủi ro về xã hội, pháp lý, dân sự tác động đến đời sống đạo đức con người là rất cao.

Nếu thế giới hơn 200 quốc gia và vùng lãnh thổ cho phép sử dụng robot cảm xúc không giới hạn, chúng được cấp quyền

công dân, được sở hữu súng như Hoa Kỳ thì không biết điều gì sẽ xảy ra! Điều này có thể mất vài thập niên nữa mới thành hiện thực nhưng giả thuyết vẫn có thể được đặt ra với các tác hại về phương diện đạo đức.

Riêng về đời sống số thì hiện nay an ninh mạng là vấn nạn lớn đối với các quốc gia kém phát triển công nghệ kỹ thuật, trở thành nạn nhân của các nhóm hacker được nuôi dưỡng bởi các nhóm chính trị. Chiến tranh mạng ngày càng tác động mạnh mẽ đến nhiều quốc gia như phá sự bầu cử, phá nền kinh tế và an toàn an ninh nhưng khoa truy cứu trước pháp luật. Ba quốc gia Trung Quốc, Nga, Bắc Triều Tiên được Hoa Kỳ cảnh báo có nguy hại hacker nghiêm trọng nhất thế giới, tác động tiêu cực đến hệ thống chính trị, an ninh quốc phòng và đời sống kinh tế của nhiều quốc gia.

Đến khi luật pháp thế giới giảm bớt sự tự do về an ninh mạng, tạo ra những ràng buộc nhất định cho người sử dụng mạng phải gánh trách nhiệm đạo đức và pháp lý về những điều truyền thông, lúc đó các rủi ro này có thể được giảm thiểu. Rất tiếc, luật an ninh mạng Việt Nam không đi theo hướng này mà nhấn mạnh đến vấn đề kiểm soát và quản lý những người bất đồng chính kiến, đang khi bản chất của an ninh mạng là đảm bảo an ninh quốc gia, an ninh quốc phòng, chống hệ thống hacker của những nước tiên tiến và những nước xem nước ta là đối thủ. Chúng ta cần tăng cường an ninh mạng dưới góc độ đó.

4.6. Tệ nạn xã hội văn hóa

Một trong những nguyên nhân lớn của tệ nạn xã hội và mất niềm tin là phương tiện truyền thông hiện đại gây phân hóa xã hội lớn ở phạm vi toàn cầu, quốc gia, khu vực, cộng đồng, gia đình và cá nhân. Mỗi người có mạng xã hội riêng đã trở thành một phương tiện truyền thông như một tờ nhật báo hay kênh truyền hình, điều mà trước đây người ta chưa từng nghĩ đến.

Những người có lượt theo dõi từ vài chục ngàn trở lên có

thể trở thành một kênh truyền hình, hướng hồ những người có vài trăm ngàn hay vài triệu lượt like. Mạng xã hội có hàng triệu lượt like còn hiệu quả hơn các kênh truyền hình truyền thống. Truyền thông hiện đại tạo ra hai nhóm, nhóm ủng hộ và nhóm chống đối cho từng vấn đề, từ đó kích động ngôn ngữ hận thù. Chưa nói đến tệ nạn truyền bá thông tin giả, hoàn toàn mất kiểm soát. Khi các phương tiện truyền thông truyền thống được quản lý bởi luật thì truyền thông hiện đại thoát khỏi sự giám sát đó, có cơ hội tung hoành, tạo nhiều khủng hoảng xã hội với mức tàn phá các mối quan hệ xã hội lớn.

Ví dụ, trường hợp anh trai của nhà lãnh đạo Bắc Triều Tiên bị ám sát ở phi trường Malaysia vào năm 2018 mà nạn nhân dính vào câu chuyện này là chị Đoàn Thị Hương, một phụ nữ Việt Nam khiến cho đất nước Việt Nam bị tai tiếng và mất cơ hội kinh tế. Cách đây vài hôm, đại diện của Bắc Triều Tiên khi đến học hỏi kinh nghiệm xây dựng mô hình kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa mới chính thức lên tiếng xin lỗi Việt Nam về việc này.

Truyền thông xã hội biến một việc nhỏ trở thành một vấn nạn lớn, một câu phát biểu của nguyên thủ quốc gia các nước siêu cường có thể tạo ra biến đổi về chính sách tiền tệ, chính sách kinh tế, thị trường chứng khoán theo lời chao đảo, thay đổi liên tục. Chẳng hạn, sự việc United Airlines ứng xử tệ bạc với bác sĩ Việt kiều David Đào đã làm cho tập đoàn United Airlines điêu đứng, mất gần 6 tỷ USD trong vòng 3 ngày, chỉ vì CEO của tập đoàn này trả lời chống chế mà không xin lỗi thật tình. Ngoài ra, còn những tin tức giả gây tổn thất nặng nề hơn, tạo bất ổn xã hội, gia đình mà người sử dụng mạng xã hội không biết tường tận thông tin thật hay giả này.

Năm 2017, nhóm chống Phật giáo phần lớn là người khác tôn giáo ở Hoa Kỳ đưa vào các diễn đàn một thông tin giả. Đó là hình ảnh Tăng Ni sinh tại Học viện Phật giáo Việt Nam tại Hà Nội trên sân khấu nhận chứng chỉ “Lớp bồi dưỡng kỹ năng

phòng tránh thai an toàn cho Tăng Ni”. Từ đó, sinh ra hàng vạn nhận xét tiêu cực của công dân mạng, tạo bất ổn xã hội, vì họ tưởng thật. Người ta chửi bới chống đối Tăng Ni trong nước chỉ vì một tin giả do những kẻ xấu xa tạo ra.

Tôi đã liên lạc với Ban giám hiệu Học viện Phật giáo Việt Nam tại Hà Nội để truy hình ảnh ngày diễn ra sự kiện mà người ta đánh tráo thông tin này. Tôi vào trang web chính, lấy hình gốc có góc chụp y hệt hình đã bị photoshop, chỉ khác nhau ở câu tiêu đề trên sân khấu. Tiêu đề gốc là: “Tuần lễ quân đội dành cho tăng ni Học viện Việt Nam Phật giáo tại Hà Nội”. Dĩ nhiên, về chất lượng thì hình gốc rõ nét hơn hình đã được biên tập lại. Tôi gửi hình gốc và hình bị biên tập vào các diễn đàn phổ biến các tin giả này thì người ta im lặng, không đính chính, xin lỗi. Mục đích của kẻ xấu là tạo thông tin giả để tấn công Phật giáo, làm quần chúng mất niềm tin ở Phật giáo. Thông tin giả tạo ra các hại xấu đối xã hội con người rất nghiêm trọng.

Chiến tranh truyền thông là vấn nạn lớn mà nếu chúng ta không đính chính kịp thời thì hậu quả không lường. Khi quần chúng đã mất niềm tin bởi thông tin giả, đôi lúc vài năm hay chục năm sau, nạn nhân mới tháo gỡ được ám ảnh bởi các thông tin giả này.

Mạng xã hội đôi khi làm mất niềm tin vào con người và cuộc sống, khiến con người hoang mang, ngờ vực, hoài nghi, bất an, sợ hãi, từ đó, con người trở nên sống thực dụng. Họ mất niềm tin vào chân lý, những giá trị tâm linh, giá trị đạo đức, họ không còn tin vào nhân quả nữa. Tác động của nhận thức sai lầm do truyền thông giả gây ra khiến người xấu trở nên nguy hiểm hơn về phương diện xã hội.

4.7. Xâm phạm quyền riêng tư cá nhân

Các nước tiên tiến phương Tây đi đầu về lãnh vực tôn trọng quyền riêng tư của con người tối đa. Con người không muốn bị

phiền toái nên dù nhà cạnh nhau, nếu không thông báo trước, sang nhà làng xóm gõ cửa, người ta không muốn tiếp mà cứ gõ cửa, nói vọng vào thì có thể gặp rắc rối về luật pháp. Ở Hoa Kỳ, chủ nhà chỉ cần gọi 911, cảnh sát sẽ xuất hiện và bắt người làm phiền.

Tính riêng tư trong hệ thống luật pháp Mỹ và các nước châu Âu rất cao. Ở Mỹ có khái niệm ô nhiễm tiếng ồn (*noise pollution*). Trước đây, chúng ta chỉ biết đến ba khái niệm: ô nhiễm đất, ô nhiễm nước, ô nhiễm không khí, bây giờ có thêm khái niệm ô nhiễm tiếng ồn. Khái niệm “ô nhiễm tiếng ồn” này rất phù hợp với kinh Trung Bộ, “Tiếng ồn là cây gai của thiền định”. Trong môi trường tiếng ồn, hành giả khó thực tập thiền. Tiếng ồn làm rối trí, tạo sự phân tâm. Ô nhiễm qua nghe nhìn dẫn đến ô nhiễm cảm xúc và ô nhiễm tâm con người, làm con người sống trong bất an và bất hạnh. Nhân đó mới thấy, lời Phật dạy vẫn luôn đi trước khoa học hiện đại.

Người phương Tây đi tới đâu cũng lặng lẽ, còn dân châu Á đặc biệt Trung Quốc, đi tới đâu tạo tiếng ồn tới đó. Việt Nam, Thái Lan cũng có thói quen cộng nghiệp tương tự, ở đâu là ồn chỗ đó, thích chia sẻ, to nhỏ tâm sự chuyện trong nhà ngoài phố mà phần lớn là chuyện phiếm.

Quyền riêng tư của con người bị thương tổn khi Facebook và mạng xã hội bằng thuật toán thông minh có thể biết giới tính của chúng ta, dù chúng ta tạo tài khoản giả. Ngoài ra, nghề nghiệp xã hội, tình trạng hôn nhân, nội dung chúng ta truy cập, thao tác trên mạng xã hội... cũng bị các công ty chuyên ăn cắp thông tin trên internet thu giữ. Họ bán các dữ liệu đó cho các công ty chuyên phân tích xã hội và chính trị nhằm phục vụ mục tiêu quảng cáo hoặc chính trị.

Năm 2018, tập đoàn Facebook phải điều trần trước quốc hội Mỹ, Anh và châu Âu về vấn đề bán thông tin cá nhân của người sử dụng facebook cho tập đoàn Phân tích chính trị,

làm đảo lộn thực trạng bầu cử tổng thống Mỹ, giúp ông Donald Trump chiến thắng trước bà Clinton, trở thành tổng thống thứ 45.

Còn hàng trăm vụ buôn bán của các mạng xã hội về dữ liệu người sử dụng, cung cấp cho các tập đoàn đơn thuần về kinh doanh. Tuy nhiên, việc này phục vụ quảng cáo nên luật pháp chưa quan ngại.

Điện thoại thông minh có thể giúp nhà phân tích biết rõ nơi chốn người sử dụng đang có mặt dù chúng ta cố tình bấm chọn địa điểm khác. Một số App lịch sự yêu cầu chúng ta cho phép thì họ mới truy cập, không cho phép thì không truy cập. Nhưng phần lớn nhà sản xuất có thể biết cụ thể ngày tháng năm chúng ta có mặt ở địa chỉ nào.

Tương tự, các dịch vụ từ App, chúng ta truy cập, sử dụng, tiêu thụ nghe nhìn cái gì thì hệ thống điện thoại thông minh đã chứa đựng phần mềm gián điệp. Chẳng hạn, giám đốc điều hành của công ty Huawei, Trung Quốc, vừa bị bắt tại Canada, vì công ty Huawei được Hoa Kỳ xem là tập đoàn tình báo về đời sống số của Trung Quốc khiến thế giới tẩy chay.

Nhà sản xuất có thể biết lịch sử mua sắm của khách hàng, thời điểm nào, thích loại hàng nào, dòng sản phẩm nào, cách thức chúng ta trả giá thế nào, cho đến chủ nghĩa tiêu thụ. Họ tư vấn cho nhà sản xuất giới thiệu dòng sản phẩm mới trên thị trường, thay đổi và đáp ứng kỳ vọng của người tiêu dùng. Bán dữ liệu khách hàng cho những nhà phân tích là cách kiếm tiền rất dễ dàng.

Thông tin khách hàng còn có tác hại, phá hoại hạnh phúc gia đình khi nhà mạng cung cấp thông tin người dùng đã truy cập vào trang web dơ, hoặc ngoại tình để người trong cuộc thất điên bát đảo mà không thể tập trung cho chức nghiệp ngành nghề của mình. Chiến tranh tâm lý và chiến tranh mạng tác động vào mọi phương diện của cuộc sống làm cho quyền riêng tư không còn được an toàn.

Người thích nói, chia sẻ, tâm sự về bản thân là sự bất ổn về đời sống cảm xúc và đời sống gia đình. Hiện nay, ở Anh có 6 triệu camera an ninh trên toàn quốc, theo dõi toàn bộ hoạt động của con người. Trung Quốc có số camera còn nhiều hơn nữa, hiện đang đi đầu về công nghệ nhận diện gương mặt con người với tốc độ cực nhanh. Một kẻ tội phạm vừa được chụp hình ở thành phố bất kì, nếu được tích hợp trong hệ thống camera an ninh này thì trong vòng 6 phút sau, người ta có thể biết kẻ tội phạm đang ở đâu.

Trung Quốc là quốc gia sao chép công nghệ tuyệt đỉnh trên thế giới. Gián điệp của họ khắp nơi. Bất cứ cái gì thuộc về công nghệ ở châu Âu và các quốc gia tiên tiến, Trung Quốc đều có thể bắt chước được, chất lượng tương đương mà giá bán rẻ hơn nhiều. Điều này khiến thu nhập kinh tế của các tập đoàn lớn bị ảnh hưởng và tác quyền trên thế giới bị đảo lộn.

KẾT LUẬN

Tóm lại, bài viết này phân tích một vài mặt trái cũng như tác hại của cuộc cách mạng kỹ thuật số. Với vai trò bậc thầy tâm linh, tôi mong quý thầy và sư cô cập nhật kiến thức về lĩnh vực này.

Tháng 10/2018, đức giáo hoàng của đạo Công giáo La Mã được truyền hình trực tiếp hướng dẫn các ma sơ, linh mục sử dụng Facebook và các mạng xã hội để khích lệ các vị tu sĩ, giáo sĩ Công giáo La mã trên toàn cầu nên cập nhật một phần đời sống số.

Dĩ nhiên, cái gì cũng có hai mặt. Khi chúng ta lạm dụng kỹ thuật số thì rủi ro phá hoại an ninh cảm xúc và an ninh tâm trí bằng các trang web, hình ảnh bản, sẽ làm chúng ta rất khó làm chủ sáu giác quan để trở thành chân nhân cho đến thánh nhân. Cân nhắc giữa mặt hại và lợi thì người sử dụng truyền thông kỹ thuật số cần phải làm chủ chính mình để dùng các phương diện tích cực từ cuộc cách mạng công nghiệp lần 4.

Mặt tác hại của truyền thông kỹ thuật số có thể gấp hàng triệu lần so với mặt tích cực nhưng chúng ta không thể đứng ngoài cuộc sống số. Vấn đề là phải nắm vững bản chất đời sống số để khi sử dụng mặt tích cực của truyền thông kỹ thuật số, chúng ta không bị ô nhiễm bởi các phương diện tiêu cực từ cuộc cách mạng công nghiệp lần 4.

CÔNG TÁC HOẰNG PHÁP THỜI CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0

HT. Thích Tấn Đạt*

TÓM TẮT:

Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 là một thành tựu lớn của nhân loại ngày nay. Nó ảnh hưởng trực tiếp đến mọi mặt đời sống con người, trong đó có hoạt động hoằng pháp của chúng ta. Cho nên, bài viết này chính là những suy nghĩ của chúng tôi về các hồi ứng của Phật giáo, của ngành hoằng pháp để thích nghi, tận dụng những thành tựu của nó trong việc hướng dẫn tu tập, hoằng truyền chánh pháp ở Việt Nam hiện nay. Đây là những vấn đề mà chúng ta cần thảo luận để tìm ra các giải pháp hợp lý, thiết thực hơn nữa.

1. LỜI DẪN

Hoằng pháp hay hoằng dương chánh pháp trở thành nhiệm vụ then chốt, quan trọng của Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong hiện tại và tương lai. Mục đích chính là làm lan tỏa giáo lý của Đức Thế Tôn, đem lại sự an lạc, giải thoát cho con người. Bên cạnh đó, đặc trưng của hoạt động hoằng pháp là luôn linh hoạt, nhất là gắn liền với tinh thần khế lý, khế cơ, khế xứ, khế thời. Mỗi thời đại, quốc độ, xứ sở khác nhau thì Tăng, Ni phải có cách thức hoằng pháp phù hợp, đem đạo vào đời một cách hợp lý, thành công. Ngày nay, thế giới loài người đang bị tác động mạnh mẽ bởi nền công nghiệp 4.0, trong đó có Việt Nam. Vì thế, Phật giáo nói chung lẫn công tác hoằng pháp nói riêng vẫn không thể đứng ngoài sự tác động của nền công nghiệp hiện đại, tối tân đang diễn ra.

* Tiến sĩ, (UVTK HĐTS, Phó Trưởng Ban TT Ban Hoằng pháp TW)

Như vậy, ngành hoàng pháp cần phải làm gì để thích nghi, khế hợp và hồi ứng với nền công nghiệp 4.0?

Bài viết này mới chỉ là một vài suy nghĩ ban đầu của chúng tôi để góp phần định hướng cho công tác hoàng pháp trong thời đại mới. Dĩ nhiên, đây là một vấn đề lớn, cần có các cuộc tọa đàm chuyên sâu hơn nữa mới hi vọng có thể nhận thức rõ và sâu sắc về nền công nghiệp này.

2. NỀN CÔNG NGHIỆP 4.0 LÀ GÌ?

Một câu hỏi đặt ra cho chúng ta là nền công nghiệp 4.0 là gì và nó có những đặc điểm nổi bật nào? Bằng hiểu biết của mình, tôi xin trình bày một số ý như sau:

- Thứ nhất, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 xuất phát từ các nước phát triển (Châu Âu và một phần Châu Á) với tên gọi *Industrie 4.0* trong một báo cáo của chính phủ Đức. “*Industrie 4.0*” kết nối các hệ thống nhúng và cơ sở sản xuất thông minh để tạo ra sự hội tụ kỹ thuật số giữa Công nghiệp, Kinh doanh, chức năng và quy trình bên trong. Tuy nhiên, để dễ hiểu hơn, tôi nhắc đến Klaus Schwab, người sáng lập và chủ tịch điều hành Diễn đàn Kinh tế Thế Giới mang đến cái nhìn đơn giản hơn về Cách mạng Công nghiệp 4.0 như sau:

“Cách mạng công nghiệp đầu tiên sử dụng năng lượng nước và hơi nước để cơ giới hóa sản xuất. Cuộc cách mạng lần 2 diễn ra nhờ ứng dụng điện năng để sản xuất hàng loạt. Cuộc cách mạng lần 3 sử dụng điện tử và công nghệ thông tin để tự động hóa sản xuất. Bây giờ, cuộc Cách mạng Công nghiệp Thứ tư đang nảy nở từ cuộc cách mạng lần ba, nó kết hợp các công nghệ lại với nhau, làm mờ ranh giới giữa vật lý, kỹ thuật số và sinh học” (Nguồn: <https://news.zing.vn/cach-mang-cong-nghiep-ep-40-la-gi-post750267.html>. Ngày truy cập: 12/9/2018).

- Thứ hai, tốc độ của cuộc cách mạng này là vô cùng nhanh chóng, mang tính đột phá, phá vỡ các ngành công nghiệp ở mọi quốc gia, làm chuyển đổi trực tiếp toàn bộ hệ thống sản xuất, quản lý và quản trị. Vì thế, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 tác động to lớn vào mọi phương diện kinh tế của con người, làm thay đổi phương thức kinh doanh, thay thế vị trí giữa người giàu và nghèo

trong xã hội hiện nay. Không chỉ vậy, nó tạo ra sự biến đổi lớn cho nền giáo dục đại học đương đại-một động lực tạo nên sự phát triển cho trí tuệ xã hội:

“Tạo cơ hội cho một số đại học bứt phá lên thành đại học hàng đầu. Số ít đó là các nước, các đại học dám đi đầu. Cách mạng 4.0 đột phá về việc học: Chung qui chỉ có một chữ là LÀM NGƯỢC. Cách mạng 4.0 mở ra một cơ hội về sự làm ngược nhưng mang lại kết quả bất ngờ, cơ hội của các đột phá, cơ hội cho những người đi sau, nhưng không phải những người đi sau mong muốn giống người đi trước, đi theo cách này thì mãi mãi là người đi sau” (Phát biểu của Quyền Bộ trưởng Bộ thông tin truyền thông Nguyễn Mạnh Hùng. Nguồn: <http://kiddi-code.org/phat-bieu-khac-biet-cua-tan-quyen-bo-truong-nguyen-manh-hung-ve-cmcn-4-0/>. Ngày truy cập: 12/9/2018)

- Thứ ba, hệ quả xã hội của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 là điều mà chúng ta cần phải suy nghĩ, bàn bạc nhiều hơn nữa. Tuy nhiên, ở đây tôi muốn nhấn mạnh rằng, nhiều hệ lụy, thách thức mà người ta đang nói đến là tình trạng thất nghiệp của người lao động chân tay, nhân viên văn phòng và một số ngành nghề khác do sự phá vỡ thị trường lao động, áp lực dịch chuyển nguồn lao động ở nhiều quốc gia trên thế giới. Sự tiếp xúc giữa người với người dần thay thế bằng thiết bị điện tử, nhất là robot thay thế con người trong nhiều lĩnh vực y khoa, sản xuất công nghiệp, ngân hàng, tài chính, lao động gia đình, ... Cho nên, con người sẽ trở nên xơ cứng và khô khan, xã hội dần mất đi tính nhân văn. Còn tại Việt Nam, cuộc cách mạng 4.0 lần này đặt ra thách thức xã hội, như nhận định của TS Nguyễn Bá Ân – Tổng thư ký quốc gia về Phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh:

“Tuy nhiên, CMCN 4.0 lần này cũng đang đặt ra nhiều thách thức mới đối với các nước đang phát triển như Việt Nam. Đó là thách thức tụt hậu xa hơn, lao động chi phí thấp mất dần lợi thế, khoảng cách công nghệ và tri thức nới rộng hơn dẫn đến phân hóa xã hội sẽ sâu sắc hơn... Chính phủ, các doanh nghiệp, các trung tâm nghiên cứu và cơ sở giáo dục tại Việt Nam cần phải nhận thức được và sẵn sàng thay đổi và có chiến lược phù hợp cho việc phát triển công - nông nghiệp, dịch vụ và kinh tế hay nguồn nhân lực trong thời kỳ Internet vạn vật và cuộc CMCN 4.0” (Nguồn: <https://baomoi.com/cach-mang-cong->

nghep-4-0-co-hoi-va-thach-thuc/c/23508186.epi. Ngày truy cập: 16/9/2018)

3. NGÀNH HOÀNG PHÁP HỒI ỨNG NHƯ THẾ NÀO VỚI CUỘC CM CÔNG NGHIỆP 4.0?

Đây là câu hỏi khiến chúng tôi suy nghĩ, trăn trở trong nhiều năm qua với mong muốn ngành hoàng pháp làm sao vừa tận dụng được thành tựu cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 này, để nắm bắt và tạo ra thế mạnh hoàng pháp của thời đại mới vừa giúp khắc phục những hệ lụy xã hội của nền công nghiệp sẽ xảy ra. Chúng tôi đưa ra một số suy nghĩ, định hướng hoạt động của ngành hoàng pháp trong thời gian tới để thích nghi với những thay đổi của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 mang lại:

- Một là, Tăng, Ni thuyết giảng Phật pháp cần tăng cường học hỏi, trau dồi kỹ năng liên quan đến tin học, cách sử dụng các thiết bị điện tử hiện đại. Hoàng pháp ngày nay không chỉ thuyết giảng trên pháp tòa và bên dưới có đại chúng tham dự mà còn thông qua các trang mạng xã hội Facebook, Zalo, youtube, ... để đưa bài pháp đến rộng rãi quần chúng, nhất là những người bận rộn, không có thời gian đến chùa để họ có điều kiện học hỏi giáo pháp của Đức Thế Tôn. Trong thời gian qua, tôi nhận thấy nhiều vị giảng sư đã vận dụng thành công điều này. Nhờ thành tựu của cuộc cách mạng 4.0 mà giáo pháp vi diệu của Đức Phật đến với đại đa số quần chúng nhân dân sâu rộng hơn trước kia rất nhiều, trong đó ảnh hưởng, lan tỏa đến những người dân ở vùng nông thôn xa xôi, vùng núi cao biên giới hiểm trở. Cho nên, chúng ta cần phát huy, nhân rộng các mô hình này hơn nữa.

- Hai là, hình ảnh Tăng Ni xuất hiện ngày một nhiều hơn trên các phương tiện truyền thông. Xã hội ngày càng hiểu rõ về vị trí, vai trò của người tu sĩ với sứ mạng tu tập giải thoát và nhập thế hành đạo. Cho nên, trong hoạt động tương tác với truyền thông, các vị Tăng, Ni cần phải thể hiện sự trang nghiêm, oai nghi tế hạnh của người xuất gia, tránh đưa những hình ảnh vô tình làm phản cảm hoặc bị những người chưa hiểu biết Phật pháp phát tán, gây ảnh hưởng đến Tăng đoàn nói riêng và Giáo hội nói chung. Điều này trong thực tế đã diễn ra.

- Ba là, truyền thông ngày nay là một thế giới đa chiều, đa thông

tin. Vì thế, Tăng, Ni hoàng pháp cần chọn lựa những thế mạnh của mình để thích hợp với đặc điểm những nhóm xã hội khác nhau (thanh niên, sinh viên, công nhân, nông dân, doanh nghiệp, doanh nhân, các tập đoàn, công chức văn phòng, ...). Mặt khác, việc thuyết pháp qua truyền thông hiện nay cần hết sức ngắn gọn, mạch lạc, logic và truyền cảm cho quần chúng vì nhiều người không có thời gian. Do vậy, Tăng Ni tham gia thuyết giảng cần biết cách sắp xếp tư duy hợp lý để bài pháp dễ đi sâu vào lòng người, truyền cảm hứng cho họ tu học gắn với thực tiễn cuộc sống.

- Bốn là, ngành hoàng pháp cần ngồi lại với nhau bằng các buổi tọa đàm để vạch ra những kế hoạch hỗ trợ về vật chất, tinh thần cho những nhóm xã hội, nghề nghiệp dễ rơi vào tình trạng thất nghiệp trong tương lai do hệ lụy cuộc cách mạng 4.0 đem lại. Hay nói cách khác, họ là những nhóm dễ bị tổn thương, rất cần chúng ta giúp đỡ bằng tấm lòng từ bi. Theo tôi, Phật giáo cần có biện pháp hỗ trợ họ bằng nhiều cách như: Chuyển đổi sinh kế, giáo dục kỹ năng, tư vấn, hỗ trợ về tâm lý, nhận thức, định hướng sao cho ổn định, thăng bằng cuộc sống trong cách sống mới. Qua đó, chúng ta sẽ hướng họ về với giáo pháp, về với Phật pháp một cách dễ dàng. Như thế, trong cuộc cách mạng 4.0 tại Việt Nam, Phật giáo sẽ giữ một vai trò, vị trí quan trọng đối với người dân, cũng như đã từng gắn bó, đồng hành cùng dân tộc qua hơn 2000 năm dựng nước và giữ nước.

- Năm là, cuộc cách mạng 4.0 này sẽ làm cho con người giao tiếp, tương tác với nhau nhiều hơn. Nhưng giao tiếp chủ yếu là qua các thiết bị điện tử, mạng truyền thông mà ít có cơ hội tiếp xúc trực tiếp lẫn nhau. Như vậy, tôi muốn nhấn mạnh rằng, điều này phải chăng sẽ làm giảm đi tính nhân văn trong xã hội? Liệu rằng văn hóa giao tiếp giữa người với người để học hỏi về đạo đức, nhân cách, lối sống lẫn nhau sẽ phai mờ trước những hiện tượng do truyền thông dẫn dắt. Tôi suy nghĩ rất nhiều về điều này. Hoàng pháp qua các phương tiện truyền thông là qui luật, là mục tiêu hàng đầu. Nhưng các vị giảng sư cũng cần tiếp xúc, trải nghiệm, chia sẻ trực tiếp với hàng Phật tử và cộng đồng xã hội để thông qua đó họ tiếp cận, lý giải Phật pháp không chỉ bằng ý giáo, khẩu giáo mà còn cả thân giáo. Tôi nghĩ đây là điều mà những người hoàng pháp cần phải lưu ý. Chẳng hạn, chúng ta nói về lễ Vu Lan qua các phương tiện truyền thông, nhiều người biết đến ý nghĩa, giá trị của nó. Thế nhưng, làm sao để

họ đến chùa, được trực tiếp cài hoa hồng lên áo, dự khóa lễ tâm linh, nghe lời giáo hóa của vị chủ trì, họ sẽ dâng trào bao cảm xúc của người con đối với đấng sinh thành của mình. Lễ hội Vu Lan đi vào lòng người, đọng lại trong tâm họ lâu dài là như thế.

- Sáu là, theo tôi, các vị giảng sư trong Ban Hoằng pháp TW nên cố gắng tạo cho mình, cho chùa một facebook hay zalo để đăng tải các hoạt động của chùa, các bài thuyết giảng nhanh chóng đến với Phật tử. Để kết nối với đạo tràng tu tập của chùa, cũng như nắm bắt kịp thời tâm tư và mong muốn của Phật tử, chúng ta cần tạo nhóm để hiểu và đồng thời hướng dẫn họ tu tập một cách lành mạnh, dễ dàng và nhanh chóng hơn.

- Bảy là, quyền Bộ trưởng Bộ thông tin truyền thông Nguyễn Mạnh Hùng nhấn mạnh rằng: Trong thời đại 4.0, Người học cần tích hợp kiến thức đa ngành. Cơ hội nằm ở liên kết các ngành, các tri thức khác nhau. Tôi vô cùng tâm đắc về nhận định này của ông. Vì vậy, theo tôi, chư Tăng Ni hoằng pháp thời nay cần học tập nhiều hơn nữa, hiểu biết nhiều hơn nữa, tích hợp và nắm vững tri thức đa ngành, từ Phật học cho đến các ngành khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên cũng như các kiến thức khác để có thể đáp ứng nhu cầu truyền bá Chánh pháp trong thời đại mới. Đặc biệt, trong sứ mạng Đào tạo Tăng ni đang theo học các Lớp Cao - Trung cấp giảng sư, Ban tổ chức sẽ cố gắng thay đổi nội dung đào tạo để đáp ứng xu thế này trong các khóa tiếp theo.

- Tám là, hiện tại Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Văn Phòng 2 Trung ương, đã có trang tin và kênh truyền hình Phật sự online TV, ra mắt Tổ công tác Số hóa các sự kiện của Giáo hội. Đây chính là một bước chuyển biến sinh động về công tác hoằng pháp của Giáo hội, đáp ứng được phần nào với sự phát triển như vũ bão của công nghệ 4.0. Tuy nhiên, theo chúng tôi chừng ấy cũng chưa đủ mà phải ứng dụng, áp dụng nhiều hơn nữa, mới có thể phát triển, đáp ứng được công tác Phật sự trong tương lai. Trong thời gian qua, Trung ương giáo hội, đặc biệt là cá nhân Hòa thượng Thích Thiện Nhơn - Chủ tịch Hội đồng Trị sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam luôn quan tâm chỉ đạo, ủng hộ, giúp đỡ kịp thời, nên trang tin và kênh truyền hình Phật sự Online phát triển liên tục, mang tính qui mô ba miền Nam, Trung, Bắc cũng như chuyển tải thông tin hoạt động Phật sự của Giáo hội, các tự viện đến Tăng Ni, Phật tử trong

và ngoài nước. Đây là thành tựu đáng khích lệ, niềm tự hào của Giáo hội Phật giáo Việt Nam ngay trong nhiệm kỳ VIII (2017-2022). Mặt khác, trong thời gian qua, nhờ vào trang tin và kênh truyền hình Phật sự online, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã kịp phản bác, đồng thời định hướng dư luận xã hội trước các thông tin tùy tiện, bịa đặt và mang tính chất bôi nhọ Phật giáo trên mạng gây ảnh hưởng đến niềm tin xã hội nói chung cùng Phật tử nói riêng. Đây chính là mục tiêu hàng đầu của truyền thông Phật giáo theo sự chỉ đạo của Hòa thượng Thích Thiện Nhơn là “Ẩn ác dương thiện” nhằm tịnh hóa công dân mạng. Theo suy nghĩ của cá nhân tôi, phải chăng cũng từ điều này mà Phật giáo trở thành một nhân tố quan trọng đóng góp vào việc xây dựng đạo đức con người hiện nay, phát triển xã hội theo hướng bền vững và văn minh? Đây chính là cơ hội quý báu để Phật giáo tiếp tục đóng góp cho xã hội, cho đất nước trong thời đại Cách mạng công nghiệp 4.0.

4. LỜI KẾT

Cuối cùng, tôi muốn đúc kết lại rằng, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 là một xu thế, một tiến bộ lớn của loài người mà không ai có thể đảo ngược. Chúng ta, hàng Tăng Ni với trọng trách cầm ngọn đuốc chánh pháp, với trí tuệ của người con Phật cùng tinh thần khế lý, khế cơ, khế xứ, khế thời rất cần học hỏi, nắm bắt và tận dụng thành tựu của cuộc cách mạng này để áp dụng vào lĩnh vực hoằng pháp độ sinh. Làm được như thế, chúng ta sẽ hoằng truyền giáo lý vi diệu của đức Phật một cách hữu hiệu trong thời đại văn minh với những thành tựu tiên tiến của khoa học kỹ thuật.

Tuy nhiên, với trải nghiệm của bản thân, tôi xin nhấn mạnh rằng dù nền văn minh loài người phát triển như thế nào, dù xã hội chúng ta chuyển biến ra sao, việc tu tập, trau dồi Tam vô lậu học, chí nguyện độ sanh và lộ trình giải thoát, giác ngộ vẫn là cứu cánh cho bản thân mỗi người, cho Tăng ni Phật tử cũng như toàn xã hội. Cho nên, cố gắng nắm bắt công nghệ 4.0 để ứng dụng trong sứ mạng hoằng pháp, nhưng chúng ta vẫn không quên phát huy những giá trị cốt lõi, tinh hoa của giáo pháp sinh động của Đức Thế Tôn. Nguồn năng lượng an lành nơi thân tâm, một trí tuệ tuyệt vời, một kiến giải vô ngã vị tha, dung nhiếp tất cả các pháp, giúp lòng người thanh thoát an vui, chuyển hóa não phiền, ra khỏi đau khổ, luân hồi sanh tử.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bhikkhu Bodhi (2016), *Lời Phật dạy về sự hòa hợp trong cộng đồng và xã hội*, Thành phố Hồ Chí Minh, Nxb. Hồng Đức.

Phan Xuân Dũng (2018), *Cách mạng công nghiệp lần thứ tư cuộc cách mạng của sự hội tụ và tiết kiệm*, Hà Nội, Nxb. Khoa học kỹ thuật.

Thích Nhất Hạnh (2008), *Đạo Phật hiện đại hóa*, Hà Nội, Nxb. Văn hóa thông tin.

Philip Kotler, Hermawan Kartajaya, Iwan Setiawan (2018), *Tiếp thị 4.0 dịch chuyển từ truyền thống sang công nghiệp số*, Thành phố Hồ Chí Minh, Nxb. Trẻ.

Thích Nhật Từ (soạn dịch) (2017), *Kinh Phật về đạo đức xã hội*, Thành phố Hồ Chí Minh, Nxb. Hồng Đức.

HOẢNG PHÁP VỚI PHƯƠNG TIỆN TRUYỀN THÔNG XÃ HỘI

Thích An Tấn*

1. DẪN ĐỀ:

Xét về tính chất và hiệu dụng truyền thông xã hội đó là sự lan toả một cách nhanh chóng về hình ảnh và âm thanh, hay nói một cách khác là làm cho thế giới trở thành “ thế giới phẳng” thì đức Phật là bậc thầy trong vấn đề này. Vì sao như vậy, vì chúng ta nhớ lại một đoạn kinh trong bài kinh Du Hành ““Này các Tỳ kheo, hãy du hành, vì hạnh phúc cho quần chúng, vì an lạc cho quần chúng, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người (Tương Ứng Bộ Kinh I, 128)”. Qua đoạn kinh đó, chúng ta thấy, **Đức Phật cách chúng ta trên 25 thế kỷ nhưng đã thấu triệt tác dụng sức mạnh sự tác động của hình ảnh và âm thanh.** Chư Tăng du hành có nghĩa là làm hình ảnh Tăng đoàn Phật giáo được lan toả trong quần chúng. Khi thuyết pháp đó là sức mạnh của âm thanh được phổ biến. Và đó cũng là một ý nghĩa rất quan trọng của hạnh khát thực. Giống như quảng cáo hay PR làm cho khách hàng quen thuộc với hình ảnh thương hiệu sản phẩm, làm cho họ không quên khi sản phẩm đó được lập đi lập lại. Đầu tiên ta tìm hiểu khái niệm.

2. KHÁI NIỆM “ TRUYỀN THÔNG XÃ HỘI” VÀ SỨC MẠNH TRUYỀN THÔNG

2.1 Khái niệm Truyền Thông Xã hội:

Theo từ điển wikipedia, “truyền thông xã hội (tiếng Anh: Social

* Đại đức (Phó thường trực BTTT.PGLA)

Media) là một thuật ngữ để chỉ một cách thức truyền thông kiểu mới, trên nền tảng là các dịch vụ trực tuyến, do đó các tin tức có thể chia sẻ, và lưu truyền nhanh chóng và có tính cách đối thoại vì có thể cho ý kiến hoặc thảo luận với nhau. Những thể hiện của Social Media có thể là dưới hình thức của các mạng giao lưu chia sẻ thông tin cá nhân (MySpace, Facebook, Yahoo 360) hay các mạng chia sẻ những tài nguyên cụ thể (tài liệu – Scribd, ảnh – Flickr, video – YouTube), Ví dụ: MySpace và YouTube trong cuộc tranh cử tổng thống Mỹ 2008”. Qua khái niệm ta có thể cách đơn giản: truyền thông xã hội là cách truyền đạt thông tin nhanh chóng qua các dịch vụ mạng xã hội và có tính tương tác, thời sự cao. Vì người đọc tin có thể phản hồi ý kiến trực tiếp và thông tin ngay khi sự kiện đang diễn ra.

2.2 Nhận thức rõ sức mạnh của Truyền thông:

Một ví dụ hiện thực, chúng ta đặt câu hỏi, tại sao quý Tôn đức trưởng thượng có nhiều bài giảng hay, lỗi lạc về Phật học nhưng ít người biết đến, quý tu sĩ trẻ lại nhiều người biết, có nhiều nguyên nhân nhưng chắc ở đây là vấn đề truyền thông của các Tăng sĩ trẻ tốt hơn quý Tôn đức. Chính vì truyền thông có sức mạnh như vậy, nên các nhà nghiên cứu truyền thông đã nhận định, truyền thông là quyền lực thứ tư của nhân loại, đứng sau Lập pháp, Hành pháp và Tư pháp. Truyền thông thêu dệt ra mạng lưới dư luận xã hội, định hướng suy nghĩ và nhận thức. Đó là lý do tại sao Donald Trump dành được phiếu bầu cử, vì rằng ông có chiến lược truyền thông qua mạng xã hội rất tốt, là một trong những nguyên nhân lớn giúp ông chiến thắng trước các đối thủ khác. Nhận thức tầm quan trọng và sức mạnh Báo chí Truyền thông như vậy, để ý thức rằng nó là phương pháp hiệu quả để Phật pháp được phổ biến hay nói cách khác hoằng pháp có hiệu quả. Vì rằng, chúng ta không phải lấy thước đo thời gian, hay miệt mài lao động mà rằng, hiệu quả nằm ở phương pháp làm việc chứ không phải các yếu tố nêu trên. Chúng ta không tìm ra phương pháp làm việc thì giống như cố công lấy cát nấu thành cơm.

3. NGƯỜI NGƯỜI LÀM BÁO – NGƯỜI NGƯỜI HOÀNG PHÁP

Nếu trước đây, công nghệ chưa phát triển, mạng xã hội chưa phát triển thì chỉ có những người được đào tạo về Truyền thông mới có năng lực làm Truyền thông. Nhưng hiện nay, ngoài xã hội cũng như

trong tự viện, trên thực tế đa phần đều đang làm truyền thông nhưng mang tính thụ động, chính vì thụ động nên phát sinh ra nhiều vấn đề tiêu cực. Gọi là thụ động vì họ đang tham gia Truyền thông hằng ngày nhưng họ không ý thức được là mình đang làm Truyền thông mà chỉ đơn giản là sự tham gia, không nhận thức được nội hàm của Truyền thông. Gọi là người người làm truyền thông vì đa phần mọi người đều sử dụng Smartphone và đa phần có tham gia các mạng xã hội như Facebook, zalo, wechat, intagram v.v...

Như vậy, có chấp nhận hay không chấp nhận thì thực tế là đại đa số đang tham gia Truyền thông. Nó như một dòng nước chảy từ trên cao xuống, chúng ta không thể cấm dòng thác đó, việc cần làm là chúng ta định hình cho dòng nước đó chảy về đâu. Vì vậy, Tăng Ni trẻ hiện nay cũng giống như ngoài xã hội, họ đã tham gia Truyền thông một cách thụ động, chưa ý thức hết được hai mặt của Truyền thông. Nếu các cấp lãnh đạo Giáo dục Phật giáo, các học đường Phật học, các tự viện không giảng dạy, không hướng dẫn về kiến thức Truyền thông cho quý Tăng Ni “trẻ” thì Phật giáo nhận được mặt hại của Truyền thông nhiều hơn mặt lợi. Và chúng ta đã biết, truyền thông có sức mạnh, tương tác rất cao trong thiết chế xã hội hiện tại; nó định hướng dư luận, điều tiết xã hội, giáo dục xã hội v.v... không đơn giản. Chính vì vậy, nếu quý Tăng Ni được giáo dục bài bản về Truyền thông thì đây là lực lượng hoàng pháp hùng hậu, và công cụ hoàng pháp hiệu quả nhất trong bối cảnh hiện nay

4. LỢI ÍCH CỦA TRUYỀN THÔNG XÃ HỘI QUA GÓC NHÌN HOÀNG PHÁP:

“Hoàng pháp vi gia vụ; Lợi sanh vi bản hoài”, câu thành ngữ này, người đệ tử Phật ai cũng biết đến. Vậy từ ý nghĩa của nó, mặt nhiên một điều, hoàng pháp là bốn phận thiêng liêng của người đệ tử Phật. Và đã gọi là thiêng liêng, có nghĩa là không có một lý sự gì về hoàng pháp hay không hoàng pháp, cố nhiên đệ tử Phật phải truyền bá Chánh pháp, đó là bản nguyện của người tu. Và câu thành ngữ đó, còn nói lên một ý nghĩa rất quan trọng, đó là làm sao Phật pháp được phổ cập. Vậy, vấn đề đặt ra ở đây là, phương pháp nào để Phật pháp được lan toả và khi có phương pháp rồi thì định hướng hoạt động của nó ra sao. Như Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã nêu ra những trọng tâm hoạt động “**Đẩy mạnh truyền thông Phật giáo như một kênh hoàng pháp**” và tặng từ của Hoà thượng

Chủ tịch “ **Tâm trong, trí sáng, ngòi bút thép**” cho lớp tập huấn Truyền thông – Công tác hành chánh văn phòng, được tổ chức tại huyện đảo Phú Quốc (từ ngày 19 – 22/4/2018, đã nói lên sự nhìn nhận và quan điểm của Phật giáo về Truyền thông. Vậy chúng ta nhìn về Truyền thông và các mạng xã hội có giúp gì được hay có những ưu thế gì cho việc hoằng pháp là phải xem xét thật nghiêm túc và thấu đáo.

4.1 Phổ cập hình ảnh đạo Phật:

Như chúng tôi đã nói ở phần dẫn đề, hình ảnh và âm thanh có sức tương tác cao nhất trong giao tiếp mà Đức Phật chúng ta đã sử dụng qua hình ảnh khắc sĩ và du hành hoằng pháp. Giờ đây, để làm hình ảnh Tăng đoàn, **hình ảnh Phật giáo được lang toả rộng rãi và quen thuộc đối với quần chúng**, chúng ta không vất vả đi trực tiếp trên mọi nẻo đường nữa mà sử dụng các trang mạng xã hội đó là một ưu thế rất quan trọng.

4.2 Thời sự và tương tác:

Với công nghệ hiện nay, chúng ta truyền đạt tin tức ngay khi sự việc **đang diễn ra**, vì vậy nó mang tính thời sự. Nếu trước đây, một vị giảng sư, một sự kiện Phật giáo diễn ra thì chỉ có những người tham dự trực tiếp mới tiếp nhận được nội dung nhưng bây giờ, ngoài những người tham dự trực tiếp, những người do điều kiện cuộc sống, bận việc vẫn có thể ở nhà hay bất cứ đâu vẫn biết được những diễn biến đang diễn ra. Và hiện nay, quý tôn đức như thầy Nhật Từ, thầy Minh Nhân là một trong những tấm gương sử dụng ưu thế này của mạng xã hội để hoằng pháp. Từ tính thời sự như vậy, kéo theo hệ quả là tính tương tác. Khi người nhận được tin, họ có ý kiến, có phản hồi trực tiếp từ tin chúng ta truyền đạt. Và khi có tín tương tác như vậy thì tạo lập nên tính dân chủ, và kiểm soát được hiệu ứng tin của chúng ta đăng. Ví dụ chung ta biết được bao nhiêu người đã xem tin chúng ta đăng, họ có quan điểm nhìn nhận về tin này như thế nào và ta có thể học hỏi nhiều kiến thức từ sự phản hồi của họ. v.v.... Một ví dụ trực tiếp khác, như thầy Minh Nhân kể , thầy muốn xây ngôi nhà cho một người nghèo nhưng kinh phí chưa đủ, sau khi thầy làm clip trực tiếp để đăng tin thì ngay lúc đang diễn ra đã được mọi người hưởng ứng từ tính tương tác và lập tức có đủ số tiền để xây ngôi nhà tình thương đó và còn dư ra sáu căn nữa.

4.3 Tính kinh tế và lan toả:

Trước đây để một bài pháp phổ biến rộng rãi, chúng ta phải tốn rất nhiều chi phí như: tiền thuê quay phim, tiền dựng phim, tiền mua máy chếp đĩa và tiền vận chuyển đến các nơi mà ta muốn bài giảng đó đến với quần chúng và số lượng cũng hạn chế. Hôm nay, chúng ta không còn mất những khoản chi phí nặng nề đó nữa mà tất cả các tin chúng ta đưa hoàn toàn free (miễn phí). Và từ mạng xã hội cho nên không gian không còn giới hạn một đất nước nào mà xuyên quốc gia nên gọi là thế giới phẳng, chúng ta cũng tránh được giấy phép xét duyệt này nọ v.v....

4.4 Lưu trữ dữ liệu:

Đi bất cứ nơi đâu, thời gian nào, chỉ cần người hoàng pháp có điện thoại thông minh và có mạng, chúng ta sẽ làm được tất cả việc. Vì ưu thế mạng xã hội, hay kho dữ liệu đám mây, sẽ giúp chúng ta có nguồn dữ liệu do chính ta tạo hoặc tìm kiếm. Vì vậy, một lời thỉnh cầu bất ngờ, ta có thể lên kho dữ liệu đám mây, trang cá nhân của chúng ta để lấy tài liệu giảng dạy cho lời thỉnh cầu bất ngờ đó mà không bị lúng túng.

4.5 Tính chia sẻ thông tin:

Chia sẻ là một lối sống hiện đại và rất phù hợp với lời Phật dạy “kiến hoà đồng giải”. Khi chúng ta sử dụng truyền thông xã hội, chúng ta có thể chia sẻ mọi thứ với nhau. Ví dụ hôm nay chúng ta không tham dự lớp học, không tham dự buổi hội thảo, nhưng huynh đệ chúng ta có tham dự, chúng ta muốn đăng thông tin chúng ta chỉ việc chia sẻ thông tin từ người bạn có tham dự trừ thông tin của họ đăng. Hoặc chúng ta có thể chia sẻ các thông tin, tài liệu khác qua chức năng mà mạng xã hội đã có. Điều này rất hữu ích. Ví dụ có một thông tin không hay về Phật giáo, chúng ta có vị nào đó viết bài tốt phản hồi lại thông tin đó. Và chúng ta cùng nhau lấy bài viết phản hồi tốt đó share (chia sẻ) đồng loạt thì chúng có sức mạnh liên kết thông tin, định hướng lại thông tin xấu.

5. NHỮNG MẶT TRÁI CỦA TRUYỀN THÔNG XÃ HỘI:

5.1 Nhiều thông tin:

Nghĩa là có một sự kiện, nhiều người đưa tin về sự kiện đó nhưng

đã đưa bằng chủ quan và mục đích riêng, làm người tiếp nhận thông tin đó không biết đâu là thông tin có thể tin cậy. Và thông tin có thể đi sai sự thật, tạo mâu thuẫn tổ chức, tôn giáo, chính trị v.v...

5.2 Khó kiểm soát:

Do vì ai cũng làm báo nên khó có thể kiểm soát, ngay cả Nhà nước hiện nay, có nhiều thông tin phản động nhưng kiểm soát rất khó vì mạng xã hội mang tính quốc tế, các máy chủ đặt ở nước ngoài nên chúng ta khó can thiệp v.v... Phật giáo chúng ta, ngay cả tu sĩ thiếu sự tu học đã đăng lên những lối sống, quan điểm, tư tưởng trái lời Phật dạy, tạo nên nỗi đau chung của Phật giáo.

5.3 Mất thời gian xử lý thông tin:

Do vì ai cũng làm báo nên lượng thông tin phong phú và đa dạng. Chính vì vậy chúng ta phải mất rất nhiều thời gian để chọn lọc tin và định hướng.....

6. XÂY DỰNG KHUNG SỬ DỤNG TRUYỀN THÔNG XÃ HỘI:

Chính vì các mặt trái của truyền thông xã hội. Nhằm giúp bảo hộ Tăng đoàn, đứng từ góc độ Hoàng pháp và người có kiến thức chuyên môn, chúng tôi trần trở và mong muốn quý cấp lãnh đạo Phật giáo sớm xây dựng được nội quy hay khung lý thuyết sử dụng mạng xã hội. Đặc biệt là ban Tăng sự của huyện, tỉnh, TW cần quan tâm và có định hướng để trang nghiêm Phật giáo.

Theo chúng tôi, có những gợi ý:

Quy định Nội dung đăng tin đối với quý tu sĩ

Thời gian hoạt động. Ví dụ tránh các giờ chỉ tịnh của thiền môn vì khi đăng lên mạng xã hội sẽ báo thời gian người ta sẽ hỏi sao giờ này quý thầy còn như thế này thế kia.

Quy định về đối tượng kết bạn. Có những tu sĩ vào mục kết bạn của họ là những đối tượng có đời sống trái ngược Phật dạy v.v....

Đó là những gợi ý rất mong có nhiều đóng góp ý kiến để sớm kiến nghị TW. Vì mạng truyền thông xã hội là một thực tế đang diễn ra chúng ta không thể lẩn trốn mà cần định hướng sử dụng để không ngoài mục đích hoàng pháp và bảo hộ Phật giáo qua các loại phương tiện này.

THỦ BÀN VỀ VAI TRÒ CỦA PHẬT GIÁO TRONG THỜI ĐẠI CÔNG NGHIỆP 4.0

Nguyễn Đình Chú*

TÓM TẮT

Thế giới đã bước vào thời đại công nghiệp 4.0. Việt Nam ta dù công nghệ còn thấp kém mấy thì cũng không thể đứng ngoài thời đại công nghệ 4.0 này. Chẳng phải thế mà gần đây từ các nhà lãnh đạo đất nước đến giới khoa học kỹ thuật đều đã hào hứng nói đến công nghiệp 4.0. Với tôi, vấn đề đặt ra là : sớm muộn thì công nghiệp 4.0 cũng sẽ làm thay đổi cuộc sống Việt Nam một cách giàu có hơn, văn minh hơn, hiện đại hơn. Nhưng liệu ở đây điều mà cách đây hơn một trăm năm thi sĩ của núi Tản sông Đà (Tản Đà) trong *Giấc mộng con* tập I, sau khi lên chơi Cõi đời mới nhìn về Cõi đời cũ mình từng sống đã nói: “ *Sự văn minh tiến hóa bao nhiêu thì sự dâm cũng tiến hóa bấy nhiêu. Sự công nghệ tiến hóa bao nhiêu thì sự giết người cũng tiến hóa bấy nhiêu. Sự nông tang tiến hóa bao nhiêu thì sự dâm dục cũng tiến hóa bấy nhiêu*”.

Và tôi còn gặp đâu đó lời cảnh báo của một số nhà nhân văn phương Tây: *Nhân loại hãy coi chừng mặt trái của công nghệ hiện đại là làm méo mó nhân tính*. Ở đây thì chưa biết nhưng ở Việt Nam ta hiện này, từ các nhà lãnh đạo đến các chuyên gia về công nghiệp trong khi hào hứng cổ động đất nước đi vào công nghiệp 4.0 hình như chưa mấy ai quan tâm gì tới điều mà thi sĩ Tản Đà và các nhà khoa học nhân văn kia từng nói đó. Kể cả Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn quốc gia đáng ra phải có ý ra ý kiến một cách chủ động trước vấn đề trọng đại này của đất nước thì cho đến nay hình

*. Giáo sư, Nhà giáo Ưu tú, học giả lớn của Việt Nam.

như cũng chưa thấy nói gì. Chả nhẽ luận điểm của thi sĩ Tản Đà là vu vơ? Lời cảnh báo của các nhà nhân văn kia là thừa? Bản tham luận này của tôi là thử bàn về vai trò của Phật giáo trong thời đại công nghệ 4.0 của đất nước. Chính là từ vấn đề trọng đại chung đó mà bàn ở phạm vi một vấn đề bộ phận.

1. CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0 LÀ THỂ NÀO?

Xin thú thật tôi không hiểu gì về 4.0. Nhưng, để có cơ sở cho bài viết của mình, tôi đã tìm đọc một số bài giới thiệu 4.0 như: “*Cách mạng 4.0 là gì? Nó sẽ ảnh hưởng như thế nào đến Việt Nam*” (Kiên Nguyễn Blog cập nhật lần cuối 08/10/2018 Dân công nghệ 11 Comments), “*Cách mạng 4.0 đem lại cho chúng ta điều gì?*” (Nguyễn Thái Quỳnh Trang /07-9-2018- 10.20 AM), bài “*Góc nhìn khác biệt về 4.0 của Quyền Bộ trưởng Bộ TTTT Nguyễn Mạnh Hùng*” (13-09-2018- 14-50 PM - Kinh tế vĩ mô- Đầu tư). Trong đó, bài của Kiên Nguyễn Blog đã cho tôi những kiến thức cơ bản về Cách mạng 4.0 như sau: “*Khái niệm Cách mạng công nghiệp hay còn gọi là cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trên thế giới đang diễn ra tại các nước phát triển. Không thể phủ nhận một điều đó là cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 mang đến cho nhân loại rất nhiều cơ hội để thay đổi nền kinh tế nhưng bên cạnh đó cũng tiềm ẩn rất nhiều rủi ro khôn lường. Chưa bao giờ trong lịch sử con người lại đứng trước cùng một lúc nhiều cơ hội và rủi ro đến vậy. Vậy Cách mạng 4.0 sẽ tác động như thế nào đến nền kinh tế, công ăn việc làm của từng người dân Việt Nam?*”.

“*Điểm lại một chút về các cuộc cách mạng công nghiệp 0.0 đến 4.0: Trước đã có cách mạng công nghiệp 0.0: Vượt => Người (nhờ phát minh ra Lửa. Cách mạng công nghiệp 1.0 (1787): Người=> phát minh ra động cơ hơi nước, động cơ đốt trong(tăng năng suất lao động cho tất cả các lãnh vực) => xã hội phồn vinh hơn. Cách mạng công nghiệp 2.0(1870): Phát minh ra điện, động cơ điện=> Dây chuyền sản xuất hàng loạt=> Cuộc sống văn minh. Cách mạng công nghiệp 3.0: Bán dẫn=>Điện tử=>Internet, máy tính và tự động hóa => và chúng ta đang sống trong thời đại 3.0.”*

“*Cách mạng công nghiệp 4.0: Phát triển trên ba trụ cột chính. Đó là kỹ thuật số. Công nghệ sinh học và Vật lý=> Xóa nhòa các ranh giới => Kết nối vạn vật lại với nhau.”*

“*Các yếu tố cốt lõi của kỹ thuật số trong CMCN 3.0. sẽ là Trí tuệ*

nhân tạo (AL) Vạn vật kết nối- Internet of Things (IoT) và Dữ liệu lớn(Big Data).Trí tuệ nhân tạo (...): Được hiểu như một ngành khoa học máy tính liên quan đến việc tự động hóa các hành vi thông minh. AL là trí tuệ do con người lập trình tạo nên với mục tiêu giúp máy tính có thể tự động hóa các hành vi thông minh như con người. Trí tuệ nhân tạo khác với việc lập trình logic trong các ngôn ngữ lập trình là ở việc ứng dụng các hệ thống học máy (machine learning) để mô phỏng trí tuệ của con người trong các xử lý mà con người làm tốt hơn máy tính. Cụ thể, trí tuệ nhân tạo giúp máy tính có được những trí tuệ của con người như biết suy nghĩ và lập luận để giải quyết vấn đề, biết giao tiếp do hiểu ngôn ngữ, tiếng nói, biết học và tự thích nghi...”

Bài của ông Nguyễn Mạnh Hùng cũng cho tôi một số ý về tác dụng của Cách mạng công nghiệp 4.0. như sau:

“Thứ nhất là chính quyền sẽ nhỏ hơn và thông minh hơn” (do các doanh nghiệp và xã hội làm được nhiều việc hơn kể cả việc của chính quyền). “Nó sẽ thay đổi cách chúng ta sống, cách chúng ta quản lý quản trị. Chúng ta không chỉ hưởng thụ mà còn thay đổi tư duy của mình. Chính vì vậy, điều này cũng trở thành thách thức”. “Mỗi cuộc cách mạng công nghiệp nào đều đem lại nhiều cơ hội hơn rủi ro. Lịch sử đã cho thấy sau mỗi lần thay đổi, cuộc sống của con người đều tốt hơn kể cả khi mất đi một số công việc.”

2. ĐỂ CÓ CUỘC SỐNG TỐI ƯU DÙ LÀ TƯƠNG ĐỐI TRONG THỜI ĐẠI PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP 4.0: BÀI TOÁN KHÓ CỦA ĐẤT NƯỚC

Từ những hiểu biết sơ đẳng trên đây, tôi mong được sáng tỏ hơn những vấn đề sau đây:

Cách mạng công nghiệp 1.0, 2.0, 3.0. đặc biệt là 4.0... càng về sau càng làm cho cuộc sống của loài người giàu sang hơn, văn minh hơn. Điều đó không ai có thể chối cãi. Nhưng tại sao nhà thơ núi Tản sông Đà (Tản Đà) lại nói: “ Sự văn minh càng tiến hóa bao nhiêu thì sự dã man cũng tiến hóa bấy nhiêu.. Sự công nghệ tiến hóa bao nhiêu thì sự giết người cũng tiến hóa bấy nhiêu. Sự nông tang tiến hóa bao nhiêu sự dâm dặt tiến hóa bấy nhiêu”. Nhiều nhà nhân văn cũng cảnh báo nhân loại hãy coi chừng mặt trái của phát triển công nghiệp. Cả Kiên Nguyễn Blog và ông Nguyễn Mạnh Hùng khi nói về lợi ích của công nghiệp 4.0 cũng đều nói đến sự rủi ro mặc dù

với Kiên Nguyễn blog thì cơ hội lớn bao nhiêu rủi ro cũng lớn bấy nhiêu. Còn với ông Nguyễn Mạnh Hùng thì rủi ro chỉ là chuyện “mất đi một số việc làm”. Vậy thực tế sẽ là thế nào đây? Rõ ràng ý kiến của hai ông về sự rủi ro tuy có khác nhau về mức độ mà đều đúng nhưng chưa đủ có lẽ vì hai ông chỉ mới nhìn nhận vấn đề đơn thuần từ góc nhìn của khoa học công nghiệp có liên quan đến kinh tế học mà chưa nhìn nhận vấn đề ở trạng thái bao quát nhất đối với cuộc sống toàn diện của đất nước mà phải nhìn từ góc nhìn của khoa học công nghiệp và kinh tế học đã đành nhưng quan trọng hơn còn là từ góc nhìn của khoa học xã hội và nhân văn. Cuộc sống của nhân loại vốn là thiên hình vạn trạng và biến đổi không ngừng nhưng qui lại là gồm hai phương diện: Đời sống vật chất và đời sống tinh thần vừa có tính biệt lập vừa liên quan với nhau. Các cuộc Cách mạng công nghiệp đã đưa nhân loại lên cõi văn minh bằng trí tuệ phi thường nhưng vẫn chưa phải là toàn bộ đời sống tinh thần của nhân loại với toàn bộ giá trị người của nó. Trong khi sự rủi ro từ Cách mạng công nghiệp đưa đến là nguy cơ làm hao hụt méo mó thậm chí làm tiêu hao phần nào nhân tính nhân tính là điều đã có. Bom nguyên tử là sản phẩm của trí tuệ siêu đẳng mà cũng giết người siêu đẳng, không phải là sự thật ư...Cho nên điều mà thí sĩ Tần Đà nói là hoàn toàn không sai. Thực tiễn cuộc sống của nhân loại trong đó có Việt Nam ta đã và đang là thế chứ gì. Có đúng là chưa bao giờ đất nước ta giàu có như hôm nay dù độ gia tốc so với các nước trong khu vực có chậm hơn, chưa bao giờ đất nước ta văn minh như hôm nay dù còn bao nhiêu điều còn phải đuổi theo thế giới, nhưng về đạo lý, về nhân phẩm,, nhân cách, nhân tình, lối sống, lại đang có chiều đi xuống một cách rõ rệt ngay cả ở khu vực ít nhiều đã từng là gương sáng cho nhân quần..Tất nhiên, cái chân cái thiện cái mỹ vẫn là chủ lực của cuộc sống đất nước và vẫn có những yếu tố phát triển mới so với quá khứ. Nhưng cái ác cái giả dối cái đê hèn thì cũng đang mỗi ngày một tăng trưởng. Cách mạng công nghiệp 4.0 là sự cống hiến của một thiểu số có đầu óc vĩ đại trong khi tuyệt đại bộ phận nhân loại thì chỉ ngồi không mà hưởng thụ. Vậy không tự thân vận động mà được hưởng thụ thì đầu óc kể cả chân tay cơ bắp sẽ là thế nào? Nguyên lý, lao động bao gồm cả trí óc và chân tay là nguồn gốc của mọi sự sáng tạo làm nên cuộc sống và nhân phẩm nhân cách nhân tính của nhân loại không còn là qui luật không còn là chân lý nữa sao? Đó là những điều không thể không đặt ra để

cùng suy nghĩ đặc biệt là với lãnh đạo đất nước và các chuyên gia công nghiệp đang hào hứng dẫn đưa đất nước vào thời đại cách mạng công nghiệp 4.0. Ông Nguyễn Mạnh Hùng có nói là: "*Với Cách mạng 4.0 thì người ngu cũng trở thành người thông minh*", "*người dốt nhất cũng thành người giỏi nhất*". Nói thế là có căn cứ nhất định. Chẳng nói đâu xa, cháu tôi mới bốn năm tuổi đã dùng điện thoại thông minh thạo ra phết trong khi tôi là một giáo sư đại học gốc đồ Nghệ thì chỉ biết gọi và nghe điện thoại di động mà thôi. Người ta gọi đến chưa kịp nghe. Muốn gọi lại thì chẳng biết bấm vào đâu để gọi lại, phải nhờ một em bé nào đó giúp. Sự thật quả có như thế nhưng dù vậy tôi vẫn nghĩ cách nói của ông Hùng vẫn là cách nói thiên về động viên nhau cho vui thôi. Bởi vấn đề không đơn giản đến mức người ngu thành người thông minh, người dốt nhất thành người giỏi nhất như ông nói đâu. Thông minh đích thực là phải tự thân sáng tạo, chứ ăn theo ăn nhờ vào thông minh của người khác thì đâu đã đáng gọi là thông minh. Robert sẽ có thể làm ra mọi thứ cao siêu mà con người đã làm được. Điều đó, tôi tin một nửa mà không tin một nửa. Bởi nghĩ rằng Robert có thể tạo ra các loại sản phẩm từ trí tuệ *logic* và *cộng đồng* mà không thể từ trí tuệ *lịch sử* và *cá thể*. Đặc biệt là trong lãnh vực nghệ thuật, Robert có thể làm ra một bài thơ mùi mặn nhưng lấy đâu ra hồn thơ vốn là sản phẩm của áp ủ, đau đáu, khám phá, trầm tư cùng tháng năm để rồi bột phát trong thi hứng mang dấu ấn cá tính riêng lẻ độc đáo của thi nhân..

Thế giới ngày nay là thế giới phẳng. Sớm muộn gì đất nước ta cũng nằm chung thế giới phẳng đó. Đó là con đường đi lên của đất nước. Nhưng cuộc sống của đất nước đâu chỉ toàn là phẳng. Vẫn có bao nhiêu phần riêng lớn lao khác mà tự đất nước phải lo liệu chẳng nhờ ai làm thay được. Nếu gì cũng phẳng cả thì còn đâu là dân tộc tính. Ngay về đời sống vật chất có phải gì cũng phẳng đâu. Trong ẩm thực, sẽ có thêm các món ăn ngoại nhập nhưng sao bỏ được các món ăn truyền thống thuộc khẩu vị của dân tộc. Về đời sống văn hóa và tinh thần lại càng khác nhiều hơn phẳng. Chưa nói là trong phẳng có nhiều chất bổ nhưng đâu vắng chất độc.. Cái gì cũng phẳng cả để rồi quốc hồn quốc hoa quốc túy mà Tổ tiên đã bao đời xây nên không còn gì nữa thì ý nghĩa sống, chất lượng sống Việt Nam còn gì để nói. Chả lẽ "đường lối xây dựng một nền văn hóa hiện đại tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc", "hòa nhập mà

không hòa tan” trọng đại và thiết yếu như thế mà chỉ còn là khẩu hiệu suông nói cho vui thôi ư!

Đúng là sớm muộn gì thì đất nước cũng gia nhập thời đại công nghiệp 4.0 và sẽ giàu có hơn sung sướng hơn văn minh hơn nhưng để có một cuộc sống tối ưu, tránh được phần nào cái điều khắc nghiệt mà thi sĩ Tản Đà đã báo trước, thì cần đến vai trò chủ thể tối đa của đất nước. Trong đó phải có sự đồng hành sự phối hợp tương hỗ tương tác của khoa học công nghiệp cùng khoa học xã hội và nhân văn. Cần thừa nhận rằng: khoa học công nghệ là mũi nhọn mà khoa học xã hội và nhân văn là nền tảng và có vai trò điều tiết. Bởi đây là qui luật xây dựng và phát triển cuộc sống. Một đất nước, ở thời đại nào cũng vậy, muốn phát triển gì thì gì một cách vững chắc, nhất định phải có một nền tảng văn hóa, triết lý nhân văn vững chãi. Ở nước ta hiện nay, trong khi hào hứng cổ động 4.0. mà chưa thấy tiếng nói của khoa học xã hội và nhân văn trong thời đại 4.0, là một điều đáng thắc mắc. Ước gì Viện Hàn lâm khoa học xã hội và nhân văn Việt Nam sẽ có một chương trình khoa học đúng nghĩa khoa học cấp quốc gia với chủ đề: *“Khoa học xã hội và nhân văn trong mối quan hệ hữu cơ với khoa học công nghiệp trong thời đại 4.0”*. Sau đây, để góp phần giải bài toán khó của đất nước, tôi có những ý kiến gọi là bước đầu như sau, xin được chỉ giáo thêm.

Hãy bắt đầu bằng cách tiếp tục và liên tục tìm lời đáp cho hai câu hỏi cơ bản nhất trong sự sống muôn đời của nhân loại ở mọi người mọi gia đình mọi quốc gia dân tộc...” *Thế nào là biết sống? Thế nào là hạnh phúc?* Thế nào là biết sống ư?, Mấu chốt của vấn đề là ở việc xử lý mối tương quan giữa cuộc sống vật chất và cuộc sống tinh thần là thế nào? Theo Nho giáo mà *“An bản lạc đạo”* ư? Không được rồi mặc dù vẫn phải kính nể. Vật chất là trên trên hết để không ít đã sa vào chủ nghĩa “đớp”, chủ nghĩa “mácmitit” (chủ nghĩa cái niêu) ư? Nếu thế thì buồn cho sự đời quá mà khốn nỗi cái kiểu sống tầm thường hạ đẳng này xem ra lại đang có chiều lên ngôi. Điều mong ước vào thời đại 4.0. *không gì khác là một sự cân đối, một sự quân bình, một sự hài hòa giữa hai phương diện của đời sống là vật chất và tinh thần ở mọi kiếp người, mọi gia đình, mọi quốc gia dân tộc và cả với nhân loại.* Cần thấy rằng nhu cầu về vật chất thì hữu hạn. Còn nhu cầu về tinh thần là vô hạn. Với nhu cầu vật chất thì phải cạnh tranh vất vả mới có

và với cá nhân nếu biết sống thì tự mình cũng phải “tri túc” (biết đâu là đủ) “tri chỉ” (biết đâu là chỗ nên dừng). Còn với nhu cầu tinh thần thì tha hồ mà tạo dựng, ai mà cạnh tranh cấm đoán được mình. Sao ta không sống như thế?

Còn hạnh phúc mà người nào gia đình nào quốc gia nào, kể cả nhân loại trong muôn đời vẫn mong ước ư? Không mong ước hạnh phúc thì còn gì là ý nghĩa sống. Thực tế đã đang và sẽ có không biết bao nhiêu học thuyết bao nhiêu đáp án mà hiệu quả thì cũng vô cùng phức tạp. Có thứ tưởng là hạnh phúc nhưng hóa ra vô phúc. Có thứ tưởng vô phúc té ra lại hạnh phúc. “Tái ông thất mã” mà. Nhưng về đại thể, khi nói đến hạnh phúc thì có hai điều này, không thể thiếu một mới thực sự là hạnh phúc bất biến bền vững nhất trong muôn đời muôn nơi muôn thuở. Ấy là *hạnh phúc trong quan hệ giữa người với người và hạnh phúc của con người trong sự hòa nhập với thiên nhiên đất trời*. Triết lý phương Đông cổ trung đại là thế: *Thiên nhân hợp nhất, Thiên nhân tương dự, Thiên nhân nhất thể, Tam tài: Thiên – Địa – Nhân* (con người sống trong sự Trời che đất chở). Chủ tịch Hồ Chí Minh là người có triết lý hạnh phúc trọn vẹn đó. Ở bài thơ *Cảnh rừng Việt Bắc*, Người đã viết: “*Kháng chiến xong rồi ta trở lại / Trăng xưa hạc cũ với xuân này*” Trong khi với ai đó máu mê với triết lý “*cách mạng là thường trực*” “*hạnh phúc là đấu tranh*” thì không chừng sẽ là: “*Kháng chiến xong rồi ta tiếp tục / Tiến lên tiến nữa tiến lên hoài*”. Nhưng hiệu quả của quan điểm này đã là gì xin để mọi người cho ý kiến. Từ quan niệm hạnh phúc tối ưu và bền vững như vừa nói, tôi mong đất nước vào thời đại công nghiệp 4.0, dùng để xảy ra tình trạng thoải mái phá rừng để làm thủy điện mà hậu quả là gì cũng chẳng cần phải nói nữa. Xin đừng coi nhẹ vấn đề bảo vệ môi trường thiên nhiên trong khi tiến hành công nghiệp 4.0. Riêng với các chuyên gia tài giỏi đang nhiệt tình đưa đất nước vào thời đại công nghiệp 4.0. Tôi nghĩ nếu các vị vẫn dành một phần tâm hồn cho những khoái cảm khác như ngắm ánh trăng thu, ngắm những bông hoa chớm nở, còn động sương mai, ngâm đọc thơ Kiều tả cảnh mùa xuân của thiên tài Nguyễn Du... thì cuộc sống của các vị đã đẹp càng đẹp thêm. Và không chừng tuổi thọ các vị cũng tăng thêm. Có đúng thế không thưa các vị?

ii) Từ lời đáp tối ưu cho hai câu hỏi lớn đó hãy cố gắng giải quyết tốt những vấn đề cuộc sống đã đặt ra như sau:

2.1. Cuộc sống đòi hỏi phải “*xây dựng một nền văn hóa hiện đại tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc*”, “*hòa nhập mà không hòa tan*” mà thực tế xem ra còn rất lúng túng. Bởi nói là xây dựng một nền văn hóa hiện đại tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc nhưng thế nào là hiện đại, thế nào là tiên tiến, thế nào là đậm đà bản sắc dân tộc thì còn lơ mờ cả. Cũng chủ trương hòa nhập mà không hòa tan nhưng xem ra lại đang hòa tan, lại đang “*đi Âu vi trung*”. Mong sao sẽ vượt qua được tình trạng này trong thời đại công nghiệp 4.0.

2.2. Đạo đức và lối sống là thành tố cốt lõi nhất của văn hóa mà như trên đã nói là đang có chiều đi ngược với văn minh. Vậy làm sao để phanh nó lại bằng cách tạo được một trào lưu một khí thế chấn hưng đạo đức truyền thống, chấn hưng thuần phong mỹ tục của dân tộc một cách có hiệu quả. Cần thấy rằng một thời đua nhau xây đắp công đức mà coi nhẽ tư đức là trái với qui luật vững bền của cuộc sống. Chưa nói là còn tạo ra một bảng giá nhân phẩm thiếu chuẩn mực. Bởi tư đức mới là gốc rễ của công đức. Xin hãy trở lại với qui luật này trong thời đại công nghiệp 4.0.

2.3. Chưa bao giờ khát vọng dân chủ của người dân trời dậy mạnh mẽ như thời nay. Đường lối của lãnh đạo cũng là nhằm xây dựng một đất nước với ba mục tiêu dân chủ công bằng và văn minh. Nhưng từ chủ trương đến thực tiễn thì xem ra còn cách nhau nhiều. Dân chủ thế nào là chính đáng và thế nào là không chính đáng? Để có một đời sống dân chủ đích thực hơn, những vấn đề gì cần đặt ra để giải quyết? Dân chủ sẽ đi đôi với tự do tư tưởng. Nhưng với hoàn cảnh của đất nước ta vốn chưa có truyền thống tự do tư tưởng mà nay muốn có thì thế nào mới là thực chất và chính đáng.

2.4. Trong cuộc sống của đất nước hôm nay, cái thằng TÔI đã và đang có chiều hướng trời dậy như ngựa không cương. Phải làm sao để mọi người nhận thức tường minh rằng: Từ một cái TÔI mà có hai ngả: Một là cái TÔI nhân văn (L'individu) cần cầu nguyện cho nó trời dậy sớm ngày nào hay ngày ấy để đất nước được nhờ. Một là cái TÔI phản nhân văn (L'Individualisme) khốn nạn phải tiêu diệt đến cùng nếu không đất nước sẽ tan hoang. Phải làm sao tiêu diệt được giặc nội xâm là tham nhũng, đặc sản của cái TÔI phản nhân văn đó.

2.5. Với đất nước hôm nay, cái phần *con* trong con người cũng đã

bắt đầu tháo cũi sổ lồng chạy rong trước mặt thiên hạ và hô reo tôi sống đúng với tôi đây. Tạo hóa cho tôi hạnh phúc này sao lại cấm tôi không được hưởng. Cụ Nguyễn Du ngày trước tả cơ thể nàng Kiều “*Rõ ràng trong ngọc trắng ngà? Day dầy sẵn đúc một tòa thiên nhiên*” chỉ là sex nửa vời. Phải toác toác toàng toang ra mới khoái chứ. Chúng ta nghĩ như thế nào trước sự đời này nhỉ? Nếu cứ theo đà này thì con người có khác động vật nữa không ? Nạn mại dâm bán dâm, hiếp dâm, nạn quấy rối tình dục đang có chiều hướng lan tràn khắp nơi khắp chốn kia mà. Bằng sự phân biệt rạch ròi giữa sex nhân văn và sex động vật. Làm sao để chấm dứt tình trạng này một khi đất nước phấn khởi đi vào thời đại 4.0?

2.6. Đất nước hôm nay gần như đâu đâu cũng nói đổi mới tư duy. Nhưng đổi mới tư duy là thế nào mới là đích đáng. Hôm qua làm thế kia, hôm nay làm thế này khác đi mà nói đã đổi mới tư duy thì đâu đã phải. Với hiện tình của đất nước, muốn đổi mới tư duy thì phải mạnh dạn nhìn ra những hạn chế về trình độ tư duy của dân tộc mình, từ đó phải cố gắng vươn lên trình độ tư duy cao cấp đúng với qui luật phát triển của thế giới. Cụ thể là phải rèn luyện nhằm vượt qua năng lực tư duy cụ thể, tư duy sự vụ chủ yếu chỉ nhận thức sự vật ở cấp độ hiện tượng để có năng lực tư duy trừu tượng khoa học nhận thức sự vật không chỉ ở cấp độ hiện tượng mà quan trọng hơn là ở mối quan hệ giữa các hiện tượng vốn là trừu tượng, từ đó mà có tư duy hệ thống, tư duy tích hợp cần cho cuộc sống. Thứ đến là phải vượt qua trình độ tư duy xã hội học giản đơn chỉ quen nhận thức cuộc sống ở biểu hiện bề ngoài để có tư duy triết học nhận thức sự sống ở độ phong phú phức tạp sâu kín nhất. Thứ nữa là phải vượt qua trình độ tư duy cộng đồng, ăn theo nói leo, rập khuôn theo công thức có sẵn để có tư duy cá thể, tư duy sáng tạo. Đi vào thời đại công nghiệp 4.0 hay 5G.gì gì đi nữa mà không nâng cao được trình độ tư duy như thế thì không chừng chỉ là xứ sở hưởng thụ thành quả của nước khác.

3. VAI TRÒ CỦA PHẬT GIÁO TRONG THỜI ĐẠI CÔNG NGHIỆP 4.0

3.1 Khoa học và tôn giáo từ góc nhìn của học thuyết Am đương và quan điểm của Einstein

Nói đến Phật giáo là nói đến tôn giáo. Mà ở nước ta, chung quanh việc nhận thức về tôn giáo không phải không còn vấn đề. Mặc dù

chính sách tôn giáo của Nhà nước thì đã rõ: Tự do tin ngưỡng. Bình đẳng giữa các tôn giáo. Người đi đạo là người sống đẹp đời tốt đạo. Nhưng trong dư luận xã hội, kể cả sách vở đây đó vẫn tồn tại những quan niệm như “Tôn giáo là thuốc phiện”, “Nguồn gốc của tôn giáo là sự ngu dốt”, “Tôn giáo là chuyện tạo thần quyền để tăng cường quân quyền.” Trên thế giới, không đâu cho phép tuyên truyền tôn giáo trong học đường nhưng không ít nước có giờ thần học để cung cấp cho học sinh những kiến thức cơ bản và cần thiết về tôn giáo. Ở nước ta, chưa thấy điều đó.

Đã có không biết bao nhiêu định nghĩa về tôn giáo. Nhưng với tôi, tôn giáo trước hết chỉ là sản phẩm của năng lực người vì chưa thấy động vật nào có tôn giáo. Tôn giáo có nguồn gốc từ bản chất của sự sống là ham muốn. Đã sống là ham muốn. Sống mà không còn ham muốn thì coi như đã chết. Nhưng tạo hóa đã bắt loài người phải sống trong một định mệnh khắc nghiệt là từ ham muốn đến kết quả đạt được không bao giờ là một. *Vouloir* không bao giờ cũng là *pouvoir*. Vẫn có khoảng cách. Mà chính đó là mảnh đất màu mỡ của ước mong, của cầu xin, của tín ngưỡng và từ đó là tôn giáo, giáo hội. Dĩ nhiên giữa tôn giáo và giáo hội cũng có khoảng cách và cũng có tín ngưỡng chính đáng và mê tín nhảm nhí. Có thể nói còn loài người thì còn tôn giáo. Và có những người không tôn giáo mà vẫn sống lương thiện. Nhưng nhìn chung không tôn giáo thì bất nhân bất lương là điều dễ có. Thậm chí trở lại động vật cũng có.

Hãy từ góc nhìn của học thuyết âm dương của Kinh Dịch để nhìn rõ hơn vị trí của tôn giáo trong sự sống của nhân loại. Với học thuyết âm dương thì *dương trung hữu âm* (trong dương có âm), *âm trung hữu dương* (trong âm có dương). Chỉ có âm khi có dương. Chỉ có dương khi có âm. Âm khác dương dương khác âm. Chính học thuyết âm dương với ba lớp nghĩa của nội hàm như thế là thuộc qui luật đối trọng (*Contre poids*) để có sự quân bình (*équilibre*) vốn là cơ sở tồn tại lớn nhất chung nhất của mọi sự sống không chỉ của loài người mà còn là của tự nhiên. Với tự nhiên, trồng một cái cây. Nếu vít cây sang bên trái (*action*) rồi để thả cây bật sang bên phải (*réaction*) thì cây không thể phát triển nhô cao. Phải qua chao đảo (*balancer*) đến khi đứng im (*fixer*) nghĩa là quân bình thì cây mới phát triển nhô cao. Với sự sống của loài người cũng vậy. Có sống thì cũng có chết mới có loài người. Chứ chỉ sống mà không chết hoặc chỉ chết mà không

sống thì đâu có loài người. Trong ngôn ngữ bất cứ nước nào cũng có từ tương phản chình là sự thể hiện của qui luật đối trọng và quân bình mà có sự sống. Khoa học và tôn giáo là sản phẩm của luật đối trọng và quân bình trong sự sống của nhân loại. Có khoa học mà không có tôn giáo hoặc có tôn giáo mà không có khoa học thì sự sống của nhân loại sẽ chẳng ra gì. Chẳng phải vì thế mà Einstein nhà khoa học thiên tài của thế kỷ XX đã nói: *“Khoa học mà không tôn giáo thì tẻ liệt. Tôn giáo mà không khoa học thì mù quáng.”*

3.2. Vai trò của Phật giáo trong thời đại công nghiệp 4.0

3.2.1. Tính chất ưu việt của Phật giáo

Giáo hội nào thì cũng có mặt phức tạp vì liên quan đến phần đời nhưng tôn giáo nào thì cũng là hướng thiện. Chính sách của Nhà nước là tôn trọng các tôn giáo như nhau. Nhưng người dân thì có thể tùy theo nhận thức mà lựa chọn tôn giáo nào mình thấy ưu việt hơn để hướng tới. Đã có chuyện như sau: Năm 1947, Thủ tướng Ấn Độ Nehru và Einstein gặp nhau ở Mỹ. Hai ông đều than phiền về tình hình nhân loại tuy càng ngày càng văn minh nhưng đạo đức thì càng ngày càng xuống cấp. Einstein tiếc cho phương Đông từng có truyền thống đức trị mà để mất. Từ đó, ông nói : Nếu cần một tôn giáo cho toàn vũ trụ thì không gì hơn là Phật giáo. Chúng ta nghĩ gì về ý kiến của nhà bác học thiên tài này? Tôi muốn lấy ý kiến của Einstein để bàn về vai trò của Phật giáo trong thời đại công nghiệp 4.0 ở nước ta. Mà trước hết là phải nghĩ đến hai phía. Phía là Phật giáo thông qua vai trò của giáo hội phải làm sao thật xứng đáng trong vai trò hoằng dương Phật đạo với đất nước. Phía là đất nước cũng phải tự giác chủ động hỗ trợ phát huy vai trò của Phật giáo trong thời đại 4.0. Thiếu đi phía sau thì hiệu quả nhất định bị hạn chế. Phải từ hai phía để làm sao cho người Việt Nam ta nhận rõ tính ưu việt của Phật giáo để từ đó mà hưởng ứng mà noi theo để có lợi cho bản thân và cho đất nước trong thời đại 4.0. này. Sau đây là những điểm ưu việt của Phật giáo từ góc nhìn Việt Nam:

- Đây là tôn giáo có tình thương bao la bát ngát nhất trong mọi tôn giáo. Không chỉ thương con người mà còn thương đến cả muôn loài . Ý kiến của Einstein chính là từ căn cứ này.

- Đây là tôn giáo xa lìa với bất kỳ cuộc chiến tranh nào bởi với Phật giáo thì chiến tranh nào cũng là cốt nhục tương tàn, nôi da nấu

thịt. Dĩ nhiên có quan điểm khác để lựa chọn tùy người.

- Không như Nho giáo buổi đầu đến với nước ta theo con đường xâm lược cho nên một khi xâm lược dứt thì thứ Nho giáo đó cũng phải dứt theo. Nhưng Nho giáo với bản chất là một học thuyết vĩ đại của một nền văn hóa lớn thì theo qui luật của tự thân văn hóa là sự lan tỏa ảnh hưởng của một nền văn hóa lớn đối với nền văn hóa nhỏ trong khu vực thì đã ở lại nước ta để hỗ trợ phát triển nền văn hóa trung đại về vang của ta. theo qui luật tiếp biến. Còn Phật giáo đến nước ta từ mấy hướng đều chỉ bằng con đường dân sự không mấy may liên quan tới xâm lược...

- Lịch sử Phật giáo tồn tại trên đất nước đã ba ngàn năm nay là lịch sử đồng hành cùng dân tộc. Lịch sử cứu nhân độ thế, lịch sử góp phần tạo ra những giá trị tinh thần nhân văn cao cả cho dân tộc, dù khi là quốc giáo hay không còn là quốc giáo; góp phần sản sinh cho dân tộc một thần tượng nhân phẩm cao siêu của muôn đời là Phật hoàng Trần Nhân Tông với triết lý Cư trần lạc đạo; một thiên tài văn chương vô tiền khoáng hậu với tác phẩm Truyện Kiều mà hình hài là thuộc Nho giáo nhưng hồn vía là thuộc Phật giáo.

3.2.2. Tích cực hoàng dương Phật đạo trong thời đại công nghiệp 4.0

Điều hạnh phúc lớn của đất nước. Trong buổi đầu bước chân vào thời đại công nghiệp 4.0 thì đã và đang có cuộc chấn hưng Phật đạo khá sôi động. Nhiều nơi đua nhau xây lại chùa cũ, dựng thêm chùa mới. Đặc biệt có thêm những Trúc Lâm thiền viện nguy nga tráng lệ, thâm nghiêm. Thiền phái Trúc Lâm đang ngày một hòa quang đồng trần. Có hội Phật giáo thống nhất từ trung ương đến địa phương, có viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam. Có trường đào tạo Phật học. Riêng ở miền Bắc là nơi không may một thời xoi phải chủ nghĩa vô thần mà rẻ rúng với Phật đạo, phá hoại chùa chiền thì nay đã cùng cả nước hào hứng chấn hưng Phật đạo. Chùa Yên Tử có thêm Yên Tử thiền viện, chùa Bái Đính ở Ninh Bình có qui mô lớn nhất Đông Nam Á theo lời báo chí, Tây Thiên thiền viện ở Vĩnh Phúc là mấy địa điểm hấp dẫn đông đảo chẳng riêng các Phật tử mà còn du khách trong nước ngoài nước. Số lượng Phật tử tăng lên vùn vút ở khắp cả nước. Những ngày Phật lễ là những ngày thiêng liêng từng bừng của đất nước. Hầu hết các nhà lãnh đạo cao cấp của đất nước cũng đi chùa. Đặc biệt là thành quả nghiên cứu Phật học với

các chuyên khảo chuyên sâu, với nhiều cuộc hội thảo khoa học quốc gia quốc tế, có thể nói là bề thế nhất trong đời sống học thuật về khoa học xã hội và nhân văn của nước nhà hiện nay. Lịch sử Phật học Việt Nam chưa bao giờ có được mấy học giả lớn là Thích Nhất Hạnh, Thích Minh Châu, Thích Thanh Từ, Lê Mạnh Thát.....Quan hệ giữa Phật giáo Việt Nam và Phật giáo quốc tế cũng ngày một khăng khít. Ngày Phật đản và Phật tịch đã được Unesco công nhận là ngày cả thế giới kỷ niệm. Năm 2014, đã tổ chức kỷ niệm ở Bái Đính 4 ngày có hàng nghìn khách quốc tế trong đó có cả một vài nguyên thủ quốc gia tham dự. Năm 2019 này lại tổ chức ở Hà Nam. Có thể nói văn hóa Phật giáo đã làm thay đổi tỷ lệ cấu trúc nội tại của nền văn hóa Việt Nam hiện đại. Nghiên cứu văn hóa Việt Nam hiện đại không thể bỏ qua đặc điểm đó. Vấn đề đặt ra là văn hóa Phật giáo đã chuẩn bị sẵn sàng như thế. Đất nước sẽ khai thác tận dụng hoàng dương Phật giáo trên đường gia nhập thời đại công nghiệp 4.0 là thế nào? Ở đây xin có một vài ý kiến nhỏ mọn như sau:

Phật giáo với vấn đề tâm thế trong cuộc sống:

Đã sống, dù là một cá nhân hay một dân tộc, thiết tưởng cũng cần tạo cho mình một tâm thế sống thế nào là bền vững tối ưu trong khi cuộc đời vốn dĩ là biến chuyển, là đa chiều, là xáo động, lúc thế này lúc thế khác, lúc thuận lợi lúc khó khăn mà bản thân mà đất nước phải đương đầu phải ứng phó sao để giữ được sự an bình, sự phát triển, không bị tổn thất, không bị thụt lùi. Với Nho giáo, đó là thuyết trung dung. Vui không vui quá, buồn không buồn quá. Không chuỗi theo cảm xúc đơn thuần mà trong cảm xúc vẫn có sự can thiệp của lý trí. Sống là biết tri túc (chỗ đủ của mình là đâu) tri chỉ (chỗ nào nên dừng). Trung là chính giữa, không thiên lệch. Dung là giữ vững không thay đổi. Trung dung đối nghịch với cực đoan, phiến diện. Trung dung dẫn đến trung hòa. Có được trung hòa, trời đất sẽ yên vị, vạn vật sẽ được dưỡng dục (*Trung giả dã, thiên hạ chi đại bản dã. Hòa giả dã, thiên hạ chi đại đạo dã. Chí trung hòa, thiên hạ vị yên, vạn vật dục yên*). Cơ sở triết học của thuyết trung dung chính là học thuyết âm dương với qui luật đối trọng và sự quân bình vốn là cơ sở tồn tại vững chãi nhất chung nhất của mọi sự sống mà trên đây đã nói tới. Nho giáo còn có chữ *nhận* được chiết tự gồm ba chữ: Dao (dao), nghệ (sự tốt lành), tâm (tấm lòng), Nhận là tạo tâm thế bình tĩnh kiên tâm để thắng cái ác và giữ được

sự bình yên tốt lành cho cá nhân mình mà còn cho cả nhân quần.

Với Phật đạo, tâm thế chính là từ triết lý vô thường dẫn tới sự tĩnh tâm để vươn tới Phật tâm ở con người giữa cuộc đời. Đến với Phật đạo có bao nhiêu là phương cách: là tu sĩ suốt đời sống ở chùa, diệt dục, không lấy vợ đẻ con, chỉ lo việc tu hành tụng kinh niệm Phật, hoằng dương Phật đạo để mong được lên cõi Nát bàn; là Phật tử cứ rầm mông một thì đến chùa tụng kinh niệm Phật, ăn chay; là tu tại gia có bàn thờ Phật trong nhà để ngày ngày tụng niệm; là thiện nam tín nữ vãng lai nơi chốn cửa Thiền cầu ban phước lành. Giáo lý và giáo pháp của Phật đạo thì vô cùng phong phú. Tín đồ nào càng thuộc nhiều kinh kệ, càng chấp hành đúng Phật pháp càng được coi trọng. Nhưng cách gì thì cách, căn bản là phải có được Phật tại tâm (Phật ở trong lòng) từ đó mà thực hành Phật đạo từ đó mà bớt tham sân si để Từ bi hỷ xả, Tế độ chúng sinh, Cứu một người phúc bằng hà sa, làm cho Tứ hải giai huynh đệ. Khoảng cách giữa người giàu và người nghèo được rút ngắn. Con Lạc cháu Hồng cũng yêu thương nhau hơn. Cái ác sẽ bị đẩy lùi. Thuần phong mỹ tục sẽ được khôi phục. Mục tiêu dân chủ-công bằng-văn minh sẽ là hiện thực. Thiết nghĩ, người Việt Nam ta trong thời đại cách mạng công nghiệp 4.0. Dù có làm gì kỳ diệu hiện đại đến đâu về công nghiệp và dù có sống văn minh hơn, sung sướng hơn đến đâu và cũng chẳng có thời gian lui tới của Thiền, tụng kinh niệm Phật nhưng trong *tâm* vẫn neo đậu vẫn nặng lòng và thực thi được mấy điều Phật dạy đó thì hẳn đã hoàn toàn xứng đáng là người biết sống. là người có hạnh phúc đích thực rồi. Trong nội dung hạnh phúc này cũng có phần về sức khỏe và tuổi thọ. Bởi một khi đã *tĩnh* tâm đã có *Phật tại tâm* và đã thực hành được Phật đạo mà vẫn có những khoảnh khắc thiền định, những ngày lui tới các thiền viện trang nghiêm tráng lệ giữa những khung cảnh thiên nhiên tuyệt mỹ của đất trời như ở Yên Tử, Tây Thiên, Bái Đính, Trúc Lâm thiền viện (Đà Lạt) ... thì stress vốn là sản phẩm của văn minh công nghiệp sẽ bị xua tan. Chẳng phải có người đã nói nơi nào phá đi một ngôi chùa thì hãy xây lên một bệnh viện. Nhưng có người lại nói tốt nhất là xây lại ngôi chùa. Ý kiến khác nhau nhưng cùng chung một ý là tác dụng của việc đi chùa, của việc thiền định, nhập thiền về sức khỏe của người theo Phật đạo. Có đúng thế không thưa quý vị?

Vai trò của giáo hội

Tôn giáo nào cũng vậy, muốn hóa thân vào cuộc sống nhân quần phải có giáo hội. Phật giáo Việt Nam từ lâu đã có giáo hội và ngày một lớn mạnh đã đưa sự nghiệp hoằng dương Phật đạo tới độ cường thịnh như hiện nay. Trong đó có sự gắn bó giữa Giáo hội với Chính quyền từ cấp trung ương đến cấp địa phương. Giáo hội Việt Nam cũng là một thành phần tích cực trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Tuy thế, bên cạnh mặt sáng đó, dư luận ít nhiều cũng đã xì xào đồn thổi về một số hiện tượng không vui như có kẻ đội lốt nhà sư để kiếm tiền, có sư mà ăn tiêu xả láng, có sư lấy tiền đầu mà đi xe ô tô ngàn tỷ. Dĩ nhiên, nếu có thì đây cũng là chuyện đời như mọi chuyện đời khác. Nhưng con sâu cũng làm rầu nổi canh. Nhất là ở chốn cửa Thiền thiêng liêng tinh khiết. Nếu không kịp thời nghiêm khắc chấn chỉnh thì chưa biết sẽ thế nào trong khi đất nước đang rất cần đến vai trò trọng đại của Phật đạo trong thời đại công nghiệp 4.0. Hy vọng câu chuyện điểm đen vừa nói đây không phải là sự thật.

PHẬT GIÁO VỚI CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHỆ 4.0

Nguyễn Thoại Linh*

TÓM TẮT

Hiện nay, cuộc cách mạng công nghệ 4.0 với sự bùng nổ nền kinh tế số, công nghệ sinh học, Nano, mạng lưới truyền thông, tự động hóa và trí tuệ nhân tạo đã dẫn đến một thế giới với những biến đổi toàn diện, sâu sắc, đặc biệt là đời sống tinh thần của nhân loại cũng đang diễn ra những thay đổi cơ bản về giá trị và bản sắc con người. Nhiều nhà khoa học đã cảnh báo về mặt trái của cuộc cách mạng công nghệ này, đó là sự lạnh lùng, vô cảm và thương mại hóa khi chúng hướng về mục đích không phải vì con người. Ý tưởng của bài tham luận này là những cuộc canh tân của Phật giáo đương đại đối với mặt trái và những bất cập của cách mạng công nghệ 4.0. Kinh tế học Phật giáo; Niết bàn trần gian, mô hình Phật giáo nhân gian là những cuộc canh tân lớn, không chỉ làm thay đổi toàn diện Phật giáo mà còn nhằm tới hạnh phúc thật sự với con người và phát triển bền vững văn hóa – xã hội.

Năm 2013, khái niệm “Công nghiệp 4.0” (Industrie 4.0) xuất hiện trong một báo cáo của Đức nhằm đề cập đến chiến lược công nghệ cao, điện toán hóa sản xuất mà không còn cần đến sự tham gia của con người. Song, cho đến năm 2017, công nghiệp 4.0 đã vượt ra khỏi khuôn khổ dự án của Đức, lan rộng ra nhiều nước và tạo nên một xu thế tất yếu của việc phát triển kinh tế, xã hội... trở

* Thạc sĩ, Khoa Triết học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn TP.HCM, Việt Nam

thành cuộc cách mạng công nghệ lần thứ tư¹ và là từ khóa “hot” xuất hiện ở mọi lĩnh vực, mọi lúc, mọi nơi, từ tin tức, trên báo chí, đài truyền hình cho đến câu chuyện thường ngày trong xã hội. Nội dung cốt lõi của cách mạng công nghiệp lần thứ tư tác động đến các lĩnh vực chính yếu của nền sản xuất xã hội là: lĩnh vực kỹ thuật số: trí tuệ nhân tạo (artificial intelligence), vạn vật internet (internet of things), lưu trữ và xử lý dữ liệu lớn (big data); lĩnh vực vật lý: in 3D, vật liệu mới, robot cao cấp, xe tự lái; lĩnh vực công nghệ sinh học; lĩnh vực năng lượng mới. Bản chất của cách mạng công nghiệp lần thứ 4 là dựa trên nền tảng công nghệ số và tích hợp tất cả các công nghệ thông minh để tối ưu hóa quy trình, phương thức sản xuất; nhấn mạnh những công nghệ đang và sẽ có tác động lớn nhất là công nghệ in 3D, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ tự động hóa, người máy. Chúng ta phải thừa nhận rằng, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 mang đến cho nhân loại rất nhiều cơ hội để thay đổi nền kinh tế, mang lại một xã hội thông minh, thịnh vượng và đem lại cho con người nhiều tiện ích, giảm nhiều thời gian công sức mà hiệu quả lại như mong muốn. Đó là

(1) **Trí tuệ nhân tạo (artificial intelligence)**, *được hiểu như một ngành của khoa học máy tính liên quan đến việc tự động hóa các hành vi thông minh. Trí tuệ nhân tạo (artificial intelligence) là trí tuệ do con người lập trình tạo nên với mục tiêu giúp máy tính có thể tự động hóa các hành vi thông minh như con người. Trí tuệ nhân tạo khác với việc lập trình logic trong các ngôn ngữ lập trình là ở việc ứng dụng các hệ thống học máy (machine learning) để mô phỏng trí tuệ của con người trong các xử lý mà con người làm tốt hơn máy tính. Cụ thể, trí tuệ nhân tạo giúp máy tính có được những trí tuệ của con người như: biết suy nghĩ và lập luận để giải quyết vấn đề, biết giao tiếp do hiểu ngôn ngữ, tiếng nói, biết học và tự thích nghi v.v...* (2) **Vạn vật kết nối (Internet of Things)**, *là mạng lưới vạn vật kết nối Internet hoặc là Mạng lưới thiết bị kết nối Internet liên kết toàn thế giới thế giới, khi mà mỗi đồ vật, con người được cung cấp một định danh của riêng mình, và tất cả đều có khả năng truyền tải, trao đổi thông tin, dữ liệu qua một mạng duy nhất mà không cần*

1. Khái niệm Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 được GS. Klaus Schwab, người Đức, Chủ tịch Diễn đàn Kinh tế Thế giới Davos đưa ra và đó cũng là chủ đề chính của diễn đàn kinh tế lớn nhất thế giới năm 2016.

đến sự tương tác trực tiếp giữa người với người, hay người với máy tính. Mạng lưới vạn vật kết nối Internet (IoT) đã phát triển từ sự hội tụ của công nghệ không dây, công nghệ vi cơ điện tử và Internet. Nói đơn giản là một tập hợp các thiết bị có khả năng kết nối với nhau, với Internet và với thế giới bên ngoài để thực hiện một công việc nào đó.

(3) **Tài sản dữ liệu, thông tin (Big Data):** tài sản dữ liệu, thông tin là những thông tin có khối lượng dữ liệu lớn, tốc độ cao và dữ liệu đa dạng, đòi hỏi phải có công nghệ mới để xử lý hiệu quả nhằm đưa ra được các quyết định hiệu quả, khám phá được các yếu tố ẩn sâu trong dữ liệu và tối ưu hóa được quá trình xử lý dữ liệu". Trong lĩnh vực công nghệ sinh học, cách mạng công nghiệp 4.0 tạo ra những bước nhảy vọt trong nông nghiệp, thủy sản, y dược, chế biến thực phẩm, bảo vệ môi trường, năng lượng tái tạo, hóa học và vật liệu làm thay đổi căn bản sinh học truyền thống. Trong lĩnh vực vật lý là việc chế tạo robot cao cấp thế hệ mới, máy in 3D, xe tự lái, các vật liệu mới (graphene, skyrmions...) và công nghệ nano.

Tuy nhiên, mặt trái của cách mạng công nghiệp 4.0 cũng tiềm ẩn những nguy cơ khó lường, nó có thể gây ra sự bất bình đẳng. Đặc biệt là có thể phá vỡ thị trường lao động. Khi tự động hóa thay thế lao động chân tay trong nền kinh tế, khi robot thay thế con người trong nhiều lĩnh vực, hàng triệu lao động trên thế giới có thể rơi vào cảnh thất nghiệp, nhất là những người làm trong lĩnh vực bảo hiểm, môi giới bất động sản, tư vấn tài chính, vận tải. Tiếp theo những bất ổn về kinh tế nảy sinh từ cách mạng công nghiệp 4.0 sẽ dẫn đến những bất ổn về đời sống. Hệ lụy của nó sẽ là những bất ổn về chính trị. Nếu chính phủ các nước không hiểu rõ và chuẩn bị đầy đủ cho làn sóng công nghiệp 4.0, nguy cơ xảy ra bất ổn trên toàn cầu là hoàn toàn có thể. Bên cạnh đó, những thay đổi về cách thức giao tiếp trên Internet cũng đặt con người vào nhiều nguy hiểm về tài chính, sức khỏe. Thông tin cá nhân nếu không được bảo vệ một cách an toàn sẽ dẫn đến những hệ lụy khôn lường. Đối với một số cá nhân, **cuộc cách mạng công nghiệp 4.0** sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của họ. Nó mang đến cho họ vô vàn thách thức và khó khăn hơn là cơ hội, mà trực tiếp nhất là khá nhiều lĩnh vực lao động của con người sẽ bị Robots thay thế, và nếu như con người không thay đổi thì sớm, muộn gì, họ sẽ bị thất nghiệp trong tương lai. Như TS. Lê Đăng Doanh - Nguyên Viện trưởng Viện Quản lý Kinh tế Trung ương (CIEM) chia sẻ:

“Nhiều doanh nghiệp lắp dây chuyền tự động, robot hiện đại là lập tức “thải” ngay vài trăm công nhân. Tôi cho rằng, đây là một thách thức rất lớn đối với Việt Nam. Về lâu về dài đã có dự báo là đến 86% lao động của ngành may mặc và da giày của Việt Nam sẽ mất việc trong vòng 15 năm tới”.²

Có thể hiểu rằng, cách mạng công nghiệp 4.0 là một tiến trình tất yếu, là sự tiến bộ xã hội không thể đảo ngược hoặc xóa bỏ, song mặt trái của nó lại là những thách thức đối với an sinh xã hội và lao động của con người, nó cũng tất yếu tạo ra một bộ phận con người bị tổn thương vì không theo kịp sự thay đổi quá nhanh đó. Trước những thay đổi và thách thức lớn của nhân sinh, các tôn giáo đã có những thay đổi cơ bản để thích ứng, Phật giáo là tôn giáo đã dự cảm và tiên phong trong việc đáp ứng mong muốn, ước vọng an bình và thích ứng với cách mạng công nghệ 4.0 của xã hội và con người. Phật giáo đương đại đã có rất nhiều thay đổi về tư tưởng, giáo lý, giới luật, nghi lễ và tổ chức giáo hội, hầu hết những thay đổi này là theo hướng hiện đại và để giúp con người thích ứng nhanh với những tác động của cách mạng công nghiệp 4.0. Với vị thế của một tôn giáo lớn trên thế giới, Phật giáo đã có hai thay đổi rất căn bản mang tầm nhìn toàn cầu là kinh tế học Phật giáo (Buddhist Economic) và mô hình tổ chức Phật giáo nhân gian (Popular Buddhism). Thuật ngữ “kinh tế học Phật giáo” được E. F. Schumacher khởi xướng vào năm 1955, khi ông sang Miến Điện làm tư vấn kinh tế cho Thủ tướng U Nu³. Thuật ngữ này được sử dụng trong bài luận của ông mang tên “Kinh tế Phật giáo”, được xuất bản lần đầu tiên vào năm 1966 ở Châu Á. Năm 1973, các quan điểm, tư tưởng và các nguyên lý được E. F. Schumacher được hệ thống hóa trong cuốn sách: Nhỏ mà đẹp (Small is beautiful)⁴. Sau đó, các nhà tư tưởng Phật giáo như Padmasiri De Silva, Phrabhavanaviriyakhun, đặc biệt là Prayudh Payutto⁵ tiếp tục bổ sung và hoàn thiện hệ thống các quan điểm,

2. <http://laodongxahoi.net/thi-truong-lao-dong-viet-nam-trong-boi-can-h-cach-mang-cong-nghiep-40-1308780.html>

3. Schumacher, E. F, “Buddhist Economics”. Archived from the original on 13 December 2012. Retrieved 4 December 2012

4 Schumacher, E. F, 1973, Small Is Beautiful: A study of Economics As If People Mattered, Harper and Row Publishers (ISBN 0-06-131778-0)

5. Payutto, Ven. P. A., “*Buddhist Economics - A Middle Way for the Market Place*”, Navajivan Publishing House, Ahmedabad, India.

nguyên lý của Kinh tế học Phật giáo. Cho đến nay, các quan điểm, nguyên tắc về kinh tế, văn hóa kinh tế như: thực hiện phúc lợi thật sự (realization of true well-being); không làm hại bản thân hoặc người khác (not harming oneself or others); tìm kiếm và bảo vệ sự giàu có (seeking and protecting wealth); hạnh phúc gia đình (the happiness of a householder); sự giàu có và sự phát triển tâm linh (wealth and spiritual development); giá trị (value); sự tiêu dùng (consumption); sự tiêu dùng quá mức (over – consumption); sự tiết chế (moderation); sự thỏa mãn (contentment); lao động (work); sự sản xuất và phi sản xuất (production and non – production); sự cạnh tranh và hợp tác (competition and cooperation) sự lựa chọn (choise); quan điểm đời sống (life views) v.v... Có thể nhận thấy, kinh tế học Phật giáo gắn rất chặt 3 thành tố cơ bản: Đạo đức kinh tế; giá trị và lợi ích tâm linh; hạnh phúc cộng đồng,⁶ và đã có ảnh hưởng và được vận dụng khá phổ biến trong đời sống, sinh hoạt và các hoạt động của tín đồ, tổ chức Phật giáo trên toàn thế giới.

Mục tiêu của kinh tế học Phật giáo là phát triển kinh tế phải đồng thời với phát triển văn hóa và an sinh xã hội, làm cho thế giới không còn nghèo đói, một thế giới đầy ắp hạnh phúc và tự do. Kinh tế học Phật giáo là một nỗ lực phối hợp để khắc phục các vấn đề của nhân loại, do đó “kinh tế học Phật giáo” không phải là hệ thống khép kín, mà bao gồm nhiều nguyên tắc phụ thuộc, hòa hợp lẫn nhau, nhằm đạt được mục tiêu chung về phúc lợi xã hội, cá nhân và môi trường. Nói cách khác, các nhà kinh tế học Phật giáo sẽ không chỉ xem xét các giá trị đạo đức của hoạt động kinh tế mà còn cố gắng để hiểu thực tế các hoạt động kinh tế trực tiếp để hòa hợp với “mọi con đường” (the way things are).

Theo các nhà kinh tế học Phật giáo, những nguyên lý, phạm trù cơ bản của triết học Phật giáo chính là hạt nhân chỉ đạo văn hóa tiêu dùng hiện nay của cộng đồng Phật tử và xã hội, đó là 3 nguyên lý và 3 phạm trù cơ bản thể hiện tầm nhìn toàn cầu và tính bền vững cho cả các thế hệ mai sau:

Nguyên lý thứ nhất, theo các nhà kinh tế học Phật giáo, nguyên lý “Chánh mạng” (Right Livelihood) một trong những thành tố

6. Schumacher, E. F, 1973, *Small Is Beautiful: A study of Economics As If People Mattered*, Harper and Row Publishers. (ISBN 0-06-131778-0).p 126

quan trọng của Bát Chánh Đạo” cùng những lời dạy của Đức Phật, hàm chứa các nguyên tắc căn bản của kinh tế học, đó là nguyên tắc: thống nhất giữa các giá trị tôn giáo và tiến bộ kinh tế. Sự kết hợp chặt chẽ không thể phân ly giữa sức khỏe tinh thần với phúc lợi vật chất. Các giá trị cốt lõi của Phật giáo và sự tăng trưởng kinh tế, cũng như lợi ích tâm linh và lợi ích vật chất không phải là mâu thuẫn, đối lập nhau mà đồng nhất một cách tự nhiên. Như các nhà Phật học tuyên bố: “Chúng ta có thể kết hợp thành công các giá trị tôn giáo và di sản tinh thần của chúng ta với những lợi ích của công nghệ hiện đại”⁷

Nguyên lý thứ hai: mục đích cuối cùng của kinh tế học Phật giáo là nền kinh tế tâm linh (Economic Spirituality) mà thực chất là sự tăng trưởng kinh tế phải bảo đảm được sự cân bằng trong đời sống tinh thần, là sự giàu có về tâm linh chứ không phải sự giàu có về vật chất. Do vậy trong mô hình kinh tế học Phật giáo, việc đánh giá hiệu quả kinh tế dựa trên nền kinh tế mang lại chất lượng cuộc sống tốt cho mọi người là khi nó bảo vệ môi trường.⁸ và sự tăng trưởng kinh tế, nhu cầu tiêu dùng phải được đo lường bằng hiệu quả xã hội, bao gồm sự công bằng, tính bền vững xã hội và các hoạt động tạo ra cuộc sống có ý nghĩa. Sự sung túc của một người phụ thuộc vào của cải trong tâm linh hơn là sự giàu có bên ngoài (vật chất).⁹

Nguyên lý thứ ba: Kinh tế học Phật giáo hướng cuộc sống con người vào con đường trung đạo (The middle way of living). Nguyên lý này nhằm hạn chế nhu cầu và tham vọng tiêu dùng thái quá của con người trước các cám dỗ của nền kinh tế thị trường kích thích và đáp ứng mọi ham muốn vật chất của con người. Theo các nhà kinh tế học Phật giáo, con đường trung đạo của cuộc sống con người là sự hài hòa, cân bằng tâm linh bằng cách giảm tối đa nhu cầu vật chất không cần thiết và tối thiểu hóa thị trường hàng hóa tiêu dùng, tối đa hóa lợi ích tinh thần thay vì chỉ quan tâm đến lợi nhuận¹⁰. Do đó,

7. Richard B. Green, 1958, *A Philosophy of Indian Economic Development*, Navajivan Publishing House, Ahmedabad, India. p.54

8 J. C. Kumarappa, 1958, *Economy of Permanence*. Sarva-Seva Sangh Publicati Rajghat, Kashi, India. p.108.

9. Schumacher, E. F, 1973, *Small Is Beautiful: A study of Economics As If People Mattered*, Harper and Row Publishers (ISBN 0-06-131778-0), p. 115

10. Payutto, Ven. P. A., 1988, “*Buddhist Economics - A Middle Way for the Market Place*”, Navajivan Publishing House, Ahmedabad, India, p.26

chất lượng sống của con người không thể đo lường theo mức độ, số lượng tiêu dùng mà phải là mức độ tiêu thụ tối thiểu và đó chính là thước đo thực sự của sự hạnh phúc.¹¹

Có ba phạm trù cơ bản trong kinh tế học Phật giáo nhằm làm rõ sự khác biệt với kinh tế học đương đại là Dhamma (Pháp); Tanha và Chanda – hai mặt đối lập mâu thuẫn và xung đột ngay trong bản chất con người mà kinh tế học Phật giáo thường sử dụng để luận giải các nguyên lý, quan điểm kinh tế. Nội dung chính và giá trị cốt lõi của phạm trù Dhamma trong “kinh tế học Phật giáo” là mô tả một xã hội lý tưởng, nơi mọi hoạt động kinh tế - mua bán, sản xuất và tiêu dùng phải tuân thủ các tiêu chuẩn đạo đức nghiêm ngặt. Còn trong giáo lý Phật học, phạm trù Dhamma được sử dụng để truyền đạt các mức độ chân lý khác nhau, cả sự thật tương đối và chân lý cuối cùng của thế giới. Để mô tả toàn bộ các nguyên nhân và điều kiện, quá trình mà mọi sự tồn tại và hoạt động. Nói cách khác, các nhà kinh tế học Phật giáo sẽ không chỉ xem xét các giá trị đạo đức của hoạt động kinh tế mà còn hiểu các hoạt động kinh tế thực tế và trực tiếp để hòa hợp với “con đường của vạn pháp”¹². Cuối cùng, các hoạt động kinh tế nói chung không thể tách rời khỏi Dhamma, bởi vì tất cả các hoạt động của con người ở bên ngoài, bên trong hoặc có liên quan đến kinh tế đều nằm trong Dhamma. Kinh tế chỉ là một phần của cái toàn thể liên kết rộng lớn, theo luật tự nhiên mà mọi thứ đều có chức năng. Như vậy, theo các nhà kinh tế học Phật giáo, Dhamma mô tả hoạt động của cái toàn thể, là chân lý cơ bản của tất cả vạn pháp, kể cả kinh tế học. “Nếu kinh tế không biết đến Dhamma (Pháp) thì khó có thể giải quyết được các vấn đề trong một quá trình phức tạp, năng động của các nguyên nhân và hậu quả tạo nên thực tại và những lợi ích mà kinh tế nhắm tới sẽ ít hiệu quả hơn”¹³.

11. Payutto, Ven. P. A, 1988, “*Buddhist Economics - A Middle Way for the Market Place*”, Navajivan Publishing House, Ahmedabad, India, p.31

12. Payutto, Ven. P. A, 1988, “*Buddhist Economics - A Middle Way for the Market Place*”, Navajivan Publishing House, Ahmedabad, India, P.49

13. Để chứng minh quan điểm này, các nhà kinh tế học Phật giáo đưa ra ví dụ: “nhu cầu xã hội về một hàng hóa, chẳng hạn như rượu Whisky. Rượu được sản xuất và chưng cất bởi ngũ cốc mà thành sản phẩm. Rượu Whisky sau đó được đưa ra thị trường và sau đó là hoạt động mua, bán và tiêu dùng. Khi nó được tiêu thụ, lợi nhuận, nhu cầu sẽ được thỏa mãn. Tư duy kinh tế hiện đại dừng ở đây, khi đã có lợi ích và đáp ứng nhu cầu. Không có điều tra về những gì xảy ra sau khi lợi ích, nhu cầu được thỏa mãn ứng. Còn Kinh tế học Phật giáo sẽ tiếp tục điều tra xem hoạt động kinh tế đã ảnh hưởng như thế nào đến ba phạm vi kết nối sự tồn tại

Nhìn chung, kinh tế học Phật giáo chính là sự thay đổi, thích ứng và điều chỉnh diện mạo của nền kinh tế thời cách mạng công nghiệp 4.0.

Thay đổi căn bản thứ hai là sự hình thành mô hình Phật giáo Nhân gian. Trên thực tế mô hình Phật giáo Nhân gian đã hiện diện ở một số quốc gia như Đài Loan, Hàn Quốc Nhật Bản v.v... chúng ta cần phân biệt Phật giáo nhân gian với Phật giáo dân gian (Folk Buddhism). Phật giáo dân gian là một hình thức dung hợp giữa Phật giáo với văn hóa và tín ngưỡng truyền thống qua quá trình tiếp biến văn hóa, còn Phật giáo nhân gian là một mô hình tổ chức của giáo hội Phật giáo đương đại theo hướng: “Hòa quang đồng trần”. Đây là tổ chức hiện đại lấy hoạt động xã hội là trung tâm và cũng là hình thức tổ chức như của một bệnh viện, trường đại học, các cơ sở giáo dưỡng, chăm sóc sức khỏe v.v... Mô hình Phật giáo nhân gian có những thay đổi cơ bản sau:

Thứ nhất: Quan điểm “Niết bàn trần gian”

Trong kinh điển Phật giáo, Niết bàn có các loại hình như (1) Niết bàn của thế giới tha phương; (2) Niết bàn của thế giới trước; (3) Niết bàn của thế giới tự tâm; và trong Niết bàn của thế giới tha phương lại có 3 hình thức là: (a) Niết bàn trần gian; (b) Niết bàn Thiên quốc; (c) Niết bàn Phật quốc¹⁴. Trong Phật giáo hiện đại, Pháp sư Thánh Nghiêm (1930 – 2009) là người đã khởi xướng lý thuyết về Niết bàn trần gian (hay Niết bàn tự tâm) trong suốt 40 năm, Pháp sư Thánh Nghiêm đã không chỉ xây dựng được hệ thống kinh điển, lý luận Phật pháp, phương pháp truyền bá, “mà còn tạo thành một phong trào “tịnh hóa tâm hồn” trong cộng đồng tín đồ Phật giáo ở khắp nơi. Pháp sư cho rằng: “Niết bàn trần gian hình thành từ nội tâm của mỗi người, mỗi người nên có trái tim hành thiện, không nên có trái tim ích kỷ. Ngoài ra phải quan tâm đến mọi người, cầu mong toàn thể mọi người đều bình an, đều trở thành tín đồ Phật giáo, khiến những người xung quanh mình đều có thể

của con người: cá nhân, xã hội, thiên nhiên hay môi trường. Trong trường hợp hàng hoá như rượu whisky, chúng ta phải tự hỏi bản thân sự sản xuất rượu ảnh hưởng đến sinh thái như thế nào và mức tiêu thụ của nó ảnh hưởng như thế nào đến cá nhân và xã hội? (trích từ: “Buddhist Economics- A Middle Way for the Market Place” của tác giả Payutto, Ven. P. A)

14. Thích Thánh Nghiêm. 2003. Khảo sát tư tưởng Niết Bàn. NXB Văn hóa Pháp cổ . Đài Bắc. tr. 29, 91

niệm Phật, đều có thể hành thiện, không có tâm ích kỷ, từ cá nhân phát triển đến gia đình, rồi phát triển đến tập thể sẽ dần trở thành thế giới Niết Bàn”¹⁵ như vậy, theo Pháp sư Thánh Nghiêm, “Niết bàn trần gian” Không phải ở thế giới khác, một không gian và thời gian khác mà chỉ là kết quả của thời khắc hiện tại, của con người” ung dung với tự tại với hiểm nguy, diệt hết khổ ách trong lòng, trải nghiệm qua không tính của sinh diệt nhân duyên Phật pháp, khiến tâm không lo sợ, không phiền não, khi đó Niết bàn trần gian có thể xuất hiện”¹⁶.

Nội dung chính của khái niệm Niết bàn trần gian là cái tâm tĩnh lặng và tự tính không chỉ của mỗi cá nhân mà là của cả cộng đồng xã hội và Niết bàn trần gian nhất thiết phải bắt đầu từ tâm tự tính mỗi người, như Kinh: “Duy Ma Khiết thuyết” phần “Phật Quốc Phẩm” viết: “Thị cố bảo tích, Nhã bồ tát dục đạt tịnh thổ, đương tính kỳ tâm; tùy kỳ tâm tịnh, tắc Phật thổ tịnh”¹⁷ theo Pháp sư Pháp Nghiêm, đây là cơ sở kinh điển, giáo lý Phật giáo của Niết bàn trần gian và được ông giảng giải như sau: “Nếu như trái tim của bạn thanh tịnh thì thế giới bạn đang hiện hữu sẽ là thanh tịnh. Đây không phải là tự huyền hoặc bản thân, mà chỉ cần trái tim bạn thanh tịnh, cho dù thế giới này có thể như thế nào đi nữa, đều không thể ảnh hưởng đến bạn, như vậy, thế giới trước mắt bạn sẽ là thanh tịnh. Khi Thích Ca Mâu Ni thành Phật, Ngài nhìn thấy muôn vạn chúng sinh đều có Phật tính, Sa Bà thế giới đều là Niết Bàn, chính là cái đạo lý này”¹⁸.

Có thể thấy tư tưởng về Niết bàn trần gian là sự thống nhất tinh thần của Phật giáo nguyên thủy Ấn Độ với bản sắc Thiền học từ Trung Hoa, do vậy quan điểm về Niết bàn trần gian là sự nhập thế

15. Thích Thánh Nghiêm, 2003, *Đi tìm Niết Bàn trần gian ở đâu?* NXB Văn hóa Pháp cổ . Đài Bắc. tr.27, 28

16. Trương Văn Khải, 2013, *Sự kế thừa và hình mẫu* “Niết Bàn trần gian của Đài Loan – lấy Pháp sư Thánh Nghiêm là mẫu, (Kỷ yếu hội thảo quốc tế: “Phật giáo Châu Á và Việt Nam trong tiến trình phát huy văn hóa dân tộc.” do Giáo hội Phật giáo Việt Nam và Viện Triết học, thuộc Viện Hàn Lâm Khoa học xã hội Việt Nam đồng tổ chức tại Hạ Long Quảng Ninh. Tháng 11 năm 2013.) tr. 303.

17. CBETA, 1993, Kinh: “Duy Ma Khiết thuyết”: Phật quốc phẩm, NXB Thương vụ ấn Nhất Loan, Đài Bắc. tr.157

18. Thích Thánh Nghiêm, 2003, *Đi tìm Niết Bàn trần gian ở đâu?* NXB Văn hóa Pháp cổ, Đài Bắc, tr.46

căn bản vào đời sống xã hội đương đại. “Niết bàn” không còn là một thế giới xa vời và bất khả tri luận nữa, nó cụ thể và gần gũi với tất cả mọi người nó giống như hành động “mặc áo, ăn cơm” thường ngày của con người. Nhìn từ phương diện xã hội, Niết bàn trần gian không những trở thành mục tiêu cụ thể của cộng đồng người và nó có thể trở thành hiện thực trong đời sống xã hội, mà còn là động lực cho mỗi cá nhân, gia đình, cộng đồng đoàn kết, cùng nhau phấn đấu, để trở thành một phong trào xã hội rộng lớn về tịnh hóa tâm hồn. Để xây dựng Niết bàn trần gian, một số các tổ chức Phật giáo ở Đông Á đã vận động một phong trào “Tâm Ngũ Tứ” lấy chữ tâm là nội dung chính với 4 thành tố cụ thể như:

Tứ An: an tâm, an thân, an gia, an nghiệp

Tứ Yếu: nhu yếu, tướng yếu, năng yếu, cai yếu

Tứ Tha: diện đối tha, tiếp thụ tha, xử lý tha, phóng hạ tha

Tứ Cảm: cảm ơn, cảm tạ, cảm hóa, cảm động

Theo Pháp sư Thánh Nghiêm, phong trào vận động “Tâm Ngũ Tứ” nhằm chỉ dẫn cho mọi người trong cuộc sống thường nhật, biết làm thiện, tránh ác biết lựa chọn cuộc sống đúng đắn, lành mạnh, an lạc. Chúng tôi cho rằng, trong cuộc sống hiện đại ngày nay, con người luôn bị cuốn theo nhịp sống hối hả, vội vã, bị kích thích bởi những nhu cầu thái quá, ít có thời gian và cơ hội tĩnh tâm, buông bỏ, điều tiết, do vậy, Niết bàn trần gian chính là giúp Phật tử có mục đích, động lực cụ thể và thực tế trong cuộc sống hàng ngày và thích ứng với những biến đổi của xã hội dưới tác động của cuộc cách mạng 4.0

Thứ hai: Mô hình “Phật giáo nhân gian”

Trong quá trình tồn tại, phát triển, Phật giáo luôn vận động theo tinh thần khế lý, khế cơ. Khế lý chính là những nguyên lý Phật pháp cơ bản, là hạt nhân của toàn bộ tinh thần và thực tiễn Phật giáo, còn khế cơ là sự linh hoạt nương theo những yêu cầu của thời đại mới và đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng tâm linh của Phật tử và đời sống tinh thần xã hội. Do vậy, từ lịch sử của mình, Phật giáo luôn điều chỉnh, cách tân, thậm chí chia thành nhiều tông phái cũng chủ yếu là thích ứng với những biến đổi của thời đại. Mô hình “Phật giáo nhân gian” chính là một trong những hình thức thích ứng với cuộc cách mạng

công nghệ 4.0 đang diễn ra trên toàn thế giới. Đại sư Thái Hư (1890 – 1947), là người đầu tiên khởi xướng Mô hình “Phật giáo nhân gian” với chủ trương: “không trọng sự chết mà chú trọng về sự sinh, không trọng quý thần mà chú trọng về con người”¹⁹ do vậy, “Phật giáo nhân gian” là một mô hình tổ chức tôn giáo nhập thể sâu vào đời sống thực tế, nhằm giúp quảng đại quần chúng thông hiểu giáo lý, chinh đốn tư tưởng Phật giáo, giáo dục và đào tạo nhân tài thích ứng với thời đại toàn cầu hóa. Theo thượng tọa Thích Triệt Định²⁰, trong vòng 50 năm qua, “Phật giáo nhân gian” đã lan tỏa, phổ biến khắp năm châu, đặc biệt phát triển mạnh ở các quốc gia Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Mỹ, Úc và vùng lãnh thổ Đài Loan v.v... Mô hình “Phật giáo nhân gian” hiện tồn tại dưới nhiều hình thức: Viện dưỡng lão, bệnh viện, trường đại học, doanh nghiệp v.v... phương thức điều hành quản trị và hoạt động như tất cả các tổ chức dân sự khác²¹.

Mô hình “Phật giáo nhân gian” là một trong những xu hướng cách tân toàn bộ Phật giáo từ lý luận đến thực hành với mục đích lấy con người là trung tâm, chú trọng đến sự phát triển toàn diện con người, để đáp ứng những nhu cầu thiết thực của con người và đời sống xã hội. Tính Nhân gian của Phật giáo thể hiện rõ trong Phật sự của giáo hội như phiên dịch kinh điển, in ấn, xuất bản giáo lý, thành lập thư viện, tòa báo, đài phát thanh, truyền hình trên phạm vi quốc tế, thực hành chăm sóc sức khỏe, giáo dục, từ thiện với nhiều hình thức đa dạng. Mặc dù tên gọi mô hình này khác nhau, (Phật giáo nhân sinh; Phật giáo thế tục, Phật giáo lấy con người là trung tâm. Phật giáo viên thắng v.v...) cách thức tổ chức, hoạt động khác nhau (ngôn ngữ thuyết pháp, hoằng pháp khác nhau; định hướng khác nhau; mục tiêu giác ngộ khác nhau, thiên hướng hoạt động khác

19. Thích Triệt Định, 2013, Hiện đại hóa hoằng pháp – lấy Phật giáo nhân gian làm thí dụ (Kỷ yếu hội thảo quốc tế: “Phật giáo Châu Á và Việt Nam trong tiến trình phát huy văn hóa dân tộc” do Giáo hội Phật giáo Việt Nam và viện Triết học, thuộc Viện Hàn Lâm Khoa học xã hội Việt Nam đồng tổ chức tại Hạ Long Quảng Ninh. Tháng 11 năm 2013) tr. 107.

20. Thích Triệt Định, thượng tọa viện trưởng viện Tam tạng, thành viên ban trị sự đại học Hoa Phạm, Đài Bắc (TG)

21. Thích Triệt Định, 2013, Hiện đại hóa hoằng pháp – lấy Phật giáo nhân gian làm thí dụ (Kỷ yếu hội thảo quốc tế: “Phật giáo Châu Á và Việt Nam trong tiến trình phát huy văn hóa dân tộc” do Giáo hội Phật giáo Việt Nam và viện Triết học, thuộc Viện Hàn Lâm Khoa học xã hội Việt Nam đồng tổ chức tại Hạ Long Quảng Ninh. Tháng 11 năm 2013) tr. 108 và 127.

nhau) song, chủ trương chung của những mô hình này là đồng hành cùng với xã hội hiện đại, đồng nghĩa với “Toàn cầu hóa, công nghệ 4.0”, “xã hội thông minh” và “phát triển bền vững”

Hiện nay, mô hình “Phật giáo nhân gian” đang được các quốc gia quan tâm lan tỏa vào trong nhiều ngôi chùa và đang trở thành mô hình mang tính quốc tế hóa, hiện đại hóa và đa dạng hóa. Chúng tôi cho rằng, mô hình “Phật giáo nhân gian”, chính là thể hiện sinh động sự thích ứng linh hoạt của Phật giáo trong thời đại mới với cuộc cách mạng công nghệ 4.0 hiện nay.

KẾT LUẬN

Là một hiện tượng văn hóa – xã hội, tôn giáo luôn chịu sự nhào nặn của đời sống xã hội trong một thời đại nhất định, các tôn giáo hình thành, phản ánh đời sống văn hóa – xã hội và đồng thời cũng luôn biến đổi để thích ứng với những thay đổi của văn hóa – xã hội. Phật giáo trong thế kỷ thứ XXI đã thay đổi về căn bản để đáp ứng những nhu cầu tinh thần mới của thời toàn cầu hóa và cuộc cách mạng công nghệ 4.0 những thay đổi trên phạm vi quốc tế và có vai trò ảnh hưởng lớn đến đời sống văn hóa – xã hội là những vấn đề về kinh tế học Phật giáo và mô hình Phật giáo nhân gian. Nếu như kinh tế học Phật giáo phê phán mặt hạn chế của kinh tế học đương đại và làm rõ những quan điểm về sản xuất, tiêu dùng, lao động, giá trị và đạo đức doanh nghiệp trên tinh thần quan tâm chú trọng đến sức khỏe, lợi ích tinh thần và hạnh phúc con người với tiêu chí đạo đức kinh tế và phát triển bền vững, thì lý luận về Niết bàn trần gian và mô hình Phật giáo nhân gian chính là những thay đổi linh hoạt nhằm giúp con người thích ứng và lựa chọn cách sống an lạc, hạnh phúc trong sự biến động của đời sống văn hóa - xã hội bởi tác động từ mặt trái của toàn cầu hóa và cuộc cách mạng công nghệ 4.0.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Schumacher, E. F, 1973, *Small Is Beautiful: A study of Economics As If People Mattered*, Harper and Row Publishers (ISBN 0-06-131778-0)

Payutto, Ven. P. A, “*Buddhist Economics - A Middle Way for the Market Place*, Navajivan Publishing House, Ahmedabad, India.

J. C. Kumarappa, 1958, *Economy of Permanence*. Sarva-Seva Sangh Publicati Rajghat, Kashi, India.

Lâm Sùng An, 1998, Đại thành Niết bàn trần gian: Xã hội hiện đại và Niết bàn trần gian. NXB Công ty Văn hóa Pháp cổ, Đài Bắc.

Trương Văn Khải, 2013, *Sự kế thừa và hình mẫu Niết Bàn trần gian của Đài Loan – lấy Pháp sư Thánh Nghiêm là mẫu*. (Kỷ yếu hội thảo quốc tế: “Phật giáo Châu Á và Việt Nam trong tiến trình phát huy văn hóa dân tộc” do Giáo hội Phật giáo Việt Nam và viện Triết học, thuộc Viện Hàn Lâm Khoa học xã hội Việt Nam đồng tổ chức tại Hạ Long Quảng Ninh. Tháng 11 năm 2013.)

CBETA, 1993, *Kinh: “Duy Ma Khiết thuyết”*: Phật quốc phẩm. NXB Thương vụ ấn Nhất Loan, Đài Bắc.

CBETA, 1993, *Kinh: “Phật thuyết Dược sư Như Lai Bốn nguyện”*. NXB Thương vụ ấn Nhất Loan, Đài Bắc.

CBETA, 1993, *Kinh: “Trường A Hàm”*: quyển 1. NXB Thương vụ ấn Nhất Loan, Đài Bắc.

Thích Thánh Nghiêm, 2003, *Khảo sát tư tưởng Niết Bàn*, NXB Công ty Văn hóa Pháp cổ, Đài Bắc.

Thích Thánh Nghiêm, 1999, *Trần gian bình an*. NXB Công ty Văn hóa Pháp cổ, Đài Bắc.

Thích Thánh Nghiêm, 2003, *Đi tìm Niết Bàn trần gian ở đâu?* NXB Công ty Văn hóa Pháp cổ, Đài Bắc.

Dương Huệ Nam, 2008, *Tình hình khó khăn của Phật giáo nhân gian*. Viện Phật học, Đài Bắc.

Lâm Kiến Đức, 2011, *Nghiên cứu sự phát triển của “Phật giáo*

nhân gian” trong hai thập kỷ gần đây tại Đài Loan. NXB Đại học Hoa Phạm, Đài Loan.

Thích Triệt Định, 2013, *Hiện đại hóa hoằng pháp – lấy Phật giáo nhân gian làm thí dụ*, (Kỷ yếu hội thảo quốc tế: “Phật giáo Châu Á và Việt Nam trong tiến trình phát huy văn hóa dân tộc” do Giáo hội Phật giáo Việt Nam và Viện Triết học, thuộc Viện Hàn Lâm Khoa học xã hội Việt Nam đồng tổ chức tại Hạ Long Quảng Ninh. Tháng 11 năm 2013.)

Đại sư Mãn Nghĩa, 2006, *Phật giáo nhân gian theo mô hình của Đại sư Tinh Vân*. Học viện Tam Tạng, Đài Bắc.

Pháp sư Hậu Quan, 2007, *Từ Phật giáo nhân gian bàn về tự lập, tự tha của hạnh Tịnh Độ*, Học viện Tam Tạng, Đài Bắc.

Dương Tăng Văn, 2012, Đề xuất việc tăng cường nghiên cứu lý luận Phật giáo nhân gian, Viện tôn giáo, Viện khoa học xã hội Trung Quốc, Bắc Kinh.

Thích Nhật Từ, Trương Văn Chung, Nguyễn Công Lý (đồng chủ biên), 2014, *Phật giáo với các mục tiêu thiên niên kỷ của Liên Hiệp Quốc*, NXB Đại học Quốc gia. TP.HCM.

Bukkyo Dendo Kyokai, 1966, *The teaching of Buddha. Society for the promotion of Buddhism*, Tokyo, Japan.

<https://vi.wikipedia.org/wiki>

<http://laodongxahoi.net/thi-truong-lao-dong-viet-nam-trong-boi-canhh-cach-mang-cong-nghiep-40-1308780.html>

VIỆC ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ TẠI CƠ SỞ PHẬT GIÁO: HÌNH THỨC VÀ Ý NGHĨA

Đào Thị Diễm Trang*

Đến thế kỷ XXI, cùng với các tôn giáo khác, Phật giáo vẫn tiếp tục giữ vị trí quan trọng trong đời sống tâm linh của con người. Không chỉ các tín đồ Phật giáo mà các nhà nghiên cứu và kể cả những người “ngoại đạo” đều mong muốn tìm hiểu, thực hành Phật pháp như một cách gia tăng kiến thức, rèn luyện thân tâm nhằm đạt đến an lạc và hạnh phúc viên mãn, bền lâu.

Trong thời đại 4.0, nhiều cơ sở, tổ chức Phật giáo đã và đang quan tâm cũng như mạnh dạn ứng dụng các công nghệ, kỹ thuật tiên tiến nhằm tạo sự hiện đại, thân thiện và phù hợp với thời cuộc. Vậy các công nghệ đó chủ yếu là gì, có giá trị và ý nghĩa như thế nào, được Phật tử đón nhận ra sao? Bài viết này bước đầu tìm hiểu các phương thức ứng dụng công nghệ tại một số cơ sở Phật giáo tại châu Á và Việt Nam, từ đó đưa ra một số cảm nhận và suy nghĩ riêng.

1. NHỮNG CÔNG NGHỆ MỚI Ở CÁC CƠ SỞ PHẬT GIÁO CHÂU Á

1.1 Cơ sở Phật giáo là gì?

Ban Tôn giáo Chính phủ của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam định nghĩa: “Cơ sở tôn giáo gồm chùa, nhà thờ, nhà nguyện, thánh thất, thánh đường, trụ sở của tổ chức tôn giáo, cơ sở hợp pháp khác của tổ chức tôn giáo”¹. Như vậy, có thể hiểu cơ sở Phật giáo là chùa, các trụ sở và cơ sở hợp pháp khác của tổ chức Phật giáo, phù hợp với truyền thống văn hóa của đất nước và tuân

* Thạc sỹ, Khoa Văn học, ĐHKHXH&NV TP.HCM

1.http://btgcp.gov.vn/Plus.aspx/vi/News/38/0/242/0/12162/Cau_11_Co_so_ton_giao_la_gi_

thủ mọi quy định của pháp luật. Trong phạm vi của bài viết, chúng tôi chỉ tìm hiểu các công nghệ được ứng dụng tại chùa – địa điểm quan trọng và phổ biến nhất của Phật giáo với các vai trò chủ đạo như: thờ cúng chư Phật, phổ biến kinh điển Phật giáo, tổ chức các hoạt động mang tính chất xiển dương Phật giáo; giáo huấn chúng sinh, trợ giúp người mất, thực hiện các công việc thiện nguyện; nâng cấp trình độ tu sĩ; nâng cấp cơ sở vật chất; tập trung tăng ni và Phật tử một cách đông đảo, văn minh... Chùa là địa điểm cụ thể, căn cốt để tín đồ Phật giáo được trải nghiệm các hoạt động tâm linh, bày tỏ lòng sùng kính Phật giáo, tăng cường hiểu biết và thực hành Phật giáo, thậm chí có thể tìm nơi tu tập, an trú khi còn tại thế và cả khi khuất bóng. Ở Việt Nam, từ một vài ngôi chùa tại Luy Lâu buổi đầu, nhiều ngôi chùa khác đã được dựng lên, “lan tràn khắp nơi khắp xứ, tồn tại một cách khiêm tốn, không ngạo nghễ khoe khoang, cùng với mọi người dân đồng cam cộng khổ”².

Để có thể thực hiện trọn vẹn sứ mệnh tốt đời đẹp đạo của Phật giáo, để có thể tạo niềm thành kính và sự tin cậy lớn nhất cho các tín đồ Phật giáo thì vai trò của cơ sở vật chất, tu sĩ và các nhân viên phục vụ trong mỗi ngôi chùa là không hề nhỏ. Mỗi Phật tử, ngoài việc đến chùa lễ Phật, cầu an cầu siêu hoặc thanh tịnh thân tâm, thì còn mong muốn tham gia vào các hoạt động hay lễ hội của chùa – như một cách thức gắn kết bản thân với tôn giáo rõ ràng và hiệu quả nhất. Chính vì vậy, ở đa số các quốc gia Phật giáo tại Đông Nam Á như Myanmar, Lào, Campuchia, các hình thức truyền thống nhằm bồi đắp, gia tăng niềm tin và sự trân trọng của Phật tử dành cho Phật giáo được diễn ra thường xuyên như: giảng pháp, tổ chức ăn uống và vui chơi tại chùa trong các dịp lễ lớn, tổ chức lễ tắm Phật, lễ dựng cột chùa, rảy nước ban phước, ban “phép” (một phong bao nhỏ đựng một tờ tiền mệnh giá nhỏ hoặc bài kệ ngắn), buộc chỉ cổ tay... Các hình thức phong phú này mang đến niềm vui thích, sự an tâm và tăng cường cảm giác gắn bó với cơ sở tôn giáo nơi tín đồ. Riêng những cơ sở Phật giáo tại Malaysia, Nhật Bản, Trung Quốc, Hồng Kông, Đài Loan, Hàn Quốc... lại đi tiên phong trong việc áp dụng các công nghệ mới, thu hút được sự quan tâm của Phật tử và mang lại những lợi ích nhất định.

2.. Thuận Phước, Phong tục dân gian – Nghi lễ thờ Phật, NXB Văn Hóa Dân Tộc, 2016, tr.95

1.2 Thế nào là công nghệ?

Thuật ngữ “công nghệ” được sử dụng trong rất nhiều ngữ cảnh khác nhau, và cách hiểu từ “công nghệ” cũng rất khác nhau. Có quan niệm cho rằng công nghệ chỉ bao gồm các yếu tố phi vật thể như bí quyết, kỹ thuật, giải pháp...; quan niệm khác lại cho rằng công nghệ bao gồm cả các yếu tố vật thể là máy móc thiết bị để hiện thực hóa phần phi vật thể. Còn nếu chiết tự từ “công nghệ” thì có thể hiểu nôm na đó là nghệ thuật sử dụng công cụ. Hiện nay, các từ điển tiếng Việt chưa giải thích thỏa đáng từ “công nghệ”, thậm chí còn đánh đồng công nghệ và công nghiệp, chẳng hạn như: “Công nghệ nói chung các phương pháp chế tạo, làm thay đổi trạng thái, tính chất nguyên vật liệu hay bán thành phẩm sử dụng trong quá trình sản xuất để tạo ra sản phẩm hoàn chỉnh”³.

Luật chuyển giao công nghệ do Nhà nước ban hành có định nghĩa thuật ngữ rõ ràng hơn tuy còn đơn giản: “Công nghệ là giải pháp, quy trình, bí quyết có kèm hoặc không kèm công cụ, phương tiện dùng để biến đổi nguồn lực thành sản phẩm”; “Công nghệ tiên tiến là công nghệ có trình độ công nghệ cao hơn trình độ công nghệ cùng loại hiện có tại Việt Nam, đã được ứng dụng trong thực tiễn, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm vượt trội và thân thiện với môi trường” và “Công nghệ cao là công nghệ có hàm lượng cao về nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; được tích hợp từ thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại; tạo ra sản phẩm có chất lượng, tính năng vượt trội...”⁴.

Website của Sở Khoa học Công nghệ Vĩnh Phúc giải thích từ “công nghệ” dựa trên thuật ngữ tiếng nước ngoài: “Thuật ngữ “công nghệ” xuất phát từ chữ Hy Lạp “techne” có nghĩa là một nghệ thuật hay một kỹ năng, và “logia” có nghĩa là một khoa học hay một nghiên cứu”⁵. Website <http://luatsu-vn.com/> cung cấp một số thông tin cụ thể hơn: “Công nghệ là tập hợp các phương pháp gia công, chế tạo, làm thay đổi trạng thái, tính chất, hình dáng nguyên vật liệu hay bán thành phẩm sử dụng trong quá trình sản xuất để tạo ra sản phẩm

3. Từ điển tiếng Việt, NXB Từ Điển Bách Khoa, Hà Nội, (2013), tr.233

4. Quốc Hội, Luật Chuyển giao công nghệ, NXB Chính Trị Quốc Gia Sự Thật, 2017, tr.6

5. https://vinhphuc.gov.vn/ct/module/hoidap/Lists/DanhSachCauHoi/View_Detail.aspx?ItemID=588

hoàn chỉnh (*Từ điển kỹ thuật Liên Xô*). Theo các tài liệu nghiên cứu của tác giả Vũ Cao Đàm thì có 3 khái niệm về công nghệ:

Khái niệm 1: Công nghệ là một trật tự nghiêm ngặt các thao tác của quá trình chế biến vật chất/ thông tin

Khái niệm 2: Công nghệ là một phương tiện (device) chế biến vật chất/thông tin bao gồm phần cứng và phần mềm

Khái niệm 3 (mô hình Sharif): Công nghệ là một cơ thể (hệ thống) tri thức về quá trình chế biến vật chất hoặc thông tin về phương tiện và phương pháp chế biến vật chất và/ hoặc thông tin.

Công nghệ gồm 4 yếu tố: Kỹ thuật (Technoware); Thông tin (Inforware); Con người (Humanware); Tổ chức (Orgaware). Còn Ủy ban Kinh tế và xã hội khu vực Châu Á Thái Bình Dương (ESCAP) cho rằng công nghệ là kiến thức có hệ thống về quy trình và kỹ thuật dùng để chế biến vật liệu và thông tin. Công nghệ bao gồm kiến thức, kỹ năng, thiết bị, phương pháp và các hệ thống dùng trong việc tạo ra hàng hóa và cung cấp dịch vụ⁶.

Từ các quan niệm trên, có thể hiểu đơn giản rằng công nghệ là cách ứng dụng các lý thuyết khoa học kỹ thuật mới vào việc tạo ra những sản phẩm vượt trội, hữu ích cho đời sống và các hoạt động của con người.

Dựa vào quan sát thực tế và các thông tin trên các phương tiện truyền thông, chúng tôi bước đầu nhận thấy các công nghệ mới tại chùa châu Á có thể kể đến là: hệ thống truyền phát thông tin hiện đại (màn hình kỹ thuật số, máy chiếu, website), robot, nghĩa trang điện tử, hệ thống xin xăm điện tử hoặc cảm ứng...

1.3 Một vài ví dụ

Màn hình LCD và nền sạc LED

Tại chùa Bayan Lepas (Penang, Malaysia), trong các buổi cầu nguyện của thân nhân người quá cố, các màn hình LCD 50 inch đã được đặt ở hai vách của phòng cầu nguyện thay cho các mảnh giấy ghi tên người quá cố và nguyện ước của thân nhân rồi dán lên tường như trước đó. Các slide trên màn hình thay đổi cứ sau ba giây để

6. <http://luatsu-vn.com/khai-niem-cong-nghe/>

hiển thị các tên khác nhau. Tên tuổi của người mất được lồng trong hình hoa sen bay về phía lòng bàn tay của Đức Phật như một hàm ý rằng linh hồn của họ được Đức Phật đón nhận và che chở, độ trì. Nhà sư Ven Wei Wu của chùa cho biết chùa cung cấp cho tín đồ cả nến sạc LED vì nó không chỉ thân thiện với môi trường mà còn bảo đảm được vấn đề phòng cháy chữa cháy⁷.

Máy xin xăm

Tại chùa Bà Thiên Hậu (Kuala Lumpur, Malaysia), người muốn xin xăm không phải tốn công lắc lon đựng thẻ tre chứa số mà chỉ cần cầm cả bó xăm lớn bao gồm các thẻ nhựa có in số vào một chiếc lon lớn, ngay lập tức một thẻ xăm sẽ tự động nảy lên. Người xin xăm đến học tử có số xăm tương ứng, mở ra là lấy được giấy giải xăm bao gồm ba thứ tiếng Mã Lai - Hoa - Anh. Còn ở miếu Văn Võ (Đài Trung, Đài Loan), có một máy xăm ở điện thờ Khổng Tử khá độc đáo. Người xin xăm chỉ cần bỏ xu 10 Đài tệ vào khe của tủ kính đặt ở tay phải của pho tượng Khổng Tử, nhạc trỗi lên, “nàng tiên” robot trong tủ đi vào trong, vài giây sau bung ra khay đựng lá xăm được cuộn tròn và thả ra một khe khác. Người xin xăm cũng có thể lấy xăm bằng cách bấm vào màn hình cảm ứng ở một chiếc máy khác trong điện thờ này.

Nhà sư robot

Tại chùa Long Tuyền (Bắc Kinh, Trung Quốc), nhà sư robot tên Xian'er đã thu hút hàng nghìn lượt Phật tử đến tham quan ngôi chùa có tuổi đời trên 500 năm này. Nhà sư chỉ cao 60 cm, mũm mĩm, ngộ nghĩnh như nhân vật hoạt hình. Nhà sư Xianfan cho biết robot Xian'er có thể đọc kinh Phật và trả lời mỗi lần 20 câu hỏi cho những ai viết câu hỏi lên tấm bảng điện tử trước ngực anh ta. Với những câu hỏi ngoài khả năng, Xian'er sẽ nói “Không biết” hoặc “Để tôi hỏi lại sư phụ đã”. Nhóm phóng viên của đài CNN thuật lại: “Lúc đầu, anh ta có vẻ không hợp tác lắm. Đầu anh cứ quay lắc và nói: “Để tôi yên, đừng làm phiền tôi!”. Nhưng khi đã “có tâm trạng”, trí tuệ Phật giáo của anh ta tỏa sáng để trả lời các câu hỏi, chẳng hạn:

Phóng viên: Bạn đến từ đâu?

7. <http://www.buddhistchannel.tv/index.php/index.php?id=56,10959,0,0,1,0#.XHy-jNegzY2w>

Xian'er: Làm thế nào mà tôi trả lời một câu hỏi mà chính bạn cũng không có câu trả lời.

Phóng viên: Xian'er, bố mẹ bạn là ai?

Xian'er: Các nhà thiết kế có tính không?

Dù không đặt ra tiêu chuẩn nhưng điều thú vị là chùa Long Tuyền có nhiều nhà sư có trình độ học vấn cao trong các lĩnh vực công nghệ, hàng không vũ trụ, kỹ thuật, toán học, khoa học y tế và tài chính⁸.

Chùa Kodaiji 400 năm tuổi ở Kyoto đã ra mắt robot android biết tụng kinh, cúi đầu, đánh trống và rung chuông đầu tiên trên thế giới, được mô phỏng theo hình tượng nữ thần của lòng thương xót Kannon nổi tiếng trong văn hóa Phật giáo Nhật Bản. Robot tên Mind Mindar đứng trên bệ cao 195 cm, nặng 60 kg, được làm bằng silicon và nhôm, trung tính về giới tính. Ngoại hình của Mindar được giữ ở mức gần giống như một robot trần trụi, có thể thấy rõ dây nhợ ở phần thân. Mindar có thể di chuyển trông mắt, tay cũng như thân mình, thực hiện những cử chỉ giống con người trong bài phát biểu của mình và chấp tay cầu nguyện. Một camera được cấy vào mắt trái của robot để lấy nét đối tượng, từ đó giúp nó linh hoạt hơn trong giao tiếp bằng mắt. Trong các buổi lễ, Mindar còn có thể trả lời các câu hỏi bằng tiếng Nhật và nhà chùa sẽ chiếu phụ đề tiếng Anh và tiếng Trung lên tường⁹.

Thuyết giảng bằng ánh sáng công nghệ

Trước tình trạng người trẻ tham dự các buổi nói chuyện Phật giáo giảm sút dần, một tu sĩ ở chùa Asakura (Fukui, Nhật Bản) đã phát minh ra *hoio* – công nghệ hợp nhất hình ảnh, kinh điển Phật giáo truyền thống với ánh sáng điện tử rực rỡ, bắt mắt. Nhà sư Gyosen Asakura, trụ trì chùa Asakura, người có nhiều kinh nghiệm DJ, đã thể hiện những hình ảnh về cuộc sống của linh hồn sau khi chết ở cõi Cực Lạc trong các buổi thuyết giảng. Ông hy vọng sự sáng tạo này sẽ thu hút sự quan tâm đến Phật giáo¹⁰.

8. http://www.chinadaily.com.cn/china/2017-08/18/content_30762588.htm

9. <https://thediplomat.com/2019/03/an-ancient-japanese-shrine-debuts-a-buddhist-robot/>

10. <https://www.thejakartapost.com/life/2017/04/17/illuminating-buddhism-in-a->

Phân mềm chỉ đường ở Ấn Độ

Tại Ấn Độ, một số apps chỉ đường đã giúp đỡ cho rất nhiều người muốn di chuyển từ ngôi đền/ chùa này sang ngôi đền/ chùa khác. Bởi, tại đất nước của tâm linh này, dòng người đi hành hương, đi đến các cơ sở tôn giáo không bao giờ dứt nhưng quả là một vấn đề nan giải cho tín đồ khi đường xá và phương tiện giao thông ở đây chưa phát triển. Vì vậy, với công nghệ này, người dùng chỉ cần gõ tên điểm mình đang đứng và tên điểm đến, apps sẽ chỉ đường ngắn và tiện nhất.

Nghĩa trang kỹ thuật số

Bên cạnh khuôn viên nghĩa trang truyền thống, chùa Koukoko-ji (Tokyo, Nhật Bản) đã thiết lập nghĩa trang kỹ thuật số Ruriden trong một ngôi nhà nhỏ gọn với hơn 2000 pho tượng pha lê được chiếu sáng bằng đèn LED tông màu xanh lam. Mỗi pho tượng đại diện cho một người đã mất (hoặc sẽ mất). Hài cốt của người quá cố được đặt trong một hộp lưu trữ nằm ngay phía sau bức tượng Phật. Khi thân nhân của người mất quét thẻ từ vào hệ thống truy cập của Ruriden, tượng Phật của thân nhân họ sẽ phát ra một ánh sáng màu khác để họ định vị dễ dàng hơn. Nhiều công dân Nhật đã tìm hiểu và đăng ký cho mình “một suất” tại Ruriden¹¹.

2. CÁC CƠ SỞ PHẬT GIÁO Ở VIỆT NAM CÓ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ KHÔNG?

Không thể trả lời câu hỏi này một cách thấu đáo nếu như không có những cuộc khảo sát, thống kê các hình thức sử dụng công nghệ (nếu có) một cách kỹ lưỡng tại các chùa ở Việt Nam. Phạm vi bài viết chưa thể làm được điều này nên chỉ có thể đưa ra những nhận xét bước đầu dựa theo quan sát thực tế một số chùa tại TP.HCM và theo dõi các thông tin báo chí.

Điểm đầu tiên có thể nhận thấy là kỹ thuật thạch táng tro cốt người chết đã được đưa vào hầu hết các chùa tại TP.HCM (chùa Vĩnh Nghiêm, chùa Già Lam, chùa Hưng Gia...).

Ép cốt thạch táng là công nghệ lấy tro cốt người mất từ hũ cốt truyền

high-tech-light.html

11. https://motherboard.vice.com/en_us/article/9a3a5a/death-is-a-high-tech-trip-in-japans-futuristic-cemeteries

thống (hình búp sen, tròn, bầu dục...) ra, ép tro cốt đó thành dạng khối rắn chắc như đá granit, sau đó chuyển vào hũ vuông. Hình ảnh và thông tin người mất được khắc chìm vào khối pha lê được gắn ngay bên trên hũ thạch táng. Công nghệ này cho hình ảnh **bền đẹp theo thời gian**, tạo cảm giác thẩm mỹ, trang nhã, thân thiện, tiết kiệm diện tích cho nhà để cốt, từ đó đáp ứng được nguyện vọng gửi tro cốt ngày càng nhiều của cư dân sống tại các đô thị. Hòa thượng Thích Thiện Tánh (Phó ban thường trực Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam TP.HCM) cho biết: “Hiện tại Thành hội Phật giáo TP.HCM không trực tiếp quản lý những nơi cất giữ tro cốt và Thành hội Phật giáo TP.HCM cũng không có chủ trương yêu cầu những nơi đang cất giữ tro cốt phải chuyển đổi hũ đựng tro cốt thông thường sang “thạch cốt”... Cần nhấn mạnh rằng chủ trương của Thành hội Phật giáo TP.HCM đối với những nơi nhận cất giữ, thờ phụng tro cốt là phải luôn tạo điều kiện tốt nhất cho những ai mong muốn được gửi tro cốt của người thân”¹². Trong thực tế, tuy không phải ai cũng có điều kiện thạch táng phần tro cốt của thân nhân đang gửi tại các chùa nhưng hình thức này ngày càng được tín đồ Phật giáo ưa chuộng vì tính ưu việt của nó.

Một ứng dụng công nghệ khác được các cơ sở Phật giáo tận dụng là sử dụng mạng internet. Hầu hết các chùa ở Việt Nam và các chùa Việt Nam ở hải ngoại hiện nay đều có website riêng hoặc facebook như một kênh thông tin trực tuyến chính thức. Nhiều website được đầu tư công phu, có pháp thoại trực tuyến, tư vấn trực tuyến, thông báo các khóa tu học và vô số kinh Phật, sách chủ đề Phật giáo của nhiều tác giả trong và ngoài nước, ngôn ngữ đa dạng, bản dịch phong phú dưới nhiều định dạng khác nhau, rất thuận tiện cho người đọc sử dụng. Phật tử có thể tải các tài liệu phù hợp với mình, lưu trữ trong điện thoại di động/ ipad/ máy đọc sách để có thể xem bất cứ khi nào, ở đâu. Một số website có thể tham khảo là: langmai.org, <http://www.chuahoangphap.com.vn>, <http://thienvienminhquang.com>, <http://vinhnghiem.com...>

Bên cạnh các website chính thức của chùa, nhiều trang mạng, báo điện tử do các tăng ni, các tổ chức hoặc các tín đồ Phật giáo sáng lập đảm nhận công việc phổ biến kiến thức Phật giáo từ cơ bản đến nâng cao, cập nhật các thông tin mới về Phật giáo, truyền

12. <https://tuoitre.vn/buoc-chuyen-hu-dung-cot-sang-thach-cot-645556.htm>

tải và hướng dẫn Phật tử ứng dụng các khía cạnh tích cực của đạo Phật vào đời sống, giáo dưỡng tinh thần và tâm hồn Phật tử... Độc giả hoàn toàn có thể tìm thấy nhiều thông tin bổ ích, sâu sắc và phong phú trên các trang web như: giacngo.com, thuvienhoasen.org, phatphapungdung.com, daophatngaynay.com, nigioikhatsi.net, phathocdoisong.com, hoavouu.com... Ví dụ, trang hoavouu.com có 15 mục lớn bao gồm: Trang chính, Tin tức, Hoằng pháp, Văn hóa Phật giáo, Văn học, Khoa học đời sống, Hình ảnh, Media, Tủ sách PDF, Web links, Site map, Bảo trợ, English; trong mỗi mục lớn lại có 5-8 mục nhỏ. Tín đồ hoặc người muốn tìm hiểu, nghiên cứu Phật giáo còn có thể vừa luyện tiếng Anh vừa tăng cường kiến thức Phật giáo khi đọc các trang web này.

Cuối năm 2018 và đầu năm 2019, báo chí ở TP.HCM đồng loạt đưa tin về máy xin xăm tự động ở chùa Vạn Phật (Q.5, TP.HCM) và cho biết người dân rất hứng thú đến chùa để tìm hiểu và “dùng thử” chiếc máy này. Thật ra, đây chính là mẫu máy đã có ở miếu Văn Võ (Đài Loan) từ trước đó vài năm mà chúng tôi đã mô tả ở phần trên bài viết.

Ngoài ra, một vài “công nghệ” không còn mới mẻ gì nhưng vẫn được các cơ sở Phật giáo sử dụng thường xuyên là các thiết bị kim khí điện máy (loa, đầu đĩa, đầu phát kỹ thuật số, máy chiếu, màn chiếu, đèn LED, ti vi...). Các phương tiện này rất hữu hiệu trong những buổi lễ lớn, có đông đúc Phật tử tham dự. Chẳng hạn, ti vi màn hình phẳng đã được sử dụng để hiện ảnh người quá cố trong nghi thức cầu siêu. Một màn hình ti vi có thể hiển thị từ một đến tám ảnh người quá cố, tạo sự trang trọng cho nghi lễ. Nhiều chùa đã sử dụng máy xông tinh dầu, máy lọc không khí và khuyến khích Phật tử hạn chế thắp nhang để bảo vệ môi trường, chống cháy nổ.

Ngoài một số kỹ thuật như đã nêu trên thì người viết vẫn chưa phát hiện được công nghệ đáng kể nào ở các chùa tại TP.HCM. Có thể thấy tình hình chung là các Phật tử vẫn thực hiện các nghi thức thờ cúng, truyền bá tôn giáo theo phương pháp truyền thống. Theo chúng tôi, điều này xuất phát từ những lý do chính:

Người Việt đã quen với quan niệm tu là khổ hạnh và các nghi thức tu hành nên là nghi thức truyền thống, nghiêm trang, hình thức càng giản dị càng tốt.

Máy móc, robot không thể so sánh với trí tuệ của tăng ni, bởi lễ tu Phật là một quá trình rèn luyện tinh thần và thể xác, đốn ngộ và tinh tấn chứ không đơn giản là sở hữu hoặc thuộc lòng bao nhiêu giáo lý, tài liệu. Thêm nữa, các nghi thức Phật giáo cũng như việc phổ biến kiến thức Phật giáo là dịp thể hiện lòng thành kính, tu lực, trí lực của tăng ni nên không máy móc nào có thể thay thế con người thực hiện những điều này.

Khoảng cách về tri thức công nghệ, điều kiện kinh tế và nhân lực giữa chùa này và chùa khác khá chênh lệch; do đó chưa thể triển khai đồng bộ các công nghệ mới tại tất cả các chùa ở TP.HCM...

3. Ý NGHĨA CỦA VIỆC SỬ DỤNG CÔNG NGHỆ TẠI CƠ SỞ PHẬT GIÁO

3.1 Bảo vệ môi trường, tiết kiệm chi phí

Nhà sư Ven Wei Wu của chùa Bayan Lepas (Penang, Malaysia) cho biết lý do sử dụng màn hình LCD trong các buổi cầu nguyện là nhằm bảo vệ môi trường. Nếu theo nghi thức truyền thống như trước đó, khoảng 1.000 mẫu giấy khổ A4 sẽ bốc cháy sau các buổi cầu nguyện. Chùa cũng cấm đốt nhang, giấy tiền vàng bạc và nến để mang lại không khí trong lành cho chùa. Chúng ta cũng có thể nhận thấy là nếu không có người hay tổ chức tiên phong thay đổi, con người thường có khuynh hướng khư khư giữ truyền thống ngay cả khi nhận ra nó lạc hậu và bất lợi.

Tương tự, nghĩa trang kỹ thuật số cũng là một cách thiết thực để bảo vệ môi trường và tiết kiệm tài nguyên đất, bởi tất cả chúng ta đều biết rằng diện tích đất không hề mở rộng, trong khi dân số ngày càng tăng và số người mất mỗi phút, mỗi giờ, mỗi ngày cũng không hề giảm. Dù bạn ở quốc gia nào, việc mỗi người qua đời đều phải có một khoảng đất để an táng là bất khả trong tương lai. Đã vậy, việc chấp nhận nghĩa trang ở ngay trong nội đô chính là đồng tình với việc để người sống “xen kẽ” với người chết, vô cùng kém an toàn, kém văn minh, giảm thấp chất lượng sống. Đó là chưa kể chi phí mua đất nghĩa trang ngày càng đắt đỏ. Người thân của người mất còn phải đóng phí bảo dưỡng; tốn kém thời gian, chi phí di chuyển đến nghĩa trang để thăm mộ; chưa kể việc họ trở thành nạn nhân của các vấn nạn khác tại nghĩa trang truyền thống.

(Hiện nay, hình thức thủy táng hiện đại đã được áp dụng ở một số nơi trên thế giới nhưng vẫn còn xa lạ với người Việt. Đây là cách an táng ra đời và phát triển dựa trên hình thức hỏa táng nên nó còn có tên gọi là “hỏa táng bằng nước”. Người ta mở nắp máy thủy táng, đặt tử thi vào, dùng dung dịch kiềm cùng kali hydroxit để phân huỷ mô, chỉ để lại phần xương người chết. Phần xương này được thạch táng, còn dung dịch chất lỏng được xử lý và đưa ra hệ thống nước thải Tất cả diễn ra trong quy trình khép kín, vệ sinh và an toàn. Khách hàng chọn dịch vụ này vì nó thân thiện với môi trường. Nhiều người cho rằng nước nhẹ nhàng, mát mẻ chứ không khô nóng lửa nên sẽ tốt hơn cho người đã khuất. Dù vậy, nhiều người vẫn có thành kiến về dịch vụ này: không thể đối xử với người thân như một loại rác thải, rất bất kính và không phù hợp. Nếu giải tỏa được tâm lý của thân nhân người mất thì có thể trong tương lai, mô hình này sẽ được áp dụng tại Việt Nam¹³).

3.2 Biểu hiện tính nhân văn, khơi mở trí tưởng tượng

Ở Nhật Bản, vấn đề tỷ lệ sinh giảm, thiếu không gian trong các thành phố và giá cả đất đai tăng vọt đã khiến nghĩa trang kỹ thuật số ở chùa Koukoko-ji (Tokyo, Nhật Bản) ra đời. Bởi lẽ, không phải ai cũng có đủ điều kiện kinh tế cũng như cái may mắn được con cháu đời đời tưởng niệm, thăm nom mộ phần. Do đó, việc một người sống có thể tự mình chọn lựa một pho tượng trong hơn 2000 pho tượng Phật tại nghĩa trang kỹ thuật số là cách để họ an tâm, ấm áp hơn khi nghĩ đến ngày cuối đời. Thậm chí, Ruriden còn không dán ảnh người mất trong mỗi ô vuông của nghĩa trang mà chỉ để pho tượng Phật đại diện trong mỗi ô. Phải chăng đó chính là quan niệm người mất đi rồi thì tất thảy đều bình đẳng, đều được Đức Phật gia hộ độ trì về cõi Cực Lạc?

Kohei Ogawa, Phó giáo sư về lĩnh vực robot thông minh tại Đại học Osaka, người góp phần sáng tạo robot Mindar nói rằng: những hình ảnh của các vị thần Phật mà chúng ta nhìn thấy từ các di tích và tượng hôm nay đã được sáng tạo bởi trí tưởng tượng của các thế hệ tu sĩ khác nhau trong quá khứ. Nhưng các nhà sư thế hệ mới coi

13. <https://vnexpress.net/projects/thieu-xac-bang-nuoc-phuong-thuc-mai-tang-gay-tranh-cai-3592276/index.html>

robot là một cách để đa dạng hóa trí tưởng tượng của mọi người về các đẳng tối cao này. Thậm chí, Phật tử có thể suy diễn linh hoạt giới tính của thần linh tùy theo niềm tin của mình. Việc robot Mindar được tối giản các chi tiết cũng là cách để tín đồ chiêm ngưỡng nó có thể tưởng tượng, bổ sung thêm các chi tiết mới nhằm hoàn thiện “bản vẽ” về đẳng tối cao trong tâm trí họ.

3.3 Mang lại diện mạo mới cho Phật giáo

Khi giới thiệu robot Xian'er vào năm 2015, chùa Long Tuyền tuyên bố rằng họ hy vọng việc sử dụng công nghệ tiên tiến sẽ giúp việc truyền bá Phật giáo thuận lợi hơn. Robot này ra đời không nhằm mục đích quảng cáo hay thương mại mà chủ yếu đưa ra giải pháp hợp nhất Phật giáo với khoa học, nhằm truyền tải thông điệp rằng tôn giáo và khoa học không mâu thuẫn, hoàn toàn có thể song hành với nhau. Nếu robot Xian'er có thể “lấy lòng” nhiều người, nó sẽ thu hút một thế hệ trẻ hiểu biết công nghệ cao của Trung Quốc đến với đạo Phật. Quả vậy, các nhà sư ở chùa Long Tuyền cho biết ngày càng có nhiều người trẻ tìm đến chùa để được diện kiến robot Xian'er, từ đó tìm hiểu thêm các hoạt động khác của chùa. Chùa cũng đã thành lập một xưởng phim hoạt hình cùng năm 2015, được quản lý bởi các nhà sư và tình nguyện viên trẻ có nền tảng kiến thức về hoạt hình. Phim hoạt hình do chùa sản xuất đã thu hút hàng trăm triệu người xem trên mạng xã hội Weibo đình đám của Trung Quốc. Các nhà sư cũng đã sản xuất những cuốn truyện tranh phổ biến trí tuệ Phật giáo với thương hiệu Xian'er.

Khi biết những thông tin này, bản thân người viết cảm thấy vừa thú vị vừa băn khoăn. Thú vị là vì các cơ sở Phật giáo đã bắt kịp xu hướng của thời đại, mang lại cảm giác hiện đại, gần gũi cho Phật tử. Băn khoăn là vì chúng tôi hiểu rằng không một công nghệ nào có thể thay thế được trái tim con người, nhất là khi Phật giáo là một tôn giáo coi trọng những suy nghĩ minh triết và đốn ngộ khởi phát từ nhân tâm. Đây là một tôn giáo đòi hỏi nhận thức sâu sắc và nỗ lực tinh tấn từ nội tại cá nhân. Do đó, nếu đến với Phật giáo chỉ vì tò mò và niềm vui thích thụ hưởng những công nghệ mới mẻ thì liệu có quá hình thức, màu mè và hời hợt – những điều mà Phật chất thực sự xa lánh?

Không thể phủ nhận là, việc sử dụng công nghệ trong Phật tử là

một nỗ lực để tương thích với xã hội hôm nay, khi mà hầu như mỗi người trong chúng ta đều thân thiết quá mức với điện thoại thông minh, máy tính bảng và vô số các vật chất công nghệ khác. Trong tác phẩm Đạo Phật ngày nay, ở phần Hiện đại hóa, Thích Nhất Hạnh cho rằng Phật giáo các nước đang lâm vào tình trạng “những hình thái sinh hoạt của các tinh thần cũ đã bị nứt rạn. Nứt rạn vì không nắm được bản chất thiết yếu của văn hóa mà chỉ khẳng khẳng nắm giữ những hình thái khô cứng của xã hội cũ, trong khi đó những cơ cấu sinh hoạt của xã hội ngày nay đã theo luật vô thường mà biến thiên đến tận gốc”¹⁴. Vì vậy, “những dòng sinh hoạt văn hóa nào muốn sống còn sau cơn bão tố nhân loại cần phải thực hiện một sự thoát xác, để trút bỏ gông cùm hình thức để tự biến thành trẻ trung hùng mạnh, tạo dựng được một sức sống mới mà gốc rễ bắt bén được vào tâm hồn và hoài vọng của những con người đại diện cho xã hội mới”¹⁵ và “Mỗi lần xã hội biến thiên với những cơ cấu sinh hoạt của nó, là mỗi lần đạo Phật phải chuyển mình vươn tới những hình thái sinh hoạt mới để thực hiện những nguyên lý linh động của mình. Sau mỗi lần lột xác như thế, đạo Phật biến thành trẻ trung và lấy ngay lại được phong độ và khí lực của thời nguyên thủy”¹⁶. Vị chân sư cũng rất sâu sắc khi nhận định: vấn đề đặt ra cho đạo Phật là vấn đề hiện đại hóa (actualisation) mà không phải là vấn đề tân thời hóa (modernisation). Ý tưởng của Thích Nhất Hạnh thật sự là câu trả lời thỏa đáng cho nỗi băn khoăn có nên ứng dụng công nghệ vào cơ sở Phật giáo không.

Những kinh sách Phật giáo khác cũng chỉ ra nghịch lý: của cải vật chất, khoa học kỹ thuật tạo ra vô số những cải thiện về đời sống của con người nhưng bất lực trong việc chấm dứt khổ đau cho họ. Đức Dalai Lama từng kể rằng đằng sau vẻ hào nhoáng, vui vẻ và thân thiện của một gia đình phương Tây mà ngài đến thăm là “một dãy các loại thuốc an thần và thuốc ngủ”; và rằng “quyền tự trị gia tăng mà mọi người đang có được chính là kết quả của những tiến bộ

14. Thích Nhất Hạnh, Đạo Phật ngày nay, NXB. Văn Hóa Dân Tộc (Hà Nội), 2017, tr. 114

15. Thích Nhất Hạnh, Đạo Phật ngày nay, NXB. Văn Hóa Dân Tộc (Hà Nội), 2017, tr. 115

16. Thích Nhất Hạnh, Đạo Phật ngày nay, NXB. Văn Hóa Dân Tộc (Hà Nội), 2017, tr. 117

trong lĩnh vực khoa học và kỹ thuật qua những ưu điểm của nó”¹⁷. Nói cách khác, chính sự phát triển của khoa học kỹ thuật đã khiến con người cô đơn hơn. Hiểu như thế để ý thức rằng chúng ta phải làm sao để những yếu tố công nghệ hấp dẫn chỉ là phương tiện, là cánh cửa để con người có hứng thú hơn, hân hoan hơn khi bước vào ngôi nhà Phật giáo, còn có tìm ra những điều kì diệu và bền lâu của một trong những tôn giáo vĩ đại, nhân bản và khoa học nhất của nhân loại hay không là do tự lực của mỗi cá nhân.

KẾT

Từ một số thông tin đã thu thập và thể hiện, bình luận trong bài viết, chúng tôi mạnh dạn cho rằng nếu biết chọn lựa và ứng dụng công nghệ một cách sáng suốt, chừng mực vào cơ sở Phật giáo thì nhất định sẽ mang lại hiệu quả thiết thực, tiện ích không ngờ. Mỗi Phật tử nên tùy theo tình hình thực tế của mình để ứng dụng công nghệ sao cho bài bản, hiện đại nhưng không vì thế mà làm mờ nhạt đi cái cốt lõi, tinh anh từ trong sâu thẳm trái tim Phật giáo (chẳng hạn, các nhà sư Nhật Bản không cho phép kỹ thuật viên tạo hiệu ứng ánh sáng đủ màu trong nghiã trang kỹ thuật số vì không muốn tín đồ nghĩ rằng họ đang vào Las Vegas).

Nếu được quay lại với đề tài, trong một nghiên cứu kỹ lưỡng hơn, người viết sẽ đặt ra một số vấn đề và phương pháp nghiên cứu như: lập bảng hỏi (khảo sát ý kiến Phật tử ở những độ tuổi khác nhau, ở những vùng miền khác nhau xem họ có hào hứng với việc sử dụng công nghệ trong tín ngưỡng Phật giáo không), nghiên cứu thực địa (tìm hiểu xem các ngôi chùa có tuổi đời lâu năm cho đến các ngôi chùa mới xây có độ chênh về việc ứng dụng công nghệ không), thống kê, so sánh...

17. Dalai Lama, Đạo kỹ nguyên mới, NXB. Đồng Nai, 2011, tr.17

TÀI LIỆU THAM KHẢO

SÁCH

Dalai Lama, Đạo kỷ nguyên mới, NXB. Đồng Nai, 2011.

Quốc hội, *Luật Chuyển giao công nghệ*, NXB Chính Trị Quốc Gia Sự Thật (TP.HCM), 2017.

Thích Nhất Hạnh, Đạo Phật ngày nay, NXB. Văn Hóa Dân Tộc (Hà Nội), 2017.

Thuận Phước, *Phong tục dân gian – Nghi lễ thờ Phật*, NXB Văn Hóa Dân Tộc (Hà Nội), 2016.

Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, *Từ điển tiếng Việt*, NXB Từ Điển Bách Khoa, (Hà Nội), 2013.

INTERNET

http://btgcp.gov.vn/Plus.aspx/vi/News/38/0/242/0/12162/Cau_11_Co_so_ton_giao_la_gi_

<http://www.buddhistchannel.tv/index.php/index.php?id=56,10959,0,0,1,0#.XHjNegzY2w>

http://www.chinadaily.com.cn/china/2017-08/18/content_30762588.html

<http://www.chuahoangphap.com.vn/>

<https://giacngo.vn>

<https://hoavouu.com>

<https://langmai.org>

<http://luatsu-vn.com/khai-niem-cong-nghe/>

https://motherboard.vice.com/en_us/article/9a3a5a/death-is-a-high-tech-trip-in-japans-futuristic-cemeteries

<http://nigioikhatsi.net>

<https://phathocdoisong.com>

<https://phatphapungdung.com>

<https://thediplomat.com/2019/03/an-ancient-japanese->

shrine-debuts-a-buddhist-robot/

<https://www.thejakartapost.com/life/2017/04/17/illuminating-buddhism-in-a-high-tech-light.html>

<http://thienvienminhquang.com>

<https://thuvienhoasen.org>

<https://tuoitre.vn/buoc-chuyen-hu-dung-cot-sang-thach-cot-645556.htm>

<http://vinhnghiemvn.com/>

<https://vnexpress.net/projects/thieu-xac-bang-nuoc-phuong-thuc-mai-tang-gay-tranh-cai-3592276/index.html>

PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỜI KỸ THUẬT SỐ

Nguyễn Thanh Hải*

TÓM TẮT

Trong thế giới kỹ thuật thay đổi nhanh và có nhiều người bị căng thẳng, chúng ta phải chấp nhận hiệu ứng của những loại hình căng thẳng này và áp lực đó đè nặng lên tâm trí của con người. Ở đây không muốn nói rằng chúng ta hãy tạo ra một “không gian tưởng ảo”, vì giáo lý nhà Phật đã dạy rằng không có cái gì trường tồn mãi mãi, mọi sự mọi vật đều có bản chất phù du và không thực tế. Trí tuệ này giúp chúng ta buông bỏ và vượt khỏi sự ràng buộc vào sự vật và giúp chúng ta đi xuôi dòng với cuộc đời một cách nhẹ nhàng, an lạc. Trong sự trống rỗng về mặt tâm linh đang chiếm ưu thế trong thế giới đương đại, vốn chỉ nghĩ đến việc chiếm hữu tất cả, người ta cần phải được biết về những gì mà văn hóa tâm linh Phật giáo có thể cống hiến.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Bước vào thiên niên kỷ mới, trên nền tảng của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 (CMCN 4.0) với trung tâm là sự phát triển của trí tuệ nhân tạo, Internet kết nối vạn vật (Internet of Things - IoT), rô-bốt, công nghệ na-nô, công nghệ sinh học, v.v... đã và đang diễn ra, đưa nhân loại tiến vào kỷ nguyên thông tin và hệ thống mạng. Nhân loại tiến vào kỷ nguyên chuyển hóa thế giới thực thành thế giới số - kỷ nguyên mạng ảo. Trong kỷ nguyên này, kết nối mọi sự hoạt động của con người trên thế giới với quy mô rộng khắp toàn cầu. Chỉ cần một máy tính xách tay hay một chiếc điện thoại di động thông minh (smart phone), có thể thực hiện đàm thoại, gửi

* Thạc sỹ, Học Viện Phật Giáo Việt Nam tại TP.HCM, Việt Nam

và nhận thông điệp từ hàng tỷ người trên thế giới trong nháy mắt.

Với khoảng trên dưới hai tỷ người đang truy cập Internet hằng ngày, đã hình thành nên thói quen “đi lại và giao lưu” tức thời trên khắp thế giới. Thông qua các bộ kết nối IoT, hàng tỷ người ngồi trước máy tính có thể học tập, giao lưu tinh thần, trao đổi các quan niệm, liên lạc với nhau một cách tích cực.

Với những tiến bộ công nghệ chế tạo các bộ vi xử lý và giá thành ngày càng hạ, các gia đình có thêm nhiều cơ hội truy cập mạng Internet để mở rộng tầm quan hệ, sự hiểu biết, giải trí và khai thác các mặt tích cực của mạng này thông qua các dịch vụ thông tin.

Tôn giáo đứng trước sự cạnh tranh khốc liệt với một tôn giáo - tôn giáo ảo, đó là “tôn giáo Facebook”. Tôn giáo nói chung và Phật giáo nói riêng làm cách nào để kéo những “con nghiện thế giới ảo” đó về với chánh đạo. Câu hỏi đó cũng chính là động cơ để thực hiện bài báo này.

2. KHÁI NIỆM CƠ BẢN

2.1. Mạng xã hội

Dịch vụ mạng xã hội (social networking service) là dịch vụ nối kết các thành viên cùng sở thích trên Internet lại với nhau với nhiều mục đích khác nhau không phân biệt không gian và thời gian. Những người tham gia vào dịch vụ mạng xã hội còn được gọi là cư dân mạng. Dịch vụ mạng xã hội có những tính năng như chat, e-mail, phim ảnh, voice chat, chia sẻ file, blog và xã luận. Mạng đổi mới hoàn toàn cách cư dân mạng liên kết với nhau và trở thành một phần tất yếu của mỗi ngày cho hàng trăm triệu thành viên khắp thế giới. Các dịch vụ này có nhiều phương cách để các thành viên tìm kiếm bạn bè, đối tác: dựa theo group (ví dụ như tên trường hoặc tên thành phố), dựa trên thông tin cá nhân (như địa chỉ e-mail hoặc screen name), hoặc dựa trên sở thích cá nhân (như thể thao, phim ảnh, sách báo, hoặc ca nhạc), lĩnh vực quan tâm: kinh doanh, mua bán, v.v...

Hiện nay, thế giới có hàng trăm dịch vụ mạng xã hội khác nhau, với MySpace và Facebook nổi tiếng nhất trong thị trường Bắc Mỹ và Tây Âu; Orkut và Hi5 tại Nam Mỹ; Friendster tại châu Á và các đảo quốc Thái Bình Dương. Dịch vụ mạng xã hội khác gặt hái được thành công đáng kể theo vùng miền như Bebo tại Anh Quốc, Cy-

World tại Hàn Quốc, Mixi tại Nhật Bản và tại Việt Nam xuất hiện rất nhiều các dịch vụ mạng xã hội như: Zing Me, YuMe, Tamtay, v.v...

2.2. Thời kỳ kỹ thuật số

CMCN 4.0 diễn ra trên 3 lĩnh vực chính: công nghệ sinh học, kỹ thuật số và vật lý. Trong đó, những yếu tố cốt lõi của công nghệ số được tác động trực tiếp, còn được coi là bộ khung của CMCN 4.0, đó là trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence - AI), IoT, Big Data.

2.3. Quan điểm sử dụng kỹ thuật số trong Phật giáo

Phương hướng hoạt động Phật sự của Đại hội Phật giáo toàn quốc khoá VIII là: “Thế giới ảo của truyền thông đã đi vào cuộc sống thường ngày và ảnh hưởng toàn diện đến toàn nhân loại. Mạng xã hội đã chính thức trở thành quyền lực số 5, Phật giáo không thể đứng ngoài” (Thích Minh Nhãn, 2018).

Quan điểm của Hòa thượng Tiến sĩ Thích Trí Quảng: “Thực tế cho thấy những pháp thoại và bài viết của Đức Đạt-lai Lạt-ma, Thiền sư Nhất Hạnh, v.v... đã dùng Facebook để hỗ trợ cho trang Phật giáo cố định, để bài pháp được Phật tử tiếp nhận nhanh nhất trên Facebook và sau đó, họ sẽ theo đường dẫn này mà về với trang chuyên Phật giáo. Nếu tăng ni trẻ dùng Facebook đúng cách và hợp lý để trao đổi tài liệu học tập, cập nhật thông tin trường lớp, Facebook cũng góp phần lợi ích” (Thích Trí Quảng, 2017).

Thượng tọa Bhante Uttamo chia sẻ ‘sự phát triển của công nghệ, đặc biệt là Internet đã giúp các Phật tử có thể nghiên cứu thêm nguồn thông tin rộng rãi về Phật pháp’ (V.Tuyên, 2016), Thượng tọa cũng chia sẻ thêm do khó khăn trong việc tiếp cận Phật pháp. Thượng tọa Bhante Uttamo mới nghĩ ra cách truyền bá Phật pháp thông qua trang web www.samaggi-phala.or.id.

Theo Thượng tọa Tiến sĩ Thích Minh Nhãn trong buổi chia sẻ với các học viên khóa tập huấn về chủ đề ‘Chiến lược phát triển truyền thông Phật giáo như một kênh Hoằng pháp... do đó nếu người con Phật còn chậm trễ, thờ ơ với việc ứng dụng công nghệ thông tin, mạng xã hội để làm công tác truyền thông Phật giáo một cách nỗ lực và tích cực hơn thì xem như đã bỏ ngỏ cơ hội, nhường thị phần cho kẻ xấu thuận lợi vô tư khai thác tuyên truyền, xuyên tạc, làm tổn hại uy tín Đạo Phật và gây bất an trong xã hội’ (T.M.Nhãn, 2018).

Sư Pannyavaro, người sáng lập website BuddhaNet, về vấn đề tu sĩ và công nghệ thông tin: ‘Những gì đang xảy ra bây giờ là chúng ta đã có một công cụ mới và một cách thức tinh vi hơn để truyền bá Phật pháp. Các nhà sư, với tư cách là nhà giáo, học giả càng phải có hiểu biết nhiều hơn về công nghệ mới này. Vì vậy, các “nhà sư mạng”, có kỹ năng trong môi trường Internet, sẽ giúp ích trong việc đưa Phật pháp vào thế kỷ XXI và xa hơn nữa’ (V.Pannyavaro, 2017).

Cũng cần phải nói thêm rằng hai bậc đạo sư hàng đầu của Phật giáo hiện nay là Đức Đạt-lai Lạt-ma và Thầy Thích Nhất Hạnh cũng sử dụng các trang mạng xã hội làm phương tiện truyền pháp. Trang mạng mới nhất mà Đức Đạt-lai Lạt-ma vừa tham gia là Google+ của Google. Trước đó, Ngài đã sở hữu tài khoản Twitter với hơn 2.5 triệu người theo và trang Facebook với hơn 2 triệu người yêu thích.

3. THỰC TRẠNG PHẬT GIÁO VIỆT NAM TRONG THỜI ĐẠI KỸ THUẬT SỐ

Ý kiến của Sư Pannyavaro, người sáng lập website BuddhaNet, về vấn đề tu sĩ và công nghệ thông tin: ‘Những gì đang xảy ra bây giờ là chúng ta đã có một công cụ mới và một cách thức tinh vi hơn để truyền bá Phật pháp. Các nhà sư, với tư cách là nhà giáo, học giả càng phải có hiểu biết nhiều hơn về công nghệ mới này. Vì vậy, các “nhà sư mạng”, có kỹ năng trong môi trường Internet, sẽ giúp ích trong việc đưa Phật pháp vào thế kỷ XXI và xa hơn nữa’ (V.Pannyavaro 2017).

Nhân loại bước vào thiên niên kỷ mới cùng những tiến bộ khoa học của thời đại kỹ thuật số (digital era) nên xung quanh chúng ta thấy đủ các phương tiện nối liền chúng ta với các thiết bị thông tin, mạng Internet và máy vi tính hiện đại, đây là những tiện ích mới, một phương cách truyền bá Phật pháp nhanh nhất và rộng khắp toàn cầu so với ngày xưa xưa.

3.1. Thực trạng sử dụng mạng xã hội trong tăng ni

Theo thống kê của Hootsuite và We Are Social tháng 4/2018, bất chấp những lo ngại về thu thập dữ liệu người dùng, điển hình như vụ scandal của Facebook và Cambridge Analytica gần đây, lượng người dùng mạng xã hội không những giảm mà còn tăng trưởng khá đều đặn, với 390 triệu tài khoản mới trong 12 tháng qua, tăng

8% so với cùng kỳ năm 2017. Điều này đồng nghĩa với việc các nền tảng mạng xã hội vẫn có hàng triệu người dùng mới mỗi ngày, hay bình quân 12.4 người dùng mới mỗi giây. Riêng Facebook, số người dùng mới vẫn tăng 3.2% trong thời điểm công ty phải đối mặt với scandal lộ lọt dữ liệu, lên mức kỷ lục 2,23 tỷ người dùng vào cuối tháng 3/2018. Việt nam xếp ở vị trí thứ 7 với 58 triệu người dùng, tăng 5% trong quý đầu năm, và rộng hơn là 16% so với cùng kỳ năm ngoái. TPHCM cũng nằm trong top 6 thành phố có người dùng Facebook đông nhất, với 14 triệu người dùng (N.Nguyễn, 2018). Trong số đó, lượng Phật tử (tăng, ni và cư sĩ) chiếm không nhỏ sử dụng facebook.

Trào lưu sử dụng mạng xã hội đã xâm thực vào đời sống nhà chùa. Nó mời gọi, dụ dỗ và có sức hút mãnh liệt đối với khá nhiều tăng ni, nhất là tăng ni trẻ, những vị đã, đang và sẽ bước chân vào các ngôi trường Phật học và thế học như các bạn trẻ ở thế tục, họ sử dụng công cụ này một cách cuồng nhiệt. Như các bạn cùng lứa tuổi, các vị ấy hăng say trong chia sẻ, bình luận những vấn đề “thời sự nóng” trong đạo pháp và thế tục. Chưa xem xét việc đúng hay sai, hợp lý hay bất hợp lý thì thời gian vào mạng xã hội sẽ làm cản trở trong tu học và sức khỏe. Cũng như các bạn ở thế tục, các vị ấy cần được sự hướng dẫn của Thầy Tổ trong việc sử dụng mạng xã hội (N.T.Hải, 2018).

3.2. Vai trò của tu sĩ Phật giáo trong việc sử dụng mạng xã hội

Việc sử dụng hệ thống Internet và trang mạng lưới toàn cầu trở nên cấp thiết trong việc phổ biến tôn giáo. Mục đích chính là thực hiện sứ mệnh truyền bá tôn giáo, phục vụ tín đồ và cộng đồng thế giới dưới nhiều dạng thức khác nhau. Cũng như thế, một tu viện hay cơ sở Phật giáo là cơ cấu quan trọng trong sự giữ gìn văn hóa và truyền thống Phật giáo. Ứng dụng trang mạng lưới để trình bày kinh điển, hình ảnh, âm thanh và đôi khi các nghi lễ tâm linh của Phật giáo, qua đó họ có thể biểu trưng và duy trì sự hiện diện của giáo pháp, của đức Phật và chư Bồ-tát, để khuyến khích sự phát tâm của tín đồ. Để có thể an toàn và tự tại hơn khi sống chung với thời đại kỹ thuật số, thiết nghĩ ai sử dụng mạng xã hội cũng cần nhìn lại bản thân mình để kịp thời định hướng trong việc tiếp cận với mạng xã hội hấp dẫn này. Người tu sĩ Phật giáo vào thời đại mới cần quan

tâm đến những khía cạnh sau:

- Thấy được mặt lợi trong việc truyền bá Phật pháp qua mạng, nhất là đối với những tu sĩ trẻ đang thực tập thuyết giảng giáo lý hay những tu sĩ ít có khả năng thuyết giảng trước đại chúng.
- Phải có ý thức và phải cẩn thận trong tất cả mọi vấn đề từ nội dung đến hình thức.
- Các nhà sư, với tư cách là nhà giáo, học giả càng phải có hiểu biết nhiều hơn về công nghệ mới này. Vì vậy, các “nhà sư mạng”, có kỹ năng trong môi trường Internet, sẽ giúp ích trong việc đưa Phật pháp vào thế kỷ 21 và xa hơn nữa (N.T.Hải, 2018).

Các nhà sư nên dùng các trang mạng xã hội để giao tiếp với các tín đồ trẻ, nên nói chuyện nhiều hơn với họ nếu không họ sẽ dần dần gạt bỏ tôn giáo như một cái gì đó lỗi thời (Văn Công Hưng, n.d). Tuy nhiên vẫn lấy châm ngôn “cận sự hơn cận thân” tránh hiện tượng “đi lệch vấn đề” ảnh hưởng đến sự oai nghi của người tu sĩ. Công nghệ chỉ là một phương tiện truyền thông. Tốt hay xấu phụ thuộc vào người sử dụng. Nếu dùng nó bằng trí tuệ, công nghệ sẽ trở thành một công cụ để nâng cao tiềm năng của nhà sư đó với Chánh pháp. Ngược lại, nhà sư đó sẽ tự làm hỏng chính mình.

Tăng ni - Phật tử nên tránh xa những trang web đen, phản động, và nên ý thức rõ dùng diễn đàn là để học hỏi trao đổi kinh nghiệm tu học và giúp ích cho đạo pháp dân tộc.

Trong giao tiếp phải thể hiện những chuẩn mực đạo đức theo giới luật, không rườm rà, không câu nệ, không logic hình thức nặng nề, mà cần tạo một mối quan hệ gần gũi để hướng dẫn, để ngộ đạo, để định hướng cho người nghe theo tinh thần Phật giáo là một nếp sống chứ không phải là một tôn giáo với những giáo điều và những vị giáo chủ xa vời.

Trụ trì chùa hay các tự viện nơi nào có nhiều tăng ni trẻ hay những chùa nuôi trẻ mồ côi, riêng trẻ mồ côi dù hình thức là được cho mặc áo lam, để chỏm những chùa có tâm tu thì cần phải ra sức giáo dục ý thức sử dụng Internet và các trang mạng, không để tình trạng do sơ xuất mà “một con sâu làm rầu nồi canh”, ảnh hưởng chung đến uy nghi của nhà sư và tính đại chúng của Đạo Phật. Người xưa từng dạy: “Giáo bất nghiêm, Sư chi đoạ, Dưỡng bất giáo, Phụ chi quá”.

4. PHẬT GIÁO VIỆT NAM TRONG THỜI KỲ THUẬT SỐ

4.1. Phật giáo thích nghi trong thời kỳ kỹ thuật số

Chưa bao giờ con người một lúc đứng giữa những cơ hội và thách thức lớn đến vậy. Tác động rõ rệt nhất của CMCN 4.0 là sự xuất hiện của robot có trí tuệ nhân tạo, với những tính năng có thể thay thế con người, thậm chí còn tối ưu hơn như khả năng tính toán, phân tích, ghi nhớ, cùng sức lao động bền bỉ, năng suất cao. Như vậy, trong một thị trường việc làm vốn đã rất gay gắt bởi những cuộc cạnh tranh giữa người với người, bây giờ người ta còn phải cạnh tranh thêm với cả robot. Có thể hình dung, CMCN 4.0 sẽ tiến tới loại bỏ những công việc phổ thông hoặc mang tính chất lặp đi lặp lại, thay thế toàn bộ bằng máy móc. Nhưng đồng thời, nhu cầu về nguồn lao động có tay nghề cao, tư duy sáng tạo, thực hiện những công việc phức tạp, làm chủ máy móc lại tăng lên, áp lực công việc nhiều hơn và đòi hỏi cao hơn về chất cũng như về lượng.

Phật giáo nói riêng và các tôn giáo khác cũng vậy, phải thích nghi với điều kiện đó. Tín đồ sẽ có ít thời gian đến các cơ sở thờ tự tôn giáo như chùa, nhà thờ, đình miếu, v.v... và thay vào đó là những trang web, những phần mềm để thực hiện nghi thức tôn giáo như:

- Thiên chúa đã đưa ra phần mềm quản lý giáo xứ và “xưng tội online” từ năm 2011, tác giả Mat-thêu Nguyễn Đức Khoan: ‘Mong ước trong tương lai không xa, các giáo phận có thể áp dụng thành công việc ứng dụng công nghệ thông tin vào việc thống nhất quản lý trong các giáo xứ, để tiến tới việc thực hiện “giáo hội điện tử” trên đất nước Việt nam chúng ta’ (Nguyễn Đức Khoan, 2012). Tài về và hướng dẫn sử dụng trên web <http://forum.qlgx.net/huongdan>. Năm 2013, Nhà thờ Công giáo La mã cũng cho ra đời ứng dụng Pope App, sau khi có ứng dụng Xưng tội (Confession app) giúp người sử dụng ghi lại tội lỗi của mình.

- Phật giáo, ngày 15/12/2017, Đức Dalai Lama vừa công bố một ứng dụng điện thoại di động cho tín đồ để cập nhật với lịch đi lại và những lời giảng của ông, ứng dụng miễn phí này, mang tên Dalai Lama, hiện chỉ có trên iPhone. Ứng dụng này đăng tin tức, video và ảnh về Đức Đạt-lai Lạt-ma. Hoặc nếu vào mục tìm kiếm các ứng dụng trên điện thoại thông minh ta sẽ thấy có nhiều phần mềm để các Phật tử có thể tìm hiểu và học hỏi giáo lý như:

Dalai Lama quotes; Buddha Quotes with music; Teaching of Tibetan Buddhism; Phật giáo v.v... hoặc “thầy chùa robot” Xian’er được phát triển bởi các chuyên gia trí tuệ nhân tạo và các nhà sư tại chùa Long Tuyền ở Bắc Kinh - ngôi chùa nổi tiếng dùng công nghệ mới để truyền bá giáo lý đạo Phật. Hoặc như các trang web www.daop-hatngaynay.com/; <https://thuvienhoasen.org/>; <https://quangduc.com/> ... đã giúp các Phật tử có thể tự học tập giáo lý, có ý nghĩa rất to lớn trong việc hoằng dương Phật pháp, từng bước thích nghi với cuộc CMCN 4.0.

Và nhiều ứng dụng tôn giáo khác đang được phát triển, cho phép các lãnh đạo tôn giáo giữ liên hệ với giáo hội, giáo chúng và giúp tín đồ tìm món ăn tinh thần phù hợp với tôn giáo của mình khi họ đi lại.

4.2. Ứng dụng những thành quả kỹ thuật số tại Phật giáo Việt Nam

Ngày nay là thời đại của thông tin, mạng lưới Internet đã trở thành một nguồn thuận lợi nhất để tìm kiếm thông tin và cũng là một phương tiện nhanh nhất để truyền bá Phật pháp. Do đó, việc sử dụng hệ thống Internet để phổ biến giáo lý là một sức mạnh to lớn đối với sự phát triển của Phật giáo. Những pháp sư cũng nên biết sử dụng email trong việc liên lạc thông tin. Bên cạnh đó, nếu có thể, vị ấy có thể chuyển tải những tài liệu giảng dạy của họ vào mạng Internet. Điều này cho phép việc truyền dạy Phật pháp nhanh hơn và thuận lợi hơn. Vì vậy, những hiểu biết và cách sử dụng Internet đã trở thành một đòi hỏi cần thiết ở những người có trách nhiệm truyền bá giáo lý Phật Đà.

Sử dụng công nghệ đám mây để lưu trữ toàn bộ hệ thống Tam tạng kinh điển Phật giáo, những bài thuyết giảng của các vị giảng sư. Các tăng sĩ, Phật tử cũng dễ tiếp cận và khai thác tư liệu để tu học được thuận tiện và tốt hơn trong thời kỹ thuật số. Người học Phật chỉ cần cái smartphone thì kho tàng giáo lý của Đức Phật ở trong bàn tay. Big Data, sẽ cung cấp các giải pháp cho chúng ta trong việc nghiên cứu sở thích, thói quen, hành vi của đối tượng Hoằng pháp, qua đó gián tiếp giúp cho nhà Hoằng pháp đạt hiệu quả tốt trên phương diện Khế cơ (Thích Quảng Huy, 2018). Tuy nhiên, thông qua mạng xã hội cũng có thể đạt được một cách dễ dàng để chuyển tải giáo lý mà người học không cần phải ở gần pháp sư hay lãng phí thời gian để đi tới một địa điểm xa xôi để nghe giảng. Kết quả là In-

ternet có thể giúp truyền bá giáo lý, nhưng lại không thể nuôi dưỡng lòng tôn kính của tín đồ đối với pháp sư và hết lòng hộ trì Phật pháp. Đó là vấn đề quan trọng cho chúng ta quan tâm, hoặc thế hệ dùng mạng xã hội sẽ lại xa lánh những tu viện và vì thế phương thức truyền thông này sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển của Phật giáo.

Sử dụng trang mạng của các cơ sở Phật giáo nhằm mục đích tạo sự nối kết hay liên hệ giữa tăng ni, cộng đồng Phật tử và thế giới. Trước khi hệ thống Internet được phổ biến khắp nơi, các tu viện hay cơ sở Phật giáo hầu hết chỉ được cộng đồng và nhân dân địa phương biết đến qua nhiều cách khác nhau (báo chí, phát thanh địa phương, v.v...). Bây giờ, các tổ chức Phật giáo được nhiều người ngoại quốc biết qua các trang mạng lưới toàn cầu. Việc sử dụng Internet để đưa những hình ảnh tu viện, công tác phục vụ và sinh hoạt của chùa sẽ thu hút du khách trong và ngoài nước, họ sẽ đến thăm chùa nhân dịp thuận tiện nào đó. Hơn nữa, du khách có thể được tác động qua những tư liệu (hình ảnh, âm thanh, video, v.v...) về văn hóa Phật giáo được đăng tải hay trình bày trên các trang mạng lưới. Ngày càng nhiều học sinh từ các trường trung học viếng thăm chùa thay vì những nơi khác, nhân dịp du ngoạn của họ. Hệ thống Internet được mở rộng toàn cầu để đem lại lợi ích và thuận tiện cho những người tìm cầu tâm linh, hay tìm những nơi du lịch theo ý thích.

Các cơ sở Phật giáo đã ứng dụng những phương tiện truyền thông, đặc biệt là hệ thống Internet bởi sự thuận tiện của nó. Trong quá khứ, những Phật tử hay người cầu đạo sẽ tới chùa chiêm hỏi Phật pháp; có khi họ phải lặn lội trong rừng sâu để tìm thầy học đạo. Bây giờ, người cầu đạo giải thoát có thể ngồi ở nhà, trước máy điện toán để tìm kiếm những tài liệu cần thiết từ những trang mạng lưới toàn cầu của Phật giáo trong khoảnh khắc. Hơn nữa họ có thể gửi những câu hỏi Phật pháp bằng điện thư hoặc đăng tải trên những diễn đàn để có được câu trả lời từ những ‘tu sĩ máy tính’. Cũng như vậy, Tăng già không còn phải lặn lội tới những nơi xa xôi để truyền bá Đạo pháp, giống như họ đã làm trước đây vài thế kỷ.

Ngoài những yếu tố tích cực vừa nêu, thì cũng có rất nhiều những ảnh hưởng tiêu cực như:

Dành quá nhiều thời gian cho mạng xã hội và nghịch lý là người

xuất gia nào sử dụng nghiêm túc mạng xã hội cho mục đích hoằng pháp thì sau khi viết tin, đưa hình với mục đích chia sẻ thông tin Phật sự, người ấy hầu như không tham gia trả lời bình luận, hoặc nếu có thì rất ít. Trong khi đó, những tu sĩ trẻ khi đưa những thông tin về cuộc sống đời thường thì thường xuyên cập nhật thông tin, hình ảnh, nhắn tin và bình luận nhiều lần trong ngày như một đam mê khó bỏ. Điều này mất rất nhiều thời gian, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe và thời khóa tu tập.

Ảnh hưởng tiêu cực đến sự tu tập của tăng ni trẻ, những năm đầu bước vào con đường tu tập, người xuất gia cần dành thời gian, năng lượng, sự chú tâm thường xuyên cho việc học giới luật, oai nghi, kinh điển và hành trì cũng như các hoạt động hữu ích khác của người xuất gia để dần thuần thực mình trong nếp sống của đạo là điều vô cùng cần thiết. Một khi phát tâm xuất gia nguyện sống đời phạm hạnh, mỗi một tăng ni đều hiểu rằng, càng bớt đi duyên trần thì càng dễ chuyên tâm cho việc học pháp và tu đạo. Nếu không làm như vậy mà tiếp tục những việc liên hệ quá nhiều đến đời sống xã hội, như lạm dụng mạng xã hội chẳng hạn, sẽ là một chướng ngại lớn trên con đường tu học vậy.

Đăng tải những hình ảnh mất oai nghi, phản cảm trên mạng xã hội. Qua tìm hiểu thực tế, người viết thấy phần lớn những vị tu sĩ sử dụng mạng xã hội một cách nghiêm túc để chia sẻ Phật pháp thường dùng chính tên mình hoặc tên chùa, tịnh xá đặt tên tài khoản trên mạng xã hội. Điều này rất đáng trân trọng và tăng ni trẻ nên học hỏi. Trong khi đó, một số tăng ni trẻ cứ nghĩ rằng mạng xã hội là ảo và ẩn mình dưới những tên khác để không ai biết mình. Thế rồi các vị này thường xuyên đưa lên mạng xã hội những hình ảnh mất oai nghi, phản cảm.

5. KẾT LUẬN

Đạo Phật đi vào cuộc đời để giúp người sống an vui, hạnh phúc với nguồn tuệ giác từ lời Phật dạy. Do đó, trong thời đại ngày nay, ở thời đại mà nhà nhà đều dùng Internet, người người đều sử dụng các ứng dụng mạng thì người xuất gia cũng cần phải hiểu biết trong lãnh vực này để việc hoằng pháp trở nên hiệu quả và thực tế hơn. Nếu chúng ta sử dụng một cách có ý thức, ở mức độ vừa phải, phục vụ cho mục đích chia sẻ giáo pháp thì Facebook là một ứng dụng

tuyệt vời. Thế nhưng, cái gì “nhiều quá” sẽ đi xa mức trung đạo và dễ dàng lạc lối. Một khi chúng ta lạm dụng việc sử dụng công nghệ số, mạng xã hội và không làm chủ được mình, thì phần công dụng của công nghệ số hầu như ta không nhận được nhiều, mà tác hại của mạng xã hội này thì không phải nhỏ.

Cuộc sống của một đời người vốn có nhiều giới hạn, trong đó quỹ thời gian được sống và sức khỏe là các yếu tố vô cùng quan trọng cần phải chặt chiu. Đức Phật từng tuyên bố, những gì Đức Phật biết là lá trong rừng, những gì Ngài dạy cho chúng đệ tử là lá trong tay. Ngài cũng nói rõ những gì Ngài nói là những điều liên hệ đến mục đích, là căn bản cho phạm hạnh, đưa đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Chúng ta cũng có thể xem những gì trên mạng xã hội là lá trong rừng, chúng ta cần phải tỉnh táo và khôn ngoan để nắm trong tay những chiếc lá thật sự cần thiết cho việc tu học và chia sẻ giáo pháp mà thôi.

Chúng ta nên sử dụng nó như một công cụ hỗ trợ cuộc sống, đừng để nó trở thành một phần cuộc sống của mình. Hãy sử dụng mạng xã hội thật mà ảo, ảo mà thật này một cách hợp lý và đúng mục đích để phát huy các ứng dụng ưu việt của mạng xã hội này, góp phần làm cho đạo Phật trong thời đại ngày nay trở thành một tôn giáo tươi trẻ, năng động và đầy sức sống.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Nguyễn Thanh Hải, 2018, ‘Phật giáo thời kỹ thuật số’, Tạp chí khoa học và công nghệ ĐH Đà Nẵng, số 10(131).2018, trang 25-29.

Thích Quảng Huy, 2018, ‘Hoằng pháp thời đại công nghệ 4.0’, Kỷ yếu hội thảo hoằng pháp khu vực miền Trung - Cao Nguyên, Khánh Hòa 9.2018, truy cập ngày 29/12/2018, <<https://vbgh.vn/news/hoi-thao-tai-khanh-hoa-2018/hoang-phap-thoi-dai-cong-nghe-4-0-409.html>>.

Văn Công Hưng, n.d, ‘Tu sĩ Phật giáo với Internet & mạng xã hội’, Giác ngộ online, truy cập ngày 23/12/2018, <<https://giacngo.vn/PrintView.aspx?Language=vi&ID=37441B>>.

Mat-thêu Nguyễn Đức Khoan, 2012, Giới thiệu phần mềm Quản Lý Giáo Xứ, truy cập ngày 23/12/2018, <<https://giaox-ukimphatbmt.com/index.php?nv=news&op=Chia-Se/Gioi-thieu-phan-mem-QUAN-LY-GIAO-XU-167>>.

TT.TS.Thích Minh Nhãn, 2018, ‘Chiến lược phát triển truyền thông Phật giáo như một kênh Hoằng pháp’, Khóa tập huấn “Truyền thông Phật giáo – Nghiệp vụ thư ký”, tỉnh Kiên Giang, truy cập ngày 22/12/2018, <<http://www.phattuvietnam.net/tintuc/38764-chi%E1%BA%BFn-l%C6%B0%E1%B-B%A3c-ph%C3%A1t-tri%E1%BB%83n-tttt-ph%E1%BA%ADt-gi%C3%A1o-nh%C6%B0-m%E1%BB%99t-k%C3%AAnh-ho%E1%BA%B1ng-ph%C3%A1p.html>>.

Nguyễn Nguyễn, 2018, ‘Việt Nam có số lượng người dùng Facebook lớn thứ 7 trên thế giới’, Dân Trí ngày 18/4/2018, truy cập ngày 28/01/2019, <<https://dantri.com.vn/suc-manh-so/viet-nam-co-so-luong-nguoi-dung-facebook-lon-thu-7-tren-the-gioi-20180418145327613.htm>>.

Ven. Pannyavaro, Thích Nguyên Tạng (dịch), 2017, ‘Tương lai của Phật giáo trên Internet’, Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo năm 2017 số 279 15-8-2017, truy cập ngày 23/12/2018, <<https://thuvien-hoasen.org/a28410/tuong-lai-cua-phat-giao-tren-internet>>.

HT. Thích Trí Quảng, 2017, ‘Tăng ni trẻ và mạng xã hội Face-

book', Nguyệt san Giác ngộ số 256 - 07/2017 (PL 2561), truy cập ngày 22/12/2018, <<https://thuvienhoasen.org/a28363/tang-ni-tre-va-mang-xa-hoi-facebook>>.

Vân Tuyên, 2016, 'Indonesia: Kêu gọi sử dụng mạng xã hội để truyền bá Phật giáo', Nalanda Buddhist Society Malaysia, truy cập ngày 23/12/2018, <<http://www.daophatngaynay.com/vn/tin-tuc/quoc-te/22515-indonesia-keu-goi-su-dung-mang-xa-hoi-de-truyen-ba-phat-giao.html>>.

VAI TRÒ CỦA PHẬT GIÁO TRONG CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0

Nguyễn Thị Toàn*

TÓM TẮT

Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đã và đang tác động mạnh mẽ tới thế giới đương đại trên mọi bình diện của đời sống. Bên cạnh những giá trị tích cực, cách mạng công nghiệp 4.0 cũng hàm chứa nhiều nguy cơ, đặc biệt là nguy cơ làm suy giảm những giá trị đạo đức, nhân văn trong mỗi con người, khiến con người dần bị robot hóa. Phật giáo – một tôn giáo có nhiều điểm tương đồng với khoa học, đóng vai trò bù đắp cho những thiếu hụt của cuộc cách mạng này. Bài viết tập trung phân tích đặc trưng, tác động kép của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 tới thế giới đương đại; một số điểm tương đồng nổi bật giữa Phật giáo và thành tựu khoa học hiện đại, từ đó chỉ ra vai trò của Phật giáo trong việc góp phần khắc phục mặt trái của cuộc cách mạng này trên hai phương diện: 1. Giảm bớt áp lực công việc bằng chánh niệm; 2. Kết nối yêu thương bằng Tâm từ bi và Trí tuệ Bát nhã.

MỞ ĐẦU

Thế giới đang trải nghiệm cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 – một cuộc cách mạng *vẽ lại bản đồ kinh tế thế giới*, một bước tiến tất yếu của quá trình tự động hóa sản xuất, kết nối internet và số hóa. Cuộc cách mạng này đang có sự tác động kép theo xu hướng phân cực, tạo nên sự biến đổi mạnh mẽ trên mọi đối tượng, mọi lĩnh vực của đời sống, mở ra thời cơ thuận lợi đồng thời cũng đặt ra nhiều

* PGS.TS., Khoa Giáo Dục Chính Trị, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội, Việt Nam

khó khăn, thách thức cho sự phát triển của mỗi cá nhân cũng như các dân tộc, quốc gia trên toàn thế giới. Bên cạnh việc làm cho mọi hoạt động thuận lợi, dễ dàng hơn thì cuộc cách mạng đó cũng có nguy cơ làm suy giảm những giá trị nhân văn trong đời sống tinh thần của con người. Sự tương tác, kết nối qua mạng cũng dẫn con người tới trạng thái cô lập với thế giới thực... Chưa bao giờ trong lịch sử lại có một thời điểm con người cùng lúc đứng trước nhiều cơ hội lẫn rủi ro như thế. Trong bối cảnh đó, Phật giáo với vai trò là *phần bù* cho thế giới thực tại còn nhiều thiếu hụt sẽ giúp con người và xã hội loài người giữ được trạng thái cân bằng giữa tâm và trí, thực và ảo, góp phần khắc phục nguy cơ *robot hóa* con người.

2. CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0 VÀ TÁC ĐỘNG KÉP TỚI THẾ GIỚI ĐƯƠNG ĐẠI

2.1. Khái quát về cách mạng công nghiệp 4.0

Trong lịch sử nhân loại, có những bước ngoặt mang tính đột phá, mở ra kỉ nguyên mới của lịch sử, tiêu biểu là những cuộc cách mạng công nghiệp vào thời kì cận - hiện đại.

Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất diễn ra vào giữa thế kỉ XVIII đến giữa thế kỉ XIX, khởi đầu từ ngành dệt ở nước Anh. Đi đầu trong cuộc cách mạng này, với việc phát minh ra máy hơi nước, Anh đã trở thành *công xưởng của thế giới*. Cuộc cách mạng này cũng định hình vai trò của chủ nghĩa tư bản trên phạm vi toàn thế giới, thay đổi cơ cấu ngành nghề ở các nước tư bản

Cách mạng công nghiệp lần thứ hai diễn ra vào cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX. Với việc phát minh ra điện và các nguồn năng lượng mới, Mĩ vượt lên ngôi đầu trong cuộc cách mạng này.

Cách mạng công nghiệp lần thứ ba diễn ra vào nửa cuối thế kỉ XX, chủ yếu trên lĩnh vực công nghệ nên được định danh bằng tên riêng: cuộc cách mạng khoa học công nghệ. Đó là cuộc cách mạng dựa trên điện tử và công nghệ thông tin với sự ra đời của máy tính, Internet, làm biến đổi sâu sắc, toàn diện đời sống xã hội, từ kinh tế đến chính trị, văn hóa.

Vào những năm đầu của thế kỉ XXI, cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (cách mạng công nghiệp 4.0) ra đời trên cơ sở những thành tựu của cách mạng công nghệ lần thứ ba và những thành tựu

mới nhất của khoa học, nhanh chóng trở thành vấn đề mang tính thời sự trên toàn thế giới. Thuật ngữ “Công nghiệp 4.0” lần đầu tiên được sử dụng tại Hội chợ Hannover ở Đức. Đây là khái niệm khởi đầu về cách mạng công nghiệp 4.0. Chỉ sau hơn 4 năm, khái niệm này đã lan rộng khắp thế giới. Ở một số nước khác, Cách mạng công nghiệp 4.0 được gọi bằng những cái tên khác như: *công nghiệp IP, sản xuất thông minh, sản xuất số...* Tuy tên gọi có ít nhiều khác nhau nhưng nội hàm khái niệm vẫn giống nhau, đó là *cuộc cách mạng số hóa, thông qua các công nghệ hiện đại để chuyển hóa toàn bộ thế giới thực thành thế giới số.*

Đặc trưng phổ biến của cách mạng công nghiệp 4.0 là:

- *Công nghệ Internet vạn vật* (Internet of Things - IoT) với xu hướng kết hợp công nghệ cảm biến mới, phân tích dữ liệu lớn, điện toán đám mây và kết nối internet vạn vật thúc đẩy phát triển máy móc tự động hóa và hệ thống sản xuất thông minh;

- *Công nghệ in ba chiều* (3D Printing) cho phép sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh nhờ nhất thể hóa các dây chuyền sản xuất không phải qua giai đoạn lắp ráp các thiết bị phụ trợ. Công nghệ này cho phép in ra sản phẩm bằng những phương pháp phi truyền thống, nhờ đó loại bỏ các khâu sản xuất trung gian và giảm chi phí sản xuất;

- *Công nghệ sinh học hiện đại* (modern biotechnology): Những thành tựu mới trong lĩnh vực sinh học phân tử, sinh học tổng hợp và di truyền học, với sự hỗ trợ của các phương tiện hiện đại, giúp giải mã nhanh các bộ gen, tìm hiểu sâu hơn về mật mã di truyền, giúp chỉnh sửa mã gen để chữa các bệnh di truyền, tạo ra các giống cây trồng mới thích ứng với môi trường khác nhau.

- *Công nghệ nano và vật liệu mới* cho phép tạo ra và ứng dụng rộng rãi các cấu trúc vật liệu mới;

- *Trí tuệ nhân tạo* (Artificial Intelligence - AI) và điều khiển học có bước phát triển vượt bậc cho phép con người kiểm soát từ xa mọi thứ, không giới hạn về không gian, thời gian; tương tác nhanh hơn, tốt hơn và chính xác hơn;

Cách mạng công nghiệp 4.0 là sự kế thừa những thành tựu của cách mạng công nghệ lần thứ ba song không phải là sự nối dài của cuộc cách mạng ấy mà là một sự chuyển biến về chất trên các

phương diện sau:

- Tốc độ tiến triển theo hàm số mũ nhờ hệ thống Internet. Nhân tố chính quyết định sự tiến bộ thể hiện ở mức độ xã hội chấp nhận đổi mới công nghệ như thế nào. Tốc độ gia tăng về lượng (mức độ tăng trưởng, gia tăng quy mô) và tính phổ biến, lan truyền nhanh chóng đã khẳng định ưu thế vượt trội của cách mạng công nghiệp 4.0;

- Công nghệ robot bước sang trang mới – thay thế con người trong nhiều khâu của dây chuyền sản xuất;

- Công nghệ chế tạo theo từng nguyên tử vật chất, loại bỏ hoàn toàn phế liệu trong quá trình sản xuất;

- Công nghệ kết nối giữa thế giới thực và thế giới ảo, giữa người và robot, giữa trí tuệ và sản phẩm trí tuệ nhân tạo, mở ra kỉ nguyên mới trong các dịch vụ kết nối (kết nối giữa con người với con người, con người với vật thể, vật thể với vật thể...)

Cuộc cách mạng này đưa thế giới bước vào một thời đại kinh tế mới: kinh tế tri thức, số hóa, tự động hóa và toàn cầu hóa. Theo Klaus Schwab – Chủ tịch Diễn đàn kinh tế thế giới: “Chúng ta đang cận kề một cuộc cách mạng công nghệ sẽ làm thay đổi về cơ bản cách sống, lao động và giao tiếp giữa người với người. Trong chiều sâu, quy mô và tính phức tạp của nó, sự biến động sẽ là không có tiền lệ trong toàn bộ kinh nghiệm sống của loài người”.¹

2.2. Tác động kép của cách mạng công nghiệp 4.0 tới thế giới đương đại

2.2.1. Trên phương diện kinh tế

Mỗi thời đại kinh tế đều in dấu ấn của mình lên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, làm xuất hiện các xu hướng vận động mới, ban đầu mang tính cá biệt, sau đó trở thành xu hướng phổ biến toàn thế giới. Cuộc cách mạng 4.0 đã tác động mạnh mẽ tới sự phát triển kinh tế thế giới, giúp tạo ra tư liệu sản xuất mới và cách thức tổ chức mới. Theo dự báo của nhiều chuyên gia và các nhà khoa học, cách mạng 4.0 sẽ vẽ lại bản đồ kinh tế thế giới với suy giảm quyền lực của các quốc gia phát triển chủ yếu dựa vào sự khai thác tài nguyên thiên nhiên và sự gia tăng quyền lực của các quốc gia dựa chủ yếu vào

1. Klaus Schwab (2018). *Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội

công nghệ hiện đại.

Đối với tư liệu sản xuất: Cách mạng 4.0 là dựa trên nền tảng tích hợp của công nghệ thông minh để tối ưu hóa quy trình sản xuất, hình thành hệ thống nhà máy thông minh nhằm tạo ra sản phẩm thông minh. Thông qua mạng Internet, máy móc, thiết bị được kết nối với nhau, các doanh nghiệp cũng được kết nối thành chuỗi thống nhất. Nhờ đó, người tiêu dùng được tiếp cận với nhiều sản phẩm, dịch vụ có chất lượng cao, chi phí thấp. Cách mạng 4.0 cũng sẽ làm thay đổi đặc điểm, vai trò của người lao động trong sản xuất. Người lao động ngày càng có trình độ cao, kỹ thuật tốt. Các công nghệ hiện đại, điện toán đám mây, tự động hóa và robot, cobots² được sử dụng trong quá trình sản xuất giúp năng suất lao động tăng vọt. Trí tuệ nhân tạo phát triển giúp con người có lực lượng sản xuất vượt trội về chất so với các thời kỳ trước. Nhờ công nghệ AI (Artificial Intelligence), người máy ngày càng thông minh, có thể làm việc 24/24h, không cần trả lương hay bảo hiểm, có thể làm việc trong môi trường nguy hiểm, độc hại hoặc địa bàn mà bàn tay con người không vươn tới được. Đó là những ưu điểm vượt trội của người máy so với lao động phổ thông. Tuy nhiên, quá trình robot hóa cũng dẫn tới tình trạng *mất việc làm* nghiêm trọng đối với người lao động. Nguy cơ thất nghiệp từ tình trạng robot hóa tạo nên sức ép buộc người lao động phải không ngừng vươn lên trong cuộc cạnh tranh khốc liệt giữa người và người máy.

Đối với *quan hệ kinh tế*: Hình thức *sở hữu cổ phần* sẽ trở thành hình thức chủ yếu, phổ biến. Đối tượng sở hữu chủ yếu sẽ là vốn khoa học - công nghệ, vốn trí tuệ. Quyền sở hữu trí tuệ được đặt lên hàng đầu. Với sức sản xuất phát triển mạnh mẽ, mức thu nhập của con người sẽ tăng cao trong phạm vi toàn cầu. Tuy nhiên, khi máy móc thay thế con người, tỉ lệ thất nghiệp ngày càng lớn thì sự gia tăng khoảng cách giàu nghèo là điều khó tránh khỏi. Bên cạnh những người nhanh chóng trở lên giàu có nhờ vốn trí tuệ, vốn tài chính lớn sẽ là những người công nhân trình độ thấp, kỹ năng thấp bị thất nghiệp, từ đó bị bản cùng hóa tương đối. Như vậy, bên cạnh những ưu thế không thể phủ nhận thì cách mạng 4.0 đang tạo ra những bất bình đẳng xã hội mới, nhất là những bất lợi cho người nghèo, lao động có trình độ thấp.

2. Robot hợp tác, có khả năng di chuyển và tương tác.

Tầng lớp thượng lưu sẽ là những người có vốn trí tuệ lớn và biết sử dụng có hiệu quả số vốn ấy để tạo ra của cải vật chất. Giống như các cuộc cách mạng công nghiệp trước, cuộc cách mạng công nghệ 4.0 xảy ra với bất công gia tăng kéo theo hàng loạt những chuyển dịch lớn về chính trị cũng như thể chế, khoảng cách giàu - nghèo nếu không thay đổi cách quản trị xã hội.

2.2.2. Trên phương diện chính trị

Cách mạng 4.0 mở ra những xu hướng mới cho sự phát triển chính phủ điện tử. Nhờ sức mạnh của công nghệ mới với thiết bị hiện đại, năng lực quản lý, điều hành, kiểm soát xã hội của nhà nước sẽ được gia tăng. Bằng sức mạnh của công nghệ, nhà nước sẽ tăng cường sự quản lý đối với nhân dân dựa trên hệ thống giám sát rộng rãi và khả năng điều khiển hạ tầng số. Ngược lại, công nghệ hiện đại cũng cho phép người dân tiếp cận gần hơn với nhà nước để cùng tham gia vào các vấn đề chính trị - xã hội, bày tỏ chính kiến của mình. Người dân có điều kiện nắm bắt nhiều thông tin đa chiều, được bày tỏ ý kiến và tham gia vào quá trình ra quyết định, chính sách, xây dựng luật pháp. Hoạt động kiểm tra, giám sát của người dân đối với nhà nước cũng thuận lợi hơn. Khi vai trò của người dân ngày càng được nâng cao, xã hội sẽ ngày càng công khai, minh bạch và dân chủ hơn. Nhà nước chuyển từ chức năng thống trị và quản lý xã hội sang chức năng hỗ trợ người dân, hỗ trợ doanh nghiệp là chính.

Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 cũng sẽ ảnh hưởng sâu sắc đến bản chất của an ninh quốc gia và quốc tế, bản chất của các cuộc xung đột. Công nghệ mới sẽ dẫn đến những thay đổi về quyền lực, gây ra những lo ngại về an ninh nếu không được kiểm soát tốt. Những lỗ hổng mới trong an ninh quốc gia do tác động của cuộc cách mạng này thực sự là một nguy cơ đối với nhân loại.

2.2.3. Trên phương diện đời sống cá nhân

Những tác động mạnh mẽ kể trên của cuộc cách mạng 4.0 chính là sự tác động tới con người. Trong cuộc cách mạng đó, con người sẽ được thụ hưởng những thành quả tốt đẹp: một cuộc sống ngày càng đầy đủ hơn về vật chất, nhàn hạ hơn về chân tay, phong phú hơn về đời sống tinh thần. Song, từ trong chiều sâu của nó, cuộc cách mạng này cũng cảnh báo với con người rằng: nguy cơ *robot hóa* con người đang trở thành hiện thực. Ngay từ giữa thế kỉ XX, nhà vật

lí học người Anh Stephan Hawking đã cảnh báo rằng, robot và trí tuệ nhân tạo có thể xóa sạch nhân loại. Cá tính con người sẽ bị mài mòn dần để trở thành những robot người đồng loạt, dần trở nên *vô cảm*, chai sạn khi thường xuyên sống trong thế giới ảo hoặc chỉ tiếp xúc chủ yếu với máy móc vô hồn. Khi bức tường ngăn cách về truyền thông đã bị phá vỡ, thế giới ngày càng thu nhỏ lại thì khoảng cách giữa người với người có xu hướng ngày càng giãn rộng. Con người dường như ngày càng xa lạ với nhau và với chính bản thân mình. Mặt khác, áp lực của đời sống hiện đại: cạnh tranh để sống còn, cạnh tranh nhằm làm tốt hơn người khác, sự ham thích sống cuộc đời ganh đua với người khác... gây *stress* - sự căng thẳng - trạng thái trầm kha của con người thời 4.0. Thêm vào những áp lực này là một trạng thái đối nghịch – *sự buồn chán* nảy sinh từ thời gian rảnh rỗi do robot và máy móc hiện đại làm thay phần việc của con người. Trạng thái *cô đơn trong hiện hữu, cô đơn giữa đám đông* xuất hiện ngày càng thường xuyên hơn trong cảm xúc con người. Những trạng thái tâm lí phức tạp đó khiến cho con người vẫn không cảm thấy thực sự hạnh phúc trong đủ đầy về vật chất. Có thể nói, cách mạng 4.0 giúp con người *sống còn, sống được* nhưng chưa *sống đẹp*.

Cách mạng công nghiệp 4.0 cũng tác động mạnh mẽ, sâu sắc tới quyền con người. Thiết bị điện tử được sử dụng rộng rãi khắp mọi nơi đã góp phần giám sát, bảo vệ an ninh cho cá nhân và cho xã hội song mặt trái của nó là việc sử dụng hình ảnh thu được sẽ vi phạm quyền bí mật đời tư của cá nhân. Ngày càng nhiều mã độc xâm hại quyền của người sử dụng điện thoại thông minh. Cách sinh hoạt mới khác cách sinh hoạt truyền thống cùng với sự tác động của y học, sinh học hiện đại dẫn tới sự biến đổi trong sự tái sản sinh giới tính của con người. Sự tồn tại của thế giới người máy đan xen với thế giới của con người thực làm bùng phát những vấn đề đạo đức, đảo lộn những giá trị truyền thống.v.v.

Tóm lại, ngày càng mạnh mẽ hơn, cách mạng công nghiệp 4.0 đang và sẽ tác động kép theo xu hướng phân cực tới mọi lĩnh vực của đời sống nhân loại. Cần nhận diện được những tác động đó, thiết lập những giá trị chung nhằm định hướng cho sự lựa chọn giải pháp phù hợp để cuộc cách mạng này trở thành cơ hội tốt đẹp cho toàn nhân loại.

3. PHẬT GIÁO VỚI CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0

3.1. Tương đồng trong quan niệm của Phật giáo và thành tựu của cách mạng công nghiệp 4.0

Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đã làm mờ đi ranh giới giữa thế giới thực và thế giới ảo, giữa khoa học xã hội và khoa học nhân văn, khoa học và tôn giáo. Theo Werner Heisenberg – nhà vật lý học phát triển nguyên lý bất định: *“Khát vọng vượt qua những điều đối lập, bao gồm sự tổng hợp cả hiểu biết duy lý và trải nghiệm tâm linh, về tính thống nhất của vũ trụ, là nét đặc trưng của thời đại chúng ta”*³.

Theo cách nghĩ thông thường, tôn giáo và khoa học là hai lĩnh vực trái ngược, luôn phủ định nhau. Tuy nhiên, trong thời đại ngày nay, chúng lại kết hợp với nhau để giúp con người có cái nhìn toàn diện hơn về thế giới. Có thể nói, có nhiều điểm tương đồng kì lạ giữa tư tưởng của Phật giáo với những thành tựu của khoa học hiện đại trong cách mạng 4.0.

Trên 2000 năm trước, tư tưởng về thế giới ảo ảnh đã thể hiện trong nhiều bộ kinh của Phật giáo. Kinh Kim cương cho rằng, thế gian chỉ là mộng ảo: *“Nhất thiết hữu vi pháp/Như mộng, huyễn, bào, ảnh”* (Tất cả pháp hữu vi/Như mộng, huyễn, bọt, bóng); kinh Hoa Nghiêm cho rằng mọi vật không có tự tính, đều do tâm tạo ra: *“Nhất thiết pháp vô tự tính”, “nhất thiết duy tâm tạo”*. Thế giới tự sinh, tự tại, khách thể và chủ thể gắn kết trong thể thống nhất không thể phân li. Kinh Phật với lý nhân duyên cũng chỉ rõ về mối liên hệ nhân quả, sự thống nhất chặt chẽ giữa các sự vật hiện tượng, giữa cái bộ phận và cái toàn thể: *“Nếu cái này có, cái kia có, do cái này sanh, cái kia sanh, nếu cái này không có, cái kia không có, do cái này diệt, cái kia diệt”*⁴.

Ngày nay, trong vật lý học hiện đại, nguyên lý bất định cho rằng, nhìn hình thái biểu hiện của vật chất thì dường như chúng có thật song vật chất vốn không có thật, không có số lượng và vị trí nhất định. Nhà vật lý David Bohm cho rằng bản chất của thực tại nói chung và ý thức nói riêng là một thể thống nhất không ngừng tạo

3 Theo Nguyễn Trí Thạch, 2018, Hào quang vật lý trong bầu trời Phật học, Nxb Thế giới.

4. Kinh Trung bộ, HT Thích Minh Châu dịch (<https://www.budsas.org/uni/u-kinh-trungbo/trung-gg-115.htm>)

thành và biến đổi. Theo ông, vũ trụ chỉ là một toàn ảnh ba chiều được triển khai từ thông tin chứa trong mặt phẳng hai chiều. Thế giới vật chất mà ta đang thấy được khai triển từ một thực tại sâu kín hơn. Thực tại sâu kín này là một cái toàn thể không thể phân chia, định nghĩa hay đo lường. Trong thực tại này, mọi yếu tố đều liên kết chặt chẽ với nhau và luôn luôn vận động, là cơ sở của mọi vật chất và tâm thức, là nguồn gốc của vũ trụ vạn vật. Theo Craig Hogan, vũ trụ có bản chất là số, vật chất chỉ là thông tin. Tất cả các hạt cơ bản của vật chất đều là hạt ảo, toàn thể vũ trụ cũng là một vũ trụ ảo được cấu thành từ các bit thông tin. Mỗi bit thông tin có 4 planck – một kích thước nhỏ nhất mà bộ não con người còn có thể phân biệt được. Dưới kích thước plank, không còn khoảng cách không gian. Vị trí của hạt photon, electron là bất định. Nó có thể đồng thời tồn tại ở chẳng những hai mà vô số vị trí khác nhau. Hạt electron phải là một vật ảo tức không có thật, bởi vì chỉ có vật ảo mới có thể đồng thời xuất hiện ở nhiều vị trí khác nhau. Hạt electron không có số lượng nhất định bởi vì số vị trí mà nó có thể đồng thời xuất hiện là vô số. Năm 2012, nhà khoa học Maria Chekhova cho một hạt photon xuất hiện ở 100.000 vị trí khác nhau, tất cả vị trí đều liên kết với nhau. Như vậy, các hạt cơ bản của vật chất đều có tính chất lượng tử, do đó không gian, thời gian và số lượng là ảo, toàn thể vũ trụ là ảo.

Ứng dụng nguyên lý bất định, các nhà khoa học đã chế tạo ra mạng internet và smartphone – sản phẩm đặc trưng của thời đại cách mạng công nghiệp 4.0. Giống như tính chất lượng tử của hạt electron, hình ảnh và tiếng nói của con người có thể xuất hiện đồng thời ở nhiều nơi trên thế giới nên mỗi người có thể giao lưu trực tuyến với nhiều người ở những vị trí không gian khác nhau. Trên 2000 năm trước, kinh Phật đã mang tinh thần đó: *“Trong khi lời thuyết giảng này được nói lên, một ngàn thế giới đều rung động”*⁵.

3.2. Phật giáo – “phần bù” cho thế giới thực tại trong cách mạng công nghiệp 4.0

Như trên đã đề cập, bên cạnh những tác động tích cực không thể phủ nhận, cách mạng công nghiệp 4.0 cũng hàm chứa trong nó những hệ lụy cần khắc phục, đó là tình trạng thất nghiệp, sự gia

5. Kinh Tăng chi bộ, HT Thích Minh Châu dịch (<https://www.budsas.org/uni/u-kinh-tangchibo/tangchi03-1116.htm>)

tăng khoảng cách giàu nghèo..., đặc biệt là nguy cơ *robot hóa* con người. Có những điều tự thân khoa học không thể giải quyết nổi. Phật giáo, với sự tương đồng kì lạ song không đồng nhất với khoa học sẽ góp phần quan trọng khắc phục một phần mặt trái của cuộc cách mạng này.

Giảm bớt áp lực công việc bằng chánh niệm.

Theo thiền sư Thích Nhất Hạnh, quyền lực đích thực không phải là quyền lực kinh tế hay quyền lực chính trị mà chánh niệm mới là nền tảng cho những hành động phản ánh quyền lực đích thực. Chánh niệm là sự đầu tư căn bản, là chìa khóa giúp ta nhìn vào đời sống nghề nghiệp, giúp ta thoát khỏi căng thẳng và chán chường. Chánh niệm là một trong những nguồn năng lượng tâm linh - năng lượng của sự tập trung tâm ý, là khả năng có mặt 100% cho những gì đang xảy ra trong ta và xung quanh ta, giúp ta sống trọn vẹn từng giây phút và cũng là yếu tố căn bản để chữa lành, chuyển hóa và tạo an hòa trong gia đình, nơi làm việc và trong xã hội. Bởi vậy, cần tạo nên một môi trường chánh niệm ở trong gia đình và nơi làm việc. Chánh niệm giúp ta trở về với bản thân và nhìn sâu vào hoàn cảnh của mình. Con người nhận biết rằng an lạc có sẵn trong ta và chung quanh ta, ngay bây giờ và ở đây. Quá khứ đã qua và tương lai thì chưa tới, con người chỉ đang sống trong từng sátna của thực tại. Tuy nhiên, những dằn vặt về quá khứ và mối bận tâm về tương lai khiến ta có xu hướng lãng quên thực tại. An lạc và hạnh phúc là điều quan trọng nhất trong cuộc đời, thế mà gần cả cuộc đời con người chỉ biết gặm nhấm nỗi đau khổ, chạy theo tham dục, mãi miết đi tìm kiếm hạnh phúc nơi quá khứ hay trong tương lai mà quên mất hiện tại. Chế ngự tập khí để sống trọn vẹn trong từng sátna của thực tại. Khắc phục tình trạng phân tán năng lượng do làm nhiều việc cùng một lúc, tu tập thói quen chỉ làm mỗi lần một việc, hết lòng và đầu tư 100% tâm ý vào giây phút hiện tại, bây giờ và ở đây, đó là tinh thần thiền chánh niệm của Phật giáo. Căn bản của chánh niệm là chuyển hóa và chữa trị, giúp con người nhận diện niềm đau và chuyển hóa thành hạnh phúc. Năng lượng của chánh niệm và khả năng nhìn sâu sẽ giúp ta tìm ra tuệ giác để chuyển hóa tình trạng và chữa lành nỗi đau bên trong. Thực tập chánh niệm để thấy được bản thân, chú ý tới gia đình bằng khả năng có mặt 100%. Công việc bận rộn và áp lực cuộc sống khiến con người lãng quên chính bản thân mình, không biết cách chăm sóc cơ thể mình. Để cơ thể được nghỉ

ngôi, tự chữa lành vết thương, đó là điều cần thiết đối với mỗi con người trước áp lực của cuộc sống và công việc. Năng lượng của chánh niệm giúp con người nhận diện được chính mình, hạnh phúc khổ đau của chính mình, những gì đang có mặt xung quanh mình, để yêu thương cơ thể mình, yêu thương gia đình mình, yêu thương cuộc sống, để giúp mình và giúp người cùng thành công trong công việc.

Kết nối yêu thương bằng Tâm từ bi và Trí tuệ Bát nhã

Phật giáo giúp con người từ bỏ ý tưởng tìm hạnh phúc chỉ dựa trên vật chất. Cách thức sống hạnh phúc dựa trên sự thấu hiểu lẫn nhau. Tuy nhiên, *“Nhìn sâu, ta thấy rằng vẫn có cách tham dự vào thế giới kinh doanh đồng thời đem lại hạnh phúc cho ta và những người khác. Công việc của ta có ý nghĩa khi nó đem lại lợi lạc cho nhân loại và môi trường. Cũng là kiếm tiền nhưng kiếm tiền một cách có ý nghĩa, bởi vì nó đem lại an vui cho thế giới”*⁶.

Một điều không thể phủ nhận là những thành tựu của khoa học hiện đại đã mang lại những tiến bộ vật chất kì diệu. Tuy nhiên, vẫn không thể khẳng định, trong thế giới đầy ắp những tiện nghi vật chất, con người sẽ được sống một cuộc sống hạnh phúc, an toàn hơn. Những tiến bộ của khoa học công nghệ không giúp giảm bớt tham, sân và si – gốc rễ độc hại trong đời sống. Khát vọng về hòa bình, hòa hợp, bình an và hạnh phúc vẫn thường trực trong mỗi con người. Con người khác với các động vật khác ở khát khao đó. Nhưng khoa học hiện đại không giúp nhiều cho con người những hiểu biết về đúng sai, thiện ác trên phương diện đạo đức. Những vấn đề của xã hội hiện đại là hệ quả của sự tách rời giữa khoa học công nghệ và đạo đức. Dưới góc nhìn của một nền khoa học vật chất, chỉ có những dữ kiện được thực nghiệm mới mang tính khách quan còn đạo đức mang giá trị tương đối và chủ quan; hành vi của con người chủ yếu do những điều kiện bên ngoài quyết định, còn khả năng nội tại trong việc hiểu biết và kiểm soát động cơ bên trong rất ít được đề cập tới. Nguyên nhân những khiếm khuyết về đạo đức của con người được quy vào hoàn cảnh khách quan, còn con người chỉ được coi là *một bộ máy đáp ứng các kích thích*. Theo giáo sư Phật học Premarisi, *“một quan điểm như thế về bản chất hành động của con người khuyến khích việc từ bỏ trách nhiệm cá nhân trước mọi*

6. Thích Nhất Hạnh. 2009. Quyển lược đích thực. Nxb Tri thức

hành động của mọi người”⁷. Khủng hoảng đạo đức trong xã hội hiện đại có gốc rễ từ tham – sân – si phát triển tỉ lệ thuận với sự phát triển của khoa học và đời sống vật chất. Vô cảm, ích kỷ, thiếu sự quan tâm tới người khác đã trở thành căn bệnh thời đại. Khắc phục điều này, Phật giáo chỉ ra con đường tự thân khai mở Tâm từ bi và Trí tuệ Bát nhã để chuyển hóa khổ đau thành hạnh phúc. Triệt tiêu khát ái, sân hận và ảo tưởng, thanh tịnh hóa tâm thức, hoàn thiện đạo đức – đó là mục tiêu tối hậu của Phật giáo. Phật giáo phát huy tối đa tính tự chủ cá nhân trong việc thực hành các quy tắc đạo đức bởi vì đạo đức. Phật giáo là đạo đức xuất thế, thiên về nội tâm, phản tỉnh hơn là xử lý các quan hệ bên ngoài. Sự phán xét của đạo đức là nghiệp báo luân hồi. Nghiệp báo điều chỉnh đạo đức của mỗi người theo quy luật nhân - quả tự tại. Điểm ưu trội của Phật giáo so với các tôn giáo khác là ở chỗ, Phật giáo là tôn giáo có khuynh hướng vô thần khi khẳng định mọi giá trị đạo đức đều diễn ra trong thế giới nhân sinh chứ không phải do một thế lực nào chi phối. Phật giáo không đề cao, cổ vũ niềm tin mù quáng, ngược lại lấy chính kiến, trí tuệ Bát nhã làm nền tảng cho giác ngộ giải thoát, làm động lực thúc đẩy sự phát triển xã hội và nền móng cho tình yêu thương, thái độ cảm thông. Một trong những cách thức quan trọng nhất để xem xét chính mình là giải thoát khỏi mọi sự ràng buộc, thừa nhận trách nhiệm cá nhân, tin tưởng bản thân trong việc kiểm soát chính mình và môi trường chung quanh, chịu trách nhiệm trước chính mình vì bất cứ gì mình làm ra mình thừa hưởng. Tứ vô lượng tâm Từ - Bi - Hỷ - Xả chứa đựng tinh thần đạo đức căn bản của Phật giáo. Con người chỉ thực sự hạnh phúc khi chiến thắng sân hận bằng lòng không sân hận; lòng từ bi, giúp đỡ người - cảm thấy áy náy vì người khác đau khổ; hoan hỷ, chia sẻ niềm vui cùng người khác, quét sạch trong tâm những ganh tị, hiềm khích và khát ái để vui với niềm vui của người khác; thanh thản hoàn toàn, tâm xả li, hòa đồng với chúng sinh, với hoàn cảnh.

Rất thiết thực và nhân văn, kinh Tạp A hàm ghi lời dạy về Tứ pháp của đức Phật dành cho người thế tục trong việc mưu sinh: Một là phương tiện đầy đủ, tức là có nghề nghiệp chính đáng; hai là bảo vệ, giữ gìn đầy đủ, tức không để mất mát, thất thoát thành quả sức lao động; ba là thiện tri thức, tức là có hiểu biết đúng đắn

7. Premarisi, 2002. Buddhist Ethics, Moral Perfection and Modern Society. Sri Lanka.

về các việc thiện và tránh các việc bất thiện trong làm ăn; bốn là chính mệnh đầy đủ, tức là biết làm chủ cuộc sống, không lãng phí, không bủn xỉn, biết làm phúc và cúng dường, biết chăm nom cuộc sống cho quyến thuộc, biết tích lũy cho đời nay và chuẩn bị cho đời sau⁸... Đó là tinh thần phát triển bền vững của Phật giáo từ trên 2000 năm trước song vẫn có ý nghĩa sâu sắc trong thời đại 4.0.

4. KẾT LUẬN

Trong các cuộc cách mạng công nghiệp, cá nhân nào, quốc gia dân tộc nào nắm bắt được cơ hội và nhanh chóng biến cơ hội thành hiện thực thì sẽ phát triển và ngược lại. Cách mạng công nghiệp 4.0 đã, đang và sẽ thay đổi toàn bộ thế giới trong một tương lai rất gần. Những thành tựu có tính đột phá của cuộc cách mạng này đã giúp thông điệp của Phật giáo nhanh chóng lan rộng trong phạm vi toàn cầu. Người tu hành không thể đứng bên lề mà phải hợp tác, tận dụng có hiệu quả những thành tựu của cuộc cách mạng này. Với vai trò *hộ quốc an dân*, Phật giáo Việt Nam đã và đang tích cực nhập cuộc, tiếp cận công nghệ thông tin, tận dụng mạng xã hội như một kênh quan trọng để truyền bá Phật pháp nhằm phát huy ảnh hưởng tích cực của Phật giáo tới con người trong xã hội hiện đại. Tuy nhiên, những nỗ lực đó mới chỉ đạt được kết quả bước đầu. Nhiều người Việt Nam nói chung, Phật tử nói riêng còn rất mơ hồ về cách mạng công nghiệp 4.0. Bởi vậy, cần: 1. Truyền bá để nâng cao nhận thức về cách mạng 4.0; 2. Đào tạo nguồn nhân lực đủ năng lực tiếp cận thành tựu của cách mạng 4.0; 3. Ứng dụng thành tựu của cách mạng công nghiệp 4.0 trong tổ chức, quản lý, điều hành và hoằng pháp. Đặc biệt, người tu hành cần thường xuyên tu dưỡng đạo đức, nâng cao trình độ Phật pháp, rèn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để truyền bá sâu rộng những giá trị tích cực của Phật giáo – giúp cho Phật giáo thực sự là “phần bù” cho những thiếu hụt của cách mạng công nghiệp 4.0.

8. Đại tạng kinh Việt Nam, Kinh Tập A hàm, HT Thích Đức Thắng dịch. Nxb Đông Phương, 2010.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Đại tạng kinh Việt Nam, Kinh Tập A hàm, HT Thích Đức Thắng dịch. NXB Đông Phương, 2010.

Thích Nhất Hạnh, 2009, Quyền lực đích thực. Nxb Tri thức.

Kinh Trung bộ, HT Thích Minh Châu dịch (<https://www.bud-sas.org/uni/u-kinh-trungbo/trung-gg-115.htm>).

Kinh Tăng chi bộ, HT Thích Minh Châu dịch (<https://www.budsas.org/uni/u-kinh-tangchibo/tangchi03-1116.htm>).

Klaus Schwab (2018). Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

Premarisi, 2002. Buddhist Ethics, Moral Perfection and Modern Society. Sri Lanka.

Nguyễn Trí Thạch, 2018, Hào quang vật lý trong bầu trời Phật học, Nxb Thế giới.

BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN PHẬT GIÁO CHÂU Á VÀ VIỆT NAM TRONG CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0 NHÌN TỪ HỆ QUAN ĐIỂM KÝ ỨC LỊCH SỬ - DÂN TỘC

Trần Kỳ Đồng*

TÓM TẮT

Cách mạng công nghiệp 4.0 tạo ra nhiều cơ hội nhưng cũng đem lại nhiều thách thức cho việc bảo tồn và phát huy khối giá trị di sản Phật giáo đồ sộ của nhân loại mà phần lớn đang hiện hữu ở các nước châu Á. Nguy cơ di sản này bị xóa nhòa bản sắc có thể sẽ xảy ra, nhất là ở các nước mới phát triển và chậm phát triển.

Để tận dụng được những thời cơ, vượt qua những thách thức của toàn cầu hóa, sử dụng hiệu quả thành tựu cách mạng công nghiệp 4.0 thì vấn đề bảo tồn và phát huy giá trị di sản Phật giáo Châu Á, trong đó có Việt Nam, cần phải được nhìn từ hệ quan điểm ký ức - lịch sử - dân tộc với tính cách là phương pháp luận của quá trình giải quyết các yêu cầu đang đặt ra từ thực tiễn.

1. CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0 VỚI VIỆC BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN PHẬT GIÁO CHÂU Á

1.1. Về thuật ngữ di sản

“Di sản quốc gia- một thuật ngữ cổ xưa, một khái niệm dường như không ai cần nhớ. Thuật ngữ này xuất phát từ chữ La tinh *patrimonium*, có nghĩa là quyền hợp pháp của các thành viên gia đình

* Tiến sĩ, Giảng viên khoa Nhân học, Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

về việc thừa hưởng tài sản để lại. Thuật ngữ này nêu rõ mối quan hệ đặc biệt giữa nhóm người đã được xác định về những quyền lợi vật chất cụ thể như một không gian đất đai, nhà cửa, một khoản tiền gửi tại ngân hàng v.v... Mở rộng khái niệm, người ta nói rằng: Di sản của một dân tộc, một quốc gia còn là những gì hàm chứa sâu kín trong những nguồn tài nguyên bền vững mang tầm vóc phẩm chất và trí tuệ của nó...trong đó, phạm trù “di sản văn hóa”, bao gồm những câu chuyện cổ tích, thần thoại, những di tích nghệ thuật, những hồi ức, thậm chí cả ngôn ngữ.... Mở rộng nữa, khái niệm di sản còn mang một giá trị thiêng liêng, chỉ ra một số điều kiện về sự tồn tại, sự phát triển nòi giống, của dân tộc và của cả ... nhân loại.”¹

Qua thời gian, các di sản tôn giáo với tính tôn giáo và tính nghệ thuật cũng đã khẳng định được giá trị của mình trong đời sống cộng đồng của các dân tộc. Do đó, nội hàm thuật ngữ di sản không còn mang tính nguyên nghĩa. Di sản tôn giáo đã trở thành một nguồn lực văn hóa khi được nhìn nhận là lĩnh vực bao gồm những ý niệm tâm linh của những hiện tượng vật thể và phi vật thể được quy định bởi đức tin, giá trị, biểu trưng cũng như những quy ước nhất định của xã hội.

1.2. Tại sao lại là di sản Phật giáo châu Á?

Việc lấy di sản Phật giáo ở châu Á làm trọng tâm của bài viết hoàn toàn không vì thiên vị mà vì “Phật giáo đã chiếm được vị trí độc tôn trong lịch sử châu Á với tư cách là một kinh nghiệm duy nhất, được chia sẻ với phân nửa dân số thế giới. Không có một trào lưu, một tôn giáo nào, hoặc một sự kiện nào khác có thể sánh được với mức độ mà Phật giáo đã ảnh hưởng hầu như khắp mọi ngõ ngách ở châu Á”²

Châu Á nhất là Châu Á –Thái Bình Dương lại khu vực giao thoa văn hóa phương Đông và phương Tây. Những đặc trưng của quá trình phát triển văn hóa ở thế giới dường như đã xuất hiện đầy đủ tại khu vực này. “Từ thế kỷ thứ VI trước công nguyên, Phật giáo đã từ Ấn Độ lan truyền về phía Bắc đến Nepal và Tây Tạng, qua Trung Á đến Trung Hoa, Hàn Quốc và Nhật Bản; về phía Nam thì đến Sri

1. André Chastel, (2009), Khái niệm về di sản, trong Những di chỉ của Ký ức do Pierre Nora chủ biên, Hội Khoa học lịch sử Việt Nam biên dịch, Hà Nội, Tri Thức, tr.369

2. Meher McArthur, (2005), Tìm hiểu mỹ thuật Phật giáo, người dịch Phan Quang Định, Hà Nội, Mỹ thuật, tr.7

Lanka và những miền rộng lớn ở Đông Nam Á”.³Trong quá trình lan truyền, Phật giáo đã bộc lộ được năng lực thích nghi với các nền văn hóa bản địa, hòa hợp được với các tôn giáo đã có trước đó, trở thành thành tố ký ức - lịch sử của các quốc gia, dân tộc.

Hiện nay, châu Á vẫn còn nhiều quốc gia, dân tộc mới phát triển và chậm phát triển nên khó có thể có được sự bình đẳng trong tiến trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế đang diễn ra như một xu thế tất yếu. Thực tiễn của tiến trình này đã cho thấy sự tác động rất rõ đến bản sắc văn hóa của mỗi dân tộc. Những quốc gia mới phát triển và chậm phát triển ở châu Á phải khẩn trương khẳng định vị thế, bản sắc văn hóa của dân tộc nếu như không muốn nền văn hóa của quốc gia bị hòa tan vào trong “thế giới ngày càng phẳng”, chân dung văn hóa của quốc gia – dân tộc chỉ còn là tên gọi cùng với các thông số khô khan trên bản đồ thế giới.

1.3. Bảo tồn và phát huy giá trị di sản Phật giáo châu Á trong cách mạng công nghiệp 4.0 – Những vấn đề đang đặt ra

Hội nhập quốc tế của các quốc gia mới phát triển và chậm phát triển ở châu Á đang bị làn sóng toàn cầu hóa cuốn đi ngày càng mạnh mẽ, thì lại xuất hiện sự tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 với tiềm năng kết nối hàng tỷ người trên thế giới, dẫn đến những biến đổi không lường trước được. Sự kết hợp giữa thế giới thực, thế giới ảo và thế giới sinh học thành thế giới số trong cuộc cách mạng công nghệ 4.0 có thể nói như một cơn địa chấn, ảnh hưởng rất lớn đến tất cả các quốc gia trên toàn bộ các lĩnh vực. Cách mạng công nghiệp 4.0 đang thách thức thế giới Sống của con người, thách thức quan niệm về vai trò thực sự của di sản văn hóa, bản sắc của dân tộc.

Cách mạng công nghiệp 4.0 đang ẩn chứa những nguy cơ mới khi thế giới ngày càng dựa vào các hệ thống dữ liệu số kết nối với nhau sẽ tạo ra sự phụ thuộc lẫn nhau mà bất kỳ một lỗi hệ thống hay một cuộc tấn công xảy ra trên hệ thống thông tin điện tử bất kỳ một quốc gia nào trên thế giới có thể gây thiệt hại ở quy mô toàn cầu.

Văn hóa – nền tảng tinh thần của quốc gia, dân tộc cũng đang

3. Robert E.Fisher (2002) Mỹ thuật & kiến trúc Phật giáo, Huỳnh Ngọc Trảng và Nguyễn Tuấn dịch, Hà Nội, Mỹ thuật, tr.5

đứng trước nguy cơ bị xâm thực từ các nước có ưu thế về kỹ thuật, công nghệ hiện đại. Vì trong cách mạng công nghiệp 4.0, thì dữ liệu lớn (Big Data) về văn hóa có tầm quan trọng đặc biệt trong việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa. Đây chính là tài sản của mỗi dân tộc qua hàng ngàn năm lịch sử, là thành quả của quá trình tìm kiếm, thu thập, phân tích, giám sát, chia sẻ, lưu trữ, truyền nhận dữ liệu của mỗi quốc gia. Lượng dữ liệu lưu trữ của mỗi quốc gia là không có giới hạn và hiện nay đã vượt tầm năng lực lưu trữ truyền thống. Ai có được ưu thế trong việc tận dụng và khai thác những dữ liệu này? Dữ liệu trong quá trình trao đổi giữa các hệ thống có bị chỉnh sửa không? Nhất là khi sự chỉnh sửa đó nhằm mục đích xuyên tạc giá trị di sản vốn đã được định hình trong ký ức dân tộc, dẫn đến sự chuyển dòng nhận thức lịch sử, mơ hồ về bản sắc văn hóa của dân tộc. Những vấn đề đặt ra không đơn giản để giải quyết khi cuộc chiến tranh âm thầm nhất và hiệu quả nhất được thực hiện bằng sức mạnh mềm của văn hóa.

Tóm lại: Cách mạng công nghiệp 4.0 sẽ tiếp tục mở rộng biên độ bất bình đẳng giữa các quốc gia không chỉ trong hoạt động sản xuất kinh doanh mà cả trong sở hữu và sử dụng giá trị văn hóa, kể cả di sản văn hóa quốc gia. Nhiều nguy cơ, thách thức sẽ đến từ cách mạng công nghiệp 4.0 đối với các quốc gia trên thế giới nói chung và ở nhiều nước châu Á nói riêng khi không sở hữu một nền công nghệ, kỹ thuật hiện đại, nhưng lại đang lưu giữ khối di sản Phật giáo đồ sộ của nhân loại. Nói khác đi, trong cách mạng công nghiệp 4.0, giá trị di sản Phật giáo sẽ khó giữ được vị thế mà mình đang có.

2. HỆ QUAN ĐIỂM KÝ ỨC-LỊCH SỬ-DÂN TỘC LÀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN CHO VIỆC BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN PHẬT GIÁO TRONG CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0

2.1. Ký ức như là sự lắng đọng những biểu trưng của di sản trong tâm thức con người

Con người dù ở bất cứ thời đại nào cũng đều mang trong mình những ký ức vì mỗi người luôn nhớ lại, hồi tưởng lại những gì đã gắn với cuộc đời của mình: nơi mình sinh ra, những vùng đất đã sống, những sự kiện đã tiếp nhận, những con người đã quen ... Ký ức như là những thước phim sống động con người đã trải qua để tương lai không còn bờ ngõ. Ký ức như là sự lắng đọng những biểu trưng của

di sản trong tâm thức con người. Mỗi lần con người nhớ lại đều cảm nhận được ý nghĩa toát ra từ những di sản đối với bản thân mình. Ký ức trở thành hành trang tinh thần trong cuộc sống của con người.

Ký ức có được là vì con người luôn nhớ lại quá khứ. Có những ký ức làm con người sợ hãi, ngò vức, lo âu cho đến hiện tại nhưng cũng có những ký ức giúp con người biết suy tư để vượt qua những khó khăn và tổn thương trong quá khứ để hướng đến tương lai. Ký ức sẽ minh định cho cuộc sống của con người. Có nghĩa là con người buộc phải tiếp nhận nhưng đồng thời con người lại thường xuyên “lọc bỏ”, “khai phóng” ký ức. Năng lực lọc bỏ và khai phóng ký ức tùy thuộc vào đời sống nội tâm và sự nhận thức về mục đích sống, ý nghĩa sống và giá trị sống của chủ thể. Với năng lực này thì con người càng quên được nhiều ký ức tiêu cực, con người càng cảm nhận ý nghĩa của những biến động trong cuộc đời. Con người càng nhớ được nhiều ký ức tích cực, cuộc đời càng trở nên đẹp đẽ. Những ký ức đã cũ, nhưng khi nhìn lại, người ta vẫn sẽ thấy yêu thương hiện hữu thì người ta không thể quên.

Nghệ thuật Phật giáo có mục đích làm nhớ lại những chân lý bất diệt của của Tứ diệu đế. Cho nên không thể phủ nhận ký ức Phật giáo trong việc định hình nhân sinh quan của con người. Trong quá trình giải phóng đời sống nội tâm con người, Phật giáo luôn đem lại *sự phản tỉnh trên tầm cao của quy mô nhân cách qua sự suy tư về những thường nghiệm trong cuộc sống của con người*. Có thể nói, chính ký ức Phật giáo luôn cung cấp cho chủ thể một quan niệm sơ khởi về thực tại Sống để tự tin, ứng biến linh hoạt trong cuộc sống trước mọi tình huống mới lạ hàm chứa nhiều bất trắc khó lường. Trở về với ký ức Phật giáo, con người sẽ nhớ lại Đức Phật luôn dạy đệ tử phải biết tư duy và thẩm định về giáo pháp, ngay cả những lời dạy của Ngài. “Chánh kiến” và “Chánh tư duy” là những yếu tố đầu tiên làm nền tảng cho Tuệ phát sinh. Sự suy tư để nhận ra nguyên nhân, thực chất về ký ức buồn, cũng như ý nghĩa riêng của nó và học cách buông bỏ nỗi buồn là điều thật sự cần thiết không chỉ đối với người tu tập. Vì đây là cách thức phổ quát cho những ai muốn tự mình có thêm động lực để đạt đến điều mình muốn. Sự thấy và suy tư đúng đắn sẽ dẫn dắt con người đi đến sự tự trả lời các câu hỏi: Nếu tiếp tục níu giữ những sự việc này, tôi sẽ để vuột mất những gì? Tôi thật sự muốn gì trong cuộc đời của mình? Tôi phải làm gì

để đạt được điều mình muốn? Điều ấy có ý nghĩa như thế nào đối với cuộc đời của tôi? Chính vì vậy, trên hành trình tu tập, sự tự nỗ lực khai phóng chính bản thân mình luôn được đức Phật đề cao: «Hãy ẩn nấu nơi chính ta như là một hải đảo, như một chỗ nương tựa; hãy ẩn nấu nơi giáo pháp như một hải đảo, một nơi nương tựa; không nên ẩn nấu từ nơi bên ngoài”⁴.

2.2. Lịch sử được cảm nhận thông qua ký ức của con người

Mỗi một con người đều có được thời gian Sống nên cuộc đời con người luôn mang chiều kích lịch sử tính. Nhưng chỉ thực sự là lịch sử cuộc đời khi chính chủ thể cảm nhận và chấp nhận sống như một hành trình khai phóng bản thân mà trong đó ký ức luôn kết nối quá khứ với hiện tại. Lịch sử diễn ra như một dòng chảy liên tục. Những gì chúng ta đang trải nghiệm và khẳng định: *đây là hiện tại* thì liền sau đó, nó trở thành quá khứ. Một khi chúng ta khước từ, cố tình lãng quên quá khứ, thì tính liên tục từ quá khứ đến hiện tại sẽ có những đứt gãy, đời sống chúng ta sẽ thiếu nhất quán trong lời nói cũng như hành động.

Ký ức ghi nhớ về quá khứ từ hai chiều kích: một là ghi nhớ sự kiện; hai là ghi nhớ cảm xúc đi cùng với sự kiện đó. Vì vậy, sự nhớ của ký ức là một sự liên tưởng vì không chỉ đơn thuần là hồi tưởng quá khứ mà còn suy tưởng về hiện tại và phóng chiếu đến tương lai. Cảm xúc từ ký ức, vì vậy, luôn có sự trải dài trong sự liên tưởng. Những cảm xúc mới được tạo ra từ ký ức cũ, suy xét kỹ, chúng ta sẽ thấy những cảm xúc mới này có chất lượng cao hơn cảm xúc cũ cũng từ ký ức ấy. Vì ký ức trong cuộc đời luôn được mang bởi những nhóm người đang sống và luôn tiến hóa trong sự nhớ và quên. Ký ức có thể trải qua những thời đoạn tưởng chừng như như lịm dần đi nhưng vẫn có thể sống lại một cách mạnh mẽ khi cuộc đời có những định vị mới, nhu cầu mới về giá trị Sống.

Với cảm xúc từ ký ức, lịch sử thăng trầm của Phật giáo sẽ được cảm nhận thông qua các di sản. Vì đó là lịch sử được tiếp nhận không từ những sử liệu khô khan, mà từ những biểu trưng sống động của các kinh văn; thần phả và tranh tượng Phật giáo; ký hiệu, biểu tượng

4. Trường bộ I, số 15, Kinh Đại bát Niết-bàn, (1992) Biên dịch. HT. Thích Minh Châu, Hà Nội, Tôn giáo, tr.544

và tự khí Phật giáo; những di chỉ và thánh địa của Phật giáo. Đó là sự tiếp nhận bằng cả đời sống nội tâm của con người đã từng trải qua ký ức đau thương. Hiệu ứng của di sản Phật giáo vì vậy đã có sự thăng hoa trong nhận thức của con người cũng như Jean Baptiste Mathieu đã từng nói về di sản: “Những tượng đài kỷ niệm và những di tích cổ xưa, những dấu vết còn lưu lại của lịch sử là những thứ mà thời gian không thể phá hủy. Chúng còn đang giúp cho chúng ta ngiên cứu về quá khứ, giúp các nhà nghệ thuật nghiền ngẫm, học hỏi, các nhà triết học quan sát và suy nghĩ, giúp cho con mắt của chúng ta biết yêu mến vẻ đẹp và cảm hứng trước sự già cỗi thời gian của các di vật phản ánh sự tồn tại của những thời đại đã qua”.⁵

Nhưng những ký ức có được từ di sản phải là một ký ức lưu trữ dựa vào di sản nguyên bản, cho dù chỉ là tàn tích với ghi chép cụ thể và hình ảnh rõ ràng nhất. Trong cách mạng công nghiệp 4.0, ký ức lại có môi trường sống mới đó là công nghệ 3D. Người quản lý di sản sẽ có một tham chiếu chính xác với đầy đủ màu sắc, kích thước, mặt cắt ngay cả khi di tích thực đã hạ giải. Người yêu di sản có thể tham quan các công đoạn trùng tu và tôn tạo để có được chuỗi ký ức về di sản qua các thời đoạn lịch sử của nó. Điều cần lưu ý và cũng là nguy cơ cho những ký ức đến từ di sản qua lưu trữ của hệ thống mạng có thể không còn là ký ức như cộng đồng đã được sống, mà có thể là *một ký ức* được phục dựng không đúng như nguyên bản (mémoire – prothèse) vì nó được tạo lập từ thế lực bên ngoài cộng đồng nên đã không có cuộc sống “đắm mình” trong di sản. Do đó, trong bảo tồn di sản, việc chuyển từ ký ức sang cảm nhận lịch sử buộc phải xác định lại căn tính của ký ức và làm sống lại lịch sử của di sản y như nó đã tồn tại. Đây là nhiệm vụ của chính yếu và cũng là thách thức lớn cho giáo hội Phật giáo trong công cuộc bảo tồn và phát huy giá trị di sản Phật giáo trong dòng ký ức - lịch sử - dân tộc.

Tóm lại: Khi lịch sử được cảm nhận thông qua ký ức của con người thì điều này cũng có nghĩa là: Sống với ký ức không phải là trốn chạy thực tại mà giúp cho chúng ta Sống có trách nhiệm hơn với thực tại cuộc Sống. Sống với ký ức không phải là hoài niệm về những mảnh vụn cuộc đời mà là sự tái tạo toàn cảnh thế giới nội

5. André Chastel, (2009), Khái niệm về di sản, trong Những di chỉ của Ký ức, Pierre Nora chủ biên, Hội Khoa học lịch sử Việt Nam biên dịch, Hà Nội, Tri Thức, tr.375

tâm của con người trong sự đa dạng của các chiều kích một cách trung thực, trong đó không thể không nói đến chiều kích của tôn giáo đối với việc xác định mục đích sống, ý nghĩa sống và giá trị sống của con Người.

2.3. Dân tộc là cộng đồng lưu giữ, tái hiện ký ức - lịch sử

Lịch sử, nói đúng hơn là lịch sử của dân tộc, đã tạo nên truyền thống mạnh nhất trong những truyền thống của cộng đồng, là môi trường ký ức đích thực của con người. Lịch sử mà không có vai trò giáo dục văn hóa và tạo ra ý thức dân tộc thì sẽ không có khoa học về lịch sử dân tộc. Di sản là nơi định hình cho ký ức. Không có một di sản nào có được ý nghĩa văn hóa khi chúng thoát ra khỏi tâm thức của dân tộc. Khi một nền văn hóa bị đánh mất trong tâm thức, thì dân tộc đó dường như phải sống lưu vong trên chính tổ quốc của mình.

Các nền văn hóa trước hết là những vùng di sản - ký ức của các tộc người, các cư dân được phân bố theo không gian Sống của các cộng đồng dân tộc. Nền văn hóa dân tộc thường bao gồm các tiểu văn hóa (sous-cultures) mà mỗi tiểu văn hóa này có thể được đặc trưng bằng một lịch sử độc đáo với những nét đặc thù và bằng cả một kiểu quan hệ riêng biệt với nền văn hóa chung. Do đó, hoàn toàn chính đáng khi chú trọng tới sự tồn tại của những nền văn hóa xã hội tổng thể ở quy mô dân tộc, đồng thời phải xác định một hệ vấn đề riêng cho các tiểu vùng văn hóa này thông qua di sản ký ức - lịch sử của các tộc người trong cộng đồng dân tộc.

Xã hội học hiện đại phân tích xã hội - dân tộc như khuôn mẫu rõ ràng nhất của xã hội tổng thể. Xã hội tổng thể chỉ một cách đích xác “cái hiện tượng xã hội rộng lớn nhất, quan trọng nhất và giàu nội dung nhất”.⁶ Xã hội tổng thể là nơi mà tất cả các hiện tượng có quan hệ với nhau một cách tất yếu và được đặt vào một hệ thống liên hệ phức hợp. Cái làm nên đặc trưng trước tiên của nó là cường độ những liên hệ giữa các thành viên của nó với nhau, khi họ cùng chia sẻ ý thức về một căn tính chung. Ý thức về căn tính chung đó chính là sự liên kết tất yếu của ký ức - lịch sử - dân tộc như tổng thể hữu cơ sẽ làm sáng rõ về sự thống nhất tâm lý của các thành viên về

6. Akoun A. (1970) “Các xã hội tổng thể”, trong Xã hội học, do Cazeneuve J. và Victoroff D. chủ biên, Hachette, trong Claret, P. (2006), Căn tính tập thể của các dân tộc (Lê Diên dịch), Hồ Chí Minh, Phương Đông, tr.422.

di sản và lịch sử mà ký ức là khâu trung gian nối kết quá khứ và hiện tại của dân tộc. Ký ức được hiện ra trong các biểu trưng tập thể có ý nghĩa, có giá trị chung cho toàn xã hội - dân tộc.

Như vậy, dân tộc hiện đại rõ ràng xuất hiện như hiện thực phù hợp nhất với khái niệm xã hội tổng thể mà Marcel Mauss đã định nghĩa nó như “một xã hội hòa nhập về vật chất và tinh thần, có chính quyền trung ương ổn định, thường trực, có những biên giới xác định, có sự thống nhất tinh thần và văn hóa người dân gắn bó một cách có ý thức với nhà nước và luật pháp của nó.”⁷. Nghĩa là, ký ức - lịch sử - dân tộc mang bản chất tâm lý - văn hóa được nghiên cứu theo phương pháp đồng đại hay lịch đại để giải thích sự giống nhau của một số ứng xử cá nhân cũng như giải thích được độ bền vững của ký ức trong một số ứng xử tập thể. Với quan niệm này, chúng ta không những có thể lập ra những danh mục về những nét riêng biệt của các tiểu vùng văn hóa của mỗi tập hợp dân tộc mà còn tìm cách kiểm nghiệm được sự tồn tại một hình dạng chung của sự liên hệ ký ức - lịch sử - dân tộc trong một cấu trúc tổ chức nhất định. Chính sự phát triển của các khoa học xã hội hiện đại trong thế kỷ XX đã cho phép chuyển sang những hình thức nghiên cứu khoa học về ý niệm tính cách dân tộc. Ở đây, sự đóng góp của nhân học, tâm lý học và xã hội học có ý nghĩa quyết định khi bàn về cộng đồng cư dân thiểu số hay dân tộc thiểu số.

Thiểu số là một trong những vấn đề phức tạp được đặt ra từ rất lâu trong đời sống xã hội. Khái niệm nhóm người thiểu số được dùng để chỉ các nhóm người có những sự khác biệt về một phương diện nào đó với cộng đồng người chung trong xã hội. Họ có thể khác biệt với nhóm người đa số về phương diện ngôn ngữ và văn hoá. Khác biệt về nhận thức và tôn giáo, về hoàn cảnh kinh tế, điều kiện sống và thu nhập ...và đi kèm theo đó là sự khác biệt về phương thức ứng xử của cộng đồng đối với chính họ. “Nói đến nhóm người thiểu số cũng có nghĩa là đã khẳng định về sự tồn tại trên một khía cạnh khác của nhóm những người đa số được thừa nhận và thường được ứng xử khác biệt hơn. Do vậy, trong thực tế lịch sử, nhóm người được coi là thiểu số bao giờ cũng phải chịu những quy chế về pháp lý hay đạo đức riêng biệt, không được tham gia đầy đủ vào những hoạt động của đời sống công

7. Mauss M, (1956) “Dân tộc”, L'année sociologique, 1953-1954, P.U.F, tr.20

cộng. Họ bị đối xử như là những “người riêng biệt” và trong trường hợp đó, để tồn tại được bên những người đa số, họ cũng buộc phải tự coi mình là những người riêng biệt. Trên thực tế, người thiểu số là những người làm cho người ta dễ nhận thấy sự khác biệt so với cộng đồng, nghĩa là họ mang những nét mà có thể khi nhìn vào cũng như giao tiếp với họ, người ta có thể nhận thấy ngay sự phân biệt so với những thành viên khác trong cộng đồng. Nhà xã hội học Mỹ Louis Wirth năm 1945 đã đưa ra một định nghĩa khá thông dụng về nhóm người thiểu số như sau: “Có thể gọi là thiểu số mọi nhóm người, do một số nét đặc thù về ngoại hình hay văn hoá, bị đối xử khác biệt và không bằng những thành viên khác của xã hội mà họ sinh sống và do đó tự coi mình là đối tượng của một sự phân biệt tập thể”⁸

Paul Griéger trong tác phẩm *Tính cách học tộc người* đã đi từ giả thuyết về sự tồn tại của nhiều kiểu tính cách tộc người hay “kiểu tộc người” (ethnotype) và đã phát triển một phương pháp nhận biết những nét tộc người điển hình, có thể áp dụng vào những nhóm có quy mô dân tộc hay vùng. Khái niệm kiểu tộc người được Paul Griéger định nghĩa như “trung tâm lan truyền tính cách” của một dân tộc nhất định hoặc như “tính cách vượt trội của cả một nhóm người ở một thời điểm lịch sử nhất định của nó”⁹.

Với quan niệm của Louis Wirth và Paul Griéger thì trong cách mạng công nghệ 4.0, những dân tộc mà cụ thể là các tộc người được gọi là đa số hay thiểu số không được tính về số lượng người mà được tính ở trình độ sở hữu công nghệ kỹ thuật cao hay thấp [*người viết lưu ý điều này*]. Các cư dân châu Á, do sở hữu công nghệ kỹ thuật thấp nên khó có thể được gọi dân tộc đa số mặc dù chiếm ưu thế về lượng cư dân. Họ sẽ trở thành cư dân thiểu số khi thất thế về tiềm lực trong kinh tế, chính trị và tất nhiên trong cả lĩnh vực văn hóa. Thế nhưng, cư dân thiểu số này lại cần được xác định trong vị thế mới với tính cách là chủ thể tích cực của sự biến đổi xã hội vì họ cũng là nguồn lực sáng tạo.

Công việc bảo tồn di sản văn hóa Phật giáo ở các nước châu Á,

8. <http://tadri.org/vi/news/Xa-hoi-hoc/Ve-khai-niem-thieu-so-va-nhom-dan-toc-thieu-so-118/>

9. Griéger P, (1955), *Tính cách học tộc người*, trong Thử bàn về một sự phân tích về tính cách học các dân tộc, tr.58 từ Philippe Claret, (2006), *Cá tính tập thể của các dân tộc*, người dịch Lê Diên, Hồ Chí Minh, Phương Đông, tr.529

có thể xuất phát từ quan niệm về kiểu tộc người do M. Michaud được diễn đạt một cách đầy đủ và ngắn gọn “kiểu tộc người như hệ thống những ý nghĩa”¹⁰ “Điểm xuất phát của sự phân tích là coi kiểu tộc người như một yếu tố của tiểu hệ thống văn hóa mà đó lại là một yếu tố chủ yếu đóng vai trò của bộ lọc. Dựa theo mô hình của D.Easton, nhà tâm lý học tộc người phân biệt những thông tin được tiểu hệ thống văn hóa tạo ra và lưu hành trong chính nó (đầu trong, *withinputs*) và những thông tin đến từ các tiểu hệ thống khác, thậm chí từ môi trường ngoài xã hội (đầu vào, *inputs*). Do đó, chức năng lọc của những thông tin thích hợp với “kiểu tộc người như hệ thống những ý nghĩa” được thực hiện ở ba trình độ:

- Ở trình độ thứ nhất, ngay bên trong tiểu hệ thống văn hóa, do một vận động không ngừng của những tác động và phản tác động.

- Ở trình độ thứ hai, trong quan hệ với các tiểu hệ thống khác của hệ thống xã hội tổng thể (hệ thống bên trong xã hội) mà nó thu nhận mà lựa chọn các thông tin.

- Ở trình độ thứ ba, trong quan hệ với môi trường bên ngoài xã hội, nghĩa là với cộng đồng tộc người hay dân tộc khác”.¹¹

Ba trình độ này thể hiện như là sự kết nối trong dòng chảy của tư duy về hệ quan điểm ký ức – lịch sử - dân tộc.

Từ quan niệm “kiểu tộc người như hệ thống những ý nghĩa” của M.Michaud kết hợp với mô hình của D.Easton thì quá trình nghiên cứu sẽ thực hiện ba vấn đề tương ứng *Thứ nhất*: không tuyệt đối hóa những tác nhân của thể chế chính trị mà coi nhẹ những thể chế thuộc về hệ thống khác như kinh tế-xã hội, văn hóa. *Thứ hai*: lưu ý đến những trình độ khác nhau cho việc xác lập thứ bậc trong hệ thống văn hóa, giữa những yếu tố khác nhau của hệ thống. *Thứ ba*: có thể thực hiện sự tổng hợp giữa những yếu tố khác nhau để rút ra nguyên tắc thống nhất và xác định cấp độ thực hiện nguyên tắc đó (tâm thức, cá tính tập thể).

Thực tế cho thấy, trong bối cảnh toàn cầu hóa cùng với cách

10. Michaud G,(1978), Những căn tính tập thể và những liên hệ văn hóa, Bruxelles, tr.19 và 23.

11. Philippe Claret, (2006) Cá tính tập thể của các dân tộc, người dịch Lê Diên, Hồ Chí Minh, Phương Đông, tr.529

mạng công nghệ 4.0, chỉ xét trong phạm vi châu Á, không ít quốc gia đã phải trả giá cho việc quá chú trọng phát triển kinh tế, giải quyết mâu thuẫn, xung đột chính trị mà coi nhẹ văn hóa, lãng quên việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa của dân tộc. Để tận dụng được những thời cơ, vượt qua những thách thức, nguy cơ toàn cầu hóa, của cách mạng công nghiệp 4.0 thì việc đặt vấn đề bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa cần phải được nhìn từ hệ quan điểm ký ức - lịch sử - dân tộc như là phương pháp luận cho việc đề xuất các giải pháp.

3. VẤN ĐỀ BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN PHẬT GIÁO VIỆT NAM

3.1. Di sản Phật giáo Việt Nam là di sản văn hóa của dân tộc Việt Nam

Di sản văn hóa ở Việt Nam đã được xác định là một trong những nguồn lực quan trọng góp phần xây dựng bản sắc văn hóa cộng đồng, đồng thời là động lực phát triển kinh tế - xã hội của mỗi địa phương và của cả dân tộc. Phần lớn các di sản hiện nay ở Việt Nam, trong chừng mực nhất định, đều gắn liền với tôn giáo, nhất là Phật giáo, tạo nên không gian và đời sống tâm linh với ý nghĩa về sự thiêng liêng trong dòng suy tưởng ký ức - lịch sử - dân tộc. Phật giáo và văn hóa Phật giáo đã có sự đồng hành cùng dân tộc Việt Nam, góp phần định hình cho bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam. Những câu như *“đạo pháp đồng hành với dân tộc”* hay *“đạo pháp chung con thuyền với dân tộc”* không phải là sự ngoa ngôn, xảo ngữ mà là một sự thật trong truyền thống lịch sử dân tộc Việt Nam. Dân tộc Việt Nam không thể không tự hào về các vị danh tăng uyên thâm về Phật học, công đức lớn lao đối với dân tộc, ảnh hưởng sâu rộng trong cộng đồng như: Đỗ Pháp Thuận, Đại sư Khuông Việt, Quốc sư Vạn Hạnh... Tam tổ của Thiền phái Trúc Lâm - Yên Tử: Trần Nhân Tông, Pháp Loa và Huyền Quang đã sáng lập ra một Thiền phái mang đậm bản sắc tư duy dân tộc về Phật pháp với ước vọng cho sự hưng thịnh và trường tồn của nền văn hóa Đại Việt. Không biết tự bao giờ, khu di tích danh thắng Yên Tử vẫn luôn là trung tâm lễ hội biểu trưng cho truyền thống tâm linh mang đậm ký ức về lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước qua sự liên kết lòng dân trên nền nhân ái của Phật giáo nhập thế với tinh thần: yên lòng dân, khoan sức dân để kiến tạo ý thức độc lập tự chủ dân tộc. Trở về với cội nguồn dòng Thiền Trúc Lâm Yên Tử cũng là trở về với một trong

những cội nguồn tinh hoa văn hóa - tư tưởng của dân tộc Việt Nam.

Những ngôi chùa cổ, với thiết kế theo văn hóa Phật giáo, như là những bảo tàng mỹ thuật thu nhỏ, thực sự là những biểu trưng văn hóa kiến trúc của dân tộc Việt Nam, đã tạo ra không gian linh thiêng và tôn nghiêm cho việc hành đạo, tu thiền và tổ chức các hình thức sinh hoạt văn hóa của người dân như: chùa Dâu, chùa Dạm, chùa Phật Tích, chùa Trấn Quốc, chùa Thầy, chùa Kiến Sơ, chùa Sùng Nghiêm Diên Thánh; hệ thống Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử: chùa Quỳnh Lâm, chùa Côn Sơn, chùa Thanh Mai, chùa Vĩnh Nghiêm, chùa Phổ Minh, chùa Keo, chùa Bối Khê, chùa Mía, chùa Tây Phương, chùa Kim Liên... Đến với đạo Phật, thực hành những nghi thức tôn giáo trong ngôi chùa thờ Phật, có sự tác động rất lớn đến tâm hồn của con người. Con người có thể tự thanh lọc hóa tâm hồn trên căn bản của tinh thần Phật giáo, tìm lại được sự cân bằng trong tâm thế trước những dòng xoáy tham, sân, si từ nhịp sống đua tranh của xã hội bằng sự tăng tốc của kinh tế thị trường. Thực tế cho thấy, Phật giáo với hệ thống giáo lý và thiết chế văn hóa đặc thù là ngôi chùa đã và đang thực hành có hiệu quả chức năng giáo dục, đặc biệt giáo dục đạo đức cho công chúng trong toàn xã hội nói chung và Phật tử nói riêng.

3.2. Nguy cơ di sản Phật giáo Việt Nam bị xóa nhòa bản sắc trên bản đồ di sản văn hóa thế giới

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế, cùng với những tác động của cách mạng công nghiệp 4.0, những đòi hỏi hiện đại hóa đất nước đang đặt ra nhiều vấn đề trong công tác bảo tồn, phát huy di sản văn hóa dân tộc nói chung và Phật giáo Việt Nam nói riêng. Đó là:

- Thế giới chưa có ấn tượng mạnh mẽ về di sản Phật giáo Việt Nam. Không biết nhận định như thế có chủ quan và phiến diện hay không, nhưng thông qua những công trình nghiên cứu về mỹ thuật và kiến trúc Phật giáo châu Á, cụ thể như của Robert E. Fisher và Meher McArthur mà chúng tôi có được thì không có danh mục về di sản Phật giáo Việt Nam. Điều đó nói lên rằng hệ thống di sản văn hóa Phật giáo Việt Nam trong kho tàng dữ liệu về di sản văn hóa Phật giáo của thế giới vẫn là những khoảng trống.

- Giáo hội Phật giáo Việt Nam chưa nhận thức được tầm quan trọng

của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 trong bảo tồn và phát huy giá trị di sản Phật giáo Việt Nam.

Cách mạng công nghiệp 4.0 đang tạo ra sự biến động mạnh mẽ đến tất cả các yếu tố của chu trình truyền thông - một chu trình có thể nói quyết định cho sự sống còn của việc hoằng pháp của Phật giáo. Chu trình này bao gồm một chuỗi liên hoàn: chủ thể truyền thông - nội dung thông điệp - kênh truyền thông - đối tượng tiếp nhận và tác động trở lại toàn bộ quá trình quản lý truyền thông.

Các công nghệ được sử dụng trong truyền thông không ngừng biến đổi dẫn đến sự thay đổi trong tiếp nhận sự hoằng pháp. Sự tiếp nhận không thụ động mà chủ động lựa chọn thông tin, tham gia vào quá trình truyền thông và góp phần tạo nên thông điệp truyền thông. Nói cách khác, cách mạng công nghiệp 4.0 cũng sẽ tạo ra mẫu hình người truyền giáo thời 4.0 và tín đồ thời 4.0. Đối với tín đồ lại xuất hiện trạng thái tâm lý là: dễ chấp nhận tôn giáo khác hội nhập vào tôn giáo của mình trong đó ẩn chứa tình huống dễ thay đổi ký ức về tôn giáo đã có.

Sự phát triển, xâm lấn mạnh mẽ của truyền thông giữa các tôn giáo, làm thay đổi cách giao tiếp và cách làm truyền thông tôn giáo với công chúng trong kỷ nguyên số. Mỗi công chúng trong cách mạng công nghiệp 4.0 giờ đây đều có thể trở thành kênh truyền thông, mỗi cá nhân đều có thể trở thành nguồn cung cấp thông tin. Vì vậy, những mô hình hoằng pháp phải thay đổi không chỉ về hình thức mà nội dung thông điệp cũng phải thay đổi để phù hợp với cách vận hành trên mạng xã hội.

Cùng với sự phát triển của nền tảng truyền thông, sự bùng nổ của mạng xã hội như Facebook, Youtube,... khiến cho việc hoằng pháp phải đối mặt với các vấn đề quản lý thông tin trên một không gian “mở” nhưng “ảo” mà lại tạo ra hiệu ứng “thật”. Tín đồ có thể được diễn giải kinh văn từ hệ thống mạng nhưng khó kiểm chứng về giá trị. Cho nên, việc đưa ra biện pháp hợp lý để hạn chế ảnh hưởng xấu của các thông tin sai lệch trong truyền giáo trên mạng là điều vô cùng cấp thiết.

Nói cho công bằng, cách mạng công nghiệp 4.0 vẫn có tác động tích cực là tạo ra sự đồng đều về cơ hội cho tất cả các đối tượng đặc biệt là các nhóm yếu thế và các nhóm thiểu số. Nhưng phát triển

không đều lại là một quy luật. Vẫn còn nhiều cộng đồng cư dân chỉ mới có được trình độ công nghệ thấp nhưng họ vẫn đồng hành tham gia mạng truyền thông xã hội với những nhận thức không ngang tầm dẫn đến sự xung đột trong nhận thức về giá trị của di sản Phật giáo Việt Nam, trong sự định hình ký ức - lịch sử - dân tộc Việt Nam..

Cách mạng công nghiệp 4.0 làm cho sự giao tiếp trực tiếp giữa cá nhân với cá nhân trong cộng đồng bị hạn chế, thay vào đó là giao tiếp được mở rộng trên không gian số. Chương trình số hóa di sản văn hóa không phải là việc làm mới đối với nhiều nước trên thế giới. Ở Việt Nam công nghệ này cũng đã được ứng dụng, thế nhưng lượng di sản văn hóa Phật giáo đã được số hóa để thuận tiện trong việc lưu giữ, phục vụ nghiên cứu và quảng bá đã được thực hiện đến đâu vẫn là câu hỏi chưa có lời đáp.

Việc xây dựng ngân hàng cơ sở dữ liệu số về di sản và công tác bảo tồn di sản Phật giáo Việt Nam càng trở nên bức thiết khi yêu cầu phục dựng các di vật, cổ vật ngày càng tăng, khi những công trình kiến trúc nghệ thuật của di tích đã bị xuống cấp, hoặc bị hủy hoại bởi khí hậu và thời gian. Phải làm sao để cho mọi cư dân trong cộng đồng dân tộc chưa có điều kiện trực tiếp thăm quan những di sản Phật giáo Việt Nam nhưng vẫn được tạo dựng ký ức từ sự thuyết minh bằng không gian ảo của các di vật, cổ vật, các kiến trúc nghệ thuật của di tích, đem lại cảm xúc thiêng liêng cao cả trong sự chiêm ngưỡng, biết được thông tin toàn diện về lịch sử của di sản, nâng cao vị thế của di sản Phật giáo trong dòng tư duy ký ức-lịch sử-dân tộc Việt Nam.

Thế nhưng, đã có lời nhận định: “ý thức về tính tất yếu phát triển của xu hướng cách mạng công nghiệp 4.0 chỉ đang rất giới hạn trong một số ít quý vị lãnh đạo cao cấp và tri thức của Giáo hội; dư ra đại đa số Tăng Ni và Phật tử vẫn còn đang tỏ ra hồ hững và khá lơ mơ về xu hướng này”.¹²

4. KẾT LUẬN

Đạo Phật đang ở trong một thời đại mới, thời đại của sự đa nguyên và phân hóa xã hội đang diễn ra mạnh mẽ, các giá trị truyền

12. <http://tnti.vnu.edu.vn/phat-giao-viet-nam-nhap-the-trong-ky-nguyen-cong-nghe-4-0-hom-nay/>

thống đang dần bị phá vỡ, các giá trị của xã hội đương đại đang dần được tạo lập trong sự hỗn hợp, tương dung giữa giá trị và phản giá trị, niềm tin tâm linh định hướng cho đời sống ngày càng bị lai tạp, phai nhạt, thậm chí là phản văn hóa, gây ra sự cản trở rất lớn đến việc hoằng pháp đưa triết lý sống của Phật giáo vào trong cộng đồng là: xây dựng lòng thương người, thương vật bằng tâm từ bi hỉ xả, sống theo tinh thần hướng thiện của đạo Phật.

Công cuộc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Phật giáo Châu Á, trong đó có Việt Nam, không thể không gắn kết với những thành tựu của cách mạng công nghiệp 4.0. Công cuộc này đòi hỏi chính bản thân Phật giáo phải tự thân nỗ lực thực hiện. Bảo tồn di sản không có nghĩa là giữ nguyên hay phục dựng di sản mà phải làm cho những giá trị của di sản lan tỏa trong cộng đồng, tạo lập được sự hoài niệm về di sản, hình thành được dòng suy tư chân thực về ký ức – lịch sử - dân tộc.

Phật giáo Việt Nam cũng cần có những chương trình đột phá để khai thác và huy động các nguồn lực, tăng cường hợp tác quốc tế về lĩnh vực khoa học, công nghệ, có được hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại dành cho hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị di sản Phật giáo Việt Nam được toàn diện trên cả hai dạng thức văn hóa: văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể.

Điều cấp bách nhất là phát triển nguồn nhân lực công nghệ chất lượng cao, đào tạo kỹ năng sử dụng công nghệ, góp phần đẩy mạnh khả năng tiếp cận sử dụng công nghệ, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật. Khi đã có nguồn nhân lực công nghệ chất lượng cao, Phật giáo Việt Nam sẽ hoạch định được những gì cần phải làm trong công cuộc bảo tồn và phát huy giá trị di sản Phật giáo Việt Nam

TIÊU THỤ VÀ MÔI TRƯỜNG BỀN VỮNG

PHẬT GIÁO VỚI VĂN HÓA TIÊU DÙNG THỜI CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP

Trương Văn Chung*

TÓM TẮT

Từ E. F. Schumacher đến Prayudh Payutto, kinh tế học Phật giáo đã trở thành một bộ phận trong hệ thống giáo lý Phật học và không chỉ ảnh hưởng tới các hoạt động xã hội của cộng đồng Phật giáo ở các quốc gia Châu Á, mà còn là một trong những định hướng góp phần thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội bền vững của các quốc gia. Bằng phương pháp thông diễn, bài viết này làm rõ giá trị, ý nghĩa thực tiễn của quan điểm về văn hóa tiêu dùng của kinh tế học Phật giáo trong thời cách mạng công nghiệp.

Những năm qua, cùng với quá trình toàn cầu hóa và sự thay đổi khó lường của đời sống hiện đại, tôn giáo thế giới cũng có những biến đổi nhanh chóng. Sự xuất hiện toàn cầu của các phong trào tôn giáo mới và sự lan tỏa của hiện tượng chuyển đổi tôn giáo và cải đạo như một minh chứng cho tính biến động và tính hiện đại của tôn giáo đương đại. Các tôn giáo thế giới như Ki tô giáo, Phật giáo, Hồi giáo cũng có những thay đổi lớn để thích ứng với những biến động xã hội. Nếu như học thuyết Xã hội của giáo hội Công giáo (the Social Teaching of the Church) diễn tả suy tư của Giáo hội về thực tại đời sống và hiệu chỉnh mới về đức tin, thì Phật giáo lại đề xướng kinh tế học Phật giáo thể hiện cái nhìn đa chiều về kinh tế học hiện đại. Các học thuyết, giáo lý tôn giáo trên không chỉ phê phán chủ nghĩa tiêu dùng của kinh tế học hiện đại và làm thay đổi lý thuyết về kinh tế, mà còn có ảnh hưởng nhất định đến lối sống,

* PG.S.TS., Trung Tâm Nghiên Cứu Tôn Giáo, Đại Học Khoa Học Xã Hội và Nhân Văn TP.HCM, Việt Nam.

văn hóa tiêu dùng ở một số cộng đồng dân tộc. Bằng phương pháp thông diễn, bài viết này trình bày những quan điểm của Phật giáo về văn hóa tiêu dùng, giá trị và ý nghĩa của nó trong thời cách mạng công nghiệp.

1. LỊCH SỬ, MỤC ĐÍCH VÀ NHỮNG PHẠM TRÙ CƠ BẢN

Thuật ngữ “kinh tế học Phật giáo” được E. F. Schumacher khởi xướng vào năm 1955, khi ông sang Miến Điện làm tư vấn kinh tế cho Thủ tướng U Nu¹. Thuật ngữ này được sử dụng trong bài luận của ông mang tên “Kinh tế Phật giáo”, được xuất bản lần đầu tiên vào năm 1966 ở Châu Á. Năm 1973, các quan điểm, tư tưởng và các nguyên lý được E. F. Schumacher được hệ thống hóa trong cuốn sách: *Nhỏ mà đẹp* (Small Is Beautiful)². Sau đó, các nhà tư tưởng Phật giáo như Padmasiri De Silva, Phrabhavanaviriyakhun, đặc biệt là Prayudh Payutto³ tiếp tục bổ sung và hoàn thiện hệ thống các quan điểm, nguyên lý của Kinh tế học Phật giáo. Cho đến nay, quan điểm về văn hóa tiêu dùng thời cách mạng công nghiệp, một nội dung căn bản trong Kinh tế học Phật giáo đã có ảnh hưởng và được vận dụng khá phổ biến trong đời sống, sinh hoạt và các hoạt động của tín đồ, tổ chức Phật giáo.

Trước tiên, điểm nhấn và bản sắc của kinh tế học Phật giáo và là cơ sở của quan điểm tiêu dùng là mục tiêu nền kinh tế nhân loại. Theo kinh tế học Phật giáo, mục tiêu của kinh tế truyền thống, đương đại là thỏa mãn nhu cầu vật chất vô hạn của con người để tăng trưởng lợi nhuận bằng công nghệ hiện đại. Trong nền kinh tế thị trường cạnh tranh hiện nay, để có lợi nhuận, giá trị thặng dư thì phải thỏa mãn nhu cầu vật chất này ngày càng tăng của con người với việc quản lý tối ưu dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại. Vì mục tiêu lợi nhuận đó mà kinh tế học truyền thống, đương đại thường không có cái nhìn toàn diện về sự hài hòa lợi ích giữa cá nhân, xã hội và môi trường tự nhiên, luôn bỏ qua các giá trị đạo đức. Các nền

1. Schumacher, E. F. “Buddhist Economics”. Archived from the original on 13 December 2012. Retrieved 4 December 2012.

2. Schumacher, E. F. 1973. *Small Is Beautiful: A Study of Economics As If People Mattered*. Harper and Row Publishers. (ISBN 0-06-131778-0).

3. Payutto, Ven. P. A. “Buddhist Economics - A Middle Way for the Market Place” Navajivan Publishing House, Ahmedabad, India,

kinh tế thị trường cạnh tranh chỉ nhìn vào một giai đoạn ngắn của quá trình nhân quả tự nhiên mà bỏ qua các mối quan hệ toàn diện hơn, rộng hơn, và chúng cũng không tính đến hệ quả đạo đức của các hoạt động kinh tế. Như vậy, nền kinh tế đương đại chỉ đơn giản là một phương diện để đáp ứng các nhu cầu ích kỷ, tiêu dùng quá đáng của con người và nuôi dưỡng sự cạnh tranh trong xã hội, tạo ra sự mất cân bằng và mất an ninh trong toàn bộ cấu trúc nhân loại với sự suy thoái hệ sinh thái toàn cầu. Mục tiêu của kinh tế học Phật giáo là phát triển kinh tế phải đồng thời với phát triển văn hóa và an sinh xã hội, làm cho thế giới không còn nghèo đói, một thế giới đầy ắp hạnh phúc và tự do. Kinh tế học Phật giáo là một nỗ lực phối hợp để khắc phục các vấn đề của nhân loại, do đó “kinh tế học Phật giáo” không phải là hệ thống khép kín, mà bao gồm nhiều nguyên tắc phụ thuộc, hòa hợp lẫn nhau, nhằm đạt được mục tiêu chung về phúc lợi xã hội, cá nhân và môi trường. Nói cách khác, các nhà kinh tế học Phật giáo sẽ không chỉ xem xét các giá trị đạo đức của hoạt động kinh tế mà còn cố gắng để hiểu thực tế các hoạt động kinh tế trực tiếp để hòa hợp với “mọi con đường” (*the way things are*). Như vậy, một nền kinh tế lấy cảm hứng từ kinh tế học Phật giáo sẽ quan tâm đến các hoạt động kinh tế tác động đến toàn bộ quá trình nguyên nhân và điều kiện. Nó sẽ điều tra xem hoạt động kinh tế đã ảnh hưởng như thế nào đến sự kết nối của ba yếu tố quan trọng nhất của nền kinh tế vì mục tiêu con người: cá nhân, xã hội và môi trường tự nhiên, mà tiêu chí của sự đánh giá là sự phát triển bền vững kinh tế - xã hội. Như vậy, mục đích thực sự của kinh tế học Phật giáo là tìm ra một giải pháp hợp lý hơn cho sự phát triển bền vững, không chỉ dành cho thế hệ hiện tại, mà còn cho cả thế hệ tương lai.

Theo các nhà kinh tế học Phật giáo, những nguyên lý, phạm trù cơ bản của triết học Phật giáo chính là hạt nhân chỉ đạo văn hóa tiêu dùng hiện nay của cộng đồng Phật tử và xã hội, đó là 3 nguyên lý và 3 phạm trù cơ bản thể hiện tầm nhìn toàn cầu và tính bền vững cho cả các thế hệ mai sau:

Nguyên lý thứ nhất, theo các nhà kinh tế học Phật giáo, nguyên lý “Chánh mạng” (Right Livelihood) một trong những thành tố quan trọng của Bát Chánh Đạo” cùng những lời dạy của Đức Phật, hàm chứa các nguyên tắc căn bản của Kinh tế học, đó là nguyên tắc: thống nhất giữa các giá trị tôn giáo và tiến bộ kinh tế. Sự kết hợp

chặt chẽ không thể phân ly giữa sức khỏe tinh thần với phúc lợi vật chất. Các giá trị cốt lõi của Phật giáo và sự tăng trưởng kinh tế, cũng như lợi ích tâm linh và lợi ích vật chất không phải là mâu thuẫn, đối lập nhau mà đồng nhất một cách tự nhiên. Như các nhà Phật học tuyên bố:” Chúng ta có thể kết hợp thành công các giá trị tôn giáo và di sản tinh thần của chúng ta với những lợi ích của công nghệ hiện đại. “⁴

Nguyên lý thứ hai: mục đích cuối cùng của kinh tế học Phật giáo là nền kinh tế tâm linh (Economic Spirituality) mà thực chất là sự tăng trưởng kinh tế phải bảo đảm được sự cân bằng trong đời sống tinh thần, là sự giàu có về tâm linh chứ không phải sự giàu có về vật chất. Do vậy trong mô hình kinh tế học Phật giáo, việc đánh giá hiệu quả kinh tế dựa trên nền kinh tế mang lại chất lượng cuộc sống tốt cho mọi người là khi nó bảo vệ môi trường.⁵ Sự tăng trưởng kinh tế, nhu cầu tiêu dùng phải được đo lường bằng hiệu quả xã hội, bao gồm sự công bằng, tính bền vững xã hội và các hoạt động tạo ra cuộc sống có ý nghĩa. Sự sung túc của một người phụ thuộc vào của cải trong tâm linh hơn là sự giàu có bên ngoài (vật chất).⁶

Nguyên lý thứ ba: Kinh tế học Phật giáo hướng cuộc sống con người vào con đường trung đạo (The middle way of living). Nguyên lý này nhằm hạn chế nhu cầu và tham vọng tiêu dùng thái quá của con người trước các cám dỗ của nền kinh tế thị trường kích thích và đáp ứng mọi ham muốn vật chất của con người. Theo các nhà kinh tế học Phật giáo, con đường trung đạo của cuộc sống con người là sự hài hòa, cân bằng tâm linh bằng cách giảm tối đa nhu cầu vật chất không cần thiết và tối thiểu hóa thị trường hàng hóa tiêu dùng, tối đa hóa lợi ích tinh thần thay vì chỉ quan tâm đến lợi nhuận.⁷ Do đó, chất lượng sống của con người không thể đo lường theo mức độ, số lượng tiêu dùng mà phải là mức độ tiêu thụ tối thiểu và đó chính là thước đo thực sự của sự hạnh phúc.⁸

4. Richard B. Green. 1958. A Philosophy of Indian Economic Development. Navajivan Publishing House, Ahmedabad, India. p.54

5. J. C. Kumarappa. 1958 Economy of Permanence. Sarva-Seva Sangh Publicati Rajghat, Kashi, India. p.108.

6. Như đã dẫn trên (4). p. 115.

7. Payutto, Ven. P. A. 1988. “Buddhist Economics - A Middle Way for the Market Place”. Navajivan Publishing House, Ahmedabad, India, p.26.

8. Payutto, Ven. P. A. 1988. “Buddhist Economics - A Middle Way for the Market Place”.

Có ba phạm trù cơ bản trong kinh tế học Phật giáo nhằm làm rõ sự khác biệt với kinh tế học đương đại là Dhamma (Pháp); Tanha và Chanda – hai mặt đối lập mâu thuẫn và xung đột ngay trong bản chất con người mà Kinh tế học Phật giáo thường sử dụng để luận giải các nguyên lý, quan điểm kinh tế. Nội dung chính và giá trị cốt lõi của phạm trù Dhamma trong “kinh tế học Phật giáo” là mô tả một xã hội lý tưởng, nơi mọi hoạt động kinh tế - mua bán, sản xuất và tiêu dùng phải tuân thủ các tiêu chuẩn đạo đức nghiêm ngặt. Còn trong giáo lý Phật học, phạm trù Dhamma được sử dụng để truyền đạt các mức độ chân lý khác nhau, cả sự thật tương đối và chân lý cuối cùng của thế giới. Để mô tả toàn bộ các nguyên nhân và điều kiện, quá trình mà mọi sự tồn tại và hoạt động. Nói cách khác, các nhà kinh tế học Phật giáo sẽ không chỉ xem xét các giá trị đạo đức của hoạt động kinh tế mà còn hiểu các hoạt động kinh tế thực tế và trực tiếp để hòa hợp với “con đường của vạn pháp”⁹. Cuối cùng, các hoạt động kinh tế nói chung không thể tách rời khỏi Dhamma, bởi vì tất cả các hoạt động của con người ở bên ngoài, bên trong hoặc có liên quan đến kinh tế đều nằm trong Dhamma. Kinh tế chỉ là một phần của cái toàn thể liên kết rộng lớn, theo luật tự nhiên mà mọi thứ đều có chức năng. Như vật, theo các nhà kinh tế học Phật giáo, Dhamma mô tả hoạt động của cái toàn thể, là chân lý cơ bản của tất cả vạn pháp, kể cả kinh tế học. “Nếu kinh tế không biết đến Dhamma (Pháp) thì khó có thể giải quyết được các vấn đề trong một quá trình phức tạp, năng động của các nguyên nhân và hậu quả tạo nên thực tại và những lợi ích mà kinh tế nhắm tới sẽ ít hiệu quả hơn.”¹⁰

Navajivan Publishing House, Ahmedabad, India, p.31.

9. Payutto, Ven. P. A. 1988. “Buddhist Economics - A Middle Way for the Market Place”. Navajivan Publishing House, Ahmedabad, India, P.49.

10. Để chứng minh quan điểm này, các nhà kinh tế học Phật giáo đưa ra ví dụ: “nhu cầu xã hội về một hàng hóa, chẳng hạn như rượu Whisky. Rượu được sản xuất và chưng cất bởi ngũ cốc mà thành sản phẩm. Rượu Whisky sau đó được đưa ra thị trường và sau đó là hoạt động mua, bán và tiêu dùng. Khi nó được tiêu thụ, lợi nhuận, nhu cầu sẽ được thỏa mãn. Từ duy kinh tế hiện đại dừng ở đây, khi đã có lợi ích và đáp ứng nhu cầu. Không có điều tra về những gì xảy ra sau khi lợi ích, nhu cầu được thỏa mãn ứng. Còn Kinh tế học Phật giáo sẽ tiếp tục điều tra xem hoạt động kinh tế đã ảnh hưởng như thế nào đến ba phạm vi kết nối sự tồn tại của con người: cá nhân, xã hội, thiên nhiên hay môi trường. Trong trường hợp hàng hoá như rượu whisky, chúng ta phải tự hỏi bản thân sự sản xuất rượu ảnh hưởng đến sinh thái như thế nào và mức tiêu thụ của nó ảnh hưởng như thế nào đến cá nhân và xã hội? (trích từ: “Buddhist Economics - A Middle Way for the Market Place” của tác giả Payutto, Ven. P. A.).

Trong Kinh tế học Phật giáo, có hai khái niệm quan trọng khác nữa là Tanha và Chanda. Tanha có nghĩa là tham ái, tham vọng, bồn chồn, hoặc ham muốn. Nó phát sinh phụ thuộc vào cảm giác và bắt nguồn từ sự thiếu hiểu biết. Đó có thể là sự cảm nhận, vui lòng hoặc không hài lòng, cảm giác, dễ chịu, khó chịu hoặc trung tính. Chức năng của Tanha là thể hiện nhu cầu cơ bản về ăn, uống. Mục đích sinh học của ăn uống là nuôi dưỡng cơ thể, cung cấp cho nó sức mạnh và hạnh phúc. Nhu cầu sinh học của Tanha là mong muốn hưởng thụ, khẩu vị ngon miệng. Đôi khi, Tanha có mong muốn trái ngược với hạnh phúc, và thậm chí có thể gây bất lợi cho chất lượng cuộc sống. Trên phạm vi lợi ích kinh tế, Tanha sẽ dẫn đến các chi phí xã hội cho sự tiêu dùng quá mức, nguyên nhân của sự suy giảm tài nguyên thiên nhiên và chi phí do chăm sóc sức khỏe, chưa kể đến vấn nạn tội phạm, tham nhũng và chiến tranh.

Trong Phật giáo, Chanda là khát vọng hạnh phúc chân thật, đôi khi được gọi là dhammachanda (ham muốn cái gì là đúng), kusalachanda (ham muốn điều đó là khôn khéo). Mục tiêu của chanda là Chân lý và sự tốt lành (Dhamma hay kusala Dhamma) Chanda chỉ có thể đạt được thông qua nỗ lực hành động sáng tạo, trái ngược với Tanha, sự tìm kiếm để thỏa mãn. Chanda phát sinh từ sự phản chiếu thông minh (yoniso-manasikara), trái ngược với Tanha, là một phần của mong muốn thông thường theo các phản ứng của vô minh. Có thể kết luận rằng: (i) Tanha hướng tới cảm giác: Nó dẫn đến việc tìm kiếm các đồ vật để thỏa mãn cho lợi ích cá nhân, được hỗ trợ và nuôi dưỡng bởi sự thiếu hiểu biết; (ii) Chanda hướng tới lợi ích, dẫn đến nỗ lực và hành động sáng tạo, được sáng lập dựa trên sự phản chiếu thông minh. Hai khái niệm này, dẫn đến các nguyên tắc của kinh tế học Phật giáo như: Thực hiện phúc lợi thật sự (realization of true well-being); Không làm hại bản thân hoặc người khác (not harming oneself or others); Tìm kiếm và Bảo vệ Sự giàu có (Seeking and Protecting Wealth); Hạnh phúc gia đình (The Happiness of a Householder); Sự giàu có và sự phát triển tâm linh (Wealth and Spiritual Development); Ba phạm trù: Dhamma, Tanha, Chanda còn là cơ sở lý luận cho các quan điểm khác trong kinh tế học Phật giáo như quan niệm: Giá trị (Value); sự tiêu dùng (Consumption); Sự tiêu dùng quá mức (Over – Consumption); Sự tiết chế (Moderation); Sự thỏa mãn (Contentment); Lao

động (Work); sự sản xuất và phi sản xuất (Production and Non – production); sự cạnh tranh và hợp tác (Competition and Cooperation) sự lựa chọn (Choise); Quan điểm đời sống (Life Views) v.v... Có thể nhận thấy, kinh tế học Phật giáo gắn rất chặt 3 thành tố cơ bản: Đạo đức kinh tế; giá trị và lợi ích tâm linh; Hạnh phúc cộng đồng.¹¹

2. QUAN ĐIỂM VỀ TIÊU DÙNG THỜI HIỆN ĐẠI CỦA KINH TẾ HỌC PHẬT GIÁO

2.1 Khái niệm Tiêu dùng từ hai phạm trù Chanda và Tanha

Theo quan điểm của Phật giáo, khi tiêu dùng đúng, mang lại hạnh phúc thực sự, cho con người, nó được xem là thành công. Sự tiêu dùng đúng, sẽ góp phần tạo ra sự phát triển của con người. Đây là một điểm quan trọng thường bị các nhà kinh tế bỏ qua. Tiêu thụ do chanda hướng đến là hạnh phúc nhiều hơn, nó không chỉ thỏa mãn mong muốn, làm hài lòng người tiêu dùng, mà còn góp phần vào sự phát triển tinh thần và hạnh phúc. Điều này cũng đúng trên quy mô toàn cầu. Nếu tất cả các hoạt động tiêu dùng đều được hướng dẫn bởi chanda, kết quả sẽ không chỉ là một nền kinh tế lành mạnh và tiến bộ về vật chất mà còn góp phần vào sự phát triển tinh thần của con người, giúp họ cuộc sống thanh cao hơn và tận hưởng một đời sống giàu có về vật chất và tinh thần. Ngược lại, nếu kết quả của sự tiêu dùng chỉ đơn thuần là cảm giác mãn nguyện, hài lòng, thì nó được xem là không thành công. Đó là tiêu dùng sai, vì khi tiêu dùng thông qua Tanha sẽ phá hủy mục đích thực sự của nó. Với mục đích nâng cao lợi nhuận, sự tiêu dùng sai không ngần ngại nuông chiều để thỏa mãn những ham muốn vật chất dưới nhiều hình thức, mà không quan tâm đến những hậu quả có hại và sự mất mát thực sự về tinh thần, hạnh phúc, thậm chí, nó còn mang lại bệnh tật, sự đau khổ cho người tiêu dùng và sự bất ổn trong xã hội nữa. Tiêu thụ có thể thỏa mãn nhu cầu, ham muốn, song mục đích thực sự của nó là mang lại phúc lợi cho con người. Ví dụ, cơ thể chúng ta phụ thuộc vào thực phẩm để nuôi dưỡng. Do đó tiêu thụ thực phẩm là một yêu cầu cho sự an toàn, nó phải trả lời được câu hỏi quan trọng là: Mục đích thực sự của việc tiêu thụ thực phẩm là gì? Đáp ứng mong

11. Schumacher, E. F. 1973. Small Is Beautiful: A study of Economics As If People Mattered. Harper and Row Publishers. (ISBN 0-06-131778-0). p 126

muốn hoặc đạt được hạnh phúc không? Theo quan điểm tiêu dùng của Phật giáo, chúng ta cần thực hiện tiêu dùng đúng, nghĩa là tiêu dùng vừa đủ, thỏa mãn hợp lý, chứ không tiêu dùng quá mức dẫn đến ảo tưởng và say mê thỏa mãn ham muốn, mất sức khỏe và mất hạnh phúc thật sự.

Vấn đề đặt ra là: “Làm thế nào để chúng ta thực hiện tiêu dùng đúng, loại bỏ tiêu dùng sai? Theo quan điểm Phật giáo, để có được tiêu dùng đúng, trước tiên cần có sự điều tiết ham muốn, hạn chế nhu cầu thái quá và không tiêu dùng quá mức.

2.2. Điều tiết nhu cầu, ham muốn, sự mãn nguyện và hạn chế sự tiêu dùng quá mức

2.2.1. Điều tiết nhu cầu, ham muốn

Chúng ta đều biết, mục tiêu của hoạt động kinh tế thị trường là lợi nhuận thông qua việc khuyến khích con người thỏa mãn mong muốn tiêu dùng của mình. Song nhu cầu và mong muốn thỏa mãn nhu cầu của con người là vô tận. Toàn cầu hóa và cuộc cách mạng công nghiệp đã mang lại nhiều sự tiến bộ xã hội và lợi ích cho con người, song nhìn từ tiêu dùng trong nền kinh tế thị trường, nó lại tạo điều kiện cung ứng cho con người vô số những nhu cầu mới và mong muốn thỏa mãn những nhu cầu đó một cách nhanh chóng, tiện lợi. Theo cách tiếp cận của kinh tế học Phật giáo, hoạt động tiêu dùng phải được kiểm soát bởi mục tiêu hướng đến việc đạt được hạnh phúc vật chất và tinh thần chứ không phải là “sự thỏa mãn tối đa” nhu cầu vật chất. Con người không phải đấu tranh, giành giật với nhau để thỏa mãn những ham muốn bất tận, mà thay vào đó, các hoạt động tiêu dùng của con người hướng tới việc đạt được hạnh phúc thật sự. Nếu hoạt động tiêu dùng được định hướng theo cách này, mục tiêu của nó là rõ ràng và các hoạt động của nó được kiểm soát và đạt được sự cân bằng trong nền kinh tế không có sự dư thừa, không có tiêu dùng quá mức. Trong mô hình kinh tế thông thường, nhu cầu của con người tất yếu phải được thỏa mãn hoặc đáp ứng, nếu có giới hạn những ham muốn đó là do sự khan hiếm của cải trong xã hội hoặc mức sống thấp mà thôi, nhưng trong mô hình kinh tế học Phật giáo, tiêu dùng phải được điều tiết bởi sự kiểm soát khôn ngoan. Sự kiểm soát khôn ngoan được chỉ đạo bởi mục tiêu của hạnh phúc thật sự và những nhu cầu và thỏa mãn nhu cầu

lành mạnh, loại bỏ tiêu dùng có hại đối với cá nhân, cộng đồng, môi trường sinh thái và đối với cả các thế hệ mai sau. Các nhà sư và nữ tu Phật giáo truyền thống thường thể hiện sự điều tiết nhu cầu và hạn chế thỏa mãn ham muốn bằng cách ăn chay và tụng suy niệm này: *“Chúng tôi ăn kiêng, không phải vì mục đích vui vẻ, không phải vì sự nuối tiếc hay lẫn trốn sự quyến rũ của hương vị, mà đơn giản là để duy trì cơ thể, để tồn tại, để chấm dứt cảm giác đau đớn, làm cho cuộc sống thanh cao, khỏe mạnh hơn. Thông qua việc ăn uống này, chúng tôi giảm bớt những cảm giác đau đớn cũ và ngăn ngừa những cảm giác đau đớn mới (ăn quá nhiều) từ sự phát sinh”* (M.I.10; Nd. 496).

Mục đích của việc điều tiết nhu cầu, ham muốn không chỉ giới hạn ở các tu sĩ: mà với cả con người nói chung trong thời cách mạng công nghiệp. Bởi bất cứ lúc nào, khi chúng ta sử dụng đồ vật, dù là thức ăn, quần áo, hàng hóa sinh hoạt phục vụ đời sống, chúng ta có thể dành thời gian để suy nghĩ về mục đích thực sự của việc tiêu dùng và sử dụng chúng một cách thận trọng, điều tiết, giám sát chúng một cách khôn ngoan. Bằng cách này, chúng ta có thể tránh được những tiêu dùng vô ích nhằm thỏa mãn nhu cầu quá đáng và sẽ có được sự tiêu dùng “đúng số lượng”, “đúng mục đích” trong cuộc sống lành mạnh”.

Như vậy, tiêu dùng như một trong số phương tiện để đạt tới cuộc sống lành mạnh có hạnh phúc vật chất, tinh thần thật sự, mang lại sự phát triển cân bằng trong cuộc sống con người. Với sự phát triển cân bằng về vật chất và tinh thần của con người, hoạt động tiêu dùng của chúng ta không đơn giản chỉ vì những khoái cảm, vừa lòng mà còn là những năng lượng vật chất và tinh thần cần thiết cho sự tăng trưởng trí tuệ và tinh thần hướng tới một cuộc sống an bình, hạnh phúc hơn.

2.2.2. Sự mãn nguyện (Contentment)

Liên quan đến văn hóa tiêu dùng, chúng ta cần làm rõ sự mãn nguyện của con người. Mặc dù sự mãn nguyện là yếu tố chủ quan nơi con người, nó không thuộc vấn đề kinh tế, song sự thỏa mãn nhu cầu vật chất, tinh thần của con người khi sử dụng các phương thức kinh tế để thỏa mãn, chúng trở thành lợi ích. Sự mãn nguyện là một trạng thái tâm lý liên quan đến tiêu dùng và sự hài lòng. Nó là khái niệm đáng được thảo luận.

Nền kinh tế hiện đại là những hoạt động kinh tế năng động, nơi mọi nhu cầu và mong muốn được cung cấp và liên tục đổi mới trong một chu kỳ không bao giờ kết thúc và ngày càng tăng. Do vậy, toàn bộ cơ chế vận hành của nền kinh tế này được thúc đẩy bởi tanha. Theo quan điểm của Phật giáo, việc tìm kiếm không biết mệt mỏi để đáp ứng ham muốn và bằng mọi cách thức để thỏa mãn ham muốn này chính là một thể loại của đau khổ. Tư tưởng của Phật giáo đề nghị chấm dứt loại dục vọng hay sự mãn nguyện này, như một mục tiêu khéo léo hơn.

Các nhà kinh tế học đương đại có lẽ sẽ phản bác rằng, nếu không có ham muốn, toàn bộ nền kinh tế sẽ bị trì trệ và xã hội sẽ không thể vận động, phát triển được. Một phản bác khác ngược lại, cho rằng, một người mãn nguyện được xem như là người không có ham muốn gì cả, thì đó là con người trừu tượng, con người trên lý thuyết mà thôi. Cả hai quan điểm trên đều hiểu lầm về bản chất của sự mãn nguyện. Hai quan điểm trên đã hiểu sai về bản chất của sự mãn nguyện, bởi họ xuất phát từ việc không phân biệt được hai loại dục vọng, Tanha và Chanda. Phật giáo cho rằng một định nghĩa đúng đắn của sự mãn nguyện phải có đủ điều kiện theo quy định rằng nó hàm ý chỉ sự vắng mặt của sự mong muốn nhân tạo, đó là Tanha; còn sự mãn nguyện theo Chanda là mong muốn thực sự hạnh phúc. Nói cách khác, con đường dẫn đến sự thỏa mãn thực sự bao gồm việc giảm ham muốn nhân tạo cho cảm giác vui vẻ, hài lòng và tích cực khuyến khích và hỗ trợ những mong muốn để nâng cao và làm phong phú chất lượng trong cuộc sống.

2.2.3. Hạn chế sự tiêu dùng quá mức (Over-Consumption)

Thiếu chiều hướng lợi ích tinh thần, tư duy kinh tế thông thường luôn khuyến khích hoạt động tiêu dùng tối đa. Nó ca ngợi, khuyến mãi, tặng thưởng cho những người tiêu dùng hàng hóa nhiều nhất hàng ngày, hàng tháng, hàng năm. Xã hội thời cách mạng công nghiệp hiện nay cũng vậy, luôn khuyến khích con người tiêu dùng quá mức. Thông qua tiêu dùng quá mức, rất nhiều người suy kiệt sức khỏe, trở thành gánh nặng cho gia đình, người thân của họ, thậm chí làm hại người khác. Ví dụ uống rượu là để thỏa mãn mong muốn, nhưng lại là nguyên nhân của sự tàn phá sức khỏe, bệnh tật hoặc có thể dẫn tới gia đình không hạnh phúc.

Ngược lại, việc hạn chế tối đa hoặc không tiêu dùng cũng không thể góp phần vào sự an toàn, hạnh phúc thật sự. Do vậy, nếu chúng ta hạn chế tiêu dùng mà không mang lại lợi ích vật chất, tinh thần và hạnh phúc thì cũng sẽ là vô nghĩa, chỉ là cách để ngược đãi chính bản thân mình. Chúng ta không thể nói rằng một sự tiêu dùng có giá trị, khi nó chỉ đơn giản mang lại niềm vui và sự hài lòng. Vì sự hài lòng có được trong những điều kiện không làm chất lượng cuộc sống phong phú thêm, thì kết quả sẽ là sự hủy hoại phúc lợi thực sự, dẫn đến ảo tưởng và say mê, mất sức khỏe và hạnh phúc. Quan điểm kinh tế học Phật giáo là lợi ích của hàng hoá và dịch vụ nằm ở khả năng cung cấp cho người tiêu dùng một cảm giác hài lòng khi nâng cao chất lượng cuộc sống của họ. Do vậy điều tiết nhu cầu, ham muốn và từ bỏ tiêu dùng quá mức là sự khôn ngoan, cần thiết trong cuộc sống của cá nhân, cộng đồng. Tất cả các định nghĩa về hàng hoá, dịch vụ, tiêu dùng hoặc ham muốn, thỏa mãn của cái của cá nhân và xã hội đều phải được dựa trên nguyên tắc không tiêu dùng quá mức.

3. GIÁ TRỊ, Ý NGHĨA VỀ TIÊU DÙNG THÔNG MINH CỦA PHẬT GIÁO TRONG THỜI CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP

3.1. Tiêu dùng thông minh hướng con người tới cuộc sống hạnh phúc, lành mạnh cho con người

Theo kinh tế học Phật giáo, thực chất sự tiêu dùng là giảm bớt nhu cầu vật chất thái quá và sự thỏa mãn chúng một cách không hợp lý. Giảm bớt nhu cầu, ham muốn vật chất không phải là sự khổ hạnh, mà chính là đưa con người đến cuộc sống trung đạo, hài hòa và cân bằng về đời sống vật chất và tinh thần, có sức khỏe và cuộc sống lành mạnh. Mặt khác sự tiêu dùng quá mức có thể dẫn tới bệnh tật, suy giảm sức khỏe. Thời đại công nghiệp hiện nay, mang lại cho con người nhiều tiện ích, nhiều phương tiện tiêu dùng hiện đại, song cùng với kinh tế thị trường, nó mang lại sự ngộ nhận, ảo tưởng và say mê nên văn minh vật chất, kích thích, khuyến khích nhu cầu tiêu dùng, vật chất, lấn át các nhu cầu tinh thần và xuất hiện làm gia tăng và trẻ hóa nhiều căn bệnh do tiêu dùng sai như; “bệnh béo phì, bệnh tiểu đường, tim mạch, vô sinh, tự kỷ, v.v... Do vậy, tiêu dùng thông minh chính là góp phần xây dựng lối sống hài hòa, lành mạnh và hạnh phúc.

3.2. Tiêu dùng thông minh hướng tới một xã hội an lạc, hài hòa và phát triển bền vững ở Việt Nam và Nam Bộ

Việt Nam đã ban hành Chiến lược phát triển bền vững giai đoạn 2011 - 2020 nhằm mục tiêu tăng trưởng bền vững, có hiệu quả, đi đôi với tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ tài nguyên và môi trường, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia.

“Các chỉ tiêu giám sát và đánh giá phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011-2020 gồm: các chỉ tiêu tổng hợp (GDP xanh, chỉ số phát triển con người, chỉ số bền vững môi trường); Chỉ tiêu về kinh tế (hiệu quả sử dụng vốn đầu tư, năng suất lao động xã hội, mức giảm tiêu hao năng lượng để sản xuất ra một đơn vị GDP, chỉ số giá tiêu dùng, cán cân vãng lai...); Chỉ tiêu về xã hội (tỷ lệ nghèo, tỷ lệ thất nghiệp, tỷ lệ lao động đang làm việc trong nền kinh tế đã qua đào tạo, tỷ số giới tính khi sinh, hệ số bất bình đẳng trong phân phối thu nhập...); Chỉ tiêu về tài nguyên và môi trường (tỷ lệ che phủ rừng, tỷ lệ đất được bảo vệ, diện tích đất bị thoái hoá...)”.¹²

Chiến lược phát triển bền vững giai đoạn 2011 - 2020 được cụ thể hóa ở Nam Bộ cũng từ những mục tiêu cơ bản như: về kinh tế, về xã hội, về tài nguyên và môi trường. Song Đông Nam Bộ là khu vực có tốc độ công nghiệp hóa cao nhất nước, đồng thời cũng là khu vực chịu nhiều tác động từ những hệ lụy của nó. Mối quan hệ giữa tăng trưởng đô thị và phát triển bền vững, mối quan hệ giữa môi trường sống dân sinh và vấn đề quản lý nguồn nước với các hệ lụy về môi trường như ô nhiễm nguồn nước, rác thải công nghiệp và sinh hoạt, vấn đề sử dụng nguồn nước, đất, không khí, các vấn đề xóa đói, giảm nghèo, sự cân bằng giữa phát triển công nghiệp và bảo vệ môi trường. Các mô hình phát triển bền vững ở đô thị và nông thôn nhằm ứng phó và giảm thiểu với tác động của biến đổi khí hậu, mục tiêu phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững và phù hợp với nguồn lực thực tế tại địa phương v.v... Ngược lại với Đông Nam Bộ, Tây Nam Bộ là khu vực trọng điểm về sản xuất lương thực, thực phẩm của cả nước. Chính vì vậy, các vấn đề phát triển bền vững thường tập trung vào các khía cạnh nông nghiệp, đặc biệt là vấn đề

12.<http://tapchitaichinh.vn/nguyen-cuu--trao-doi/trao-doi-binh-luan/phat-trien-ben-vung-o-viet-nam-tieu-chi-danh-gia-va-dinh-huong-phat-trien-94064.html>

chuyển đổi cơ cấu cây trồng dưới góc độ môi trường và phát triển bền vững với 3 khía cạnh trọng tâm: (i) hệ sinh thái và chuyển dịch cơ cấu cây trồng; (ii) đặc điểm hệ sinh thái ven biển Tây Nam Bộ và tính nhạy cảm; (iii) hiện trạng chuyển đổi cơ cấu cây trồng, trong đó đánh giá tính tích cực và tiêu cực đối với môi trường và phát triển bền vững. Nuôi trồng thủy sản cũng là một trong các ngành kinh tế chủ lực của vùng Tây Nam Bộ như hoạt động kinh tế nuôi trồng thủy sản nước lợ ở lưu vực sông Mekông với sự hội tụ các mục tiêu xã hội, kinh tế và môi trường, mô hình kết hợp nuôi tôm và rừng ngập mặn, tính bền vững trong quản lý nguồn tài nguyên trong lĩnh vực nông nghiệp, thông qua việc phân tích các thông tin về vấn đề sử dụng đất, cấu trúc rừng, sử dụng nguồn nước và việc sử dụng hóa chất trong nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long, v.v... Tiêu dùng thông minh theo quan điểm Phật giáo cũng góp phần định hướng những hoạt động kinh tế trên của Nam Bộ. Lý thuyết và thực tiễn tiêu dùng hợp lý của Kinh tế học Phật giáo có thể đóng góp về mặt lý luận về sự phát triển bền vững vùng. Đạo đức Kinh tế Phật giáo góp phần khắc phục các vấn nạn chặt phá rừng, khai thác tài nguyên cạn kiệt, xả nước thải gây ô nhiễm môi trường nước, ô nhiễm không khí và hiệu ứng nhà kính. Tiêu dùng vừa đủ góp phần vào sự thống nhất và hài hòa 3 nhân tố cơ bản là **Đạo đức kinh tế; Giá trị, lợi ích tâm linh và Hạnh phúc cộng đồng**. Đây cũng là mục tiêu cơ bản mà sự phát triển bền vững kinh tế - xã hội vùng Nam Bộ đang hướng tới.

3.3. Tiêu dùng thông minh góp phần thực hiện các mục tiêu thiên niên kỷ của Liên hợp quốc

Mục tiêu thứ 3 trong 17 Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDG) Liên hợp quốc đã thông qua tháng 9/2015 là “Bảo đảm cuộc sống lành mạnh và hạnh phúc cho tất cả mọi người ở mọi lứa tuổi”, trong đó nội dung cụ thể về vấn đề này là phòng chống HIV/AIDS, sốt rét, xóa đói giảm nghèo, cải thiện sức khỏe tổng thể của người dân, phổ cập giáo dục, thúc đẩy bình đẳng giới v.v...”¹³ Xuất phát

13. Hội nghị thượng đỉnh Liên hiệp quốc về phát triển bền vững(SDG) diễn ra ở New York Mỹ từ ngày 25 – 27/ 9/ 2015, 193 quốc gia thành viên LHQ đã thông qua chương trình nghị sự toàn cầu về phát triển đến năm 2030 với 17 mục tiêu phát triển bền vững, như một lộ trình chấm dứt đói nghèo, chống bất bình đẳng, chống biến đổi khí hậu trong 15 năm tới . (nguồn: <http://vard.org.vn/vn/17-muc-tieu-phat-trien-ben-vung-cua-lien-hiep-quoc-den>

từ những nguyên lý nền tảng và khái niệm cơ bản như: con đường Trung đạo, Bát chánh đạo, từ Kinh văn với các khái niệm cơ bản của giáo lý Phật giáo: “Khổ”, “Tanha” và Chanda”, v.v...¹⁴ Chủ trương về tiêu dùng thông minh của Phật giáo đã thể hiện sự tương đồng về quan điểm với Liên hợp quốc, **đó là những vấn đề đạo đức trong hoạt động kinh tế, về tiêu dùng đúng và tiêu dùng sai; về sự tiết chế, kiểm soát sự thỏa mãn hay mãn nguyện trong lợi ích; về lao động, sản xuất và phi sản xuất; về sự cạnh tranh và hợp tác; về sự giàu có và quan điểm về cuộc sống kinh tế, v.v...** Cụ thể về sự tiêu dùng hàng hóa được cho là một trong những mục tiêu của hoạt động kinh tế, nếu toàn thể xã hội đều đồng thuận việc tiêu dùng vừa đủ, không quá mức sẽ góp phần vào việc cải thiện sức khỏe cho mọi người, mang lại cuộc sống lành mạnh, hạnh phúc cho nội người cũng chính là chống được đói nghèo, bạo lực và thất học.

4. KẾT LUẬN

Cho đến nay, văn hóa tiêu dùng khôn ngoan, thông minh của Phật giáo không còn là vấn đề mới nữa, nó đã được bàn luận trên nhiều diễn đàn và đã có ảnh hưởng tới một số chủ trương sản xuất và tiêu dùng trong nền kinh tế của một số quốc gia. Tuy nhiên, văn hóa tiêu dùng theo quan điểm Phật giáo ở Việt Nam và Nam Bộ vẫn còn là những vấn đề mới và có thể có nhiều quan điểm khác nhau. Nhìn từ mục tiêu và chiến lược, phát triển bền vững vùng Nam Bộ, có thể thấy thực tiễn hoạt động kinh tế - xã hội theo hướng phát triển bền vững ở Nam Bộ đang đặt ra nhiều vấn đề cấp bách và những lý thuyết, nguyên tắc, quan điểm kinh tế của Phật giáo **có thể góp phần định hướng tư tưởng và tư duy kinh tế phù hợp với các chiến lược, mục tiêu của LHQ, của vùng Nam Bộ và một số vấn đề cấp bách về kinh tế xã hội đặt ra. Tác giả bài viết này cho rằng cần tiếp tục nghiên cứu** sâu hơn, hệ thống hơn về kinh tế học

nam-2030-dc171)

14. Khái niệm Tanha trong Phật giáo có nghĩa là tham ái, tham vọng, bốn chôn, hoặc khát. Nó phát sinh phụ thuộc vào cảm giác và bắt nguồn từ sự thiếu hiểu biết. Bất cứ khi nào có cảm giác nào được cảm nhận, vui lòng hoặc không hài lòng - chẳng hạn như cảnh đẹp hoặc xấu, hoặc âm thanh dễ chịu hoặc khó chịu - cảm giác, dễ chịu, khó chịu hoặc trung tính. Khái niệm Chanda là Dhamma hay kusala Dhamma, với ya nghĩa là chân lý và sự tốt lành phải đạt được thông qua nỗ lực. Chanda dẫn đến hành động, phát sinh từ sự phản chiếu thông minh (yoniso-manasikara),

Phật giáo và văn hóa tiêu dùng khôn ngoan, thông minh của Phật giáo với chiến lược phát triển bền vững kinh tế - xã hội vùng Nam Bộ. Bài viết là những quan điểm của cá nhân với mong muốn được đóng góp vào chủ đề hội thảo và có được sự tham khảo, phản biện của các đại biểu trong hội nghị quốc tế này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Schumacher E. F. 2012. “Buddhist Economics”. Archived from the original on 13 December. Retrieved 4 December 2012.

Schumacher, E. F. 1973. Small Is Beautiful: A study of Economics As If People Mattered. Harper and Row Publishers. (ISBN 0-06-131778-0).

Payutto, Ven. P. A. 1988. “Buddhist Economics - A Middle Way for the Market Place” Navajivan Publishing House, Ahmedabad, India.

Richard B. Green. 1958. A Philosophy of Indian Economic Development. Navajivan Publishing House, Ahmedabad, India.

J C. Kumarappa. 1958 Economy of Permanence. Sarva-Seva Sangh Publicati Rajghat, Kashi, India.

Thomas David Dubois. 2011. Religion and the Making of Modern East Asia. Cambridge University Press.

Debra Lam (2014), Vietnam’s Sustainable Development Policies: Vision VS Implementation, World Scientific Book, 2014.

Maho Mina d’s Ercole (2008), Statistics for Sustainable Development, OECD, 2008.

Nguyễn Quang Thái và Ngô Thắng Lợi. 2007, Phát triển bền vững ở Việt Nam: Thành tựu, cơ hội, thách thức và triển vọng, NXB Lao động - Xã hội, Hà Nội.

Trần Ngọc Ngoạn. 2007. “Một số vấn đề lý thuyết và kinh nghiệm quốc tế trong phát triển bền vững nông thôn”, Tạp chí Nghiên cứu Phát triển bền vững, N2-2007.

Vũ Văn Hiến. 2014. Phát triển bền vững ở Việt Nam, Tạp chí cộng sản (Communist Review), số tháng 1-2014.

Nguyễn Đình Hòa. 2007. Môi trường và phát triển bền vững. Hà Nội: NXB. Giáo Dục.

Nguyễn Ngọc Ngoạn. 2007. Phát triển nông thôn bền vững: những vấn đề lý luận và kinh nghiệm thế giới. Tạp chí Môi trường và phát triển bền vững. Số 01/2008.

Nguyễn Thị Phương Loan (online). 2009. Một số kết quả nghiên cứu đánh giá sự sử dụng bền vững tài nguyên sinh vật và phát triển bền vững bằng công cụ dấu chân sinh thái và thước đo bền vững BS (Barometer of Sustainability). Tải tại <http://cnx.org/content/m30268/latest/> vào ngày 14/5/2012.

Nguyễn Văn Huyền. 2011. Phát triển bền vững: một lý thuyết phát triển trong thế giới đương đại. Viện Chính trị học, Học viện Chính trị-Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh. Hà Nội.

PHẬT GIÁO VỚI VIỆC TIÊU THỤ CÓ TRÁCH NHIỆM

Thiện Đức Nguyễn Mạnh Hùng*
Thuần Tâm Thảo Triều

Khi viết tham luận này chúng tôi chợt nhớ đến bộ phim khoa học về môi trường mang tên Home là bộ phim tài liệu của đạo diễn Yann Arthus-Bertrand, câu chuyện về một Trái Đất sơ khai, một Trái Đất – mái nhà chung của muôn loài, một Trái Đất đứng trước biết bao thảm họa do con người gây ra. Sự sống đã xuất hiện từ hơn 4 tỷ năm trước còn loài người chúng ta chỉ mới bắt đầu từ khoảng 200 ngàn năm trước, thế nhưng trong thời gian ngắn ngủi vậy chúng ta đã làm đảo lộn sự cân bằng của trái đất. Chúng ta là ai mà dám cướp đi những gì thiên nhiên ban tặng cho mọi loài?

Ngày nay người ta thay nhau check-in ở những nơi đẹp đẽ, đi du lịch hay công tác nước ngoài, khoe cảnh giàu sang, khoe có nhiều mối quan hệ rộng và muốn chứng tỏ có nhiều trải nghiệm sống... nhưng thiết nghĩ chúng ta nên tìm đến những nơi mà ở đó có thể làm được điều có ý nghĩa cho những đứa trẻ đang phải chịu cảnh đói ăn và lớn lên trong những vùng chiến sự, nơi chúng ta có thể giải cứu những con vật đang phải chịu hành hạ, nơi có thể góp phần vào hoạt động giáo dục cộng đồng về một hành tinh xanh không rác. Đó là những nơi mà chúng tôi nghĩ ta nên có mặt.

Tại Châu Phi, những cậu bé 12 tuổi đã biết cầm súng đi chiến đấu, trên tay là khẩu AK47 và giết chính những người hàng xóm của mình.

Ở Nam Phi, có 5.000 con sư tử thuần hóa bị gây mê và bị giết bởi súng, giáo hoặc bị thương bởi chó săn. Người ta gọi đó là một

* Thạc sỹ, Trường Cao đẳng Y tế Cần Thơ, Việt Nam

môn thể thao!

Ở Trung Quốc, có 7.000 con gấu to lớn, bị giam cầm trong những chiếc lồng giống như quan tài và thường xuyên bị rút mật trong suốt 26 năm, chỉ để phục vụ cho việc ngâm rượu và làm thuốc, để rồi chính những con gấu này bị phát điên và phải giết chết con của mình để gấu con không phải chịu đựng những đau đớn dai dẳng mà chính mẹ của nó phải trải qua.

Tại Hàn Quốc và Việt Nam, hàng năm có hàng triệu con chó bị đánh đến chết, bởi vì những người bán thịt tin rằng những vết bầm tím và vết đau đớn sẽ giúp cho thịt của chúng trở nên thơm ngon hơn. Còn ở Trung Quốc, những chú chó bị treo lơ lửng trên giá và những bộ da sặc sỡ của chúng dùng để trang trí cho những chiếc áo khoác lông thú bày bán tại các cửa hàng ở Úc.

“Consumption” có nghĩa là sự tiêu thụ nhưng cũng có nghĩa là “sự hủy diệt”. Sự thật là sống trong thế giới phát triển hiện nay chúng ta đang tiêu thụ quá nhiều song đường như sự tiêu thụ vô tội vạ ấy không liên quan gì đến hạnh phúc của chúng ta, con người chúng ta đang làm biến đổi tài nguyên thiên nhiên, khiến gia tăng những nguy cơ đe dọa bầu sinh quyển của thế giới.

Tổ chức Nông lương Liên Hiệp Quốc (FAO) cho biết, mỗi năm thế giới lãng phí 1,3 tỉ tấn thực phẩm, tương đương 1/3 sản lượng nông nghiệp toàn cầu, cứ bảy người thì một người bị đói và hơn 20.000 trẻ em dưới 5 tuổi chết đói mỗi ngày. Lãng phí thực phẩm nằm phần nhiều ở các nước đang phát triển với con số là 630 triệu tấn mỗi năm, trong đó có Việt Nam (số liệu 2013).

Hàng triệu con cá mập bị lấy mất vây cá khi đang bơi ở biển, chúng bị tấn công, bị cắt hết vây rồi bị ném xuống biển, đau đớn mà chết, chỉ vì vây cá mập có thể phục vụ cho món súp đắt nhất hành tinh của con người. Những chú bê sữa bị giết bằng cách bị con người giẫm đạp trên lồng ngực và làm gãy xương sườn của chúng. Có hàng tỷ chú gà con bị nhào trộn mỗi ngày trong chiếc máy xay cơ khí, đơn giản chỉ vì chúng không phải là gà mái. Và luật pháp của con người đang cho phép điều đó. Phải chăng luật pháp của con người đang chống lại quy luật của thiên nhiên?

Những hủ tục hiến tế trong các tôn giáo ngày nay cũng đang

khiến cho thế kỷ 21 trở thành một thời kỳ đen tối mới, Ở Nepal cứ 5 năm một lần, chỉ trong vòng 2 ngày lễ hội tế thần của đạo Hindu, có khoảng 250.000 con vật bị giết (trong đó có 6.000 con trâu và hơn 200.000 con vật chuột, dê, gà trống, lợn, chim bồ câu). Và ngay ở Việt Nam thôi, hàng năm có lễ hội chọi trâu chọi gà, dù thắng hay thua thì sau khi kết thúc lễ hội, các chiến binh trâu đều được đem ra mổ thịt để tế lễ trời đất, cầu mùa màng thuận hoà, người ta tin rằng nếu được ăn thịt trâu chọi trong dịp lễ hội, sẽ gặp nhiều điều may mắn.

Lời giáo huấn của Đức Phật rằng lòng tham vô độ của tự ngã là nguyên nhân của thất bại, khổ đau và làm vắng mặt hòa bình, điều này chúng ta chứng thực được ngay trong đời sống hàng ngày. Việc tiêu thụ quá mức khiến chúng ta rối trí và say sưa, không những không làm dịu xuống nỗi bất an ấy của chúng ta mà ngược lại còn nuôi dưỡng bất an thêm



Sự hiện đại hóa đã làm cho môi trường ô nhiễm, nhiều khu nhà ổ chuột và khu phố bẩn thỉu mọc lên, và làm cho nền văn hóa bị phân hủy. Thái Bình Dương giờ đây chứa đầy rác nhựa, rác và chất bẩn do con người thải ra, nó đã trở thành một hòn đảo rác nổi lênh bênh và có diện tích lớn hơn đất nước Ấn Độ. Các nhà máy chế biến động vật trên toàn thế giới xả các loại hóa chất vào đại dương, tạo ra những “Vùng Chết” do không có oxy trong nước biển, tổng cộng có 1 triệu cây số vuông chịu tình trạng như vậy, giết chết động vật thực vật, san hô và đại dương. Đáy đại dương ngày nay giống như một quang cảnh hiu quạnh nơi cung trăng, trong đó nước biển được

xem là món canh độc hại chứa đầy axit.

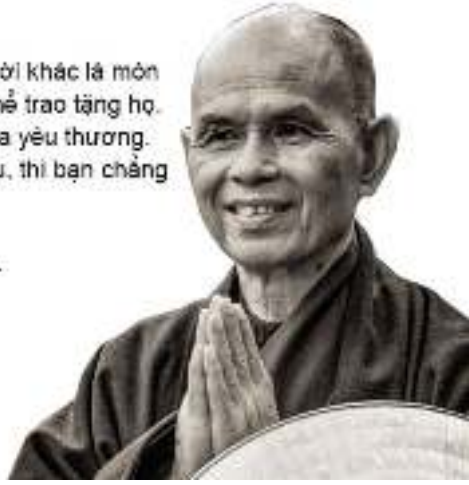
Tại Canada, có 300.000 chú hải cẩu con bị đâm cho đến chết ngay trên băng trong trái tim nhỏ bé của chúng vẫn đang đập. Có những sợi dây thép dài hàng trăm kilômét, 10 tỷ lưỡi thép đã giết chết các loài cá heo, chim hải âu và rùa biển. Các loài cá heo và cá voi thì bị đâm cho đến chết ở các vùng nước nông của Nhật Bản và Đan Mạch. Nước ở những vùng vịnh này chỉ toàn màu đỏ của máu.

Chính con người đã khai thác quá triệt để các nguồn tài nguyên thiên nhiên, săn bắt thú rừng và khai thác quá mức khiến chúng không còn chỗ sống và nhiều loài đã tuyệt chủng. Chúng ta đang sống trong một căn nhà Trái đất luộm thuộm và chẳng bao lâu nữa căn nhà này sẽ toàn rác bởi chủ nghĩa tiêu dùng của chính con người. Những thảm họa môi trường đã gây ra nhiều vấn đề có thể được xem như là sự phản ứng trở lại của Mẹ Trái Đất đối với hành vi tiêu thụ thiếu trách nhiệm của chúng ta. Sự phong phú của động vật hoang dã không còn được tìm thấy nữa ở các nơi trên thế giới là bởi sự săn bắn và bị mất nơi cư trú.

90% các loài cá nhỏ trong đại dương được đánh bắt và dùng để nuôi gia súc. Ngày nay, những con bò ăn cỏ lại là loài ăn thịt động vật biển lớn nhất thế giới. Bò được ăn nhiều cá hơn cả các loài khác như cá voi, cá mập, cá heo, hải cẩu. Và rồi đại dương đang chết dần. Đến năm 2048, nghề đánh bắt cá sẽ không còn tồn tại. Trong lịch sử nhân loại, có 100 tỷ người đã từng sống. Và chúng ta, con người, mỗi tuần chúng ta tra tấn và giết chết 3 tỷ sinh linh. Vâng, là con số 3 tỷ trong một tuần! Mỗi năm có khoảng 10.000 giống loài bị tiêu diệt bởi con người. Và nếu chúng ta ghi âm được lịch sử những âm thanh của những con vật yếu thế thì tiếng la hét của chúng sẽ nhấn chìm cả âm thanh và sự phẫn nộ của vụ nổ Big Bang, chúng ta sẽ không thể hình dung được sức lớn của những âm thanh đó.

“Thấu hiểu nỗi đau của người khác là món quà to lớn nhất mà bạn có thể trao tặng họ. Thấu hiểu là tên gọi khác của yêu thương. Nếu bạn không thể thấu hiểu, thì bạn chẳng thể yêu thương”.

- Thiền sư Thích Nhất Hạnh-



Khi phải chịu đau khổ và hành hạ, chúng ta và loài vật đều bình đẳng và giống hệt nhau. Tùy thuộc vào khả năng chịu đựng của mỗi giống loài, nhưng sự đau đớn của một con thỏ cũng giống như sự đau đớn của một con cá, một con gấu và ... cũng giống sự đau đớn của một cậu bé. Dù chúng ta đến từ nơi nào trên thế giới, về cơ bản tất cả chúng ta đều là chúng sinh như nhau. Tất cả chúng ta đều kiếm tìm hạnh phúc và cố tránh khổ đau. Chúng ta có cùng những nhu cầu cơ bản. Tất cả chúng ta đều muốn có tự do và quyền quyết định vận mệnh của mình như những cá nhân. Chính sự tham lam tiêu thụ của con người và phân biệt giống loài đã khiến cho trái đất đang bị héo mòn.

Nhà thiên văn học Copernicus đã nhắc nhở rằng chúng ta không phải là trung tâm của vũ trụ. Chúng ta chỉ là những phần nhỏ của vũ trụ mà thôi. Vì vậy, chúng ta hãy chung tay hành động không biên giới, vượt qua biên giới của các quốc gia, biên giới về chính trị, biên giới về chủng tộc, biên giới về tôn giáo và cả biên giới về giống loài.

Là những người con Phật, chúng ta cần có một thái độ chăm sóc và trân trọng môi trường. Bất bạo động không chỉ áp dụng cho con người mà còn cho tất cả chúng sinh hữu tình, không phân biệt. Bất cứ sinh vật nào có nhận thức thì đều sẽ có những cảm giác như đau đớn, sợ hãi và vui sướng. Hòa bình có nghĩa là sự hòa hợp giữa con người với con người, giữa con người và động vật, giữa chúng sinh và môi trường.

Trong thực hành đạo Phật, chúng ta đã quen với khái niệm không

bạo lực và chấm dứt khổ đau, là việc không làm hại các chúng sinh. Đau khổ là do sự vô minh, do lòng tham và sân hận gây đau đớn cho người khác chỉ để theo đuổi hạnh phúc hay sự hài lòng của bản thân họ, không chấp nhận sự thật là thế giới luôn thay đổi, không cho mình cơ hội để tĩnh lặng và hài lòng với hiện tại. Lòng tham thúc đẩy con người làm đủ mọi cách để có được kết quả bất chấp hệ quả đau khổ của tương lai. Hạnh phúc thật sự đến từ sự bình an nội tâm và mãn nguyện tri túc, và điều đó phải đạt được thông qua việc huấn tập lòng vị tha, yêu thương, từ bi.

Nhà triết học Edmund Burke đã viết: “Muốn cho những điều ác tiếp tục diễn ra, chỉ cần những người tốt không làm gì cả.” Không làm gì không phải là một lựa chọn!

Robert Swan, Đại sứ thiện chí của Liên Hiệp Quốc, cũng từng nói “Hiểm họa lớn nhất đối với hành tinh của chúng ta là tin rằng có một ai đó khác sẽ hành động bảo vệ nó”

Nếu những người ăn chay (hơn 600 triệu người trên thế giới) gộp lại thành một quốc gia thì sẽ lớn hơn dân số của 27 quốc gia thuộc Liên minh châu Âu. Con số trên không nhỏ nhưng dù như vậy chúng ta vẫn đang bị lấn át bởi lòng tham tiêu thụ của con người khi họ tiếp tục có các hành động bạo lực như săn bắt, bắn tia, giết người... chúng ta vẫn đang chịu lép vế bởi những người tin rằng bạo lực là câu trả lời giải quyết mọi vấn đề chứ không phải bạo lực là vấn đề cần phải bị chấm dứt.

Chắc hẳn ai cũng biết về Hiệu Ứng Cánh bướm, một cái vỗ cánh của con bướm trong rừng rậm Amazon có thể tác động đến thời tiết ở Châu Phi, các cơn bão lớn ở Biển Đông. Các sự kiện nhỏ đều có thể gây ra những hậu quả lớn mà không lường trước được. Những sự kiện nhỏ đã có tác động lớn như vậy, bởi vậy chúng tôi tin rằng nếu chung tay thì chúng ta hoàn toàn có thể thay đổi thế giới. Không khí ta đang thở, nước ta uống, rừng và đại dương có thể duy trì hàng triệu sự sống dưới nhiều dạng khác nhau, và các mô hình khí hậu điều khiển hệ thống thời tiết vượt qua ranh giới của các quốc gia. Điều này có nghĩa không một quốc gia nào, cho dù phát triển hay kém phát triển thì cũng cần phải có trách nhiệm với môi trường. Chúng ta cần phải chung tay thiết lập nhận thức trong việc tiêu thụ có trách nhiệm.

Các nước nghèo đang phải bán ngũ cốc của họ cho phương Tây trong khi bọn trẻ ở những quốc gia nghèo này lại phải chịu đói trong vòng tay của cha mẹ chúng. Ngược lại, phương Tây sử dụng những loại ngũ cốc này để nuôi gia súc. Trái đất có thể sản xuất đủ lương thực cho nhu cầu của mọi người, nhưng không bao giờ đủ cho lòng tham của con người.

Epicurus, Nhà triết học Hy Lạp, đã viết “Nếu bạn muốn tăng chỉ số hạnh phúc của con người, đừng nhằm vào mục đích tăng tài sản. Đơn giản chỉ cần giảm ham muốn của con người”.

Tổ Long Thọ cũng dạy rằng “Bằng việc sử dụng tài sản, có hạnh phúc ngay bây giờ và ở đây. Bằng việc bố thí, có hạnh phúc trong tương lai. Phung phí tài sản, không sử dụng hay không bố thí, chỉ khiến thêm khổ đau. Sao không làm cho ta và người có hạnh phúc?” Tài sản tự thân không có tội, điều quan trọng là làm thế nào tạo ra và sử dụng nó. Trong kinh điển, Đức Phật dạy cho mọi người cách tốt nhất để tạo ra và sử dụng nguồn thu nhập của mình:

- Chánh mạng là sống một cách chân chánh bằng nghề nghiệp lương thiện, chính đáng không bóc lột, không lừa dối gạt người.

- Sử dụng sản phẩm do chúng ta tạo ra và chia sẻ rộng rãi với mọi người. Thước đo giá trị của một con người không phải bằng số tiền mà họ kiếm được mà là số tiền họ sẵn sàng cho đi, đặc biệt là dành cho những người không hề quen biết.

- Thái độ của chúng ta đối với của cải (ngay cả do chính mình làm ra) là không được tham lam, thèm muốn, tâm vẫn luôn bình lặng, thản nhiên, không lưu luyến, đó là cách chúng ta kiếm tiền chân chính không pha lẫn lòng tham vọng.

Thế giới đã tiêu tốn hàng tỷ đô la phục vụ các thí nghiệm về khả năng độc hại của những con vật mà chúng vô hại với con người. Họ cũng đang dành hàng tỷ đô la để ngăn chặn các con bò thả khí metan gây hiệu ứng nhà kính, phục vụ cho việc lấy thịt bò và khí metan có sức ảnh hưởng gấp 24 lần so với khí CO₂. Giờ đây lượng khí thải nhà kính từ ngành công nghiệp chế biến thịt đã vượt xa so với các nhà máy vận tải, xe lửa, xe buýt, tàu thủy,... Khí thải từ ngành chăn nuôi gia súc lớn gấp 150 lần so với ngành vận tải. Hiện nay 60% người phương Tây đang bị béo phì hoặc thừa cân và họ đã

chi ra hàng tỷ đô la cho phẫu thuật để cắt bỏ mỡ thừa đó. Hãy tưởng tượng khí thải hiệu ứng nhà kính đạt tới mức 500 phần triệu, hoặc nhiệt độ trái đất tăng thêm ba độ. Những đỉnh cực tan chảy sẽ tạo ra 1 tỷ người tị nạn do sinh thái. Tai hoạ đó sẽ định hình lại địa chính trị mãi mãi.

Việc chế biến thịt đang đe dọa thực phẩm, nước uống và an ninh biên giới của chúng ta. Nước được xem như một loại dầu mới. Các quốc gia sẽ sớm phải chiến đấu để có được nước sạch. Các lớp nước ngầm mất hàng triệu năm mới có thể lấp đầy hiện nay đang dần cạn kiệt. Ngày nay chúng ta phải khai thác nước ở độ sâu 240m (cách đây 60 năm chúng ta chỉ cần đào 15m là có nước) và chúng ta đang phải lọc nước từ bùn. Một số nơi ở Trung quốc người ta đào tới độ sâu 900 mà vẫn chưa có nước.

Chủ nghĩa tiêu dùng cần phải bị chấm dứt.

HÃY HÀNH ĐỘNG ĐỂ BẢO VỆ MẸ TRÁI ĐẤT



Thánh Đức Dalai Lama, Mairead Maguire, Betty Williams, Shirin Ebadi và Lech Walesa trồng cây sau Hội nghị thượng đỉnh Thế giới lần thứ 13 của những người đạt Giải thưởng Nobel Hoà bình ở Warsaw, Ba Lan vào ngày 23 tháng 10 năm 2013. (Ảnh: Jeremy Russell)

Lớp băng vĩnh cửu của Siberi hiện giờ đang là một quả bom nổ chậm. Khi nó giải phóng khí metan và carbon trong đó, tất cả hoạt động trên thế giới này sẽ bị hủy hoại. Trong giai đoạn 1986-2005, lượng băng tan ước tính khoảng 5.000 tấn/giây. Trong giai đoạn 2005-2015, tổng lượng

băng mất đi tại Bắc Cực là 447 tỉ tấn/năm, tương đương cứ mỗi giây lại có 14.000 tấn nước đổ ra biển. Điều này đồng nghĩa tốc độ tan băng ở Bắc Cực giai đoạn 2005-2015 diễn ra nhanh gấp gần 3 lần so với giai đoạn 1986-2005. Các vùng băng đá ở Hymalaya được gọi là Cực Thứ Ba, bởi vì chúng được xem như Nam Cực và Bắc Cực, và chúng đã nuôi dưỡng cho một nửa dân số thế giới, chạy qua sông Hằng, sông Indus, Brahmaputra, Yangtse, sông Irrawaddy, sông Mekong và sông Hoàng Hà. Nhưng hiện nay chúng cũng đang tan rất nhanh, khiến mực nước biển ngày càng dâng cao hơn. Nếu băng tan, các nền kinh tế sẽ sụp đổ và sản sinh ra các dịch bệnh visus, đe dọa mạng sống của hàng triệu người trên thế giới.

Công lý và đức tin buộc chúng ta phải có trí tuệ và can đảm. Với một cái đầu trí tuệ, trái tim thuần khiết và bàn tay sạch sẽ. Xin đừng sợ hãi. Hãy sống và hành động! Sự can đảm chính là chìa khóa; Giáo dục là chìa khóa; Trí tuệ là chìa khóa. Chúng ta không thể làm sống lại lịch sử nhưng chúng ta có thể tạo nên lịch sử và đó là những gì mà các nhà lãnh đạo làm.

Hành tinh này là ngôi nhà chung của chúng ta - Mẹ Trái Đất. Hiện nay, chúng ta đang khai thác Mẹ Trái Đất như thể mọi thứ sẽ tồn tại mãi mãi, tài nguyên thiên nhiên là vô tận và luôn có nơi tiêu thụ và xử lý rác thải của chúng ta. Bảo vệ thiên nhiên chính là bảo vệ ngôi nhà, bảo vệ cha mẹ và dòng tộc của chúng ta. Con người là loài duy nhất có khả năng tiêu diệt trái đất, vì vậy nếu chúng ta có khả năng tiêu diệt trái đất, thì chúng ta cũng có khả năng để bảo vệ nó. Trái đất của chúng ta dựa trên sự cân bằng mà ở đó mỗi sinh vật đều có vai trò của mình và chỉ tồn tại khi có sự hiện hữu của loài khác, một thế cân bằng tinh tế, rất dễ bị phá vỡ

May mắn thay, gần đây đã có nhiều người hơn suy nghĩ về tác động của con người ảnh hưởng đến hành tinh, và môi trường cũng đang là mối quan tâm chính của các nhà chính trị. Điều cần thiết là chúng ta tìm ra các phương thức sản xuất mà không hủy hoại thiên nhiên. Thái độ của chúng ta liên quan đến môi trường cần thay đổi. Môi trường trong sạch nuôi dưỡng cây trồng, vật nuôi, và làm cân bằng nhiệt độ trái đất, mang lại sự phát triển tự nhiên trong lĩnh vực giáo dục, kinh tế, xã hội...

Những cánh rừng khỏe mạnh sẽ làm sạch không khí và cung cấp oxy cho các sinh vật, làm hài hoà các yếu tố và làm tăng tuổi thọ.

Cây ăn quả cung cấp sự sống và là nguồn dinh dưỡng sức khỏe chủ yếu cho con người, cũng như có lợi ích cho các loài hữu tình khác. Đức Bốn sư Thích Ca Mâu Ni được sinh ra dưới gốc cây, Ngài giác ngộ dưới gốc cây và nhập Niết Bàn dưới gốc cây. Các vị thần bốn tôn trí tuệ của những cảnh giới phi thể gian cũng như các vị thần địa phương, rồng, quỷ thần đa phần đều ngụ ở trên cây. Trong Luật tạng của thánh Pháp cũng dạy các vị Tỳ Kheo cách nuôi dưỡng cây cối. Điều này giúp chúng ta hiểu rằng cây cối tự nhiên cực kỳ quan trọng, trồng và chăm sóc cây là những việc làm công đức. Các quốc gia cần phải quan tâm đến việc tăng cường trồng các loại cây và hoa khác nhau xung quanh ở mọi nơi, trường học, văn phòng, bệnh viện, nhà máy, khách sạn, nhà ở, đường phố và tu viện. Chúng ta cũng nên giáo dục ngay từ nhỏ cho trẻ về cách bảo vệ cây cối.

Để sản xuất ra 1 kg thịt bò, chúng ta cần 50.000 lít nước. Để sản xuất ra 1 lít sữa chúng ta phải tốn 1.000 lít nước, vì vậy chẳng mấy chốc chúng ta sẽ phải uống nước thải tái chế. Và thực tế hiện nay nhiều người ở một số quốc gia đang phải uống nước thải tái chế. Một mẫu đất ở phương Tây sản xuất ra 100 kg thịt bò, 20.000 kg khoai tây, 40.000 kg rau diếp. Vậy mà có hơn một tỷ người trên trái đất này đang chết đói. Có khoảng 20 triệu người chết vì suy dinh dưỡng. Trong một năm ngành công nghiệp chế biến thịt đã tiêu hủy lượng động vật có số lượng lớn hơn số lượng loài người từng sinh ra. Vì vậy nếu chúng ta cắt giảm tiêu thụ thịt 10%, chúng ta đã có thể nuôi được 100 triệu người. Và nếu tất cả chúng ta giảm bớt tiêu thụ và ăn chay, chúng ta có thể nuôi sống hành tinh này mãi mãi. Dân số thế giới đã tăng gấp ba lần riêng trong thế kỷ 20 và dự kiến sẽ tăng gấp đôi hoặc gấp ba trong thế kỷ 21. Nếu mọi người đang tiêu thụ theo cách hiện tại, chúng ta sẽ cần phải có ít nhất hai Trái đất mới đủ để nuôi sống chúng ta. Nhưng chúng ta chỉ có một Trái Đất thôi và Mẹ Trái Đất đang hấp hối.

Tương tự như vậy đối với rác, chúng ta phải hạn chế xả rác như giấy, chai nhựa, quần áo cũ, thức ăn thừa, các loại phế liệu sắt thép và những loại rác thải khác. Chúng ta phải ngừng việc xả chất thải chưa xử lý ra ngoài môi trường. Chúng ta hãy bắt đầu từ những việc nhỏ nhất, đơn giản như việc tắt đèn trước khi rời khỏi phòng, tiết kiệm điện hay nhiên liệu xăng dầu, không ăn uống hay dùng đồ một cách lãng phí, hạn chế mua đồ mới nếu không thực sự cần

thiết, nói không hoặc hạn chế dùng túi nilon và đồ nhựa, học cách tái sử dụng những đồ còn dùng được hoặc tái chế các sản phẩm đã bị bỏ đi. Ngày nay chúng ta không chỉ quan tâm tới việc vứt rác cho đúng chỗ quy định, phân loại rác cho đúng nơi mà còn là phải giảm thiểu tối đa rác thải.

Mỗi chúng ta, hãy nghĩ về môi trường trước khi tiêu thụ!

Là những cư sĩ Phật giáo, chúng tôi tin vào mối liên hệ nhân quả, chúng ta cần trở nên tỉnh táo hơn trước ảnh hưởng do những hành vi của chúng ta tác động đến bản thân và người khác, đến hiện tại và tương lai. Những vấn đề mà chúng ta phải đối mặt hôm nay như xung đột bạo lực, phá hoại thiên nhiên, nghèo, đói... chủ yếu do con người gây nên. Chúng có thể được giải quyết nhưng chỉ thông qua sự nỗ lực của con người, thông qua sự hiểu biết và sự phát triển tình đoàn kết giữa các sắc tộc. Chúng ta cần phải trưởng dưỡng trách nhiệm chung, dựa trên trái tim từ bi và trí tuệ tỉnh giác.

Trong thế kỷ 20 và 21, chúng ta đã chứng kiến quá nhiều cuộc chiến tranh, nạn đói nghèo, vấn đề ô nhiễm, nạn dịch bệnh và khổ đau. Theo giáo lý đạo Phật, những điều đó xảy ra là kết quả của sự thiếu hiểu biết và ích kỷ của chúng ta và cha ông ta trong quá khứ, bởi chúng ta thường không nhìn thấy mối quan hệ thiết yếu chung của tất cả chúng sinh. Trái đất đang chỉ cho chúng ta những cảnh báo và chỉ ra rõ ràng về những ảnh hưởng tiêu cực to lớn do hành vi sai lầm của con người. Nếu vẫn tiếp tục tiêu dùng theo cách này, sẽ không còn nơi nào trên Trái Đất này dung chứa nỗi lòng tham của chúng ta.

Để hành động bảo vệ Mẹ Trái Đất, chúng ta cần hiểu về sự tương thuộc lẫn nhau. Mọi người sinh ra đều muốn có hạnh phúc thay vì đau đớn. Vì vậy, chúng ta chia sẻ một cảm giác cơ bản chung. Chúng ta có thể phát triển hành vi đúng đắn để giúp trái đất và cùng nhau dựa trên một động lực tốt hơn, phát triển một ý thức đúng đắn về trách nhiệm chung. Khi chúng ta được thúc đẩy bởi trí tuệ và từ bi, kết quả hành vi sẽ đem lại lợi ích cho mọi người và lâu dài. Khi chúng ta có thể nhận ra và tha thứ những việc làm do thiếu hiểu biết trước đây, chúng ta sẽ có được sức mạnh để giải quyết các vấn đề trong hiện tại.

Trái đất là ngôi nhà và là Mẹ của chúng ta. Chúng ta cần phải

tôn trọng và có trách nhiệm chăm sóc Mẹ. Giáo dục môi trường chính là học cách duy trì một lối sống cân bằng. Tất cả các tôn giáo đều đồng ý rằng chúng ta không thể tìm thấy sự hài lòng nội tại dài lâu dựa trên những ham muốn ích kỷ những tiện nghi vật chất. Sẽ tốt hơn nếu chúng ta thực tập sống thiếu dục tri thức, bình yên trong tâm hồn, cùng nhau cầu nguyện cho sự bình an của Trái Đất thay vì ráng sức sở hữu nó, phá hủy vẻ đẹp của cuộc sống.

Chúng ta là những người học Phật, cần hiểu rõ về Chánh báo và Y báo. Y báo là hoàn cảnh, môi trường sống. Chánh báo là tâm thức của người sống trong môi trường ấy. Như Tịnh độ Tây phương là Y báo của Chánh báo, là sự thành Phật và những lời nguyện của Đức A Di Đà. Y báo và Chánh báo là một. Tâm và cảnh là một. Hoàn cảnh, môi trường sống của chúng ta như thế nào thì tâm thức chúng ta cũng như vậy. Môi trường nhếch nhác, hư hoại thì tâm thức của chúng ta cũng nhếch nhác, hư hoại. Và tâm thức tốt đẹp thì môi trường phải tốt đẹp. **Cho nên cứu lấy môi trường, cứu lấy trái đất cũng là cứu lấy tâm thức của chúng ta.**

Để kết thúc tham luận, chúng tôi xin trích dẫn bốn câu thơ từng được biết

“Đại gia bất động sản
Chết nằm dưới cỏ xanh
Mới hay mình của đất
Đất không phải của mình”

Nguyện cho những khu rừng được vun trồng và tăng trưởng ở khắp mọi nơi! Nguyện cho các đại dương được sạch trong và các giống loài được sinh trưởng trù phú! Nguyện cho các chúng sinh được tự do và được sống đời hạnh phúc!

TƯ TƯỞNG ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN

Võ Quang Hiến*

Môi trường bao gồm môi trường tự nhiên và môi trường xã hội có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến cuộc sống con người. Nó được tạo lập xung quanh con người, chi phối đời sống con người, bảo đảm sự tồn tại và phát triển của con người.

Trong mối quan hệ với môi trường tự nhiên và môi trường xã hội, con người luôn tạo ra những tác động tích cực và tiêu cực. Mối quan hệ giữa con người – môi trường được xem là mối quan hệ tự nhiên – xã hội trong sự phát triển bền vững ở nước ta. Đó là phát triển trong mức độ duy trì chất lượng môi trường, giữ cân bằng giữa môi trường và sự phát triển.

Phật giáo là một tôn giáo đã đem đến cho nhân loại những phương pháp sống đẹp, sống thiện, sống chân và sống hướng thượng. Một trong những phương diện trong kho tàng giáo pháp đồ sộ mà Đức Phật đã giảng thuyết là những lời dạy về cách sống có ý nghĩa trên cõi đời này tôn trọng và sống hòa đồng với thế giới tự nhiên. Phật giáo đưa ra những quan niệm về cuộc sống của con người, trong đó có mối quan hệ giữa con người (xã hội) với thế giới tự nhiên.

1. DẪN NHẬP

Khi nói tới môi trường, người ta thường nghĩ ngay tới mối quan hệ của những yếu tố xung quanh tác động tới đời sống của sinh vật và con người và ngược lại mà trong đó chủ yếu vẫn là con người. Như vậy, môi trường là khoảng không gian nhất định có chứa các yếu tố khác

* Tiến sĩ, Giảng viên, Trường ĐH Kinh tế Công nghiệp Long An, Việt Nam.

nhau, tác động qua lại với nhau để cùng tồn tại và phát triển.

Vạn vật, theo Đức Phật, đều do tứ đại (đất, nước, gió, lửa) và Duyên khởi mà sinh ra và tồn tại bình đẳng. Từ quan niệm về mối quan hệ này mà Đức Phật khuyên con người đối xử với vạn vật, cây cỏ, loài thai sinh và noãn sinh bình đẳng như con người đối với con người. Cho đến nay, tư tưởng này vẫn có giá trị nhất định trong việc bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo tồn sự đa dạng sinh học, đảm bảo sự cân bằng sinh thái.

Tóm lại, học thuyết và giáo lý của Đức Phật tạo ra một lối sống thân thiện với môi trường, có tác dụng rất tích cực hiện nay. Ngày nay, khi nghiên cứu về khủng hoảng môi trường thế giới do khai thác tài nguyên quá mức và kinh tế bấp bênh, người ta lại tìm thấy những điểm hợp lý, có giá trị tích cực từ kinh điển và lối sống Phật giáo.

2. NHỮNG MỐI QUAN HỆ THEO TƯ TƯỞNG PHẬT GIÁO

2.1. Mối quan hệ giữa con người với thế giới tự nhiên

Theo giáo lý Duyên Khởi (*paṭiccasamup-pāda*) của Phật giáo cho rằng bản chất của các hiện tượng đều có nhân duyên (các điều kiện) của nó. Mối quan hệ giữa con người với tự nhiên tự nhiên tùy vào những điều kiện nhân duyên mà sinh khởi, tồn tại, biến hóa (vô thường) và tiêu diệt và không phụ thuộc vào ý thức con người.

Theo thuyết Duyên khởi, môi trường tự nhiên chính là nền tảng của mọi tồn tại theo quan điểm này. Sự sống và môi trường, xét về bản chất là hai hiện tượng khác biệt, nhưng không tách rời nhau trong ý nghĩa căn bản. Duyên Khởi cho rằng không có sự vật nào tồn tại và vận hành một cách độc lập, mà là mỗi một thực thể tồn tại vì sự tương quan mà nó có với những thực thể khác cùng tồn tại trong môi trường tự nhiên, hoặc những điều kiện liên quan đến các hình thức sinh diệt khác nhau trong môi trường tự nhiên. Như vậy, thuyết Duyên khởi của Phật giáo đã đem lại những chân giá trị đối với môi trường tự nhiên. Bên cạnh thuyết Duyên khởi, giáo lý căn bản Phật giáo cũng quan trọng trong việc bảo vệ môi trường, bởi vì, theo như trích dẫn của Singh (2002) từ nguồn kinh văn Pali có đoạn sau:

Imasmim sati idaṃ hoti, Imassa-uppāda idaṃ upajjati, Imasmim asiti-idaṃ na hoti-Imassa nirodha idaṃ nirujjhati.

Do cái này sinh nên cái kia sinh, do cái này diệt nên cái kia diệt; do cái này không nên cái kia không và do cái này có nên cái kia có.

Theo như đoạn kinh văn này thì vạn vật trên thế gian này đều được xây dựng trong mối quan hệ tồn tại phụ thuộc lẫn nhau và ý thức bảo vệ môi trường của Phật giáo ngay khi Đức Phật giác ngộ về Duyên Khởi. Hơn nữa theo tạng Luật (*Vinaya Piṭaka*), Đức Phật cũng cho rằng: *chư tăng trồng cây ăn quả; cây có hoa; cây có lá vì Tam bảo thì chỉ có phước mà không có tội.*

Mối quan hệ giữa con người với tự nhiên tự nhiên theo quan điểm Phật giáo là một lối sống chú trọng nhiều về môi trường và bảo vệ môi trường. Đức Phật với tuệ giác đã đưa ra đầy đủ những quan điểm, nhận xét về môi trường tự nhiên gần 2.600 năm trước đây. Đức Phật và Tăng đoàn từ thời Phật tại thế sống một cách chan hòa, tôn trọng lẫn nhau, yêu thương mọi chúng sinh để gìn giữ và bảo vệ sự cân bằng môi trường tự nhiên, điều mà, thế giới chỉ mới báo động vài chục năm gần đây. Tư tưởng về lòng thương xót từ bi và bất bạo lực qua cách hành xử của Đức Phật và Tăng đoàn ngày xưa được coi như sự đóng góp quan trọng để tìm ra một quan điểm sống trong một thế giới mà môi trường luôn là mối quan tâm của nhân loại hiện nay. Thuyết Duyên khởi của Đức Phật bao hàm đầy đủ khái niệm về sự luân chuyển không ngừng nghỉ của vũ trụ và chúng ta cũng là những thực thể của vũ trụ cũng đang luân chuyển theo mối quan hệ này. Cho nên, nếu chính chúng ta tổn thương đến những chúng sinh khác trong vũ trụ hay môi trường tự nhiên này sinh có nghĩa là chính chúng ta tự làm tổn thương cho chính chúng ta. Hơn nữa, Đức Phật đã sớm nhận ra nguyên nhân của đau khổ từ môi trường tự nhiên gây ra cho con người đều do chính con người tạo ra, chứ không phải là sự trừng phạt của thần thánh thần thánh. Do đó, bảo vệ động vật, phóng sinh, để xướng ăn chay, không sát sinh tất cả việc làm ấy cũng đều là công việc quan trọng bảo vệ môi trường thân tâm, vì vậy, Phật giáo có thể nói là tư tưởng hoạt động bảo vệ môi trường.

Sự hiểu biết về môi trường của Đức Phật thực sự vô cùng phong phú, chẳng hạn như, cứ mỗi mùa an cư kiết hạ, Ngài yêu cầu tăng đoàn tìm chỗ an cư thích hợp để tránh việc vô tình giết hại chúng sinh và đưa ra một số điều luật khuyên họ không nên làm hại đến cây cỏ, và làm dơ bẩn nguồn nước. Chúng ta nên nhớ rằng, vào thời

Đức Phật tại thế, đất đai mênh mông và cây cỏ trù phú nhưng Ngài vẫn chú trọng đến việc phát triển và gieo thêm những duyên lành để cây cỏ, hoa lá trong môi trường tự nhiên sinh sôi nảy nở để an toàn cho sự sống của chúng sinh sau này.

Tóm lại, chúng ta luôn phải gánh chịu những hậu quả nặng nề do thiên tai gây ra và do môi trường bị tàn phá qua nhiều thập kỷ gần đây. Các hoạt động sản xuất và khai thác sản vật từ môi trường làm cho nó ngày càng ô nhiễm nghiêm trọng hơn do sự thiếu ý thức tôn trọng môi trường tự nhiên. Do đó, con người nhất là hàng Phật tử nên sống hài hòa với thiên nhiên bằng trí huệ và từ tâm, không vì làm lợi mình hại người, đến các chúng sinh khác, không phá hủy môi trường tự nhiên để có thể tiếp tục được hưởng của cải thiên nhiên.

2.2. Mối quan hệ giữa con người với xã hội

Như đã nói phần trên, vào thời Phật tại thế, đất đai mênh mông và cây cỏ trù phú nhưng Ngài và tăng đoàn chú trọng đến việc phát triển và gieo thêm những duyên lành để cây cỏ, hoa lá trong môi trường tự nhiên sinh sôi nảy nở. Bởi vì, theo quan niệm của Phật giáo *Theravāda*, cây cối trong phạm vi chùa chiền và tịnh xá là nơi cư ngụ của chư thiên và vong linh của người chưa siêu thoát như trong kinh Thỉnh Chư Thiên (*Devāradhanā*):

Sagge kāme ca rū pe girisikharatate cantalikkhe vimāne

Dīpe raṭṭthe ca gāme taruvanagahane gehavatthumhi khetṭe

Bhummā cāyantu devā jalathalavisame yakkhagan-dhabbanāgā

Tiṭṭhantā santike yaṃ munivaravacanāṃ sādḥavo me suṇantu.

Xin thỉnh Chư Thiên ngự trên cõi trời Dục giới cùng Sắc giới, Chư Thiên ngự trên đỉnh núi, núi không liền, hoặc nơi hư không;

ngự nơi cồn bãi đất liền hoặc các châu quận, ngự trên cây cối rừng rậm hoặc ruộng vườn, Chư Dạ xoa, Càn Thác Bà cùng Long vương dưới nước trên bờ hoặc nơi không bằng phẳng gần đây, xin thỉnh hội họp lại đây.

Lời nào là lời kim ngôn cao thượng của Đức Thích Ca Mâu Ni mà chúng con tụng đây, xin các bậc Hiền Triết nên nghe lời ấy.

Chư Thiên cư ngụ trên các tán cây, hằng ngày nghe kinh và

hưởng phúc từ việc cúng dường chư tăng của cư sĩ, cho nên nên Phật tử của Phật giáo Theravāda đến chùa chủ yếu để nghe chư tăng giảng pháp, chiêm bái Đức Phật và tu thiền chứ không xin lộc bằng cách bẻ một cành cây, hoa, lá. Điều này khác với thói quen hái lộc đầu năm để lấy may mắn tại phần lớn các ngôi chùa không thuộc hệ phái Theravāda. Thói quen này góp phần vào việc tàn phá môi trường tự nhiên cũng như hình thành tâm Tham Sân Si; ngược lại với giáo lý của Đức Thế Tôn về tu tập Giới - Định - Huệ để trấn áp tâm Tham - Sân - Si đem tình thương đến tất cả chúng sinh.

Tất cả chúng sinh chính là môi trường xã hội, là tổng thể các quan hệ giữa tất cả các chúng sinh với nhau trong đó có quan hệ giữa con người với con người. Môi trường xã hội là môi trường mà con người là nhân tố trung tâm, tham gia và chi phối môi trường. Con người tồn tại trong môi trường xã hội và chịu sự tác động qua lại của chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục, thể thao, lịch sử... Môi trường xã hội là cả một hệ thống với các quan hệ xã hội, các thể chế xã hội, ý thức xã hội, văn hóa và gia đình tồn tại xung quanh con người với các quá trình hoạt động ứng xử của con người. Từ học thuyết Duyên khởi có thể thấy mọi cá nhân trong xã hội đều không thể tồn tại độc lập mà là tồn tại trong những mối quan hệ với định danh là môi trường xã hội. Nhưng điều quan trọng bậc nhất trong Duyên khởi là nói lên sự tồn tại trong mối liên hệ phụ thuộc giữa con người với xã hội và cũng như với tự nhiên. Bởi vì, tất cả đều từ thuyết Duyên khởi, Duyên khởi vừa là điểm bắt đầu nhưng cũng là điểm cuối cùng của hành trình của ứng xử. Ứng xử không tốt người khác chính là làm tổn hại chính bản thân mình và nhân loại; ứng xử với thiên nhiên tàn nhẫn chính là phá hoại sự tồn tại của bản thân nhân loại. Như vậy từ mối quan hệ con người với tự nhiên, với xã hội theo Phật giáo, tư tưởng khoan dung của Phật được ghi lại trong một số kinh điển và các thuật ngữ như “từ bi” (Karuna), “bát ái” (Metta) và “bố thí” (Dana) có nội dung hoàn toàn tương ứng với khái niệm mọi chúng sinh đều bình đẳng, mọi kiếp sống trong thế giới này đều trở nên bình đẳng với nhau theo quy luật của nghiệp (karma), bất luận bạn thuộc vào giai tầng xã hội nào thì tâm hoạt động của nghiệp vẫn ảnh hưởng như nhau. Như vậy, tất cả mọi người đều bình đẳng trước quy luật đạo đức, một quy luật đạo đức mà đức Phật nhận ra chứ không phải là một định mệnh. Tất cả

những điều trên đây nhằm giáo dục cho con người biết yêu thương, tôn trọng và bảo vệ tất cả chúng sinh (môi trường xã hội và môi trường tự nhiên) và những gì con người được ban tặng. Phật giáo luôn nói đến nghiệp báo đang chờ đợi những ai không tôn trọng sự sống của chúng sinh và của chính mình.

2.3. Mối quan hệ giữa môi trường tự nhiên và xã hội theo Phật giáo

Như trên đã phân tích, Phật giáo là một tôn giáo đặc biệt quan tâm đến các vấn đề về môi trường tự nhiên và xã hội. Theo Phật giáo, mối quan hệ giữa môi trường tự nhiên và xã hội là hệ thống các quan niệm và nhận thức được hình thành trên cơ sở giác ngộ về những chân lý của Phật giáo về thuyết Duyên Khởi và sự tồn tại bình đẳng để từ đó định ra các nguyên tắc ứng xử, các chuẩn mực về hành vi trong lối sống hài hòa, cân bằng giữa con người với con người và giữa con người với tự nhiên.

Thân thiện với môi trường tự nhiên và đề cao nghệ thuật ứng xử tốt với môi trường xã hội. Vì Phật giáo cho rằng chúng sinh là một hệ sinh thái đa dạng, vừa mang tính độc lập, cá biệt và vừa phụ thuộc lẫn nhau. Giới luật Phật giáo phải sống thân thiện với môi trường, phải đặt cuộc sống của “cái tôi” (ego) nằm trong mối liên hệ với những “cái tôi” khác, phải lấy đức hiếu sinh thay cho tính hiếu sát, hủy diệt môi trường từ những lý do này. Đức Phật dạy các tín đồ cần khơi dậy Phật tính, xa lìa Tham Sân Si. Nếu loại bỏ được Tham Sân Si thì chúng ta sẽ dễ dàng nhận thấy đời người là vô thường. Phật tính chính là tính thiện lương hay lòng trắc ẩn, thái độ khoan dung vốn có của con người bởi vì Phật tính chính là sợi dây gắn kết cuộc sống giữa con người với con người (môi trường xã hội) và giữa con người với thế giới chung quanh (môi trường tự nhiên).

Tuy nhiên, môi trường xã hội và môi trường tự nhiên sẽ cùng biến đổi theo thời gian và không thường hằng. Thí dụ như, trong thi đấu thể thao, luật thi đấu sẽ tạo ra phong cách thi đấu. Cũng như vậy, Phật giáo tin rằng khi con người nhận ra cuộc sống không thường hằng sẽ giúp người đó thay đổi mục tiêu và lối sống theo tiêu chuẩn đạo đức trong cuộc sống. Như vậy, những nguyên tắc và chuẩn mực đạo đức trước đây sẽ thay thế bởi các nguyên tắc và tiêu chuẩn đạo đức mới phát sinh.

Tóm lại, Phật giáo là con đường dẫn tới sự hoàn hảo về nghệ

thuật ứng xử nhằm thay đổi hành vi của một người bằng cách sự chuyển hóa nhận thức. Chuyển hóa nhận thức xấu xa của sự sinh tồn bằng việc gây đau khổ cho tha nhân thành nhận thức đem lại lợi ích cho nhân sinh. Giáo pháp của Phật giáo cổ vũ một ý tưởng về sự hoàn hảo của nghệ thuật ứng xử với bản tính (sabhāva) là mục tiêu tối hậu nhằm dọn sạch những gốc rễ tâm lý độc hại Tham Sân Si. Chính vì Tham Sân Si mà con người bị thúc đẩy vào trầm luân khổ ải bằng những hành động phi đạo đức như hủy hoại sự sống, gây hại hoặc làm tổn thương cho chúng sinh khác.

3. KẾT LUẬN

Phật giáo là một trong những tôn giáo lớn vào bậc nhất trên thế giới để lại những di sản tư tưởng có ý nghĩa vô cùng lớn lao trong đó có tư tưởng về thuật ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội. Nghệ thuật ứng xử dựa trên các học thuyết triết học căn bản của Phật giáo là thuyết Duyên Khởi, thuyết Nhân Quả... với các nguyên tắc căn bản như: thực hiện lối sống thân thiện với môi trường và đề cao đức hiếu sinh.

Phật giáo nhìn nhận mọi chúng sinh thuộc tứ sinh đạo (thai sinh, noãn sinh, hóa sinh và thấp sinh) đều có Phật tính theo thuyết Duyên Khởi. Con người (thai sinh) hình thành từ tứ đại gồm các yếu tố tự nhiên, là sự kết hợp của các yếu tố vật chất (lửa, đất, nước, khí). Con người cũng chỉ là một sinh vật trong giới tự nhiên theo thuyết Duyên khởi nên giữa con người và tự nhiên có sự tương hỗ lẫn nhau. Cho nên, mối quan hệ giữa con người với môi trường tự nhiên là mối quan hệ bình đẳng và là quan niệm đầy tính nhân văn, sâu sắc của Phật giáo. Chính từ quan niệm này, Phật giáo đưa ra tư tưởng khuyên con người đối xử với vạn vật, cây cỏ, với giới vô sinh trong tứ sinh đạo như con người đối với con người.

Tư tưởng này rất có ý nghĩa đối với việc bảo vệ sinh thái cho môi trường tự nhiên cũng như đạo đức cho môi trường xã hội và đáp ứng yêu cầu xây dựng ý thức tự giác về bảo vệ môi trường tự nhiên và xã hội. Bên cạnh đó, một trong những nguyên nhân dẫn đến sự ô nhiễm môi trường, cạn kiệt tài nguyên và giảm đa dạng sinh học là lối sống hưởng thụ ngày càng cao của con người mà không tôn trọng chúng theo giáo lý không sát sinh của Đức Phật. Giáo lý không sát sinh của Đức Phật, xét về góc độ đạo đức môi

trường, có ý nghĩa rất lớn đối với việc bảo vệ môi trường tự nhiên và môi trường xã hội hiện nay.

Tóm lại, Đức Phật cho rằng, mọi hành vi của con người đều xuất phát từ nhận thức. Con người sát hại sinh vật là do vô minh mà ra, do vô minh, không có sự hiểu biết đúng đắn về Duyên Khởi, Nhân Quả từ đó dẫn đến những hành vi sai lầm. Bảo vệ môi trường tự nhiên (yêu thiên nhiên) và lối sống không sát sinh, hướng thiện, đây là cái thiện, cái từ bi mà Phật giáo hướng tới. Hơn nữa, Phật giáo còn chỉ ra phương pháp để con người vừa bảo vệ môi trường vừa đảm bảo cuộc sống theo tinh thần lấy phần hoa của con ong. Nó chỉ lấy phần hoa mà không làm bông hoa giảm bớt hương thơm xấu và vẻ đẹp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Singh, I. N. (2002), *Philosophy of Universal Flux in Theravada Buddhism*, Vidyavidhu Prakashan, Delhi, p. 84.

Vinaya Piṭaka, <http://www.palikanon.org/> và <https://thuvien-hoasen.org/images/file/w-3Ahp1G0QgQACEA/tam-tang-kinh-dien-nguyen-thuy-binh-an-son.pdf>

TRIẾT LÝ NHÂN SINH CỦA PHẬT GIÁO VỚI VẤN ĐỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Bùi Thị Tĩnh*

TÓM TẮT

Vấn nạn về môi trường đã và đang ảnh hưởng tiêu cực đến sự sống, sự tồn vong của toàn nhân loại. Ở nước ta, hiện tượng bão lũ, động đất, lũ quét, v.v... đã gây hậu quả khôn lường, cướp đi bao sinh mạng con người, chưa kể tài sản, vật chất. Nguyên nhân của tình trạng đó, chủ yếu do con người khai thác kiệt quệ tài nguyên thiên nhiên để thỏa mãn nhu cầu vật chất của mình. Do đó, con người đang phải gánh chịu sự “trả thù” của tự nhiên (Ph.Ăngghen). Bởi vậy, không phải ngẫu nhiên, trong 28 rủi ro toàn cầu hiện nay, thảm họa môi trường do con người gây ra được xếp thứ nhất.

Là một tôn giáo ra đời vào thế kỷ VI trước CN, với triết lý gần gũi và thiết thực, Phật giáo đã ảnh hưởng đến nhiều quốc gia. Tuy không phải là nội dung chính yếu, nhưng tư tưởng về sự sống, lối sống của Phật giáo là những chỉ giáo quan trọng, giúp con người nhận thức, hành động để bảo vệ sự sống, bảo vệ môi trường.

Triết lý về duyên khởi, nhân quả, về nguồn gốc của sự sống, con người, về sự bình đẳng trong sinh tồn của con người, vạn vật là triết lý nền tảng cho mối quan hệ biện chứng không thể tách rời giữa môi trường tự nhiên với con người.

Lối sống vô lượng tâm, “từ bi” với mọi chúng sinh, “ngũ giới”, thập thiện, loại bỏ tam độc, “thiếu dục tri túc”, đức hiếu sinh của

* PGS.TS., Phó Trưởng Phòng Quản Lý Khoa Học, Học viện Chính trị Công An Nhân Dân.

Phật giáo, v.v... là những yêu cầu hết sức cơ bản, thể hiện sự tôn trọng, bảo vệ chúng sinh, góp phần trực tiếp bảo vệ môi trường.

Nhằm giải quyết tận gốc vấn đề để không phải gánh chịu hậu quả do chính mình gây ra, Phật giáo cho rằng, con người cần khai thông trí tuệ, khắc phục vô minh, thẩm nhuần bát chính đạo.

Triết lý nhân sinh sâu sắc của Phật giáo cho thấy, cần nhận thức lại vấn đề mối quan hệ giữa con người với môi trường, từ đó truyền những giá trị tích cực trong triết lý của Phật giáo về bảo vệ vạn vật, chúng sinh, vì sự phát triển bền vững, vì con người. Thông điệp ý nghĩa mà Phật giáo gửi đến chúng ta là: *hãy cứu lấy môi trường, bởi đó là sự sống của chính chúng ta.*

Hiện nay, vấn nạn về môi trường đã và đang ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe của con người, sự sống và sự tồn vong của toàn nhân loại. Hằng năm, những hiện tượng bão lũ, sóng thần, động đất đã gây hậu quả khôn lường, cướp đi bao sinh mạng con người, chưa kể tài sản, vật chất. Nguyên nhân của tình trạng đó, chủ yếu là do con người quá mãi mê chinh phục, khai thác kiệt quệ tài nguyên thiên nhiên để thỏa mãn nhu cầu vật chất của mình. Vì thế, hiện nay con người đang phải gánh chịu sự “trả thù” của tự nhiên (Ph.Ăngghen). Bởi vậy, không phải ngẫu nhiên, trong 28 rủi ro toàn cầu hiện nay, thảm họa môi trường do con người gây ra được xếp thứ nhất. **Đó cũng là một trong các vấn đề** an ninh phi truyền thống mà các quốc gia hiện nay hết sức quan tâm.

Phật giáo là một tôn giáo ra đời vào thế kỷ VI trước CN. Với triết lý sâu sắc, gần gũi, thiết thực, Phật giáo đã ảnh hưởng tới đời sống xã hội của nhiều quốc gia. Tuy không phải nhằm mục đích trực tiếp, chính yếu, nhưng những tư tưởng về sự sống, về môi trường về lối sống của Phật giáo là những chỉ giáo quan trọng, giúp con người nhận thức, hành động để bảo vệ sự sống, bảo vệ môi trường, trong đó có con người.

Là một tôn giáo chứa đựng nhân sinh quan sâu sắc, mặc dù đã trải qua hàng nghìn năm với nhiều sự biến đổi, thăng trầm của đời sống, song triết lý nhân sinh của Phật giáo vẫn giữ nguyên giá trị. Phải chăng, sức sống lâu bền của tư tưởng Phật giáo là xuất phát từ khát vọng hết sức cao đẹp là giải thoát nỗi khổ đau và mang lại hạnh phúc cho nhân sinh. Với khát vọng ấy, Phật giáo đưa ra những quan niệm

hết sức nhân văn. Mọi quan niệm, cách nghĩ của Phật tử không có gì khác, đều nhằm tìm mọi cách hướng đến đích cuối cùng là giải thoát cho con người. Vì vậy, Phật giáo có quan niệm tiến bộ, thức thời. Cái gì mang lại hạnh phúc cho chúng sinh thì khuyến khích, cái gì không có lợi cho nhân quần đều phải được diệt bỏ một cách triệt để. Với phương châm từ bi, bất sát, ngày từ rất sớm, Phật giáo đã có những quan niệm tích cực, khuyên con người hãy sống từ, bi, hỉ xả, yêu thương muôn loài chúng sinh, bởi con người và vạn vật trong thế giới này là Một. Cuộc sống của muôn kiếp nhân sinh đều trải qua bốn giai đoạn, tuân theo duyên khởi, nghiệp và nhân quả. Con người lương thiện, chân chính phải hiểu tứ diệu đế và thực hành cho được bát chính đạo, ngũ giới, thập thiện, tứ vô lượng tâm, v.v. Tất cả những điều này đều chung quy ở một điểm: hướng thiện, khuyên con người làm điều lành tránh điều ác. Song điểm khác biệt cơ bản của Phật giáo với các lý thuyết khác là, không chỉ mang điểm lành cho con người mà còn cho tất cả chúng sinh, vạn vật xung quanh ta, bởi ngoài con người, thế giới tự nhiên còn là môi trường cho chúng ta tồn tại. Bảo vệ thế giới, sinh vật xung quanh chúng ta không chỉ với tư cách mọi sự sống phải được bình đẳng, được tôn trọng mà chính là bảo vệ cuộc sống của chính con người. Ngày nay, triết lý đó càng có giá trị khi con người đã vô tình (do vô minh) hoặc cố ý (do lòng tham của cải vật chất) mà gây tổn thương cho vạn vật, làm tổn hại, ô nhiễm cho chính môi trường mà chúng ta đang sống trong nó. Đó là sai lầm mà con người đã, đang và sẽ phải trả giá rất đắt. Giác ngộ được điều đó, sẽ chưa bao giờ là muộn nếu chúng ta tìm những hạt ngọc quý, những tư tưởng nhân văn trong Phật giáo để phổ biến, khuyến cáo mọi người làm theo sẽ mang lại lợi lạc cho nhân quần, chúng sinh. Với tinh thần đó, bài viết tìm hiểu những giá trị trong tư tưởng Phật giáo có ý nghĩa bảo vệ chúng sinh - môi trường sống của chính chúng ta.

Như chúng ta biết, ở thời kỳ đầu, thế giới còn hoang sơ, con người còn khờ dại, khoa học kỹ thuật chưa phát triển nên chưa “chinh phục thiên nhiên” hay “cải tạo thiên nhiên” như hiện nay, do đó, con người với thiên nhiên vẫn sống hài hòa, êm ái. Vậy do đâu mà môi trường sống trở nên ô nhiễm và gây tác hại trở lại với chính đời sống của con người. Xét đến cùng, mọi vấn đề đều có nguyên nhân của nó, vạn vật đều có mối liên hệ và được tạo nên từ “duyên khởi”.

Theo thuyết *Duyên khởi* của Phật giáo, thế giới là một chỉnh

thể thống nhất chặt chẽ bởi các mối quan hệ ràng buộc khăng khít không thể tách rời, cái này là duyên để cái kia tồn tại, sự vật này là điều kiện, tiền đề tồn tại của sự vật kia. Vạn vật trong thế giới tồn tại đa dạng, phong phú, liên hệ mật thiết với nhau. Do đó, nếu cái này mất đi sẽ kéo theo sự mất đi của cái kia, hoặc gây ra sự biến đổi của cái khác. Điều đó chứng tỏ, mối quan hệ giữa con người với thiên nhiên, môi trường là gắn bó hữu cơ, bền chặt, có tính cộng sinh, ràng buộc, phụ thuộc vào nhau, cùng tồn tại và phát triển. Nếu thiên nhiên, môi trường bị tàn phá thì hiển nhiên sẽ ảnh hưởng đến bên còn lại, đó là con người. Bởi vậy, con người không thể tồn tại nếu tách mình ra khỏi tự nhiên hoặc đứng cao hơn thế giới tự nhiên. Con người với vạn vật là nhất thể. Nói như C. Mác: Giới tự nhiên chính là thân thể vô cơ của con người (Bản thảo kinh tế - Triết học, 1844). Sự tồn tại của loài người cho đến ngày nay đã chứng minh điều đó. Con người ăn thức ăn từ tự nhiên, uống nước từ tự nhiên, hít thở không khí của tự nhiên, v.v. Mọi nhu cầu của con người được khai thác từ tự nhiên, nhờ vào tự nhiên mà tồn tại. Nói cách khác, thiên nhiên đã ban tặng cho con người tất cả và sự sống của con người là phụ thuộc vào tự nhiên. Tuy nhiên, do khoa học phát triển, con người đã rời xa tự nhiên vì đã vươn lên “chinh phục”, khám phá tự nhiên và hậu quả là, làm thay đổi, xáo trộn trật tự của tự nhiên, đánh mất đi sự hài hòa, cân bằng vốn có của nó. Nói cách khác, cái “duyên” vốn có giữa con người và tự nhiên không còn nữa.

Nguyên nhân của tình trạng nói trên là do con người. Con người đã chà đạp lên tự nhiên, khai thác tài nguyên thiên nhiên một cách thái quá, đồng thời thải ra môi trường những chất độc hại. Cuối cùng, chính con người lại phải gánh chịu hậu quả do mình gây ra, đó là sống trong một môi trường mà các thành tố: đất, nước, không khí, v.v... đều bị ô nhiễm trầm trọng. Sự gia tăng hiệu ứng nhà kính, mưa axit, biến đổi khí hậu... đều là những hậu quả do con người vươn lên “chinh phục tự nhiên”. Những biến đổi đó đang đe dọa nghiêm trọng tới sức khỏe và sự an toàn, bền vững của cả nhân loại.

Như vậy, đã đến lúc con người cần phải thay đổi, nhận thức lại mối quan hệ giữa con người và tự nhiên, bởi con người với giới tự nhiên là một, là nguyên nhân tồn tại của nhau. Theo Phật giáo, khi hiểu về nhân, duyên thì chúng ta không còn tham đắm và chấp trước một vật gì trên thế gian này nữa thì tâm hồn chúng ta sẽ thanh thản,

an lạc và vô sự. Song những gì bất lợi đang diễn ra hôm nay với môi trường, rất đáng tiếc là do con người chưa nhận thức được bản chất của duyên khởi: “Này Ananda, đừng nói thế, đừng nói thế. Giáo lý duyên khởi này sâu xa và có vẻ sâu xa hơn. Chính vì không hiểu rõ, không thâm nhập giáo lý này, mà nhân loại trở nên như cuộn chỉ rối rắm, như ổ kiến rối, như cỏ babaja, không thể thoát ly khỏi khổ xứ, ác thú, địa ngục và sinh tử” [1]. Lời chỉ giáo này đòi hỏi con người phải thật bình tĩnh và lùi lại để nhìn lại chính mình. Cho dù có thể là chủ thể nhận thức, cải tạo thế giới nhưng con người cần nhận thức đúng quy luật của tự nhiên, làm đúng và thuận theo tự nhiên; không nên và không được cải biến thế giới theo mục đích của cá nhân mình mà ảnh hưởng tiêu cực đến thế giới xung quanh. Trên hết, con người phải biết quý trọng, bảo vệ tự nhiên, vun đắp cho tự nhiên thì con người mới có môi trường để tồn tại lâu dài, bền vững. Đó là ý nghĩa giáo dục sâu xa mà Phật giáo cảnh tỉnh cho nhân loại.

Để khai thông trí tuệ, nâng cao nhận thức con người về thế giới xung quanh, khắc phục những hành động trái với quy luật của tự nhiên, hạn chế những điều lầm lỗi mà con người đã tác động vào môi trường, Phật giáo khuyên con người cần tu tập theo *Tam học*: Giới, Định, Tuệ.

Trước hết, con người cần phải có *trí tuệ* để mở mang tâm trí, hiểu rõ mọi sự vật, hiện tượng, thấu hiểu tường tận về bản chất của sự vật, của thế giới; từ đó khắc phục vô minh, hành động sáng suốt và hạn chế những sai lầm. Để làm được điều đó, con người phải rèn luyện Bát chính đạo. Nếu con người hiểu biết đúng đắn, suy nghĩ đúng đắn (chính kiến và chính tư duy) về mối quan hệ giữa con người và tự nhiên là mối quan hệ tương hỗ, cùng nhau phát triển thì con người sẽ không khai thác và tàn phá thiên nhiên. Việc nhận thức và hành động không đúng theo quy luật của giới tự nhiên đã đưa đến hậu quả nghiêm trọng là môi trường ô nhiễm, gây bất an cho cuộc sống của con người. Bởi vậy, dù là muợn, nhưng con người cũng cần thay đổi ngay quan niệm của mình để không phải gánh chịu sự “nổi giận” của tự nhiên. Cùng với việc khai thông trí tuệ, con người hãy bớt lòng tham, bỏ đi “cái tôi” đầy ham muốn, sống an yên, ổn định, “*thiểu dục tri túc*”, thì con người sẽ cân bằng được với tự nhiên. Phật giáo cho rằng, thế giới chúng ta đang sống là thế giới duyên hợp, nó chẳng có cái gì là thật, nhưng chúng ta không

hiểu biết rõ ràng, nên thường chấp chặt, cho nó là thật ngã, vật nào cũng có thật. Từ sự nhận thức đó, con người đã đem hết sức lực của mình để làm cho nhiều cửa cái và tài sản bằng mồ hôi, nước mắt của mình, nhưng lại đẩy ải thân tâm chúng ta quá nhiều khổ nhọc. Vì thế: “Thế giới con người đang thấy và biết là thế giới chấp thủ của điên đảo tâm, điên đảo tưởng, điên đảo tình và điên đảo kiến phát sinh do vô minh” [2]. Như vậy, xét đến cùng, nguyên nhân của mọi nguyên nhân là do vô minh và tất cả do lòng tham của con người chi phối. Từ lòng tham (trong Tam độc: tham, sân, si) đã làm con người mê muội, chấp trước, sẵn sàng làm tất cả để có của cải vật chất thỏa mãn nhu cầu của mình. Con người đã lầm tưởng và đắc thắng rằng, con người đã chế ngự được tự nhiên, bắt thiên nhiên phải phục tùng cho những tham muốn của mình. Khi lòng tham thống trị sẽ để lại hậu quả khôn lường. Vì vậy, để hạn chế lòng tham, thì “thiểu dục tri túc” là biện pháp hữu hiệu. Trong Khế kinh có nói: “Tri túc chi nhân, tuy ngộ địa thượng du vi an lạc, bất tri túc chi nhân, tuy xử thiên đường diệc bất xứng ý” [3]. Điều đó có nghĩa là, người biết đủ, dù nằm trên đất cát vẫn an lạc, trái lại, người không biết đủ dù ở cung trời cũng không vừa ý. Như vậy, “Thiểu dục tri túc” dạy con người ta nên biết đủ bởi nhu cầu của con người là vô cùng, do đó cần hiểu và quý trọng những gì mình đang có, sống nương tựa, tiết dục và hài hòa với tự nhiên. Không nên vì lòng tham vô độ mà làm tổn hại đến muôn loài chúng sinh, phá vỡ sự cân bằng vốn có của tự nhiên. Đó là điều khuyến cáo quý giá cho con người trong thời đại ngày nay. Khi con người hiểu biết và quý trọng, yêu thương môi sinh thì con người sẽ biết nâng niu, gìn giữ tự nhiên, bởi “tri kiến ở đâu thì giới luật ở đó, giới luật ở đâu thì tri kiến ở đó” [4]. Nhận thức được điều này, con người sẽ không khai thác tự nhiên một cách thái quá, không làm tổn hại đến môi trường, và nếu có khai thác thì cũng cần khai thác một cách khoa học, hợp lý, vừa khai thác, vừa tái tạo, bảo vệ để môi trường tồn tại bền vững và phát triển. Song để làm được điều đó, triệt để diệt dục, Phật giáo khuyên Phật tử và con người cần *trì giới*.

Với bản chất nhân văn, hướng thiện, Phật giáo lấy việc tuân theo giới luật làm nguyên tắc để trau dồi đạo đức, hoàn thiện nhân cách. Mặt khác, trì giới giúp con người tăng trưởng định lực và phát huy trí tuệ. Theo Phật giáo, Phật tử tại gia phải giữ 5 giới căn bản: không

sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối và không sử dụng chất gây nghiện. Người xuất gia gìn giữ nhiều hơn nhưng cũng không ngoài giới luật căn bản và tinh tể.

Không sát sinh, nghĩa là Phật tử tôn trọng sự sống của chúng sinh, đồng thời bảo vệ và giúp đỡ muôn loài sinh vật cùng tồn tại, tạo sự cân bằng sinh thái và hòa bình của muôn loài. Hơn nữa, đối với môi trường sinh thái, không được khởi lòng tham mà vô tình hủy diệt các nguồn vật chất tự nhiên. Không ăn trộm hay lấy của người khác, người Phật tử không những không được lấy của người khác mà còn phải biết gìn giữ cho người khác, giúp người khác và muôn loài có được đời sống an lạc và sung túc. Đối với cây cỏ, thực vật phải biết tôn trọng, chăm sóc và gìn giữ, duy trì sức sống. Không nói dối, tức người Phật tử có lời nói đúng đắn và tôn trọng chân lí, không tà ngữ, vọng ngữ, nói điều sai lệch. Không được vì tham lam mà dối mình, bắt giết động vật để thỏa mãn miệng ăn; không chặt phá, khai thác cạn kiệt nguồn tài nguyên. Không tà dâm, tức mọi người phải gìn giữ hạnh phúc cho mình và cho người khác, tạo sự ổn định, tránh bất hòa trong xã hội. Không được sử dụng rượu, chất có cồn và gây nghiện, tức con người không sử dụng các loại rượu, bia vì rượu làm cho trí óc thiếu minh mẫn, dễ làm việc sai trái. Chất gây nghiện làm cho con người lú lẫn, thiếu sáng suốt, u mê ảnh hưởng sức khỏe và tinh thần của con người, gây mất trật tự an toàn xã hội. Có thể nói, trì giới giúp con người giữ được tâm an tịnh, không xao động trước ngoại vật và hành động sáng suốt.

Đồng thời với việc thực hiện trì giới, thiền định là điều bắt buộc để con người tu tâm. Từ tâm trong sáng, con người sẽ hành động đúng đắn, ngay thẳng. Vì vậy, không phải ngẫu nhiên, Phật giáo còn khuyên Phật tử, con người thực hành trì giới. Ngũ giới, thập thiện, tiết dục lòng tham là yếu tố đầu tiên quan trọng để con người bớt khổ. Song “định” - thiền định là hết sức quan trọng, bởi mọi hành động đều bị chi phối bởi cái tâm, ý niệm, suy nghĩ của mỗi người. Nếu tâm không tĩnh, dao động, nhiễm ô thì hành động không thể đúng đắn, lành mạnh. Do đó, trước khi hành động, con người phải thiền định để giữ cho tâm và đầu óc sáng suốt, tránh xa khỏi những điều nhiễm ô, gây hại cho xung quanh.

Theo Phật giáo, thực hành thiền định chính là phương tiện thanh lọc tâm hữu hiệu, bởi mọi hành động đều xuất phát từ tâm.

Nếu tâm không trong sáng, thậm chí ô nhiễm thì rất nguy hại, sẽ gây ra những hành động tiêu cực. Nếu không tu luyện, thiền định, lòng tham của con người sẽ luôn xao động, luôn bị sự cạnh tranh, ganh tị, ích kỷ chế ngự, cho nên con người sẵn sàng phát ngôn và hành động thô bạo chỉ để thỏa mãn lòng tham và sự hiếu thắng của mình. Nói cách khác, thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp bất thiện sẽ là nguyên nhân dẫn đến những hành động làm ô nhiễm cả môi trường tự nhiên lẫn môi trường xã hội. Thực tế cho thấy, hiện tượng thiên nhiên bị tàn phá, động vật bị săn bắn, gỗ quý bị khai thác, rừng bị chặt phá... là hậu quả của những suy nghĩ thiên cận, lệch lạc mà con người tự gây ra cho chính mình ngày hôm nay.

Để ngăn chặn vấn nạn này, không có cách nào khác, con người cần phải sớm tu tập thiền định, thanh lọc nhân tâm, hiểu được hậu quả của tham, sân, si để thân tâm an tịnh, không bị khuấy động, chao đảo. Khi đó, suy nghĩ, lời nói và hành động đều nhất quán, lương thiện góp phần tạo ra một môi trường trong lành, lợi lạc cho nhân quần, chúng sinh. Nếu để lối sống tham lam, ích kỷ ngự trị, vì lợi ích của cá nhân mà làm hại đến người khác và môi trường xung quanh thì sớm hay muộn, chính con người cũng phải trả giá đắt cho hành động của mình. Hạnh phúc chân chính chỉ có được khi con người có tâm thanh tịnh, qua thiền tập mà trút bỏ được dục vọng, nguồn gốc tham, sân, si và sẽ truyền đi một năng lượng trong sạch, an lành, góp phần giữ gìn và bảo vệ môi trường.

Với quan niệm nhất quán về vũ trụ, nhân sinh, cùng với thuyết duyên khởi, nhân quả, Phật giáo khuyên con người cần làm điều lành, điều thiện, tạo nghiệp thiện, tránh gây nghiệp ác, bởi gieo nhân nào sẽ gặt quả ấy. Những hành động của hiện tại sẽ có tác động trực tiếp đến cuộc sống, số phận của con người cả trong hiện tại và tương lai. Vì vậy, con người phải luôn thận trọng từ trong suy nghĩ tới hành động để tránh nghiệp ác.

Cùng với tu tập trì giới, để triệt để loại bỏ tham, sân, si, Phật giáo còn khuyên con người tu luyện *tâm từ bi*.

Triết lý sống vĩnh hằng trong mọi thời đại là con người luôn phải có tâm lương thiện, từ bi, yêu thương tất cả mọi người, chúng sinh mới mong có cuộc sống an lành, hạnh phúc. Nếu mỗi con người tốt thì sẽ có một xã hội tốt, thanh bình. Để làm được điều đó, Phật

giáo khuyên con người cần rèn luyện, tu tập tâm từ bi, yêu thương và hiểu biết lẫn nhau, yêu mọi người, yêu thương chúng sinh như yêu chính mình, ái nhân, hòa mục. Đối với động vật, chúng sinh, Phật tổ khuyên con người không nên sát sinh. Khi chứng kiến con người giết thú vật làm tế lễ, Đức Phật dạy rằng: “Dầu muôn loài có khác nhau, nhưng sự sống chỉ là một, sau khi giết chết chúng sinh, có người sẽ đầu thai làm thú vật, và có nhiều thú vật sẽ làm người. Người và vật lẫn lộn, lúc làm người, lúc làm vật, vì thế mà vẫn cùng một dây liên lạc như anh em. Không thể lấy máu của thú vật rửa tội cho mình. Xin các vị thần tha tội là một việc vô ích. Nếu các ngài đều thiện thì các Ngài sẽ không tha thứ cho một việc làm ác như thế. Nếu các người làm ác thì dầu có giết bao nhiêu thú vật đi nữa để cúng thì các người cũng không hết ác được” [5]. Với những trải nghiệm từ thực tế quan sát, Đức Phật dạy rằng: “Hận thù không bao giờ xóa bỏ được hận thù; chỉ có tình thương mới xóa bỏ được hận thù”, do đó hãy “*điều phục sân hận bằng tình thương*”, bởi “đĩ ân báo oán, oán tự tiêu tan”. Vì vậy, tâm Từ, Bi là một liều thuốc khắc phục tận gốc tâm sân, giận, thù oán... trong mỗi con người. Thực tế, nếu cứ để thù oán chất chồng, tiêu cực thì có thể sản sinh ra những độc tố phá hủy sức khỏe và tinh thần. Mặt khác, tâm Từ bi còn giúp chúng ta không chỉ tôn trọng con người, mà cả những loài động vật và thực vật (giới tự nhiên). Chính Đức Phật khuyên các đệ tử không được hái cây, bẻ cành, không được dẫm đạp lên cây cỏ. Hành động Đức Phật sau khi đắc đạo đã ngồi nhìn ngắm cây Bồ Đề suốt 1 tuần lễ để cảm ơn sự che chở của cây khi Ngài ngồi thiền định đã nói lên thái độ trân trọng tự nhiên của Ngài đến nhường nào.

Như vậy con người chỉ tìm thấy chính mình, là chính mình khi thực hành tâm từ bi. Nếu không có tâm từ bi, không thực hành tâm từ bi thì con người bị tham lam, ích kỉ dẫn dắt sẽ trở nên mê muội và không còn thấy sự sống tồn tại tương quan tương duyên, mà chỉ thấy cho riêng mình. Vì vậy, khơi dậy và tu tập lòng từ bi là yêu thương và độ lượng với chúng sinh. Bảo vệ đồng loại, chúng sinh là trách nhiệm của mỗi người để tạo môi trường sinh thái với không khí hòa bình, cộng sinh. Tu tâm từ bi sẽ giúp con người không những yêu quý và tôn trọng mọi người, mọi loài, cỏ cây, hoa lá, mà còn thương yêu, bao dung kể cả với những người yếu thế, bảo vệ muôn thú, chúng sinh để mọi loài sống hòa đồng, tạo nên môi trường sinh thái bền vững.

Có thể nói, triết lý nhân sinh hướng thiện, tránh mọi khổ đau cho con người được Phật giáo quán triệt sâu sắc. Không chỉ lòng từ bi, đức hiếu sinh, với mọi chúng sinh, Phật giáo còn muốn con người được thoát khổ, an lạc ở đời. Bất cứ cái gì gây hại cho con người, Phật đều khuyên răn bằng những giáo giới nghiêm ngặt. Để diệt tận gốc, nguyên nhân của mọi nguyên nhân gây ra nỗi khổ đau, để con người tránh đi những hiểm họa, Phật giáo đã khuyên con người tu luyện, thực hành *bát chính đạo*. Bởi có chính tư, chính kiến, chính nghiệp, chính định, chính mệnh, v.v... con người mới không vô minh và hành động sáng suốt, không giết sát động vật, không tàn sát tự nhiên, thậm chí bảo vệ sự sống của muôn loài như sự sống của chúng sinh, bởi “nước mắt chúng sinh nhiều hơn nước biển” [6].

Với mục đích mang lại an lạc và hạnh phúc đích thực cho con người và chúng sinh, Đức Phật đã đưa ra cho con những lời khuyên vô cùng quý giá, đó là những nguyên tắc đạo đức, chỉ ra những con đường chân chính mà Phật tử cũng như mọi người nên theo. Việc thực hiện chính mệnh là yêu cầu mọi người có trách nhiệm đối với việc làm của mình, bởi hành động của mình sẽ ảnh hưởng đến xã hội và tương lai. Nhận thức được quan điểm đó, con người sẽ có cái nhìn sáng suốt và hành động phù hợp, góp phần bảo vệ môi trường, vì sự phát triển hài hòa, bền vững.

Ngoài những giáo lý, điều luật khuyên con người bảo vệ chúng sinh - bảo vệ môi trường, để giảm thiểu tác hại đối với môi trường, hằng năm Phật giáo quy định những người xuất gia đi tu thường có ba tháng An cư kiết hạ để tập trung tu học giáo lý. Ba tháng này trùng vào mùa mưa của Ấn Độ thời đó. Mục đích của việc an cư kiết hạ là hạn chế đi lại để tránh vô tình sát hại những sinh vật nhỏ bé như sâu bọ, côn trùng, v.v... góp phần thực hiện lòng từ bi. Điều đó thể hiện trách nhiệm của con người với sứ mệnh bảo vệ sự sống, môi trường và tình yêu thương rộng lớn với chúng sinh của Phật giáo.

Có thể nói, tuy thời cổ đại, vấn đề môi trường ô nhiễm chưa trở thành vấn đề báo động; song với tầm nhìn xa, với lòng yêu mến, trân trọng sự sống, vì lẽ sinh tồn của nhân quần, chúng sinh, Phật giáo đã quan tâm đến mọi cá thể trong môi trường sinh thái, trong đó con người có vai trò đặc biệt quan trọng. Môi trường có tồn tại bền vững, cân bằng hay không hoàn toàn phụ thuộc vào nhận thức và hành động của con người. Con người thực hành tứ vô lượng tâm, đức

hiếu sinh, tam học, rèn tu bát chính đạo, diệt trừ vô minh, từ bỏ tam độc sẽ góp phần bảo vệ tự nhiên và bảo vệ chính bản thân mình.

Nói tóm lại, tuy không trực tiếp nhằm xây dựng một lý thuyết bảo vệ môi trường, song triết lý nhân sinh của Phật giáo, những điều luật, giáo lý không chỉ là những nguyên tắc đạo đức hành xử của con người, mà nó còn có ý nghĩa to lớn, trực tiếp góp phần xây dựng lối sống thân thiện, giữ gìn, hòa hợp để bảo vệ môi trường, điều mà thế giới hiện đại đang ra sức kêu gọi nhân loại hưởng ứng. Tất cả vì một lá phổi xanh, nơi mà chính con người đang trú ngụ.

Với những triết lý nhân sinh sâu sắc, Phật giáo cho chúng ta thấy cần nhận thức lại những vấn đề cơ bản trong mối quan hệ giữa con người với chúng sinh - môi trường tự nhiên. Việc thanh lọc tâm, thực hiện tam học, loại bỏ vô minh, diệt dục, rèn luyện bát chính đạo, v.v... không chỉ nói lên lòng từ bi, lương thiện của con người; những giá trị tích cực đó đã góp phần trực tiếp bảo vệ vạn vật, chúng sinh, bảo vệ môi trường sống của chính con người. Qua việc chỉ ra mục đích và con đường tu luyện, thông điệp ý nghĩa mà Phật giáo gửi đến tất cả chúng ta, đó là: hãy thay đổi nhận thức và hành động để cứu lấy môi trường, bởi đó là sự sống của chính chúng ta.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Thích Thông Lạc, Những lời gốc Phật dạy, 2011, tập 3, Nxb Tôn giáo, tr. 17.

Thích Thông Lạc, Những lời gốc Phật dạy, 2011, tập 2, Nxb. Tôn giáo, tr.45.

Phật học phổ thông, quyển 1, năm 2015, Nxb. Tôn giáo, tr.231.

Giáo án rèn nhân cách, Đức hiếu sinh, 2012, tập 2, Nxb. Tôn giáo, tr.236.

Giáo án rèn nhân cách lớp ngũ giới đức hiếu sinh, 2012, Nxb. Tôn giáo, tr.309.

Đường về xứ Phật, 2016, tập 4, Nxb. Hồng Đức, tr.356.

KHOA HỌC XÂY DỰNG HẠ TẦNG VÀ TƯ TƯỞNG PHẬT GIÁO VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NƯỚC HIỆN NAY

Lê Thị Kiều Oanh*

TÓM TẮT

Nước là nguồn sống của con người trên trái đất này. Nhưng nguồn nước của chúng ta đang bị đe dọa nghiêm trọng bởi rác thải, bởi sự thiếu ý thức của các cá nhân, bởi hệ quả phía sau của sự phát triển công nghiệp, v.v... Điều đó cũng đồng nghĩa với việc cuộc sống của nhân loại đang bị đe dọa. Trên cơ sở khoa học xây dựng hạ tầng tác giả có đánh giá về tác động tiêu cực của quá trình xây dựng đến môi trường nước và hệ sinh thái. Với nghiên cứu đa ngành, liên ngành giữa Khoa học xây dựng hạ tầng và Phật học, tác giả tìm ra giải pháp mang tính thực tiễn dựa trên tư tưởng nền tảng của Phật học về vấn đề nhân sinh quan, triết lý Vô thường, quy luật Nhân – Quả của vật chất. Từ đó, góp phần bảo vệ môi trường đặc biệt là môi trường nước trong thế giới hiện đại ngày nay.

1. SỰ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU DO TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC CỦA KHÍ THẢI, CHẤT THẢI TÁC ĐỘNG ĐẾN MÔI TRƯỜNG NƯỚC TRÊN TRÁI ĐẤT

Trong những năm gần đây, chúng ta thường nghe những tin tức mới như băng hà đang lùi dần, băng vĩnh cửu đang tan, hay diện tích băng ở Bắc Băng Dương đang thu hẹp lại, mức nước biển đang dâng cao, triều cường ở Thành phố Hồ Chí Minh ngày càng nhiều và ngập sâu hơn, ở Sa Pa tuyết rơi và Hà Nội lạnh dưới 10°C. Tất

* Thạc sĩ, Kỹ sư, Công ty Kyudenko Việt Nam

cả những tin tức đó nói lên Trái đất của chúng ta đang có những thay đổi bất thường, mà từ trước đến nay chưa từng thấy. Hơn nữa, trong khoảng chục năm gần đây, nhiều thiên tai xảy ra một cách bất thường, như hạn hán, lũ lụt, bão tố, thời tiết nóng hay lạnh bất thường tại nhiều vùng trên thế giới, gây thiệt hại rất nặng nề, nhất là những nước nghèo thuộc vùng nhiệt đới. Chúng ta cũng tự hỏi có điều gì đó bất trắc đã xảy ra trên Trái đất, ngôi nhà chung của chúng ta. Hiện nay, chúng ta đang sống trong một thế giới có nhiều biến đổi lớn về môi trường: khí hậu biến đổi, nhiệt độ quả đất đang nóng lên, mực nước biển đang dâng lên, sự xâm nhập của các loài ngoại lai ngày càng nhiều, các hệ sinh thái như rừng, đất ngập nước, v.v... đang bị co hẹp lại và phân cách nhau, tốc độ mất mát các loài ngày càng gia tăng, ô nhiễm môi trường ngày càng nặng nề, dân số tăng nhanh, sức ép của công nghiệp hóa và thương mại toàn cầu ngày càng lớn. Tất cả những thay đổi đó đang ảnh hưởng rõ ràng đến công cuộc phát triển của tất cả các nước trên thế giới và cả nước ta.

Tuy nhiên, sự phát triển kinh tế trên thế giới ngày nay, không những đang dẫn đến nhiều vấn đề về môi trường khó giải quyết, mà còn nảy sinh nhiều vấn đề về chính trị và xã hội đáng lo ngại, tranh giành tài nguyên thiên nhiên giữa các nước và giữa các vùng, sự cách biệt giàu nghèo trong từng nước và giữa các nước ngày càng xa, chiến tranh sắc tộc, phe phái, lối sống sa đọa đang có nguy cơ phát triển. Loài người đang phải đối mặt với thảm họa cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên, môi trường sống bị ô nhiễm, nhiều bệnh tật mới xuất hiện và phát triển, thiên tai ngày càng nặng nề. Tất cả những thảm họa đó và cả những hiện tượng bất thường về thời tiết trong những năm qua tại nhiều vùng trên thế giới đã gây tác hại vô cùng nghiêm trọng có nguyên nhân chính là do các hoạt động của con người. Có thể nói là sự phát triển kinh tế với sự tiêu thụ nhiều nhiên liệu hóa thạch đã làm tăng lượng khí nhà kính trong khí quyển, do đó làm nhiệt độ mặt đất đã và đang tăng lên, gây ra hiện tượng nóng lên toàn cầu. Sự nóng lên toàn cầu này có thể nói là đã gây ra những thay đổi bất thường về khí hậu và cũng là nguyên nhân của các thiên tai bất thường trên thế giới, đồng thời cũng vì thế mà nguồn lương thực và nguồn nước đang bị giảm sút và hậu quả là sự gia tăng số người phải từ bỏ quê hương tìm nơi khác để kiếm sống trên toàn thế giới.

Dân số thế giới cũng đang gia tăng một cách nhanh chóng và để nuôi sống số dân tăng lên, cần thêm nhiều lương thực, vì thế mà phải có thêm đất để trồng trọt và chăn nuôi. Nguồn nước cần thiết cho nông nghiệp cũng phải gia tăng, đang làm cho sông ngòi, hồ ao bị cạn kiệt và nguồn nước ngầm cũng giảm sút dần. Hơn thế nữa, để phát triển nông nghiệp, diện tích rừng nhiệt đới lại bị thu hẹp lại. Mất rừng nhiệt đới làm cho “lá phổi” của trái đất hay “cái nôi của sự sống” không những bị tàn phá tại nhiều vùng, mà còn làm ảnh hưởng đến chế độ khí hậu toàn cầu. Sự khủng hoảng về môi trường toàn cầu hiện nay có thể nói là đã bị che lấp hay bị ngụy trang bằng những phúc lợi trước mắt có được từ sự phát triển kinh tế. Có lẽ đa số chúng ta quanh năm đang phải lo nghĩ đến cuộc sống hàng ngày mà ít chú ý đến những gì đang xảy ra về vấn đề môi trường. Thực ra, chúng ta đang dồn trái đất, ngôi nhà chung của chúng ta, đến những *giới hạn chịu đựng cuối* cùng của nó, đồng thời, đang đưa chúng ta đến tương lai không sáng sủa.

Để cứu lấy trái đất, cứu lấy bản thân chúng ta, chúng ta phải xem xét lại một cách nghiêm túc cách thức mà chúng ta đã phát triển trong thời gian qua, rút những kinh nghiệm thất bại và thành công để xây dựng một cuộc sống tốt đẹp hơn và bền vững cho bản thân chúng ta và cho các thế hệ mai sau. Để có thể thực hiện được việc đó, chúng ta phải hiểu chúng ta đang ở đâu và những thách thức mà chúng ta đang phải đối mặt trong công cuộc phát triển của chúng ta. Chúng ta, cả thế giới, đang phải đối mặt với nhiều vấn đề môi trường, nhưng cấp bách nhất là:

- Rừng – “lá phổi của trái đất” đang bị phá hủy do hoạt động của loài người;
- Đa dạng sinh học đang giảm sút hàng ngày; nguồn nước ngọt đang hiếm dần;
- Mức tiêu thụ năng lượng ngày càng cao và nguồn năng lượng hóa thạch đang cạn kiệt;
- Hạn hán ngày càng gia tăng đang ảnh hưởng đến sản xuất lương thực và cuộc sống của nhiều vùng;
- Trái đất đang nóng lên;
- Dân số thế giới đang tăng nhanh.

Sự tác động tiêu cực đến môi trường được thể hiện ở các nội dung sau:

Rừng “lá phổi của trái đất” đang bị con người tàn phá. Rừng xanh trên thế giới che phủ khoảng một phần ba diện tích đất liền của Trái đất, chiếm khoảng 40 triệu km². Tuy nhiên, các vùng rừng rậm tốt tươi đã bị suy thoái nhanh chóng trong những năm gần đây. Các hệ sinh thái rừng bao phủ khoảng 10% diện tích Trái đất, khoảng 30% diện tích đất liền. Tuy nhiên, các vùng có rừng che phủ đã bị giảm đi khoảng 40% trong vòng 300 năm qua và theo đó mà các loài động thực vật, thành phần quan trọng của các hệ sinh thái rừng, cũng bị mất mát đáng kể.

Loài người đã làm thay đổi các hệ sinh thái một cách hết sức nhanh chóng trong khoảng 50 năm qua, nhanh hơn bất kỳ thời kỳ nào trước đây. Diện tích các vùng đất hoang đã được chuyển thành đất nông nghiệp, chỉ tính riêng từ năm 1945 đến nay đã lớn hơn cả trong thế kỷ thứ XVIII và XIX cộng lại. Diện tích đất hoang hóa ngày càng mở rộng. Trong khoảng 50 năm qua, trên toàn thế giới đã mất đi hơn 1/5 lớp đất màu ở các vùng nông nghiệp, trong lúc đó, nhiều vùng đất nông nghiệp màu mỡ đang được chuyển đổi thành các khu công nghiệp. Nguyên nhân làm suy thoái hệ sinh thái rừng trong vòng 50 năm qua, phần chính là do chuyển đổi rừng thành đất nông nghiệp. Trong những năm gần đây, sự mất mát rừng tăng lên khá nhanh là do việc chuyển đổi từ nền kinh tế tự cung tự cấp sang nền kinh tế tiền tệ, để sản xuất lương thực và thịt nhiều hơn nữa nhằm cung cấp cho dân số tăng nhanh, và thêm vào đó là sự thay đổi về quan niệm của người dân về thiên nhiên (trước đây, họ xem thiên nhiên, rừng núi, sông biển, v.v... là thần linh với thái độ kính trọng và sợ hãi, không dám xâm phạm). Nguyên nhân chính mất rừng trên thế giới là do hoạt động của con người: lấy đất để chăn nuôi và trồng trọt, phát nương làm rẫy, khai thác gỗ, xây dựng các công trình thủy điện, thủy lợi, giao thông, xây dựng khu dân cư mới và khai khoáng, nhất là tại các nước đang phát triển. Hàng năm, có khoảng 20.000 đến 30.000 km² rừng nhiệt đới bị phá hủy để sản xuất lương thực, trồng cây công nghiệp và làm đồng cỏ để chăn nuôi.

Việc khai thác khoáng sản cũng gây nên sự tàn phá rừng nghiêm trọng ở nhiều vùng, nhất là tại các nước đang phát triển. Cũng vì thế

mà sự suy thoái và mất rừng tại các vùng nhiệt đới là vấn đề nguy cấp nhất. Các hệ sinh thái rừng cung cấp cho chúng ta dòng nước trong lành, an toàn và nhiều dịch vụ cần thiết khác. Sự giảm sút diện tích rừng làm cho lượng hơi nước thoát ra từ rừng bị giảm sút, do đó, lượng mưa cũng ít đi, nguồn nước cung cấp bị hạn chế, giảm sút, ảnh hưởng đến cuộc sống và sức khỏe của người dân trong vùng, đồng thời, bệnh tật cũng tăng thêm. Giảm diện tích rừng cũng đồng nghĩa với việc tăng xói mòn, sạt lở đất, nhất là trong mùa mưa lũ, do độ che phủ của đất bị suy giảm. Rừng còn đem lại nhiều lợi ích khác cho chúng ta, trong đó, việc đảm bảo sự ổn định chu trình ôxy và cacbon trong khí quyển và trên mặt đất là rất quan trọng. Cây xanh hấp thụ lượng lớn CO_2 và thải ra khí ôxy, rất cần thiết cho cuộc sống. Từ trước đến nay, lượng CO_2 có trong khí quyển luôn ổn định nhờ sự quang hợp của cây xanh. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, một diện tích lớn rừng bị phá hủy, nhất là rừng rậm nhiệt đới, do đó hàng năm, có khoảng 6 tỷ tấn CO_2 được thải thêm vào khí quyển trên toàn thế giới, tương đương khoảng 20% lượng khí CO_2 thải ra do sử dụng các nhiên liệu hóa thạch (26 tỷ tấn/năm). Điều đó có nghĩa là việc giảm bớt sử dụng nhiên liệu hóa thạch và khuyến khích bảo vệ rừng và trồng rừng để giảm bớt tác động của biến đổi khí hậu là rất quan trọng.

Theo báo cáo thứ tư của IPCC, có thể giảm phát thải khoảng 1,3 đến 4,2 tỷ tấn CO_2 hàng năm bằng cách tăng cường trồng rừng và bảo vệ rừng. Tuy nhiên, hiện nay chúng ta cũng chưa thể nói dự kiến đó có thể hiện thực hay không, vì rằng rừng ở nhiều vùng trên thế giới, nhất là ở Nam Mỹ, châu Phi và Nam Á vẫn đang tiếp tục bị suy thoái nghiêm trọng. Có thể nói rằng, rừng nhiệt đới ở Nam Mỹ, Nam Á và Trung Phi đã sản xuất ra hơn 40% lượng ôxy được sinh ra trên trái đất qua con đường quang hợp. Đặc biệt, rừng nhiệt đới Amazon ở Nam Mỹ đã sinh ra 1/4 lượng ôxy trên trái đất, vì thế mà người ta gọi rừng vùng Amazon là “lá phổi của trái đất”... Brazil là nước sản xuất lớn về thịt và đậu nành, chính vì thế mà vào những năm cuối thập kỷ 1980, rừng nhiệt đới lưu vực sông Amazon đã bị đốt trụi để làm đồng cỏ và từ năm 1994 đến năm 2007, số bò ở Brazil đã tăng lên 42 triệu con, khoảng 80% được nuôi ở lưu vực sông Amazon. Hơn nữa, trong những năm gần đây, nhiều vùng rừng nhiệt đới đã được chuyển đổi thành vùng trồng đậu nành, ngô,

mía, dùng để chăn nuôi và làm nhiên liệu sinh học. Nếu không có các biện pháp hữu hiệu để ngăn chặn nạn phá rừng, thì rừng nhiệt đới vẫn còn bị tàn phá và chỉ trong vòng vài thập kỷ nữa, rừng nhiệt đới Amazon – “lá phổi của Trái đất” – và nhiều vùng rừng quan trọng khác ở châu Phi, Nam Á sẽ không còn nữa.

Vấn đề ô nhiễm môi trường toàn cầu sẽ nặng nề hơn và hiện tượng nóng lên toàn cầu khó lòng hạn chế được như mong muốn của nhân loại. Ước tính, đã có khoảng 60% khả năng dịch vụ cho sự sống trên trái đất của các hệ sinh thái, nhất là các hệ sinh thái rừng – như nguồn nước ngọt, nguồn cá, điều chỉnh không khí và nước, điều chỉnh khí hậu vùng, điều chỉnh các thiên tai và dịch bệnh tự nhiên – đã bị giảm sút, gây thiệt hại lớn cho nhiều người, nhất là những người dân nghèo. Các nhà khoa học cũng đã cảnh báo rằng, tác động tiêu cực của những suy thoái nói trên sẽ tăng lên nhanh chóng trong 50 năm sắp tới nếu không có các biện pháp tích cực (UNEP, 2010).

2. MỐI LIÊN HỆ GIỮA TƯ TƯỞNG PHẬT GIÁO VỚI KHOA HỌC XÂY DỰNG HẠ TẦNG TRONG VẤN ĐỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NƯỚC HIỆN NAY

2.1. Sự đánh giá của khoa học xây dựng hạ tầng về môi trường nước

Trái đất là một hành tinh xanh, có nhiều nước, nhưng 95,5% lượng nước có trên trái đất là nước biển và đại dương. Lượng nước ngọt mà loài người có thể sử dụng được chỉ chiếm khoảng 0,01% lượng nước ngọt có trên trái đất. Cuộc sống của tất cả chúng ta và nhiều loài sinh vật khác phụ thuộc vào lượng nước ít ỏi đó. Lượng nước quý giá đó đang bị suy thoái một cách nhanh chóng do các hoạt động của con người và con người đang phải vật lộn với sự thiếu hụt nước ngọt tại nhiều vùng trên thế giới. Biển Aral, nằm giữa Kazakhstan và Uzbekistan là một biển hồ nước mặn có hai con sông đổ vào là sông Arnu Darya và sông Syr Darya. Đây là hồ thiên nhiên rộng thứ tư trên thế giới, có diện tích hơn 66.000 km². Nghề đánh cá tại biển Aral đã từng rất phát triển, với sản lượng hàng năm khoảng 60.000 tấn. Nhân dân địa phương đã được hưởng lợi rất nhiều từ biển hồ này. Nhờ có biển Aral mà độ ẩm và khí hậu vùng Trung Á này đã từng luôn ổn định, vì thế mà các loài sinh vật, động vật cũng như thực vật khá đa dạng. Tuy nhiên, hiện nay biển Aral

đang có nguy cơ biến mất, không phải vào cuối thế kỷ mà có thể chỉ trong 10 vòng khoảng mười năm nữa thôi. Nguyên nhân chính là do các hoạt động của con người trong thời gian gần đây. Những quyết định sai lầm về phát triển đã làm cho dòng chảy của sông vào biển bị giảm sút. Vào những năm 1950, để tăng sản lượng bông tại đây, một dự án táo bạo về thủy lợi đã được xây dựng nhằm tưới cho vùng khô hạn này để trồng bông. Kết quả đạt được thật khả quan, lượng bông sản xuất tại vùng này tăng nhanh từ 1,5 triệu tấn/năm vào những năm 1940 lên đến 5 triệu tấn vào năm 1986. Mọi thứ hình như đã chứng tỏ là con người có thể làm chủ được thiên nhiên, làm thay đổi thiên nhiên để đem lại lợi ích cho xã hội.

Tuy nhiên, vào những năm 1960, lượng nước ngọt từ các sông chảy vào biển Aral giảm dần và mức nước biển cũng hạ thấp (ASA-HI, 2010). Sự suy thoái nguồn nước ngọt đã gây nên một chuỗi tác động nguy hiểm. Trong trường hợp này, do mức nước hạ thấp mà biển bắt đầu cạn dần, lượng nước mưa trong vùng giảm sút rõ rệt, dòng nước các sông chảy vào hồ cũng cạn kiệt. Tiếp theo là cả vùng bị sa mạc hóa, cây cối bị chết, đất mặt bị xói mòn do gió. Nông độ muối trong hồ cao dần và các ruộng trồng bông bị nhiễm mặn, nghề trồng bông thất bại nặng nề, dân cư đói khổ, nghề cá cũng sụp đổ. Cả vùng quanh hồ bị bão cát hoành hành, một vài thành phố bị cát vùi lấp, dân không thể sống nổi, phải bỏ đi nơi khác. Ngày nay, khu vực quanh hồ Aral đã trở thành những vùng chết. Biển hồ Aral, một vùng đã từng sung túc, giàu tài nguyên mà nay trở đáy, chỉ còn lại vài vũng nước nhỏ. Hơn 50 năm đã trôi qua từ khi thực hiện dự án thủy lợi, vùng biển Aral, một vùng rộng khoảng 1/5 diện tích Việt Nam, đã biến thành sa mạc. Có lẽ chỉ khoảng mười năm nữa, có nghĩa là chỉ sau khoảng 60 năm kể từ khi con người làm thay đổi chu trình tự nhiên ở đây, biển Aral có thể hoàn toàn biến mất. Các hoạt động của con người đã làm giảm sút một cách đáng kể số lượng và chất lượng nguồn nước ngọt của thế giới. Các hoạt động thiếu quy hoạch hợp lý như ngăn sông, đắp đập, chuyển đổi đất ngập nước, phá rừng, thải các chất thải sinh hoạt và công nghiệp ngày càng nhiều, đến mức thiên nhiên không thể phân hủy kịp, đã và đang gây ô nhiễm đất, nước, không khí. Trong lúc đó, nhu cầu ngày càng tăng nhanh của con người về nguồn nước ngọt đã làm thay đổi các dòng nước tự nhiên, thay đổi quy trình lắng đọng và làm giảm chất lượng nước.

Tình trạng thiếu nước trên thế giới ngày càng lan rộng, nạn khô hạn kéo dài, gây nhiều hậu quả về kinh tế và xã hội cho nhiều vùng rộng lớn. Tất cả những điều đó đều tác động tiêu cực lên sự phát triển, làm suy giảm đa dạng sinh học và chức năng của các hệ thống thủy vực trên thế giới. Để có thể bảo tồn nguồn tài nguyên nước hết sức ít ỏi của chúng ta, chúng ta phải nhận thức được rằng cần phải giữ được sự cân bằng nhu cầu và khả năng cung cấp bằng cách thực hiện các biện pháp thích hợp. Để có thể hồi phục được sự cân bằng mỗi khi đã bị thay đổi, sẽ tốn kém rất lớn, tuy nhiên, có nhiều trường hợp không thể sửa chữa được. Vì thế cho nên, nhân dân tại tất cả các vùng phải biết tiết kiệm nước, giữ cân bằng giữa nhu cầu sử dụng với nguồn cung cấp, có như thế mới giữ được một cách bền vững nguồn nước với chất lượng an toàn.

2.2 Tư tưởng Phật giáo trong vấn đề môi trường sinh thái nước

Triết học bảo vệ môi trường của Phật giáo chính là tổng thể các quan điểm về nhân sinh quan, sự tương hợp theo nguyên lý Duyên sinh – Duyên khởi của vạn pháp trên thế giới vật chất này. Mỗi liên hệ Nhân – Quả tác động qua lại giữa các chủ thể, từ con người đến động vật, thực vật, hệ sinh thái môi trường.

Karma (Nghiệp) là một từ tiếng Phạn liên quan đến số phận và hành động. Tất cả hành động, lời nói, ý nghĩ có tác ý đều được gọi là nghiệp. Hầu hết nghiệp được tạo tác trên cơ sở của thân, khẩu và ý. Tất nhiên, cả ba nghiệp trên đều xuất phát từ ý niệm hay còn gọi là tâm. Bạn phải chịu trách nhiệm cho những hành động của mình, đó là luật Nhân - Quả, một quy luật không thể phá hủy của vũ trụ. Bạn xứng đáng với mọi thứ xảy ra với bạn, dù tốt hay xấu. Bạn là người xây dựng số phận cho bạn, hạnh phúc hay đau khổ.

Cuộc sống của chúng ta ngày hôm nay chỉ là sự phản ánh quá khứ đã qua. Chúng ta không thể thoát khỏi quá khứ, nhưng chúng ta có thể học tập từ nó để thay đổi tương lai. Hành động của chúng ta ở hiện tại sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống của chúng ta ở tương lai. Những gì ta đang trải nghiệm ngay bây giờ là những gì nghiệp muốn ta trải nghiệm. Những suy nghĩ và cảm xúc của chúng ta sẽ hình thành thế giới nội tại bên trong, những lời nói và hành động của ta tạo nên thế giới xung quanh mà ta đang sống.

Và khi ta cố ý làm hại ai đó, dù chỉ xuất phát từ suy nghĩ nhưng

đó là ý niệm tạo nghiệp; những ý định tốt sẽ luôn luôn tạo ra nghiệp tốt. Ta có thể giấu ý định của ta khỏi những người khác, nhưng không thể giấu bản thân ta hoặc vũ trụ. Ta không bao giờ được hạnh phúc nếu ta làm tổn thương người khác.

Vũ trụ, tạo hóa muốn con người hiểu được sự đau khổ của người khác nên cho ta trải nghiệm cuộc sống từ nhiều góc nhìn khác nhau, để hiểu nghiệp báo giúp con người nhận ra sai lầm, từ đó thay đổi để sống tốt hơn. Ta làm những việc thiếu ý thức làm tổn hại thiên nhiên, làm mất cân bằng đa dạng sinh học thì cũng là lúc con người tự tạo ra nghiệp bất thiện. Và thiên nhiên sẽ trả lại những gì ta đáng nhận được, đó chính là Quả báo mà con người phải nhận do những gì đã gây ra.

Như chúng ta đã chứng kiến thảm họa động đất và sóng thần ngày 11/3/2011 ở Nhật Bản đã xóa sổ nhiều thị trấn, gây sự cố rò rỉ hạt nhân và khiến hàng nghìn người dân rơi vào tình cảnh tuyệt vọng. Vào lúc 14^h46 ngày 11/3/2011, trận động đất mạnh 9 độ Richter, mạnh nhất trong lịch sử Nhật Bản và là một trong năm trận động đất mạnh nhất từng được ghi nhận trên thế giới, đã làm rung chuyển đất nước mặt trời mọc. Tâm chấn ở vùng đông bắc Nhật Bản, cách Tohoku khoảng 70 km về phía đông. Trận động đất đã kéo theo cơn sóng thần khổng lồ. Trong vòng một giờ xảy ra động đất, các thị trấn dọc bờ biển đều bị những đợt sóng khổng lồ san phẳng. Những ngọn sóng cao (4-5)m liên tiếp ập lên nhà cửa và những cánh đồng. Ở mức cao nhất, sóng thần tại Miyako, Iwate, được ước tính cao đến 40m. Thảm họa kép đã gây tổn thất nặng nề nhất cho đất nước mặt trời mọc kể từ sau Thế chiến II, khiến khoảng 19.000 người thiệt mạng và mất tích, gần 160.000 người mất nhà cửa. Chưa kịp hoàn hồn sau những cơn dư chấn, Nhật Bản đã phải gồng mình trước những nguy cơ xảy ra với nhà máy điện hạt nhân Fukushima, khi bộ phận làm mát của các lò phản ứng hạt nhân không hoạt động. Đây được coi là thảm họa hạt nhân nhân tạo tồi tệ nhất kể từ sau “cơn ác mộng” tại nhà máy điện Chernobyl ở Ukraine năm 1986. Hàng chục nghìn người được yêu cầu sơ tán khỏi phạm vi 20km quanh các lò phản ứng của nhà máy Fukushima. 5 năm sau, quá trình xử lý các lò phản ứng vẫn là thách thức lớn với Nhật Bản.

Tốc độ công nghiệp hoá và đô thị hoá khá nhanh và sự gia tăng dân số gây áp lực ngày càng nặng nề đối với tài nguyên nước trong

vùng lãnh thổ. Môi trường nước ở nhiều đô thị, khu công nghiệp và làng nghề ngày càng bị ô nhiễm bởi nước thải, khí thải và chất thải rắn. Ở các thành phố lớn, đông dân chất thải do sinh hoạt cũng là một nguyên nhân quan trọng đang gây ô nhiễm môi trường nước. Ô nhiễm nước do sản xuất công nghiệp là rất nặng.

Ví như ở các ngành công nghiệp dệt may, ngành công nghiệp giấy và bột giấy, nước thải thường có độ pH trung bình từ 9-11, chỉ số nhu cầu oxy sinh hoá (BOD), nhu cầu oxy hoá học (COD) có thể lên đến 700mg/1 và 2.500mg/1, hàm lượng chất rắn lơ lửng, v.v... cao gấp nhiều lần giới hạn cho phép. Hàm lượng nước thải của các ngành này có chứa xyanua (CN-) vượt đến 84 lần, H_2S vượt 4,2 lần, hàm lượng NH_3 vượt 84 lần tiêu chuẩn cho phép nên đã gây ô nhiễm nặng nề các nguồn nước bề mặt trong vùng dân cư.

Tình trạng ô nhiễm nước ở các đô thị, nước thải, rác thải sinh hoạt không có hệ thống xử lý tập trung mà trực tiếp xả ra nguồn tiếp nhận (sông, hồ, kênh, mương). Mặt khác, còn rất nhiều cơ sở sản xuất không xử lý nước thải, phần lớn các bệnh viện và cơ sở y tế lớn chưa có hệ thống xử lý nước thải, một lượng rác thải rắn lớn trong thành phố không thu gom hết được, v.v... là những nguồn quan trọng gây ra ô nhiễm nguồn nước.

Về tình trạng ô nhiễm nước ở nông thôn và khu vực sản xuất nông nghiệp, hiện nay ở nước ta có gần 76% dân số đang sinh sống ở nông thôn là nơi cơ sở hạ tầng còn lạc hậu, phần lớn các chất thải của con người và gia súc không được xử lý nên thấm xuống đất hoặc bị rửa trôi, làm cho tình trạng ô nhiễm nguồn nước về mặt hữu cơ và vi sinh vật ngày càng cao.

Có nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan dẫn đến tình trạng ô nhiễm môi trường nước như: sự gia tăng dân số, mặt trái của quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá, cơ sở hạ tầng yếu kém, lạc hậu, nhận thức của người dân về vấn đề môi trường còn chưa cao. Đáng chú ý là sự bất cập trong hoạt động quản lý, bảo vệ môi trường. Nhận thức của nhiều cơ quan quản lý, tổ chức và cá nhân có trách nhiệm về nhiệm vụ bảo vệ môi trường nước chưa sâu sắc và đầy đủ, chưa thấy rõ ô nhiễm môi trường nước là loại ô nhiễm gây nguy hiểm trực tiếp, hàng ngày và khó khắc phục đối với đời sống con người cũng như sự phát triển bền vững của đất nước.

Ví như vụ: Vào tháng 4 năm 2016, nhà máy Formosa xả thải chứa độc tố; bao gồm cyanide, phenols và hydroxide sắt; làm cá chết dọc bờ biển dài hơn 200 km và di hại của biến cố này khiến cho cuộc sống của hàng trăm ngư dân và dân chúng tại 4 tỉnh Bắc Trung Bộ, Việt Nam bị xáo trộn. Hàng ngàn chiếc tàu nằm phoir bờ không thể ra khơi đánh bắt cá và hải sản cũng như hơn 40 ngàn công ăn việc làm tại khu vực này bị ảnh hưởng và 250 ngàn người lao động cả nước bị tác động suốt hơn một năm.

Tác hại của ô nhiễm nguồn nước: Hậu quả chung của tình trạng ô nhiễm nước là tỉ lệ người mắc các bệnh cấp và mạn tính liên quan đến ô nhiễm nước như viêm màng kết, tiêu chảy, ung thư... ngày càng tăng. Người dân sinh sống quanh khu vực ô nhiễm ngày càng mắc nhiều loại bệnh tình nghi là do dùng nước bẩn trong mọi sinh hoạt. Ngoài ra ô nhiễm nguồn nước còn gây tổn thất lớn cho các ngành sản xuất kinh doanh, các hộ nuôi trồng thủy sản.

Các nghiên cứu khoa học cũng cho thấy, khi sử dụng nước nhiễm asen để ăn uống, con người có thể mắc bệnh ung thư trong đó thường gặp là ung thư da. Ngoài ra, asen còn gây nhiễm độc hệ thống tuần hoàn khi uống phải nguồn nước có hàm lượng asen 0,1mg/l. Vì vậy, cần phải xử lý nước nhiễm asen trước khi dùng cho sinh hoạt và ăn uống.

Người nhiễm chì lâu ngày có thể mắc bệnh thận, thần kinh, nhiễm Amoni, Nitrat, Nitrit gây mắc bệnh xanh da, thiếu máu, có thể gây ung thư. Metyl tert-butyl ete (MTBE) là chất phụ gia phổ biến trong khai thác dầu lửa có khả năng gây ung thư rất cao. Nhiễm Natri (Na) gây bệnh cao huyết áp, bệnh tim mạch, lưu huỳnh gây bệnh về đường tiêu hoá, Kali, Cadimi gây bệnh thoái hoá cột sống, đau lưng. Hợp chất hữu cơ, thuốc trừ sâu, thuốc diệt côn trùng, diệt cỏ, thuốc kích thích tăng trưởng, thuốc bảo quản thực phẩm, phốt pho... gây ngộ độc, viêm gan, nôn mửa.

Tiếp xúc lâu dài sẽ gây ung thư nghiêm trọng các cơ quan nội tạng. Chất tẩy trắng xenon peroxide, sodium percarbonate gây viêm đường hô hấp, oxalate kết hợp với calcium tạo ra calcium oxalate gây đau thận, sỏi mật. Vi khuẩn, ký sinh trùng các loại là nguyên nhân gây các bệnh đường tiêu hóa, nhiễm giun, sán. Kim loại nặng các loại: titan, sắt, chì, cadimi, asen, thủy ngân, kẽm gây đau thần

kinh, thận, hệ bài tiết, viêm xương, thiếu máu.

Như vậy, hậu quả tất yếu của việc chúng ta thiếu ý thức trong việc bảo vệ môi trường nước chính là việc chúng ta tự hủy hoại sức khỏe và sự sinh tồn của mình. Tư tưởng của Phật giáo là xây dựng một thế giới, ở đó con người sống chan hòa với tự nhiên và những loài động vật khác. Xã hội con người cần xây dựng bằng tình yêu thương, đùm bọc và chia sẻ mà phải bắt đầu bằng việc đặt nền móng cho việc hoạch định chiến lược phát triển bền vững và lâu dài. Chiến lược lâu dài là có thể cung cấp những nguồn nước sinh hoạt an toàn đã qua xử lý và cải thiện hệ thống vệ sinh. Bên cạnh đó, chiến dịch truyền thông nâng cao nhận thức, cộng đồng có ý thức bảo vệ nguồn nước, đặc biệt là cần phải áp dụng những quy định nghiêm ngặt hơn đối với vấn đề kiểm soát ô nhiễm, buộc tất cả mọi doanh nghiệp - từ quy mô nhỏ đến lớn - phải đáp ứng được những tiêu chuẩn tối thiểu về nguồn nước thải trong sản xuất kinh doanh, tránh ô nhiễm môi trường.

Xét cho cùng, nước sạch và không khí trong lành là những điều thiết yếu để có được một cuộc sống khỏe mạnh. Đó là mối quan hệ tác động qua lại, hai chiều biện chứng theo nguyên lý Duyên Khởi. Duyên khởi gốc từ tiếng Pàli là *“Paticca Samuppàda Dhamma”*, dịch là “tùy thuộc phát sinh, nương theo các duyên mà sinh”, tiếng Anh dịch là *dependent origination*. Lý là nguyên lý hay định lý. Duyên là điều kiện. Lý Duyên Khởi có nghĩa là: “Tất cả những hiện tượng thế gian khởi lên là do nhiều điều kiện hay nhiều nhân nhiều duyên mà được thành lập.” hay nói ngắn gọn: “Lý Duyên Khởi là từ điều kiện này khởi ra cái khác”.

Pháp Duyên Sinh gốc từ tiếng Pàli là *“Paticca Samuppanna Dhammā”*. Pháp này là hiện tượng thế gian. Pháp Duyên Sinh có nghĩa là “Hiện tượng thế gian (pháp) thành lập là do nhiều điều kiện, nhiều yếu tố kết hợp sinh ra nó (pháp)” hay nói ngắn gọn: “Cái này có mặt là do nhiều điều kiện sinh ra”. Tất cả các pháp trong vũ trụ vạn hữu đều vận hành theo quy luật Duyên sinh hay Duyên khởi. Nghĩa là các pháp sinh khởi theo Duyên, theo các điều kiện. Không có một pháp nào tồn tại độc lập. Chúng phải nương vào các yếu tố, điều kiện để phát sinh. So sánh Lý Duyên Khởi và Pháp Duyên Sinh ta có thể hiểu như sau:

- Lý Duyên Khởi: Từ điều kiện (duyên) này sinh ra cái khác (pháp). Thí dụ: Nhờ nguồn nước sạch, không khí sạch vạn vật trên trái đất mới tồn tại và phát triển được. Có điều kiện tự nhiên tốt mùa màng mới sinh trưởng phát triển, con người mới thu hoạch được lương thực phục vụ cuộc sống. Ngược lại thì nếu con người phá hủy điều kiện tự nhiên của trái đất thì việc không khí ô nhiễm, nguồn nước ô nhiễm sẽ hủy hoại chính cuộc sống của chúng ta.

- Pháp duyên sinh: Là khi đứng ở chỗ hiện tượng thế gian (pháp) có mặt là do nhiều điều kiện hợp lại sinh ra nó. Thí dụ: Một hạt mầm nhờ đất nước phân bón sinh ra cây, từ cây sinh ra trái. Cây sinh ra trái (hiện tượng thế gian) do hạt mầm cộng với đất nước, phân bón, ánh nắng mặt trời, v.v... (là các điều kiện hợp lại) mới sinh ra cây, cây mới ra trái. Đây là Pháp duyên sinh.

Phật học chỉ rõ mười hai Duyên khởi theo chiều xuôi, tức là mười hai nhân duyên (nhân) khởi lên mười hai sự kiện (quả) gây nên khổ uẩn. Tiếp theo, ta sử dụng phương pháp quán Lý Duyên khởi theo chiều ngược. Tức là Duyên này diệt, Duyên kia sẽ diệt và toàn bộ mười hai Duyên cũng sẽ diệt. Đây là chìa khoá chấm dứt khổ uẩn, chấm dứt Vô Minh. Phật giáo đúc kết lại thành một hệ thống Lý Duyên Khởi đặt ra định lý “Tương quan nhân quả” như sau:

Chiều xuôi:

*“Cái này có, cái kia có
Cái này sinh, cái kia sinh”.*

Chiều ngược:

*“Cái này không, cái kia không
Cái này diệt, cái kia diệt”.*

Đây là Chân lý thường hằng bất biến không thay đổi. Chân lý này áp dụng cho con người, loài thú, sự kiện cũng như tất cả vạn vật vô tri vô giác, tức là cho mọi hiện tượng thế gian.

- Nói theo Lý Duyên Khởi thì *“Cái này Có khởi lên cái kia Có”*.

- Nói theo Pháp Duyên Sinh nghĩa là cái pháp đã hình thành rồi, *“Cái kia Có”* đã là pháp, đã trở thành hiện tượng thế gian. *“Cái kia Có”* nhìn lại phía trước do điều kiện là *“Cái này Có”* mới sinh *“Cái Có”* sau.

Về mặt 12 mắt xích cũng thế. Từ duyên Vô Minh khởi lên duyên Hành, đó là Duyên Khởi. Hành là quả của Vô Minh lập nên. Hành cũng là pháp do duyên sinh, duyên ở đây là Vô Minh.

Như vậy hai cụm từ Lý Duyên Khởi và Pháp Duyên Sinh chỉ cho một hiện tượng thế gian có hai mặt, tùy theo chỗ đứng của người quan sát. Nếu chúng ta đứng ở chỗ Nhân khởi lên cái khác là Quả, thì đó là Lý Duyên Khởi. Nếu chúng ta đứng ở chỗ Quả thì nói Quả do nhiều Nhân sinh ra, thì đây là Pháp Duyên Sinh. Duyên Khởi là đứng ở chỗ Nhân mà nói. Còn Duyên Sinh là đứng ở Quả nói do nhiều duyên sinh ra. Do đó, con người muốn tồn tại và phát triển được thì phải biết bảo vệ trái đất, bảo vệ nguồn sống của mình, đúng theo Nguyên lý Duyên khởi – Duyên sinh của Phật pháp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Thiền Chửu (dịch), Kinh Kim Cương, NXB Hồng Đức;

Hòa thượng Tuyên Hóa, Kinh Lăng Nghiêm, NXB Tôn giáo;

TS. Trịnh Xuân Lai; PGS. TS. Mai Liên Hương, Vận hành và thiết kế nâng cấp các công trình xử lý nước thải bằng phương pháp bùn hoạt tính, NXB Xây dựng;

Thích Thông Phương, Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, NXB Văn hóa Thông tin;

Thích Phước Tấn, Bát Nhã Tâm Kinh lược giảng, NXB Tổng hợp TpHCM;

Jim Collins; Jerry I Porross (Nguyễn Dương Hiếu dịch), Xây dựng để trường tồn, NXB Trẻ, tái bản lần thứ 11.

PHẬT GIÁO VIỆT NAM: CÁC VẤN ĐỀ VỀ TÔN GIÁO SINH THÁI VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Thích Thiện Huy*

TÓM TẮT

Hiện nay, phong trào tôn giáo sinh thái đang lan mạnh, đem lại hiệu ứng tích cực ở nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Với sứ mạng truyền bá chánh pháp và các giá trị đạo đức của đức Phật, Phật Giáo phải làm gì để tham gia vào việc bảo vệ môi trường sinh thái đang trở thành một chủ đề quan tâm của nhà nước Việt Nam lẫn Giáo hội Phật giáo và cộng đồng xã hội?

Bài viết này giới thiệu mối quan hệ tôn giáo và sinh thái, các phong trào tôn giáo sinh thái lớn trên thế giới và **một số mô hình đang được phát huy tại Việt Nam**. Đồng thời, chúng tôi cũng bước đầu đề xuất đến một số giải pháp thiết thực trong chuỗi các hoạt động của Phật giáo Việt Nam hướng đến mục tiêu cùng xã hội chung tay bảo vệ môi trường sinh thái hiện nay.

1. DẪN NHẬP

Chúng ta bước vào thế kỷ 21 với một cảm giác khiêm nhường mới về những gì con người đã làm được cũng như với một cảm giác hy vọng mới về những gì chúng ta vẫn có thể đạt được. Bảo vệ môi trường sống không phải là vấn đề mới được đặt ra, nhưng nó luôn là vấn đề cấp thiết cho toàn nhân loại. Theo tinh thần nhân quả, những hậu quả, những di chứng của sự tàn phá môi trường ở quá khứ đã đưa cuộc sống con người đi đến ngõ cụt. Những trận

* Đại đức, Thạc sĩ, Ủy Viên Ban Tăng Sự, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

động đất, sóng thần¹, lở xoáy, bão lũ, liên tục xảy ra do nguyên nhân trái đất nóng lên đang diễn ra từng ngày, từng giờ. Tất cả đều có sự tác động của bàn tay con người bằng các hoạt động khai thác quá mức², triệt để đã để lại những hậu quả khôn lường cho nhân loại ngày nay phải chịu đựng. Sự sống và cái chết giữa con người với sự phẫn nộ của tự nhiên đã đưa đến thiệt hại về người, kinh tế và xã hội; Đặc biệt là những con số đáng báo động: *“Việt Nam là một trong năm nước đã và đang chịu ảnh hưởng nặng nề nhất về biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Trung bình, mỗi năm có 457 người bị thương vong, thiệt hại bình quân hằng năm là 1,9 tỷ USD, tương đương 1,3% GDP của cả nước. Vì vậy, nếu không quan tâm đúng mức công tác bảo vệ môi trường, Việt Nam sẽ phải đối mặt với những thách thức lớn về tình trạng ô nhiễm, suy thoái môi trường.”*³

Từ “ô nhiễm” được “Nhóm Hội thẩm về Ô nhiễm môi trường thuộc Ủy ban Cố vấn về Khoa học của Tổng thống (Ấn Độ) định nghĩa trong bảng báo cáo **“Phục hồi đặc tính của môi trường”** như sau:

“Ô nhiễm môi trường là sự thay đổi bất lợi của môi trường, hoàn toàn hay một phần lớn được xem như phó phẩm của các hành động do con người gây ra qua các hậu quả trực tiếp hay gián tiếp trong các khuôn mẫu năng lượng, cấp bậc phóng xạ, sự cấu tạo hóa học hay vật lý và sức

1. Cacbon hòa tan trong đại dương đã làm thay đổi tinh chất hóa học của nó, làm tăng độ axit lên 30% kể từ khi bắt đầu Cách mạng Công nghiệp. Độ an toàn của đại dương hiện chủ yếu phụ thuộc vào việc giảm lượng khí thải CO₂ trong vài thập kỷ tới, trước khi xảy ra quá trình axit hóa đại dương và mực nước biển thay đổi hoàn toàn.

2. Khai thác rừng quá mức tại Việt Nam, theo cuốn Phật giáo trong thời đại chúng ta (2005), Nxb. Tôn giáo: “Tại Việt Nam, hằng năm rừng bị mất khoảng 200.000 ha, trong đó khoảng 50.000 ha do khai hoang để trồng trọt”. Rừng mất, kéo theo lớp thảm mục điều hòa dòng chảy bị mất, lũ lụt và những thảm họa do nó gây ra ngày càng gia tăng. Nhìn rộng hơn, “Theo tốc độ phá rừng hiện nay, với 11 triệu ha mỗi năm, đến năm 2040 thế giới sẽ mất đi từ 17% đến 35% loài trong số 10 triệu. Vào năm 2040, hằng ngày sẽ có 20-70 loài bị tuyệt chủng”(sách đã dẫn: 155). Trong Kỷ yếu Hội thảo khoa học Giáo dục Phật giáo: định hướng và phát triển(2012),trang 301: Cùng với nạn phá rừng, tốc độ đô thị hóa và phát triển công nghiệp diễn ra nhanh, làm cho thiên nhiên ở nước ta bị khai thác kiệt quệ. Chỉ tính trong 5 năm (2001-2005), “tổng diện tích đất nông nghiệp cả nước bị thu hồi cho mục đích khác nhau là khoảng 366.400 ha, tức chiếm 3,89% tổng diện tích đất nông nghiệp đang bị sử dụng. Nếu tính bình quân thì mỗi năm trong khoảng thời gian nói trên có tới 73.288 ha đất canh tác nông nghiệp bị thu hồi”, trong đó “đất trồng lúa giảm trong 5 năm là 7,6%”.

3. Dẫn theo: http://sonoivu.vinhphuc.gov.vn/ct/cms/chuyenmon/Lists/BanTonGiao/View_detail.aspx?ItemID=642, ngày truy cập: 29/01/2019.

tăng trưởng phong phú của các sinh vật. Những thay đổi này có thể ảnh hưởng trực tiếp hay gián tiếp trong các khuôn mẫu năng lượng, các cấp bậc phóng xạ, sự cấu tạo hóa học hay vật lý và sức tăng trưởng phong phú của các sinh vật. Những thay đổi này có thể ảnh hưởng trực tiếp đến con người, hoặc qua sự cung cấp nước và các sản phẩm nông nghiệp hay sinh học khác, hoặc các tài sản vật chất hay các cơ hội giải trí, thích thú thiên nhiên.

Về vấn đề **“Năng lượng hạt nhân. Cứu độ hay Trừng phạt”** E.F. Schumaker đã viết trong quyển sách của ông nhan đề **“Nhỏ là Đẹp”**: “Trong tất cả các sự thay đổi do con người đưa vào ngôi nhà thiên nhiên, thì sự phân tán hạt nhân (để tạo năng lượng hay gây nổ) ở quy mô lớn chắc chắn là sự kiện nguy hiểm và sâu xa nhất. Kết quả là sự bức xạ năng lượng để tạo i-on hóa đã trở thành tác nhân gây ô nhiễm nghiêm trọng nhất đối với môi trường và là mối đe dọa lớn nhất đối với sự sinh tồn của con người trên quả đất. Không gì đáng ngạc nhiên khi bom hạt nhân đã thu hút sự chú ý của con người thông thường, mặc dù ít nhất cũng còn cơ may là bom hạt nhân có thể chẳng bao giờ được sử dụng nữa. Mối nguy hiểm đối với nhân loại do cái được gọi là **“sử dụng năng lượng hạt nhân vì hòa bình”** có thể còn lớn hơn nhiều.

Với nhiều thành quả thiết thực, trong thời gian qua, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đóng góp cho dân tộc trên nhiều phương diện như bảo tồn phát triển các giá trị truyền thống, giữ gìn các văn hóa cổ như các bản in, ngôn ngữ hay các vấn đề về tinh thần hòa bình bất bạo động, trồng cây gây rừng, bảo vệ môi trường, ... Hiện tại, không thể không nhắc đến việc trồng rừng của các cơ sở tự viện góp phần gìn giữ môi trường và cân bằng hệ sinh thái, phát động phong trào ý thức bảo vệ môi trường trong cộng đồng. Với Việt Nam, đây là vấn đề được quan tâm hàng đầu hiện nay.

Cộng đồng Phật giáo thế giới nói chung và Giáo Hội Phật giáo Việt Nam nói riêng đã và đang thực hiện nhiệm vụ của chính mình⁴

4. Phật Giáo – Sinh Thái Học và Đạo Đức Toàn Cầu (Trần Phương Lan dịch)

Trong khi chúng ta thảo luận các vấn đề trực diện với chúng ta trên thế giới, thì truyền thống Phật giáo phải được xem xét lại là điều tất nhiên. Ta cần xác nhận rằng đạo Phật là một trong các tôn giáo lớn nhất theo con số tín đồ. Địa vị của Phật giáo ở Á châu đã ổn định. Mãi cho đến thời kỳ cận đại, đó là tôn giáo duy nhất hay truyền thống xã hội duy nhất được tìm thấy trong khắp mọi lãnh vực văn hóa Á châu. Ảnh hưởng của đạo Phật trên tính cách lịch sử và hiện trạng phát triển văn hóa và xã hội ở Á châu, do đó, rất vĩ đại.

trong việc giảm thiểu đến mức thấp nhất trong việc nóng lên toàn cầu và bảo vệ môi trường sống, bằng cách thể hiện sống động các ngôi rừng lâm tự viện đều gắn liền với môi trường xanh hoặc một khoảng rừng thiên thật lớn, có những nơi hiện đang trồng và bảo vệ từ vài trăm ha đến hơn 1000 ha. Đặc biệt, Phật giáo Việt Nam còn tham dự và cam kết thực hiện chương trình phối hợp hành động về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2015-2020 giữa Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Bộ Tài nguyên và Môi trường cùng lãnh đạo 14 tổ chức tôn giáo trong nước.

2. MỐI QUAN HỆ GIỮA TÔN GIÁO VÀ SINH THÁI

Đức Phật luôn chủ trương đời sống phạm hạnh của các vị Tỷ kheo là sống gần với thiên nhiên và môi trường xanh. Những khóm rừng, những ngọn núi hay dòng sông đều lưu dấu chân của Thế Tôn để đem chánh pháp bắt tử đến cho nhân thiên. Thực tế, khi đức Phật còn tại thế, bảo vệ môi trường sinh thái chưa trở thành vấn đề như ngày nay, thế nhưng đức Phật với trí tuệ sáng suốt và lòng từ bi cứu khổ của Ngài, Ngài đã là bậc vĩ nhân hướng dẫn con người thực thi nếp sống hài hòa với thiên nhiên, bảo vệ môi sinh là bảo vệ sự sống con người⁵. Cụ thể, với trách nhiệm của bậc Đạo sư, Ngài đã chủ động tạo ra một môi trường tu học thích hợp cho

5. Đức Phật luôn tán thán núi rừng, và xem núi rừng là nơi trú ẩn lý tưởng cho những vị Tỷ Kheo hành đạo: “Làng mạc hay rừng núi, Thung lũng hay đồi cao, La hán trú chỗ nào. Đất ấy thật khả ái” và Phật khẳng định: “Khả ái hay núi rừng, Chỗ người phạm không ưa. Vị ly tham ưa thích, Vì không tìm dục lạc”. (Pháp cú 98 – 99) Đây các Tỷ-khưu, đây là những gốc cây, đây là những căn nhà trống. Đây các Tỷ-khưu, hãy tu Thiền, chớ có phóng dật, chớ có để về sau phải hối tiếc. Đây là lời giáo giới của Ta cho các Thầy. (A.iii.88 Dhammavāḥārisutta).

Ta không phải làm gì, Trong khu rừng sa-la. Với Ta, rễ đã cắt, Cả khu rừng rậm rạp, Như vậy Ta được thoát, Mọi rừng rú không gai. Tâm Ta không bị đâm, Một mình sống an lạc, Đoạn trừ mọi bất mãn, Sống thích thú hoan hỷ. S.i.179 (Navakammikasutta). Các khu rừng đáng ưa thích là nơi dân chúng không ưa thích. Những vị có tham ái đã lìa sẽ thích thú, họ không có sự tầm cầu dục lạc. Dhp.98-99. “Khu đất thật khả ái, Với những vòng tràng hoa. Hoa tên Ka ra ri. Trái rộng ra cùng khắp, Với voi rú khả ý. Đồi núi ấy ta thích. Những hồ nước trong mát, Tuyệt đẹp màu mây xanh. Che tán bởi loại bọ, Tên kẻ chan In da. Những ngọn núi đá ấy, Làm tâm ta thích thú. Giống đôi mây xanh biếc, Ví tháp đẹp lâu đài, Với vượn hú khả ý. Đồi núi được ẩn sĩ, Làm thành nơi trụ xứ, Văng lên tiếng chim công, Đồi núi ấy ta thích...” (Trường Lão Tăng Kệ, 252 – 253) Những ai ngày lẫn đêm, Công đức luôn tăng trưởng, Trú pháp, cụ túc giới, Kẻ nào sanh thiên giới? Ai trồng vườn, trồng rừng, Ai dựng xây cầu cống, Đào giếng, cho nước uống, Những ai cho nhà cửa, Những vị ấy ngày đêm, Công đức luôn tăng trưởng, Trú pháp, cụ túc giới, Những vị ấy sanh Thiên. S.i.33 (Vanaropasutta).

những đệ tử xuất gia và tại gia của Ngài, đức Phật đã chủ động tìm cách xây dựng cho mình và cho hội chúng Tăng già một nếp sống hòa hài với thiên nhiên. Thái độ sống mà đức Phật giảng dạy cho mọi người là luôn ý thức sống hài hòa với thiên nhiên. Muốn hài hòa với thiên nhiên, thì con người phải tôn trọng sự sống ngay cả loài vật và cỏ cây, một thái độ trên tinh thần duyên khởi. Đức Phật dạy không nên đồ đồ ăn dư thừa trên cỏ xanh và trong nước có côn trùng, sợ làm hại cỏ và côn trùng.⁶ Ngài dạy các đệ tử xuất gia phải dùng vải lọc nước để ngăn chặn giết hại các sinh vật. Trong thời gian an cư ba tháng mùa mưa, đức Phật khuyên các Tỳ-khưu không nên đi ra ngoài vì sợ dẫm đạp trên cỏ cây hoặc các loài côn trùng nảy nở rất nhiều trên đất và trong không khí ẩm ướt. Ngài xác nhận không sát sanh là bố thí không sợ hãi, bố thí không hận thù, bố thí không làm hại: “*Vị Thánh đệ tử từ bỏ sát sanh, đem không sợ hãi cho vô lượng chúng sanh*”.⁷

Nguyên Tổng thư ký Liên Hợp quốc Ban Kimoon đã từng tuyên bố rằng, các cộng đồng tôn giáo là yếu tố quan trọng cho những nỗ lực toàn cầu trong việc giải quyết thách thức về khí hậu. Tôn giáo nhắc nhở chúng ta về những khía cạnh đạo đức của biến đổi khí hậu và về nghĩa vụ chăm sóc môi trường mong manh của trái đất và mối quan tâm trợ giúp đối với các nước láng giềng đang bị thảm họa của thiên nhiên. Stevent C. Rockefeller đặt vấn đề rằng, cần huy động người đứng đầu các tôn giáo lớn trên thế giới sử dụng các nguồn lực tâm linh để ứng phó khi trái đất đang phải đối mặt với những đe dọa lớn chưa từng có hiện nay. Trong khi đó, Llewellyn Vaughan cho rằng: Sinh thái học tâm linh có thể giúp chữa lành “cơ thể” trái đất đang bị hư hỏng nặng nề do sự khai thác quá mức⁸ của con người.

6. M.i.13 Kinh Pháp tự (dhammadāyādasutta)

7. Tăng Chi III, 229.

8. Nguồn tài nguyên bị khai thác quá mức, một phần phục vụ cho ngành công nghiệp chăn nuôi: Người ta tính rằng, hiện nay trên thế giới 1/3 ngũ cốc được dùng làm thức ăn trong chăn nuôi cũng như 90% sản lượng đậu nành. Để có được 1kg thịt bò người ta cần 10 kg ngũ cốc làm thức ăn cho chăn nuôi, 1 kg thịt heo cần từ 4 đến 5,5 kg ngũ cốc, 1 kg thịt gia cầm cần 2,1 đến 3 kg ngũ cốc.

Phải sử dụng từ 7 đến 16 kg đậu nành để tạo ra 1 kg thịt do đó người ta đã lãng phí 90% prôtêin, 99% hydratcacbon và 100% chất xơ là những chất cần cho sức khỏe con người. Nếu chỉ trồng rau, quả, ngũ cốc cho người ăn thì 1 hécta đất có thể nuôi 30 người trong khi nếu sử dụng đất để trồng thức ăn cho chăn nuôi để sản xuất ra thịt, trứng, sữa thì 1 hécta chỉ nuôi được từ 5 đến 10 người dân. Gần 30% địa bàn Trái đất không bị đóng băng được sử dụng để chăn nuôi

Trong Bài nói chuyện của Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 14 tại Hội Nghị Thượng đỉnh về việc bảo vệ môi trường và phát triển⁹ do Liên Hợp Quốc tổ chức: *“Sự cần thiết cho một ý thức và trách nhiệm chung có ảnh hưởng đến mọi phương diện của đời sống hiện tại. Ngày nay, những sự kiện bất an xảy ra ở một nơi nào đó trên thế giới, những cuối cùng rồi nó sẽ bị ảnh hưởng đến toàn hành tinh. Do vậy, chúng ta phải giải quyết những vấn đề nghiêm trọng này từ ngay địa phương của mình và hãy quan tâm đến chúng từ lúc chúng chưa phát khởi. Thật vô ích, nếu chúng ta kêu gọi dựng lên những hàng rào ý thức cảnh giác cũng như sự phân biệt giữa các chủng tộc với ngỗ hầu không bị ảnh hưởng và liên lụy đến những tiếng vang của sự phá hủy của chiến tranh và sự ô nhiễm của môi trường. Chúng ta hãy hưởng ứng lời kêu gọi của Liên Hợp Quốc đặc trách về bảo vệ môi trường và phát triển là chúng ta phải quan tâm nhiều hơn nữa đến các quốc gia nghèo đói và bị mối đe dọa của môi trường sống. Quả thật đây là một hình thức rất độc đáo mà chúng ta phải thảo luận kỹ trong hội nghị này.*

Hòa Thượng Thích Nhất Hạnh: *“Chỉ khi nào chúng ta thực sự quay về yêu thương Đất Mẹ thì những hành động của ta mới toát lên lòng tôn kính và trí tuệ đến từ sự tương liên của mình với Đất Mẹ. Nhưng nhiều người chúng ta đã trở nên xa lạ với Mẹ Đất. Chúng ta đã lạc lối, bị cô lập, và cô đơn. Chúng ta làm lụng quá vất vả, cuộc sống của ta quá bộn bề, chúng ta căng thẳng và mất tập trung, đánh mất chính mình trong vòng xoáy của sự tiêu xài. Nhưng Đất Mẹ thì lúc nào cũng ở đó vì chúng ta, ban cho ta mọi thứ cần thiết để nuôi dưỡng và trị liệu: hạt bắp*

bò hoặc trồng cỏ làm thức ăn cho chúng.

Khi ăn món bít tết bò hay món gà rán, chúng ta đồng thời đã sử dụng lượng nước không nhỏ mà những con vật từng tiêu thụ để tồn tại. GS John Robbin đã tính được, để sản xuất 1kg khoai tây, lúa mì, ngô và gạo cần tương ứng 120, 216, 336 và 450 lít nước. Tuy nhiên, để sản xuất được 1kg thịt bò, cần có tới trên 18 ngàn lít nước. Để có một lít sữa bò - cần 1.000 lít nước ngọt. Thực tế ngành chăn nuôi gia súc hiện sử dụng tới 70% dự trữ nước ngọt dành cho con người. Bởi thế nhu cầu tiêu thụ thịt gia tăng, nước ngọt cho nhu cầu sản xuất lần sinh hoạt sẽ cạn kiệt. Các quốc gia giàu có, nhưng thiếu nước ngọt như Arab Saudi, Lybia, các nước vùng Vịnh Persic hay CH Nam Phi khẳng định, cần sản xuất thực phẩm tại những quốc gia nghèo hơn, để bảo vệ dự trữ nước ngọt của chính mình.

Vụ tràn dầu ở vịnh Mexico giữa năm 2010 không phải là thảm họa môi trường duy nhất tại vùng lãnh thổ này. Đã từ lâu, 13.000 - 20.000km² diện tích mặt biển và cửa sông Mississippi đã bị coi là “vùng chết” vì phân động vật, các nguyên tố nito, phân hóa học và những thứ độc hại khác thải ra từ các trang trại chăn nuôi. Các chất ô nhiễm đã lấy hết nguồn oxy của cơ thể sống khác.

9. Do Liên Hợp Quốc tổ chức tại Riode Jeneiro, Brazil vào ngày 07/ 07/1992

nhiệm màu, dòng suối trong lành, cánh rừng thơm ngát, đỉnh núi phủ tuyết hùng vĩ, và tiếng chim hót yêu đời lúc rạng đông.” Đó là quan niệm rất cụ thể về sự tác động của con người tới môi trường sinh thái, đặc biệt là môi trường đất.

Theo HT.Thích Bảo Nghiêm, Phó Chủ tịch HĐTS, tại cuộc Thảo luận của đoàn Hà Nội trong chiều 7-6 - 2017 về dự thảo Luật Bảo vệ và phát i này là không được chặt cây cối, phá hoại núi rừng. Cây cối cho ta sự sống, che mát cho ta nên cấm tuyệt đối việc chặt cây. Phật giáo rất yêu thiên nhiên, bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường.

Chúng tôi rất mong mọi người đều bảo vệ môi trường, trái đất, bảo vệ cho cuộc sống, bầu khí quyển bằng việc phát động trồng cây. Mỗi người trồng một cây, thì các khu đô thị, cao ốc đều phủ màu xanh của cây cối. Rừng không phải rừng đặc dụng mà rừng còn có thể trồng ngay trong các khu đô thị, khu dân cư”.

Theo Thượng tọa Thích Đức Thiện, Tổng Thư ký Hội đồng Trị sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam cho biết: “Giáo lý Phật giáo luôn chú trọng đến vấn đề bảo vệ môi trường. Chúng ta luôn tích cực hưởng ứng lời kêu gọi của Liên hợp quốc về thực hiện mục tiêu phát triển thiên niên kỷ “Đảm bảo bền vững về môi trường” (mục tiêu thứ 7), thực thi cam kết tại Hội nghị Thượng đỉnh thế giới về môi trường ở Paris (Pháp), cộng đồng Phật giáo thế giới đã cùng chung tay hành động để giải quyết vấn đề biến đổi khí hậu.”

Alister E. McGrath phản đối cách nhìn truyền thống đầy sai sót khi coi khoa học và tôn giáo là hai con đường khác nhau khi tìm hiểu thế giới. Cần thay đổi ngay lập tức trong nhận thức về vấn đề này, các nhà khoa học thường đả phá, phủ định tôn giáo. Tuy nhiên, trên thực tế các tôn giáo luôn coi trọng và bảo vệ môi trường. Nếu chỉ xác định thế giới trong các giới hạn khoa học cụ thể và coi nó như tổng thể các nguyên tử và phân tử bị chi phối bởi các định luật không thể thay đổi, chúng ta sẽ mất khả năng hiểu rõ về những bí ẩn của thiên nhiên. Hãy nhìn nhận thế giới như một “tuyệt tác” của tạo hóa để đánh thức ý thức của con người trong việc bảo vệ thiên nhiên, nâng niu nó như nâng niu món quà của tạo hóa¹⁰.

10. Doubelday, Galilee (2003), The Reenchantment of Nature: The Denial of Religion and the Ecological Crisis, New York.

Tôn giáo thế giới đã bước vào “giai đoạn sinh thái” tức là mối quan tâm về môi trường diễn ra cùng với sự tập trung tôn giáo truyền thống về đạo đức, nghi lễ, giúp đỡ người nghèo và giảng dạy, nghiên cứu các lời của Đức Phật về môi trường, về sinh thái, về rừng. Một đại biểu tiên phong, tích cực nhất của phong trào là nhà thơ Mỹ Gany Snyder (1930), từng đọc rất nhiều trước tác của các học giả Phật giáo nổi tiếng như D. T. Suzuki và Alan Watts, cho rằng “Cỏ cây và động vật đều là người (people)”, chúng phải có nhân quyền giống như con người, gọi là “quyền của động vật”, “quyền của cỏ cây”¹¹....

Trong một nghiên cứu, Hubertus Mynarek chỉ ra: Trên phương diện từ nguyên, *Ecology* (*Ökologie*) ngay từ đầu đã có liên quan đến tôn giáo (*Religion*). Bởi lẽ, từ căn *Religio* của từ *Religion* (tôn giáo), có nghĩa là *Rück-Bindung an das Ganze* (quay lại và kết hợp với chỉnh thể), nhưng sinh thái học (*Ecology, Ökologie*) trên ý nghĩa về mặt từ nguyên là *Oeconomie des Natur-Ganzen* (kinh doanh quan tâm đến chỉnh thể tự nhiên)¹². Nói cách đơn giản, sinh thái học (*Ecology, Ökologie*) liên quan đến sự chiếu cố và hiến thân đối với quan điểm tự nhiên mới, liên quan đến sự tồn tại của con người đối với tính chỉnh thể của tự nhiên, Cho nên, có thể nói sinh thái học ngay từ đầu đã có chiều hướng của tôn giáo.

Trên thế giới, nghiên cứu tôn giáo và sinh thái học là một lĩnh vực mới xuất hiện trong khoảng hai thập niên qua. Tiêu biểu là hai nhà khoa học Mary Evelyn Tucker và John A. Grim sáng lập Diễn đàn Tôn giáo và sinh thái học nhằm đi đến nỗ lực bảo vệ môi trường sinh thái. Theo hai người này: “*Sinh thái học tôn giáo là những cách thức định hướng hoặc tìm cơ sở cho những thực hành cụ thể mà nhờ đó con người dung dưỡng và biến đổi bản thân, cộng đồng trong một bối cảnh vũ trụ riêng biệt vốn rõ ràng đánh giá cao giá trị của tự nhiên*”¹³.

Chúng tôi cho rằng: *Tôn giáo luôn có mối quan hệ với sinh thái,*

11. Dẫn theo: Trần Khuyết Nghi, Phật Giáo Và Môi Trường Tác Giả: Trần Khuyết Nghi. Nguồn: <https://thuvienhoasen.org/a18969/phat-giao-va-moi-truong>. Ngày truy cập: 02/02/2019.

12 Hubertus Mynarek (1986), *Ökologische Religion. Ein neues Verständnis der Natur*, München, p.14.

13. Dẫn theo: Hoàng Văn Chung-Đỗ Lan Hiền (2017), Giới thiệu về Tôn giáo và sinh thái học, Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, số 11 (167)/2017, trang 78. Truy cập ngày 02/02/2019.

ngay chính từ khi nó ra đời. Các thực hành tôn giáo truyền thống luôn quan tâm đến sự hiện hữu của môi sinh, gắn kết và hài hòa để thăng hoa các giá trị tâm linh. Vì vậy, trong giáo lý các tôn giáo lớn trên thế giới đều phản ánh đặc điểm môi trường sinh thái nơi mà tôn giáo ra đời và hoạt động. Ngoài ra, để hiểu rõ mối quan hệ giữa tôn giáo và sinh thái, chúng ta cần khám phá những đóng góp của tôn giáo với việc bảo vệ môi trường sinh thái trên lĩnh vực nhận thức lẫn hành động cụ thể. Tuy vậy, tôn giáo và sinh thái học vẫn là lĩnh vực đang được phát triển. Nó khởi đầu với nhiều khái niệm vay mượn từ các lĩnh vực khác, những đã bắt đầu xây dựng những khái niệm và cách tiếp cận cho riêng mình¹⁴.

Trong quan điểm của Tỳ Kheo Buddhadasa, “Toàn thể vũ trụ là một sự hiệp tác. Mặt trời, mặt trăng, và những vì sao chung sống với nhau như một sự hiệp tác. Nó cũng đúng cho con người, động vật, thực vật, và trái đất. Khi chúng ta nhận thức rằng thế giới là một tổ chức kinh dinh hiệp tác phụ thuộc hỗ tương... thế thì chúng ta có thể xây dựng một môi trường huy hoàng cao quý. Một Phật tử phương Tây, quán sát rằng thế giới quan Phật Giáo hay Giáo Pháp không chỉ liên hệ đến những lời dạy của Đức Phật mà cũng liên hệ đến mọi thứ trong thiên nhiên, biểu thị đặc điểm của Phật Giáo như một nền sinh thái học tôn giáo.

Lời kêu gọi sự tham gia của tôn giáo bắt đầu với các bài tiểu luận chính của một nhà khoa học, một chuyên gia chính sách và một nhà đạo đức. Michael McElroy, chủ tịch khoa khoa học trái đất và hành tinh của Đại học Harvard, phác thảo lịch sử tiến hóa của trái đất, do đó cung cấp một bối cảnh toàn diện để hiểu tác động hiện tại của con người đối với sự thay đổi khí hậu toàn cầu. Như McElroy quan sát, trong khi quá trình tiến hóa của trái đất đã xảy ra trong khoảng 4,6 tỷ năm, Homo sapiens sapiens chỉ xuất hiện khoảng 150.000 năm trước. Hơn nữa, trong vài trăm năm trước của cuộc cách mạng công nghiệp, con người đã thay đổi hoàn toàn bản chất của hành tinh, làm ấm khí hậu, làm cạn kiệt tài nguyên, làm ô nhiễm đất, nước và không khí. Ông trích dẫn nhà sử học văn hóa Thomas Berry và quan điểm của ông về câu chuyện tiến hóa về sự xuất hiện của cuộc sống khi cung cấp cho kinh nghiệm mặc khải chính của chúng ta về thiêng liêng. Tổ chức McElroy quan sát thấy rằng để thay đổi môi

14. Hoàng Văn Chung-Đỗ Lan Hiền (2017), Giới thiệu về Tôn giáo và sinh thái học, Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, số 11 (167)/2017, trang 79.

trường toàn cầu một cách không thể đảo ngược mà không quan tâm đến hậu quả đối với các thể hệ hiện tại hoặc tương lai tạo ra một thách thức cơ bản cho các nguyên tắc đạo đức của các tôn giáo trên thế giới. Chuyên gia chính sách công Donald Brown xây dựng thêm về bản chất của biến đổi khí hậu đương đại và tác động của con người đối với quá trình này. Ông lặp lại lời kêu gọi của McElroy về sự tham gia đạo đức của các tôn giáo trên thế giới trong việc giảm thiểu các nguyên nhân của con người và các tác động hành tinh của biến đổi khí hậu. Nhà đạo đức môi trường J. Baird Callicott đề xuất một phương pháp để tập hợp câu chuyện khoa học lớn hơn về sự tiến hóa được nêu trong bài tiểu luận của McElroy với sự đa dạng của các tôn giáo trên thế giới.¹⁵

Theo ông Joanna Macy, một cuộc cách mạng đang tiến hành bởi vì con người đang nhận thức rằng nhu cầu của chúng ta có thể đạt đến mà không tàn phá thế giới này. Chúng ta có kiến thức kỹ thuật, những phương tiện thông tin, và tài nguyên thiên nhiên để gieo trồng đủ thực phẩm, bảo đảm không khí trong lành và nước sạch, và đạt được nhu cầu năng lượng vừa phải. Những thế hệ tương lai, nếu có một thế giới có thể sinh sống cho chúng, chúng sẽ nhìn lại kỷ nguyên chuyển tiếp mà chúng ta đang làm cho một xã hội của sự sống trường cửu. Và chúng có thể gọi một cách sáng khoái rằng đây là thời gian của Sự Chuyển Biến Vĩ Đại. Nó đang diễn ra ngay bây giờ. Nếu chúng ta lưu tâm và phát triển một cách bền vững.

Những thay đổi này sẽ đòi hỏi sự hỗ trợ và cam kết đặc biệt của những người trong cộng đồng tôn giáo. Thật vậy, tài liệu kêu gọi sự hợp tác của các nhà khoa học tự nhiên và xã hội, các nhà lãnh đạo doanh nghiệp và công nghiệp, và cả các nhà lãnh đạo tôn giáo. Nó kết thúc bằng một lời kêu gọi về thái độ và hành vi nhạy cảm với môi trường, mà cộng đồng tôn giáo có thể giúp phát biểu: *“Một đạo đức mới được yêu cầu, một thái độ mới đối với việc từ bỏ trách nhiệm chăm sóc bản thân và trái đất. Chúng ta phải nhận ra khả năng hạn chế của trái đất để cung cấp cho chúng ta. Chúng ta phải nhận ra sự mong manh của nó. Chúng ta không còn cho phép nó bị tàn phá. Đạo đức này phải thúc đẩy một phong trào lớn, thuyết phục các nhà lãnh đạo bất đắc*

15. Dẫn theo: <http://environment-ecology.com/religion-and-ecology/734-the-emerging-alliance-of-world-religions-and-ecology.html>, truy cập ngày: 02/02/2019.

dĩ và các chính phủ bất đắc dĩ và chính các dân tộc bất đắc dĩ thực hiện các thay đổi cần thiết."¹⁶

3. MỘT SỐ PHONG TRÀO TÔN GIÁO SINH THÁI TIÊU BIỂU TRÊN THẾ GIỚI HIỆN NAY

Trong nỗ lực tìm đến giải pháp tôn giáo cho vấn đề đạo đức môi trường, vào các năm 1996-1998, hàng loạt hội nghị quốc tế về "Các tôn giáo thế giới và Sinh thái" (The Religions of the World and Ecology) đã được Viện đại học Harvard (Mỹ) tổ chức dưới sự tham gia và cộng tác của khoảng 700 học giả, chuyên gia môi trường và lãnh tụ tôn giáo của nhiều quốc gia trên thế giới nhằm tạo ra những hiệu ứng hiệu quả đối với tín đồ của tôn giáo đó.

Các hoạt động về môi trường và bảo tồn của Tăng già miền bắc Thái Lan cũng lan rộng qua việc làm lễ truyền giới cho cây. Việc truyền giới cho cây, được áp dụng từ tu tập Phật giáo truyền thống, là một thực hành phổ biến ở nhiều quốc gia Phật giáo chiếm đa số, để tìm cách làm giảm thiểu nạn phá rừng và thiết lập các khu bảo tồn động vật hoang dã. Cây được truyền giới và bọc trong vải pháp phục cả sa biểu tượng của chư tôn tịnh đức tăng già Phật giáo Nguyên Thủy (Theravada), làm cho chúng trở thành thiêng liêng và do đó bảo vệ chúng khỏi bị tổn hại, phá hủy và đốn hạ¹⁷..

Ở Campuchia, một phong trào sinh thái hiện nay là rừng của Campuchia được sự ủng hộ của một nhóm các nhà hoạt động đặc biệt. Các nhà sư, người đã đoàn kết các tổ chức như là *Rừng cộng đồng cho các nhà sư (MCF)* và *Mạng lưới các nhà sư độc lập cho công bằng xã hội (IMMSJ)* để chiến đấu bảo vệ rừng bằng cách yêu cầu chính phủ có những hành động mạnh mẽ hơn chống lại nạn phá rừng và vận động các nhà hành pháp tạo ra sự bảo vệ mạnh mẽ hơn.¹⁸

Đầu năm 2019, Các *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, Thiên nhiên và Văn hóa*¹⁹ của trường Đại Học Yale, Hoa Kỳ cũng tìm kiếm đề trình

16. Cảnh báo của các nhà khoa học thế giới về loài người, tổ chức các nhà khoa học quan tâm, năm 1992.

17. Dẫn theo: <http://phatgiao.org.vn/quoc-te/201808/Tang-si-Phat-giao-Thai-Lan-tich-cuc-bao-ve-moi-truong-31657/>, truy cập ngày: 25/01/2019.

18. Dẫn theo: <http://linhsonphatgiao.com/1/9/2018/campuchia-cac-nha-su-chien-dau-de-bao-ve-rung.html>. Truy cập ngày: 25/01/2019.

19. Tạp chí Tôn giáo, Tự nhiên và Văn hóa, được xuất bản hàng quý kể từ năm 2007 bởi

cho các vấn đề đặc biệt liên quan chủ đề “lồng ghép tôn giáo sinh thái và thiên nhiên”.

Vấn đề này được các nhà khoa học sẽ khám phá các mối quan hệ giữa giới tính, thiên nhiên và các khía cạnh tình cảm, tinh thần và tôn giáo của kinh nghiệm của con người.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Liên hợp quốc về thực hiện mục tiêu phát triển thiên niên kỷ “Đảm bảo bền vững về môi trường” (mục tiêu thứ 7), thực thi cam kết tại Hội nghị Thượng đỉnh thế giới về môi trường ở Paris (Pháp), cộng đồng Phật giáo thế giới đã cùng chung tay hành động để giải quyết vấn đề biến đổi khí hậu. Tại Việt Nam, Thông điệp Phật đản Phật lịch 2560 của Đức Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam nhắc đến việc bảo vệ môi trường bền vững, ứng phó với biến đổi khí hậu nhằm cụ thể hóa chương trình hành động đó, cũng là thực hiện Chương trình phối hợp hành động về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2015-2020 giữa Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Bộ Tài nguyên và Môi trường cùng lãnh đạo 14 tổ chức tôn giáo trong nước, trong đó có Giáo hội Phật giáo Việt Nam cùng kí kết thỏa thuận.

Bảo tồn thiên nhiên và sáng tạo - đặc biệt là hệ thực vật, động vật - là một trong những nghĩa vụ quan trọng nhất của người Phật tử. Rừng đóng vai trò rất quan trọng trong Phật giáo vì nó được coi là phương tiện để các nhà sư tu tập, hành thiền²⁰ và nền tảng của sự sống. Nó cũng có ý nghĩa lớn đối với việc giác ngộ trong tu tập thiền định của Phật giáo. Có nhiều lời dạy của Đức Phật chứng minh rằng Ngài kêu gọi mọi người sử dụng Rừng một cách tiết kiệm và cấm ô nhiễm nước.

nhà xuất bản Equinox, khám phá thông qua khoa học xã hội và tự nhiên các mối quan hệ phức tạp giữa con người, tôn giáo đa dạng của họ và hệ thống sống của trái đất. Xác định tôn giáo rộng rãi để bao gồm các trải nghiệm tình cảm và tâm linh, JSRNC cung cấp một địa điểm để phân tích và tranh luận về những gì tạo nên mối quan hệ phù hợp về mặt đạo đức giữa các loài của chúng ta và các sinh vật khác trong môi trường đa dạng của thế giới. và môi trường chúng ta sinh sống.

20. Từ thời Đức Phật, các khu rừng, vườn cây có mối quan hệ chặt chẽ tới đời sống người tu sĩ, điển hình về hình ảnh Đức Phật sanh ra dưới cây Vô Ưu, sống khổ hạnh trong rừng, Thành đạo dưới cây Bồ đề và nhập Niết bàn trong rừng cây Sa La... cả đời Ngài và các vị Thánh đệ tử đều sống hài hòa với thiên nhiên.

Phật giáo Việt Nam đã có nhiều mô hình thành công trong lĩnh vực bảo vệ môi trường sinh thái. Đầu tiên là mô hình trồng rừng của Liên Tổng Tịnh Độ Non Bồng. Theo tinh thần nghị quyết kỳ II của TW Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam về việc phát huy tự túc kinh tế nhà chùa và hưởng ứng lời kêu gọi của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Đồng Nai. Hòa Thượng Thích Thiện Phước phát động toàn thể Tăng Ni trong tông môn trồng cây gây rừng, phủ màu xanh cho rừng núi, mỗi người trồng ít nhất là 100 cây tràm, điều, bạch đàn, sao.... Sau 2 năm, mầm xanh đã nhú lên trên mặt rừng khô cằn, hạt ươm ngày nào trở thành những cây con khắp nơi. Nhận thấy hiệu quả ấy, Cục Kiểm Lâm tỉnh Đồng Nai đã tiếp tục giao thêm đất rừng cho Quan Âm Tu Viện quản lý²¹.

Đến năm 1984, nhân kỷ niệm ngày sinh Bác Hồ, Ni Trưởng Huệ Giác lần đầu tiên phát động phong trào trồng cây gây rừng. Tham gia buổi lễ có ông Phạm Văn Hy - Bí Thư Tỉnh Ủy Đồng Nai, ông Lê Văn Nà - chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai, ông Lê Hữu Sanh - Giám đốc Sở Nông Lâm Nghiệp thời bấy giờ.

Toàn bộ hệ thống tự viện của Tông phong gồm hơn 170 ngôi chùa, tịnh xá ở khắp Miền Tây cho đến Đông Nam Bộ. Từ năm 1982 đến nay tông phong tiếp nhận khoảng 1025 ha đất hoang trồng rừng theo giao ước tự trồng, tự hưởng dưới sự chỉ đạo, quan tâm trực tiếp của Ni trưởng Huệ Giác - đương kim Tông trưởng. Những tán rừng xanh đã phủ đồi trọc, đem lại sự sống cho các loài động vật. Kế đến, đó là mô hình xử lý rác thải do Câu Lạc bộ Nữ chức sắc Phật giáo tỉnh Hà Nam phát động và thu được kết quả khả quan, được chính quyền ghi nhận thành tích.

Vào ngày 31/03/2018, Ban Trị sự Phật giáo tỉnh Bến Tre tổ chức lễ Phóng sinh vì môi trường được Phật giáo tỉnh kết hợp chặt chẽ cùng với Hội Thủy Sản và địa phương sở tại từ khâu chọn con giống phù hợp với môi trường nước, kiểm tra sức khỏe cá... trước khi phóng sinh vào môi trường sống mới.

Qua đó, giúp các loài không làm hại lẫn nhau, gây ảnh hưởng môi trường; đồng thời tuyên truyền đến bà con trong khu vực

21. Thích Thiện Huy (2017), Tham luận Công Tác Trồng Rừng Của Liên Tổng Tịnh Độ Non Bồng - Một Mô Hình Bảo Vệ Môi Trường Của Phật Giáo Việt Nam Hiện Nay, trong văn kiện đại hội đại biểu Phật giáo toàn quốc lần thứ VIII, Tổ Chức tại Hà Nội.

không đánh bắt trong vòng một tuần từ khi phóng sinh. Điều đó thể hiện đúng tinh thần bình đẳng, từ bi của Phật giáo trong phóng sinh và cân bằng hệ sinh thái.²²

Giáo hội Phật giáo Việt Nam ở các địa phương trên cả nước cũng thường đưa những nội dung trong chương trình phối hợp vào chương trình hoạt động Phật sự hằng năm. Vận động Phật tử tham gia công tác từ thiện nhân đạo chia sẻ nỗi khổ niềm đau và hỗ trợ đồng bào gặp thiên tai, bão lũ, hạn hán,... Hạn chế việc đốt hương, không đốt vàng mã gây ảnh hưởng đến môi trường...

Phải chăng các giải pháp cho các vấn đề môi trường nằm trong sự hồi sinh của giá trị đạo đức tâm linh và niềm tin tôn giáo, chủ đề về môi trường và bảo vệ Trái đất kết hợp những người ủng hộ trong các tôn giáo khác²³, trong cuộc chiến chung để bảo vệ sinh kế của loài người trên khắp các quốc gia, và nó đã được chứng minh là một trụ cột quan trọng trong cuộc tranh luận giữa các tôn giáo. Trong khi không có một tôn giáo nào độc quyền có thể giải quyết triệt để các vấn đề của biến đổi khí hậu, tuy nhiên tiếng nói chung của các tôn giáo có thể góp phần thay đổi thái độ của mọi người. Khi cột trụ này lan tỏa sẽ truyền cảm hứng thực tế của tôn giáo chính mình đang kêu gọi và khuyến khích hành vi thân thiện thực sự với môi trường.

Ngày nay, những phong trào tôn giáo sinh thái đang lan rộng đến nhiều quốc gia, được sự hưởng ứng của các tôn giáo lớn, thu hút sự quan tâm của cộng đồng xã hội. Đây là tiền đề góp phần cùng với cả nhân loại chung tay bảo vệ môi trường, giữ gìn sự sống cho trái đất trước nạn tàn phá môi trường, tác động của quá trình biến đổi khí hậu đến loài người.

4. ĐỀ XUẤT MỘT SỐ BIỆN PHÁP THAY LỜI KẾT

Chúng ta cần có một số biện pháp thiết thực nhằm giải quyết các vấn đề mà chúng ta đã bàn thảo phía trên như sau:

Thứ nhất, thiết lập sổ tay Tài liệu hướng dẫn này chứa các hướng dẫn thực tế cho từng người đệ tử Phật về cách khắc phục biến đổi

22. Ban TTXH GHPGVN tỉnh Bến Tre.

23. Ở đây chúng ta chú trọng đến các phong trào bảo vệ môi trường sinh thái của Phật giáo nhằm kỷ niệm các hoạt động Phật giáo nhân ngày Đại lễ Vesak.

khí hậu. Lời khuyên hàng ngày về các vấn đề như tiết kiệm năng lượng khi nấu ăn hoặc các hoạt động sinh hoạt hằng ngày, tái chế và sử dụng phương tiện giao thông công cộng hoặc khuyến khích phổ biến sử dụng xe đạp (vì môi trường và sức khỏe) được kèm theo trích dẫn từ các bài kinh sống gần gũi, bảo vệ môi trường. Tài liệu này giải thích lý do tại sao người Phật tử nên hành động và minh họa rằng bảo vệ môi trường là nhiệm vụ của họ.

Thứ hai là, Internet ngày càng được sử dụng như một phương tiện truyền bá ý tưởng và phương pháp tiếp cận, và để đưa các nhà hoạt động Phật giáo bảo vệ môi trường tiếp xúc với nhau. Ngoài các trang web thông tin, nên Thiết lập nhiều trang thông tin cộng đồng như: Facebook, Viber, Twitter và các nhóm được điều hành, sử dụng bởi những người không phân biệt tôn giáo nhưng cùng ý tưởng giảm thiểu các hoạt động thay đổi hệ sinh thái và biến đổi môi trường. Các trang web và nhóm này được sử dụng để thảo luận về các chủ đề môi trường trên cơ sở các bài viết, video thân thiện môi trường và các liên kết.

Ba là, Chúng ta hoạch định chiến lược, tổ chức trồng rừng cách hệ thống gắn liền với cơ sở tự viện, khi có sự cố xảy ra thì xe cứu hỏa hay các phương tiện dễ dàng tiếp cận. Hoạch định việc khai thác và trồng cây như thế nào là tối ưu hóa, chủ trương trồng rừng theo vùng khí hậu, thổ nhưỡng để phát triển các khu rừng tốt nhất gắn liền với các cơ sở tự viện, đại tòng lâm vừa góp phần tạo điều kiện thuận lợi, môi trường sống tốt cho các loài sinh vật về trú ngụ, sinh sống. Tạo nên cảnh quan đẹp, môi trường sống xanh hòa hợp với tự nhiên, môi trường tu tập gần gũi với thiên nhiên. Góp phần phổ biến và tuyên truyền cho mọi người biết về việc bảo vệ môi trường môi sinh giảm việc săn bắt sát sinh²⁴, chặt phá rừng....

Thứ tư, Tiếp nối lời kêu gọi của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, các Phật tử nên sử dụng tiền đốt giấy tiền vàng mã, tiền “cúng sao giải hạn”... đóng góp vào quỹ từ thiện hay trồng cây xanh để tích cực chuyển nghiệp cho chính mình và người thân; kêu gọi xây

24. Đức Phật xác nhận không sát sanh là bố thí không sợ hãi, bố thí không hận thù, bố thí không làm hại: “Vị thánh đệ tử từ bỏ sát sanh, đem không sợ hãi cho vô lượng chúng sinh, đem không hận thù cho vô lượng chúng sinh, đem không làm hại cho vô lượng chúng sinh”. (Tăng Chi III, 229) Ngài tuyên bố rất rõ, Ngài không chấp nhận vì Ngài hay vì đệ tử của Ngài mà giết hại các chúng sinh để cúng dường đồ ăn.

dựng một lối sống thân thiện với môi trường ngay trong cộng đồng dân cư, “xanh , sạch, đẹp” từ môi trường “Tâm” cho đến môi trường sống bên ngoài cộng đồng xã hội bằng các hành động thiết thực như các trang truyền thông đã đưa tin như người nước ngoài nhặt rác ở Cống rãnh Tp. Hồ Chí Minh, Hồ Gươm, các Bãi biển trong khi Phật tử chúng ta chưa có những hình ảnh đẹp để truyền thông thiết thực (một nhóm hội Phật tử áo lam tại chùa...trong chiến dịch bảo vệ môi trường, nhặt rác tại sân vận động..., các GDPT).

Thứ năm, Trong nỗ lực giải quyết các nhu cầu cân bằng hệ sinh thái của cộng đồng, chúng ta nên nghiên cứu thực hiện kêu gọi, thiết kế để thu hút một số nhóm đối tác, cộng tác viên và người sử dụng tri thức đa dạng. Các khu vườn hay các mảng rừng sinh thái lớn đã được thành lập với sự hỗ trợ của cộng đồng Bản địa địa phương (ví dụ như Chùa Tam Chúc nơi tổ chức lễ Vesak tâm vóc thế giới lần thứ 3, quần thể kiến trúc gắn với hệ sinh thái) để chúng ta có những ngôi tự viện lớn, vừa xứng tầm vừa thân thiện môi trường, tạo ra một tầng lớp ý thức hệ rõ ràng trong việc tu tập gắn liền với môi trường tự nhiên - để giải quyết các rào cản tiếp cận và kiến thức khám phá giáo dục và thực tiễn đổi mới trong đời sống tự viện.

Thứ sáu, Để tồn tại trong một môi trường nhất định, con người phải điều chỉnh những gì họ lấy từ môi trường đó thành những gì có thể mang lại cho họ sản lượng bền vững (chúng ta nên hướng tới việc chỉ tạo ra những sản phẩm thực sự cần thiết cho đời sống). Thực tế, điều này có nghĩa là con người sớm phải học cách bảo tồn ngay từ khi còn nhỏ. Phần lớn phụ thuộc vào những gì có sẵn hơn là vào những gì họ có thể chế tạo, chúng ta đã tham gia vào một quan hệ đối tác với môi trường. Và với sự phát triển ngày càng tăng của giáo dục Phật giáo lẫn giáo dục quốc dân hiện nay, chúng ta có thể thay đổi cách các thế hệ sắp tới hình dung ra môi trường của chúng ta và định hình tương lai cần phát triển bền vững như thế nào mở ra cho các thế hệ.

Tiếng nói đạo đức của một tôn giáo có thể sẽ không được những người lãnh đạo có trách nhiệm lắng nghe, nhưng tiếng nói ấy có thể lay chuyển phần nào tâm thức của những tín đồ theo tôn giáo đó. Một giải pháp của tôn giáo cho một vấn đề xã hội có thể

sẽ không được chú ý đến, nhưng giáo dục tín đồ sống có đạo đức là trách nhiệm của những người lãnh đạo tôn giáo. Bắt đầu được khởi đi từ việc thay đổi nhận thức của mỗi cá nhân, bắt đầu từ việc giảm thiểu đi tham, sân, si, xã hội sẽ dần thay đổi theo chiều hướng tốt đẹp hơn khi tâm thức của mỗi cá nhân thay đổi theo chiều hướng tích cực hơn. Theo cách nhìn của Phật giáo, sẽ không bao giờ có một xã hội tốt đẹp khi ở đó cộng tồn những cá thể chất chứa quá nhiều tham, sân, si - gốc rễ của những hành vi bất thiện có những chiều kích xã hội lớn lao.²⁵

Để quán triệt và hành động thiết thực những biện pháp trên, chúng ta cần phối hợp với các ban ngành, Viện của Giáo hội, các cơ quan khoa học tổ chức tọa đàm, hội thảo về Phật giáo với bảo vệ môi trường sinh thái, thảo luận sâu về các mô hình thành công bảo vệ môi trường của Phật giáo thế giới cũng như Việt Nam để đúc kết kinh nghiệm và làm cơ sở cho việc tuyên truyền, các hành động Phật giáo bảo vệ môi trường sinh thái điển hình qua sách báo, phim ảnh, Đó là những tấm gương, hành động cao đẹp để cộng đồng xã hội nhìn nhận và học tập.

Điều mà chúng ta luôn hy vọng và cầu nguyện cho sự thành công trong những hội nghị chung cho các vùng lãnh thổ, tôn giáo trên toàn thế giới là chính chúng ta tin tưởng vào tinh thần từ bi và trí tuệ của chúng ta, nó sẽ sáng suốt giải quyết và hoàn tất mọi vấn đề nghiêm trọng, ai ai cũng có ý thức và trách nhiệm chung trong việc bảo vệ môi trường, chúng ta sẽ sống trong một thế giới hòa bình, trong niềm tin yêu thương và hợp tác²⁶.

25. Padmasiri de Silva, 2005, tr.4

26. Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 14 của Phật Giáo Tây Tạng tại Hội Nghị Thượng đỉnh về việc bảo vệ môi trường và phát triển, do Liên Hợp Quốc tổ chức tại Riode Janeiro, Brazil vào ngày 07/ 07/1992

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Ủy ban Môi Trường và Phát Triển – Liên Hiệp Quốc, (1987), *Tương lai của chúng ta (Our Common Future)*.

Đạt Lai Lạt Ma thứ 14 (1992), *Trách nhiệm chung về việc bảo vệ môi trường trong hành tinh của chúng ta*, Hội Nghị Thượng đỉnh về việc bảo vệ môi trường và phát triển, do Liên Hợp Quốc tổ chức tại Riode Jeneiro, Brazil.

Hoàng Văn Chung-Đỗ Lan Hiền (2017), *Giới thiệu về Tôn giáo và sinh thái học*, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 11 (167)/2017.

Doubelday, Galilee (2003), *The Reenchantment of Nature: The Denial of Religion and the Ecological Crisis*, New York.

Hubertus Mynarek (1986), *Ökologische Religion. Ein neues Verständnis der Natur*, München.

<http://environment-ecology.com/religion-and-ecology/740-islam-faith-and-climate-change.html>

Trần Phương Lan dịch (2010), *Phật Giáo – Sinh Thái Học và Đạo Đức Toàn Cầu*. Thư viện hoa sen.

Stevent C. Rockefeller, *Spirit and Nature: Why the Enviroment is a Religious Issue - An Interfaith Dialogue* (Stevent C. Rockefeller, *Tâm linh và tự nhiên: Tại sao môi trường là một vấn đề tôn giáo - Đối thoại liên tín ngưỡng*), Nxb Beacon, Boston, 1992.

Phật giáo và Sinh thái học (1997), **Truyền thống và Sinh thái bản địa (2001)**, Tất cả được xuất bản bởi Trung tâm Nghiên cứu Tôn giáo Thế giới tại Trường Harvard, Nhà xuất bản Đại học Harvard, 1-800-448-2242.

“Môi Trường và Phật giáo” trong Bộ Bách Khoa Tự Điển về Sinh Thái, *Môi Trường và Ô Nhiễm Môi Trường*, tập 3, do M. C. Chitakara chủ bút, nhà xuất bản Aph Publishing Corporation, năm 1998.

Phật giáo trong thời đại chúng ta (2005), Nxb. Tôn giáo.

TIẾP CẬN KINH TẾ: CÁCH NHÌN TỪ PHẬT GIÁO QUA THỰC TIỄN TỈNH NINH BÌNH

Thích Thanh Điện (Dương Quang Điện)*

Lê Thị Minh Thảo**

Vũ Sĩ Đoàn***

TÓM TẮT

Phật giáo là một tôn giáo xuất phát từ cơ sở sâu xa là hiện thực sống sinh động của chính mỗi chúng sinh. Phật giáo nhấn mạnh sự phát triển toàn diện của con người cần hội đủ những vấn đề về phát triển tinh thần, sự tráng kiện của thân tâm cùng sự bảo đảm về điều kiện kinh tế. Phát triển kinh tế là để cho tất cả mọi người đều được sống an lạc thái bình. Thế nên, việc phát huy những nguồn lực, trong đó có nguồn lực của tôn giáo nói chung và Phật giáo nói riêng, những giá trị của Phật giáo được khai thác và sử dụng hợp lý, vì lợi ích không những của thế hệ hiện nay, mà còn của các thế hệ mai sau, với một môi trường sống được bảo vệ tốt đó cũng là vấn đề tất yếu trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay. Phật giáo tiềm ẩn nhiều giá trị độc đáo từ văn hóa vật chất đến tinh thần mang lại sức hút thúc đẩy du lịch phát triển, nhất là du lịch tâm linh đóng góp nguồn ngân sách lớn cho nhà nước và nâng cao đời sống cho nhân dân cũng như các tín đồ Phật giáo. Đó là điều mà ngành du lịch Ninh Bình nói riêng và du lịch Việt Nam nói chung cần tiếp tục khám phá và thấu hiểu những giá trị quý báu của Phật giáo để khai thác tốt hơn.

* Hòa thượng, Tiến sĩ, Phó tổng thư ký, Chánh văn phòng Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam

** Tiến sĩ, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2

*** Thạc sĩ, Đại học Lao động – Xã hội.

1. DẪN

Nhiều người cho rằng Phật giáo là một tôn giáo không có sự quan hệ với vấn đề kinh tế đó là nhận định sai lầm, trong Kinh Trường A Hàm có đưa ra một “định nghĩa” về con người: “Đây là thân của ta, nó có một hình dáng do bốn chất: đất, nước, gió, lửa tạo thành. Thân này do cha mẹ sinh ra. Nó được nuôi dưỡng bằng sữa, bằng cơm và phải bị rã rời tiêu hoại. Còn đây là tâm của ta. Tâm này nung nơi xác thân tứ đại và phải chịu một số phận như nó”. Như vậy, quan niệm nhân sinh duyên về con người cũng chứa đựng cách nhìn có yếu tố duy vật về con người, nhất là con người sinh học. Phật giáo không bài trừ vấn đề kinh tế, nói sự phát triển tinh thần mà không chấp nhận điều kiện vật chất thì không phải là chủ trương và cái nhìn của Phật giáo.

Con người không thể chỉ dựa vào tinh thần không thôi mà có thể tồn tại, nhưng con người cũng không thể chỉ là động vật thuần nhất về kinh tế vật chất. Có một loại “dục vọng” chính là nhu cầu căn bản nhất của con người, nơi nào có con người nơi ấy nhất định sẽ tồn tại tạo dục vọng này. Đó là dục vọng tự nhiên, là nhu cầu tự nhiên căn bản nhất như ăn, uống, thuốc thang, sự quan tâm... Đây vốn là nhu cầu thiết yếu nhất, là dục vọng hữu hạn nhằm duy trì sự tồn tại của sắc thân nên Phật giáo chấp nhận nhu cầu ham muốn này. Phật giáo cho rằng chỉ khi nào nhu cầu căn bản này được đáp ứng thì mới có thể tiến cao hơn trong thế giới tinh thần được.

Đức Phật dạy: “Các vị phải siêng năng tu các điều thiện, nhờ điều thiện mà mạng sống lâu dài, nhan sắc thắm tươi và được an ổn, khoái lạc, của cải dồi dào, uy lực đầy đủ...” (Trường A Hàm - 327. Kinh Chuyển luân Thánh vương tu hành). Rõ ràng, chúng ta thấy nét tương đồng trong tư tưởng của Phật giáo với C.Mác: “con người trước hết cần phải ăn, uống, chỗ ở và mặc đã rồi mới có thể làm chính trị, khoa học, nghệ thuật...được”.

Trong bối cảnh hiện nay, Phật giáo cũng cần nhiều nguồn lực để làm nhiều công việc thuộc về cứu tế an sinh, hiện đại hóa Phật giáo. Trong truyền thống, hoạt động kinh tế trong chốn Thiền môn cũng đã được nhắc đến «một ngày không làm, một ngày không ăn», vấn đề lao động sản xuất hay làm kinh tế trong Phật giáo dường như luôn gắn kết với pháp môn tu tập. Hiện nay, cùng với sự phát triển kinh tế thị

trường, các ngôi chùa, Thiền viện... ở nước ta ngày càng tỏ ra có nhiều khả năng cung ứng những dịch vụ cá nhân và xã hội, không chỉ nhằm “giải thoát” mà còn có khả năng đáp ứng nhu cầu mới phong phú, phức tạp hơn là nhu cầu “an ninh sinh tồn” mà một số chuyên gia tôn giáo gọi là “dịch vụ tâm linh”. Bên cạnh đó, theo hướng hiện đại, một số nước trên thế giới, trong đó có Việt Nam phát triển các ngôi chùa thành danh lam thắng cảnh, trở thành nguồn lực quan trọng trong phát triển du lịch, mà ở đây chính là du lịch tâm linh. Ở bài viết này, chúng tôi muốn đề cập hai vấn đề: thứ nhất là tiếp cận kinh tế từ một số cách nhìn từ Phật giáo và thứ hai là việc khai thác giá trị Phật giáo trong phát triển kinh tế.

2. MỘT SỐ TƯ TƯỞNG CỦA PHẬT GIÁO TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ

Phật giáo là một tôn giáo với chủ trương lấy trí tuệ làm sự nghiệp, nếu nói theo ngôn ngữ này thì Phật giáo đã thể hiện tinh thần toàn cầu hóa, thể hiện tinh thần tùy duyên nhưng bất biến như các nhà truyền giáo thể nghiệm khẳng định. Không như nhiều tôn giáo khác, Phật giáo có thể thích ứng và đồng hành trong thời kỳ hiện nay dễ dàng từ bản chất học thuyết đến thực tiễn thành trì. Dù bản thân Phật giáo xưa nay không trực tiếp đặt ra vấn đề kinh tế nhưng là một tôn giáo nhập thế, Phật giáo đã góp phần to lớn và thiết thực cho đời sống xã hội. Có thể thấy, tư tưởng Phật giáo trong phát triển kinh tế tập trung ở một số nội dung dưới đây:

Thứ nhất, là tư tưởng vô thường giúp cho người ta dễ thích ứng với hoàn cảnh mới, yêu cầu mới.

Tôn giáo, đặc biệt là Phật giáo không mâu thuẫn với đời sống thực tại. Thoát tục, xuất gia, niệm phật, nhưng vẫn nhập thế, không xa lánh cuộc đời trần thế. Thế tục hóa đời sống ngày càng nhiều sự hướng thiện, lương thiện, sự tử tế như ta thường nói, đó là sự kết tinh của lý trí và tình cảm, cả trí và đức, đem nó vào thực hành. Đẹp đời tốt đạo, từ trong tiến trình lịch sử, Phật giáo vẫn luôn đồng hành cùng dân tộc.

Phật giáo nhập thế nên triết lý Phật giáo có khả năng phát huy tác dụng rất tích cực trong phát triển kinh tế thị trường, trong xây dựng cộng đồng xã hội văn minh, trọng pháp luật, trọng đạo đức, quảng bá tinh thần văn hóa, Phật giáo trong xã hội: Tình thương, sự quan tâm, chia sẻ với mọi cảnh đời, mọi số phận. Như vậy, tôn

giáo chân chính, đích thực là hiện thân của đạo đức, của văn hóa. Sức mạnh tinh thần này thúc đẩy con người hoàn thiện nhân tính, tính người và tình người, nhờ đó mà góp phần vào sự phát triển xã hội và cộng đồng.

Trong đời sống kinh tế thị trường, ai cũng biết muốn phát triển phải tăng cường đầu tư. Muốn đầu tư, phải tiết kiệm vốn. Tỷ lệ tiết kiệm vốn tùy thuộc thái độ đối với sự hưởng thụ. Người Phật tử hiểu đạo, sống theo đạo hẳn nhiên phải thực hành một nếp sống đạm bạc, tri túc, và cần siêng năng lao động theo tinh thần Bát chánh đạo. Người Phật tử rất siêng năng lao động. Hơn nữa, ý niệm sâu sắc về cuộc đời vô thường cũng thúc đẩy người Phật tử sống đạm bạc và hướng về tương lai.

Thứ hai, Phật giáo không ca không ca ngợi sự nghèo khổ, cũng như không phê phán sự giàu có. Bởi vì, giàu nghèo chỉ là phương tiện, chứ không phải là cứu cánh Phật giáo cũng sáng suốt vô cùng, như người ta vẫn thường ngưỡng mộ và hướng vọng vào đức khôn ngoan của Phật, bởi chủ trương từ bỏ tham, sân, si nhưng không hề ngăn cản Phật tử và những người con của Phật làm kinh tế, bắt đầu từ lao động sản xuất.

Không đồng nhất “tham” (tham lam) với “có lãi”, “có lợi”, “có ích” trong sản xuất, kinh doanh, buôn bán. Vấn đề là ở chỗ chính đáng, đúng pháp luật, đúng đạo lý, gắn lợi nhà với ích nước, giàu cho mình và giàu cho xã hội. Tham vọng là ước muốn, là khát vọng, khởi nghiệp sáng tạo của mỗi người, mỗi nhà và cả nước, sẽ làm nên giàu có, phát triển. Giàu mà không tham. Đó là đạo đức, nhân cách của những doanh nhân lương thiện. Giàu mà không vị kỷ, vụ lợi vẫn luôn thực hành “vô ngã vị tha”.

Khi nói như vậy, không phải ai cũng đồng thuận quan điểm này. Đối với những người chưa tìm hiểu sâu đạo Phật, khách quan cho rằng đạo Phật với một triết lý chủ trương diệt dục, làm sao thúc đẩy để phát triển kinh tế, cũng như kích thích nhu cầu tiêu dùng. Cho rằng: tâm linh của Phật giáo trái ngược với cái vật chất; hướng nội trái ngược với hướng ngoại và kỹ thuật; sự đoạn trừ dục vọng trái ngược với lòng ham muốn cuộc sống tiện nghi, lợi nhuận, quyền lực, thành công, sự phát triển; Sự an tịnh nội tâm trái ngược với nhiệt tình hành động v.v... Thực ra, Phật giáo trước hết là một thực thể tổng hợp văn hóa, quyết định thái độ của con người đối với thế

giới, đối với những người khác và đối với bản thân mình. Cốt lõi của Phật giáo là triết lý duyên sinh và nhân quả nghiệp báo. Không ai có thể sống một mình, con người có vô số mối quan hệ gắn liền với cộng đồng, xã hội, môi trường sống... Phật giáo còn chủ trương con người là chủ nhân của nghiệp, là người thừa tự nghiệp. Và như thế, suy cho cùng, mục đích của đạo Phật có mặt ở đời là diệt khổ, nghĩa là đem đến hạnh phúc cho số đông mọi người.

Thứ ba, tinh thần vô ngã, sự hy sinh cho lợi ích chung; tính duy lý, sự phân tích tâm lý với thái độ bình thản, đối với mình cũng như mọi người; Ý thức sâu sắc về thời gian, về cuộc đời vô thường, niềm tin ở sự tiến bộ không có giới hạn,... Làm ăn, sản xuất, kinh doanh thì phải có lãi, do đó phải cạnh tranh nhưng không bắt chấp thủ đoạn, không vô đạo, không vô cảm. Đó là cạnh tranh lành mạnh với sự sáng tạo từ trí tuệ và sự định hướng của đạo đức, và luôn luôn ý thức và trách nhiệm bốn phận với xã hội, với cộng đồng. Đức Phật khẳng định rằng mọi hoạt động của con người - bao gồm cả hoạt động kinh tế, đều phải có nội dung đạo đức, nhằm tới hạnh phúc của bản thân cũng như cộng đồng. Đồng tiền không thể là cứu cánh của nhân sinh, nếu xem đồng tiền là cứu kính, nó sẽ làm cho con người tha hóa và thất vọng. Giá trị của đồng tiền là ở chỗ nó là phương tiện tạo ra môi trường thuận lợi cho sự tiến bộ đạo đức và tâm linh của con người.

Mặt khác, Phật giáo dễ dàng tiếp thu mọi tư tưởng và phương pháp khoa học kỹ thuật hiện đại. Đạo Phật là tôn giáo điển hình không giáo điều và chống giáo điều. Phật tuyên bố: Ta không phải là kẻ giáo điều mà là một người phân tích (Kinh Soubha số 99). Tư tưởng chống giáo điều là một tư tưởng tiến bộ và thúc đẩy tiến bộ trong tất cả mọi lĩnh vực, đặc biệt là trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật khoa học mà kỹ thuật là mẹ đẻ của phát triển kinh tế.

Nói cách khác, chúng ta muốn dân giàu nước mạnh, mọi người đều an cư lạc nghiệp, thì phải có một kế hoạch phát triển kinh tế toàn diện hợp lý, đảm bảo cho các giai cấp, tầng lớp trong nhân dân có sự phân phối hợp lý.

3. KHAI THÁC GIÁ TRỊ PHẬT GIÁO TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ Ở NINH BÌNH

Cũng như nhiều tôn giáo khác, Phật giáo mong muốn nhân dân

được sống trong thế giới đại đồng, ấm no, hạnh phúc. Đất nước nhờ đổi mới đã thay đổi, đã phát triển như hôm nay, đang phát triển mạnh mẽ kinh tế thị trường, đang hội nhập sâu rộng vào thế giới, nhất là hòa nhập kinh tế quốc tế. Mục tiêu *dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh* cũng là ước muốn của Đảng và Nhà nước Việt Nam và đó cũng là điểm tương đồng với tôn chỉ của các tôn giáo, trong đó có Phật giáo. Mục đích ấy đang lôi cuốn, thu hút mọi người dân, mọi thành viên trong xã hội, có đạo và không theo đạo (tự do tôn giáo, tín ngưỡng), phát huy mọi nguồn lực vào công cuộc chấn hưng dân tộc, đất nước. Ngược lại, “Chúng ta phản đối một sự tăng trưởng kinh tế, theo quan điểm kinh tế hẹp hòi, một sự tăng trưởng kinh tế phải trả giá bằng môi trường sống bị ô nhiễm quá mức chịu đựng của con người, bằng những giá trị đạo đức và văn hóa truyền thống bị xói mòn và hủy hoại, bằng những tệ nạn xã hội cho lưu hành không hạn chế, bằng sự suy thoái đạo đức, sự giải thể của gia đình, sự mất niềm tin của lứa tuổi trẻ, thanh và thiếu niên, vì đây quả là những mất mát vô giá, không thể bù đắp được bằng bất cứ một tỷ lệ tăng trưởng kinh tế nào”¹.

Đất nước Việt Nam khuyến khích làm giàu hợp pháp bằng tài trí, tài sản, sức lực của mình, làm giàu cho mình và làm giàu cho Tổ quốc để dân tộc cường thịnh, nhờ đó mà độc lập chủ quyền và thống nhất toàn vẹn lãnh thổ mới giữ vững, mới bền vững. Mọi người được phép làm tất cả những gì mà luật pháp không cấm. Đó là quyền công dân, quyền hợp pháp, chính đáng của mọi người. Ai ai cũng được tự do sản xuất – kinh doanh theo pháp luật. Còn công chức nhà nước chỉ được làm những gì mà pháp luật cho phép. Đó là giới hạn sáng suốt của nhà nước pháp quyền để ngăn chặn, phòng ngừa sự tha hóa trong quyền lực nơi công quyền. Đồng tiền không thể là cứu cánh của nhân sinh, nếu xem đồng tiền là cứu cánh, nó sẽ làm cho con người tha hóa và thất vọng. Giá trị của đồng tiền là ở chỗ nó là phương tiện tạo ra môi trường thuận lợi cho sự tiến bộ đạo đức và tâm linh con người.

Trong bài viết này, qua việc khảo cứu trường hợp Ninh Bình, chúng tôi muốn giới hạn phạm vi nghiên cứu của bài viết trong việc khai thác giá trị Phật giáo trong phát triển du lịch tâm linh - lĩnh vực

1. <http://www.daophatngaynay.com/vn/pg-nganh/kinh-te/3506-dao-phat-va-kinh-te.html>

mà cũng còn nhiều ý kiến trái chiều, nhưng không thể phủ nhận sự phát triển tất yếu của nó trong xu thế đổi mới, hội nhập hiện nay.

3.1 Phật giáo trong việc thúc đẩy phát triển du lịch tâm linh ở tỉnh Ninh Bình

Janez Sirse, Kai Partale thuộc Dự án Chương trình phát triển Năng lực có trách nhiệm với môi trường và xã hội tại Việt Nam, nhận định: Du lịch tâm linh gắn liền với du lịch tôn giáo và văn hóa, với trọng tâm là tự nhận thức, chăm sóc và phục hồi, du lịch tâm linh trở thành một phương tiện để hài hòa cơ thể, tâm hồn, cảm xúc và có rất nhiều nơi trên khắp nước Việt Nam để bạn làm điều đó. Du lịch tâm linh mở đường cho du lịch có trách nhiệm bằng cách nâng cao nhận thức về vấn đề môi trường, văn hóa xã hội và kinh tế. Du lịch tâm linh tôn trọng các giá trị và truyền thống văn hóa xã hội trong khi tạo điều kiện cho cộng đồng địa phương được hưởng lợi từ dịch vụ du lịch và góp phần xóa đói giảm nghèo. Du lịch tâm linh tại Việt Nam phục vụ thị trường trong nước và châu Á bằng các lễ hội tâm linh, các sự kiện và các chuyến thăm viếng đền chùa².

Trong hơn 2000 năm qua, Phật giáo đã có ảnh hưởng lâu dài và sâu rộng đến nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội của nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam, văn hóa Phật giáo Việt Nam đã để lại nhiều sản phẩm vật chất và tinh thần có giá trị đặc sắc. Trong bài viết này, chúng tôi chỉ đề cập đến ba giá trị cơ bản có mối quan hệ trực tiếp trong việc khai thác giá trị Phật giáo trong phát triển kinh tế, nhất là du lịch tâm linh.

Một là, giá trị phi vật thể của di sản văn hóa Phật giáo thể hiện ở khía cạnh giá trị văn hóa, đạo đức. Trong triết lý kinh điển của Phật giáo, đạo đức là giá trị nổi bật ở hàng đầu. Đó là giá trị văn hóa nền tảng để sống và làm người, nuôi dưỡng tinh thần con người hướng tới cái đúng, cái tốt, từ bỏ cái xấu, cái ác để tự hoàn thiện nhân cách. Phải tự nguyện và thành tâm. Tâm sáng thì đức trong. Tu tại gia, Phật tại tâm. Tâm xuất Phật biết. Kinh Phật trong Đạo. Thực hành lễ sống “Vô ngã vị tha”, “Từ bi hỷ xả”. Do đó cũng phải suốt đời rèn tâm luyện tính để từ bỏ Tham, Sân, Si. Đó là tự hóa giải, tự giải

2. Tổ chức du lịch Thế giới (2013), *Hội nghị quốc tế về du lịch tâm linh vì sự phát triển bền vững*, do Bộ văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với Tổ chức du lịch thế giới và Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình tổ chức ngày 21 - 22/11/2013 tại chùa Bái Đính, tỉnh Ninh Bình, tr.16.

thoát những cái tầm thường để vươn tới cái cao quý, trở thành tự do. Ở khía cạnh này Phật giáo mang đến những giá trị tích cực cho cuộc sống về nhận thức, tư duy, sức khỏe và sự an lành, cực lạc trong tâm hồn của con người gắn với thiên nhiên và vì thế nó có sức hấp dẫn mạnh mẽ thu hút khách du lịch.

Hai là, không gian văn hóa truyền thống của ngôi chùa kết tinh giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của Phật giáo. Hầu hết các ngôi chùa được lựa chọn xây dựng vị trí vô cùng “đắc địa”, trong một khung cảnh thiên nhiên hùng vĩ đầy biểu cảm, tạo nên những danh lam thắng cảnh độc đáo, môi trường thanh tịnh đậm chất thiên nhiên. Ở những nơi đó, ta có được một phức hợp kiến trúc nghệ thuật gắn bó hữu cơ và tác động tương hỗ với cảnh quan thiên nhiên thơ mộng, gợi cảm, gắn bó con người với thiên nhiên mà nhà Chùa là trung gian cầu nối, Đây chính là những nơi có giá trị hấp dẫn du lịch cả về văn hóa và cảnh quan.

Ba là, lễ hội Phật giáo là những sinh hoạt văn hóa với các nghi thức tôn giáo như: Lễ Vu Lan, Đại lễ Phật Đản, Đàn Tràng giải Oan, chạy đàn cầu mưa cho tới tụng kinh niệm Phật tuần rằm, hàng ngày... Lễ hội Phật giáo là nơi tích hợp các mặt giá trị văn hóa phi vật thể rất phong phú và đa dạng, nơi giao lưu, cộng cảm và liên kết tình thân trong các cộng đồng Phật tử ở từng đạo tràng nói riêng, cộng đồng cư dân ở các làng xã, vùng miền nói chung. Đối với khách du lịch ở khía cạnh này, lễ hội Phật giáo trở thành những sự kiện thu hút những dòng khách đến tìm hiểu, chia sẻ, cùng sinh hoạt và trải nghiệm với cộng đồng Phật tử và người dân bản địa.

3.2 Những thành tựu nổi bật của Ninh Bình trong phát triển kinh tế du lịch tâm linh

Có thể hiểu, du lịch tâm linh khai thác những yếu tố văn hóa tâm linh trong quá trình diễn ra các hoạt động du lịch, dựa vào những giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể gắn với những giá trị về tôn giáo, tín ngưỡng và những giá trị tinh thần khác. Như vậy, du lịch tâm linh là một khái niệm rộng, bao gồm nhiều hoạt động của du khách, như hành hương đến những điểm tâm linh, thực hiện các hoạt động thờ cúng, cầu nguyện, chiêm bái,... và tìm hiểu không gian văn hóa lễ hội.

Phật giáo được truyền bá vào Ninh Bình rất sớm. Trong quá

trình tồn tại và phát triển, có những thời kỳ, Phật giáo ở đây trở thành hệ tư tưởng chính thống, chi phối đời sống tinh thần của xã hội. Từ những đóng góp quan trọng của Phật giáo thời Đinh và Tiền Lê đối với đất nước, có thể khẳng định, thời Đinh và Tiền Lê, kinh đô Hoa Lư trở thành trung tâm Phật giáo của nước Đại Cổ Việt, là thủ đô của Phật giáo, là cái nôi của Phật giáo nước ta lúc bấy giờ. Thời Đinh - Tiền Lê, Phật giáo chiếm ưu thế tuyệt đối về chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội; đi sâu vào đời sống tâm linh toàn thể dân tộc: “Trong khi Phật giáo tỏa rộng và thấm dần vào đời sống nhân dân, thì giữa triều đình, Phật giáo được công nhận là một tôn giáo chính thức”³. Ở thời kỳ này, tại khu vực kinh đô Hoa Lư, nhiều chùa tháp đã được xây dựng, làm phong phú thêm cho nền văn hóa Việt Nam.

Trải qua những biến thiên của lịch sử, nhưng Phật giáo vẫn luôn in dấu ấn trên mảnh đất này. Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 350 ngôi chùa, trong đó có rất nhiều chùa tọa lạc trong hang đá với cảnh quan thiên nhiên hùng vĩ, như chùa Bàn Long, chùa Bích Động, chùa Non nước,... thu hút một lượng lớn khách du lịch. Việc đầu tư nâng cấp, xây dựng chùa cảnh cũng được quan tâm, chú trọng, nhiều ngôi chùa được xây dựng mới, xây dựng lại khang trang, đáp ứng ngày một tốt hơn nhu cầu sinh hoạt tôn giáo của tín đồ, phật tử. Đặc biệt, chùa Bái Đính là sự tổng hòa giữa linh thiêng, trầm mặc của Bái Đính cổ tự và sự nguy nga, hoành tráng của chùa Bái Đính mới, công trình kiến trúc Phật giáo đồ sộ nhất Việt Nam đã trở thành tâm điểm trong sinh hoạt tôn giáo và du lịch tâm linh ở Việt Nam trong thời gian qua.

Du lịch tâm linh ngày càng được xã hội tiếp cận và nhìn nhận theo nhiều chiều kích khác nhau, nhưng cơ bản là chiều hướng tích cực cả về kinh tế và xã hội. Nhà nước ta ngày càng quan tâm đối với phát triển du lịch tâm linh và coi đó là một trong những giải pháp đáp ứng đời sống tinh thần cho nhân dân, cùng với đó là việc bảo tồn, tôn vinh những giá trị truyền thống của dân tộc.

Khu du lịch tâm linh núi chùa Bái Đính cùng với quần thể danh thắng Tràng An đã góp phần làm thay đổi lớn diện mạo phát triển của du lịch nói chung và du lịch tâm linh ở tỉnh Ninh Bình nói riêng.

3. Nguyễn Tài Thư (chủ biên) (1988), Lịch sử Phật giáo Việt Nam, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.125.

Năm 1992, ngành du lịch toàn tỉnh mới chỉ đón được 6.400 lượt người, năm 1995 là 65.300 lượt người và đến năm 2001 là 310.100 lượt người. Như vậy, bình quân mỗi năm thời kỳ 1992 - 2001 số lượng khách đến Ninh Bình tham quan du lịch tăng 47,4%⁴. Từ 2008 đến nay, số lượng du khách đến với Ninh Bình ngày càng tăng cao, đặc biệt là du khách đến với các cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo mà trọng tâm là đến với khu du lịch tâm linh núi chùa Bái Đính.

Bảng 1. Số lượng khách tại một số điểm du lịch tâm linh tiêu biểu

Đơn vị: Triệu lượt						
Địa điểm	2008	2009	2010	2011	2012	Tăng trung bình (%)
Miền Bà Chúa Xứ	2,62	3,02	3,48	3,67	3,68	10,5
Chùa Bái Đính	1,10	1,02	1,72	1,98	2,13	27,8
Yên Tử	1,80	2,10	2,11	2,21	2,23	19,8
Núi Bà Đen	1,80	1,86	2,02	2,15	2,19	6,0
Chùa Hương	1,26	1,36	1,40	1,48	1,47	6,4
Côn Sơn - Kiếp Bạc	0,82	1,06	1,08	1,09	1,14	17,1
Đền Trần-Phủ Dầy	0,88	0,92	0,98	0,99	0,92	1,8
Mỹ Sơn	0,17	0,18	0,20	0,21	0,22	6,2

Nguồn: Báo cáo của các Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch

Năm 2008, số du khách đến với Ninh Bình là 1.900.888 lượt người (khách nội địa 1.316.488; khách quốc tế 584.400), trong đó số du khách đến với cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo chiếm 76,8% (chùa Bái Đính 1,1 triệu; Tam Cốc - Bích Động 322.847 lượt người).

Năm 2012, số du khách đến với du lịch Ninh Bình là 3,712 triệu lượt người (khách nội địa 3,036 triệu; khách quốc tế 676.000), trong đó số du khách đến với cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo chiếm 71,4% (chùa Bái Đính 2,130 triệu lượt người; Tam Cốc - Bích Động 287.890 lượt người)⁵.

Năm 2014, hoạt động du lịch tuy gặp khó khăn, khách du lịch đến với các điểm tham quan du lịch của tỉnh Ninh Bình đạt 4,34 triệu lượt, giảm so với năm 2013 (trong đó, số du khách đến với khu du lịch tâm linh núi chùa Bái Đính là 2.018.057; Tam Cốc - Bích Động là 211.391 lượt người, chiếm 56,6% tổng số du khách đến với

4. Cục Thống kê Ninh Bình (2002), Ninh Bình 10 năm xây dựng và phát triển (01/4/1992 - 01/4/2002), Ninh Bình

5. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Ninh Bình, Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác năm (từ năm 2008 đến năm 2014), Ninh Bình.

Ninh Bình trong năm 2014), song số khách lưu trú đã tăng 12,2%⁶.

Doanh thu từ các hoạt động du lịch cũng được gia tăng. Khi mới tái lập tỉnh (năm 1992) doanh thu từ hoạt động du lịch mới chỉ đạt 904,2 triệu đồng; năm 2001 đạt 17.740 triệu đồng; năm 2010 đạt 551.427 triệu đồng; năm 2011 đạt 654.148 triệu đồng; năm 2012 đạt 776.761 triệu đồng; năm 2013 đạt 897.446 triệu đồng; năm 2014 doanh thu du lịch đạt 917,5 tỷ đồng, tăng 2,2% so với năm 2013, chiếm 29,1% tổng thu ngân sách của địa phương (năm 2014 thu ngân sách của tỉnh là 3.151,8 tỷ đồng)⁷. Phát triển du lịch tâm linh là một trong những nhân tố kích thích sự phát triển kinh tế, xã hội địa phương, mang lại nguồn thu lớn cho ngân sách nhà nước từ hoạt động du lịch, mang lại nguồn thu cho các hoạt động dịch vụ kèm theo các hoạt động du lịch, như dịch vụ ăn uống, dịch vụ khách sạn, vận tải hành khách, dịch vụ hàng lưu niệm, ngành nghề thủ công phát triển,... Tại Hội nghị quốc tế về du lịch tâm linh (11/2013) Nguyên Phó Chủ tịch nước Nguyễn Thị Doan đã phát biểu:

“Chúng tôi coi du lịch tâm linh là loại hình du lịch văn hóa chuyên đề, một nhân tố quan trọng không chỉ mang lại sự tăng trưởng của nền kinh tế mà còn phát huy giá trị tinh thần, lòng yêu nước, niềm tin, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy sức mạnh tổng hợp, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển đất nước. Tín ngưỡng, văn hóa vừa được coi là giá trị cốt lõi của sản phẩm du lịch tâm linh, đồng thời là sợi dây kết nối tâm hồn người Việt Nam với bạn bè quốc tế. Trong sự phát triển kinh tế, xã hội nói chung và du lịch nói riêng, chúng tôi luôn đặt ưu tiên cao cho sự hợp tác quốc tế. Theo tinh thần đó, chúng tôi rất chú trọng khuyến khích, tạo thuận lợi cho mọi thành phần kinh tế và các giáo hội cùng tham gia phát triển du lịch nói chung và du lịch tâm linh nói riêng”⁸.

Theo báo cáo của UBND xã Gia Sinh, huyện Gia Viễn nơi có khu Du lịch tâm linh núi chùa Bái Đính: Xã Gia Sinh hiện có trên 1.900 hộ gia đình, với 7.238 nhân khẩu. 10 năm trở về trước, đời

6. Tỉnh ủy Ninh Bình (2015), Báo cáo số 388-BC/TU ngày 12/01/2015 báo cáo kết quả lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ năm 2014, phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2015, Ninh Bình.

7. Cục Thống kê Ninh Bình (2013), Niên Giám Thống kê 2013, NXB Thống kê, Hà Nội.

8. Sđd tr.25

sống nhân dân gặp nhiều khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo chiếm trên 20%. Từ khi khu du lịch tâm linh núi chùa Bái Đính được đầu tư xây dựng, thu hút đông khách du lịch đến đây, đã góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân. Hàng trăm người dân đã được đào tạo học nghề chụp ảnh, hướng dẫn viên du lịch, buôn bán, phục vụ nhà hàng ăn, nghỉ,... Hàng năm, trong 3 tháng lễ hội đầu năm, tại khu du lịch này có khoảng 3.500 lao động của địa phương thường xuyên tham gia các hoạt động phục vụ du lịch. Những tháng còn lại trong năm, tại khu du lịch này cũng tạo việc làm thường xuyên cho trên 1.500 lao động. Do đó, đã góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo của xã xuống còn 2,84%. Từ khi khu du lịch tâm linh núi chùa Bái Đính được xây dựng và đi vào hoạt động đã giúp người dân có việc làm và thu nhập ổn định, bình quân từ 3,5 đến 4 triệu đồng/tháng. Thu nhập bình quân của người dân sẽ tăng cao hơn nữa khi lượng khách du lịch tâm linh ngày càng đông và là một xu thế.

Ngoài ra, lợi nhuận thu được từ đây, cũng là nguồn tài trợ chủ yếu cho các sinh hoạt tôn giáo diễn ra. Những năm qua, tại khu du lịch tâm linh núi chùa Bái Đính, đã tổ chức nhiều sự kiện quan trọng của quốc gia cũng như quốc tế, như: Năm 2008, Đại lễ Phật đản Liên hợp quốc diễn ra ở thủ đô Hà Nội, trong đó có một số hoạt động diễn ra tại chùa Bái Đính; tháng 6/2010, Hội thảo khoa học “Phật giáo thời Đinh và Tiền Lê trong công cuộc dựng nước và giữ nước” do Viện Nghiên cứu Tôn giáo thuộc Viện Khoa học Xã hội Việt Nam phối hợp tổ chức; tháng 8/2011, đoàn đại biểu quốc tế dự Đại hội Liên hiệp hội UNESCO thế giới về tham quan tại chùa Bái Đính; tháng 11/2013, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với UBND tỉnh Ninh Bình và Tổ chức du lịch thế giới tổ chức Hội nghị quốc tế về du lịch tâm linh vì sự phát triển bền vững; cũng trong tháng 11/2013, Ủy ban an toàn giao thông quốc gia tổ chức lễ Cầu siêu các nạn nhân tử vong vì tai nạn giao thông; tháng 5/2014, Đại lễ Phật đản Liên hợp quốc được tổ chức tại chùa Bái Đính với chủ đề “Phật giáo góp phần thực hiện thành tựu các mục tiêu thiên niên kỷ của Liên hợp quốc”. Sự kiện văn hóa tôn giáo mang tầm quốc tế này có khoảng 3.500 đại biểu chính thức đến từ 95 quốc gia, vùng lãnh thổ và hàng vạn tăng ni, phật tử Việt Nam tham dự. Đây là sự kiện đối ngoại quan trọng góp phần nâng cao vai trò của Phật giáo Việt Nam trong hội nhập quốc tế, đồng thời khẳng định vị thế trách nhiệm của Việt Nam

đối với Liên hợp quốc. Đại lễ cũng là cơ hội để quảng bá văn hóa, du lịch Việt Nam nói chung, du lịch Ninh Bình nói riêng và tiềm năng du lịch tâm linh, góp phần vào sự phát triển hợp tác toàn diện của Việt Nam với các quốc gia trên thế giới.

Đến với các khu, điểm du lịch tâm linh được tham dự các lễ hội tín ngưỡng, tôn giáo không chỉ là để cân bằng đời sống tâm linh mà còn thể hiện ở chỗ con người luôn hướng tới cái chân thiện mỹ, cái cao cả mà con người luôn ước vọng, tôn thờ. Khi trở về với thế giới tâm linh, họ luôn mong muốn và tin tưởng vào sự chứng giám và phù hộ của thần linh vì sự trung thực và thành tâm của họ, đã giúp con người thỏa mãn nhu cầu về đời sống tâm linh. GS Đỗ Quang Hưng nhận định, bằng trí tuệ, sự hiểu biết của mình con người được hòa mình vào “không gian thiêng”, được thỏa mãn nhu cầu giao tiếp với môi trường tự nhiên, xã hội và giao tiếp với thần linh, hưởng thụ sinh hoạt văn hóa, ... làm cho con người gần gũi với tự nhiên và cũng là cách để bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của nhân loại, trong đó có Việt Nam⁹.

Có thể nói, du lịch tâm linh góp phần rất lớn trong kinh tế du lịch ở Ninh Bình, là một trong những điển hình của cả nước trong định hướng phát triển du lịch tâm linh. Sự hài hòa về mặt tài chính, để điều tiết lợi ích giữa chính quyền với nhân dân, chính quyền và ngành du lịch, chính quyền với Giáo hội Phật giáo và doanh nghiệp đầu tư khai thác cũng còn nhiều vấn đề phải giải quyết. Tuy nhiên, điều không thể phủ nhận lợi nhuận thu được từ du lịch tâm linh góp phần không nhỏ vào sự thay ra đổi thịt của quê hương, xây dựng cơ sở hạ tầng, cũng như chùa chiền khang trang hơn, đồng thời tạo ra việc làm và thu nhập chính đáng cho người dân trên chính quê hương mình, góp phần làm giảm tỷ lệ thất nghiệp cho xã hội.

KẾT LUẬN

Phật giáo không ca ngợi sự nghèo khổ, cũng như không phê phán sự giàu có. Bởi vì, giàu nghèo chỉ là phương tiện, chứ không phải là cứu cánh. Cứu cánh là sự an lạc thật sự của thân tâm, chỉ có thể đạt tới được bằng đạo đức và trí tuệ. Không những kinh tế đời

9. Đỗ Quang Hưng (2014), “Phật giáo Việt Nam và vấn đề an ninh sinh tồn”, *Tạp chí Triết học*, (7).

dào, mà những điều quý báu nhất của nhân sinh như là sức khỏe dồi dào, thọ mạng lâu dài, dung nhan sáng đẹp v.v... tất cả đều phụ thuộc vào cuộc sống đạo đức và trí tuệ. Trong thời kỳ hội nhập, đất nước cần phát huy mọi nguồn lực trong phát triển kinh tế góp phần bảo đảm sự hòa hợp, đồng thuận Đạo - Đời vì một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Việt Nam nói chung, Ninh Bình nói riêng có nhiều lợi thế để phát triển kinh tế, trong đó có những đóng góp đáng kể từ các cơ sở tôn giáo. Những chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước ta về tín ngưỡng, tôn giáo tiếp tục được tỉnh Ninh Bình cụ thể hóa vào điều kiện thực tiễn ở địa phương. Đóng góp của du lịch Ninh Bình nói chung và du lịch tâm linh nói riêng tiếp tục được phát huy trong điều kiện hội nhập và phát triển kinh tế hiện nay. Đã kinh doanh phải có lợi nhuận, nhưng lợi nhuận chỉ là phương tiện chứ không phải mục đích. Nếu chỉ sa vào mục đích lợi nhuận là chủ yếu có thể đáp ứng phát triển kinh tế địa phương nhưng về phía Giáo hội, về phía Phật giáo mất đi tính nhân bản vốn có của tôn giáo này và du khách có nhu cầu về tâm linh đến đây vẫn chưa được thỏa mãn nhu cầu tín ngưỡng, tôn giáo của mình. Điều đó gợi mở những vấn đề cần lưu tâm cả về phía Nhà nước, Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Giáo hội Phật giáo tỉnh Ninh Bình và doanh nhân cần phải suy ngẫm và tìm cách giải quyết theo những phương án tốt nhất trong khai thác giá trị của Phật giáo sử dụng nguồn tài nguyên nhân văn này như thế nào, vừa đảm bảo về môi trường sống, vừa đem lại những giá trị to lớn về vật chất và tinh thần cho nhân dân góp phần phát triển kinh tế nước nhà trong thời kỳ hội nhập, mà không mất đi “căn tính” của nhà Phật.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Chandan Kumar (2014), “Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ của LHQ: Phát triển bền vững cho thế hệ tương lai trong bối cảnh Kinh tế học Phật giáo”, trong cuốn *Phật giáo, về phát triển bền vững và thay đổi xã hội*, Nxb. Tôn giáo, tr. 93.

Cục Thống kê Ninh Bình (2002), *Ninh Bình 10 năm xây dựng và phát triển (01/4/1992 - 01/4/2002)*, Ninh Bình.

Cục Thống kê Ninh Bình (2013), *Niên Giám Thống kê 2013, NXB Thống kê, Hà Nội*.

Tinh Vân (2015), *Phật giáo và thế tục*, Nguyễn Phước Tâm dịch, Nxb tôn giáo, Hà Nội.

Đỗ Quang Hưng (2014), “Phật giáo Việt Nam và vấn đề an ninh sinh tồn”, *Tạp chí Triết học*, (7).

Nguyễn Đại Đồng và tđk (2017), *Lịch sử Phật giáo Ninh Bình*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.

Hội thảo quốc tế (2017), *Tôn giáo, kinh tế và cộng đồng ASEAN*, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn.

Nguyễn Đức Lữ (2013), *Tôn giáo với dân tộc và chủ nghĩa xã hội*.

Nguyễn Tài Thư (chủ biên) (1988), *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.125.

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Ninh Bình, *Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác năm (từ năm 2008 đến năm 2014)*, Ninh Bình.

Tỉnh ủy Ninh Bình (2015), *Báo cáo số 388-BC/TU ngày 12/01/2015 báo cáo kết quả lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ năm 2014, phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2015*, Ninh Bình.

Viện Nghiên cứu tôn giáo (2010), *Hội thảo khoa học: Phật giáo thời Đinh và Tiền Lê trong công cuộc dựng nước và giữ nước*.

Viện Trần Nhân Tông (2017), *Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế: Phật giáo nhập thế và các vấn đề xã hội đương đại*.

VÀI NÉT VỀ CÁC TÁC GIẢ

TT. Thích Đức Thiện, tiến sĩ Phật học năm 2005, hiện là Phó Chủ tịch - Tổng Thư ký Hội đồng Trị sự GHPGVN; Trưởng ban Phật giáo Quốc tế; Phó Chủ tịch Hội hữu nghị Việt Nam - Ấn Độ; Giảng viên cao cấp tại Đại học Quốc gia Hà Nội (Viện Trần Nhân Tông); Tổng thư ký Đại lễ Vesak LHQ 2014 và 2019.

TT. Đức Thiện là Tổng thư ký Đại lễ Vesak LHQ 2014 và 2019, đóng góp vào sự thành công của sự kiện quốc tế này tại Việt Nam. TT. Thích Đức Thiện là tác giả, chủ biên và phiên dịch nhiều cuốn sách nghiên cứu Phật học và lịch sử. Thượng tọa đã nhận được nhiều phần thưởng cao quý của Nhà nước Việt Nam: Huân chương Lao động Hạng Ba; của Hoàng gia Campuchia: Huân chương Đại tướng quân; của Chính phủ Ấn Độ: Huân chương Padma Shri.

TT. Thích Nhật Từ, Tiến sĩ Triết học tại Đại học Allahabad, 2002, là chủ tịch sáng lập Quỹ Đạo Phật Ngày Nay từ năm 2000. Hiện Thầy Thích Nhật Từ là Tổng biên tập của Phật điển Việt Nam (ấn bản sách nói), Tổng biên tập Đại tạng Kinh Việt Nam và Chủ biên Tủ sách Đào Phật Ngày Nay (hơn 250 đầu sách), biên tập hơn 200 album âm nhạc Phật giáo. Thầy Nhật Từ là tác giả của hơn 80 quyển sách Phật học ứng dụng, du hành nhiều quốc gia, giảng pháp cho cộng đồng Việt Nam ở Hoa Kỳ, Canada, châu Úc, châu Âu, với hơn 4500 video pháp thoại về nhiều chủ đề.

Thầy Nhật Từ hiện là Ủy viên Hội đồng Trị sự GHPGVN, Phó viện trưởng Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP.HCM, Phó Ban Phật giáo quốc tế, Phó Ban giáo dục Phật giáo trung ương, Phó Ban hoằng pháp trung ương. Một số trường Đại học nước ngoài trao tặng 5 bằng Tiến sĩ danh dự và các tổ chức Phật giáo quốc tế tặng nhiều giải thưởng cao quý nhằm ghi nhận các đóng góp của thầy Nhật Từ về giáo dục, nghiên cứu, phụng sự xã hội và lãnh đạo trong

cộng đồng Phật giáo quốc tế. Thầy Nhật Từ nhận được nhiều giải thưởng, danh hiệu, bằng khen của Chính phủ cũng như Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Miến Điện, Thái Lan và Campuchia.

PGS.TS. Trương Văn Chung, sinh năm 1948, làm nghiên cứu viên tại Trung tâm nghiên cứu tôn giáo thuộc Trường Đại học KHXH&NV. Những nghiên cứu và quan tâm liên quan đến Phật giáo: *Triết học, Tôn giáo học, Triết học Ấn Độ* (viết chung), *Triết học Phật giáo* (đồng tác giả, *Tư tưởng triết học của Thiền phái Trúc Lâm đời Trần* (NXB Chính trị Quốc gia. 1998), *Kinh tế học Phật giáo (kỷ yếu hội thảo Kinh tế và tôn giáo, Hà Nội)*, Phật giáo với văn hóa tiêu dùng thời toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp.

HT. Thích Tấn Đạt, sinh năm 1959 tại tỉnh Bình Định. Hòa thượng là giáo phẩm của TW GHPGVN, hiện là Ủy viên Thư ký HĐTS TWGHPGVN, Phó văn phòng 2 TW, Phó Trưởng ban thường trực Ban Hoằng pháp TW và Ban Từ thiện XH TW, Trưởng ban Tổ chức Đào tạo Cao - Trung cấp giảng sư (Ban Hoằng pháp TW), trụ trì chùa Hòa Khánh. Bảo vệ luận án TS. Quản lý Giáo dục tại Trường Đại học Akamai – Hoa Kỳ- 2017. Hòa thượng Thích Tấn Đạt là Phó Trưởng ban Thường trực Ban tổ chức Hội thảo của ngành hoằng pháp, ngành TT-XH TW TWGHPGVN trong hơn 20 năm qua. Ngoài ra, Hòa thượng Thích Tấn Đạt đã xuất bản sách *“Thi hóa Lược sử cuộc đời Đức Phật Thích Ca”* (2008, NXB. Tôn giáo), *“Kỹ năng dẫn chương trình lễ hội Phật giáo”* (2012, NXB tổng hợp Tp. HCM), đồng thời công bố nhiều bài viết trên Đặc san Hoa Đàm và một số Kỷ yếu hội thảo khoa học của Ban Hoằng pháp Trung ương, Ban Từ thiện XH trung ương GHPGVN.

HT. TS. Thích Thanh Điện, sinh năm 1958, chuyên ngành Tôn giáo học, hiện đang là Phó Tổng thư ký, Chánh văn phòng TW Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Những nghiên cứu và quan tâm liên quan đến Phật giáo: Đồng tác giả: *“Religion Status in Coco China during the Period of 1939-1945 Reality and Some Characteristics”* (Duong Quang Dien, Nguyen Van Tuan, Nghiem Thi Chau Giang), *International Journal of Information Science* 2018; *“Giáo hội Phật giáo Việt Nam với việc đảm bảo ASXH cho người dân: Thực trạng và giải pháp”* (Đồng tác giả với TS Nguyễn Tuấn), tr. 134-148; Kỷ yếu Hội thảo quốc tế *“Phật giáo nhập thế với các vấn đề xã hội đương đại”*, Đại học Quốc gia Hà Nội; *“Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử với sự nghiệp đổi*

mới và hội nhập” (Đồng tác giả với TS Nguyễn Tuân), tr. 212, Kỷ yếu Hội thảo quốc tế “*Trần Nhân Tông và Phật giáo Trúc Lâm – Đặc sắc tư tưởng, văn hóa*”; Tỉnh Quảng Ninh và Giáo hội Phật giáo Việt Nam với việc đảm bảo ASXH cho người dân: Thực trạng và một số giải pháp Cuốn “*Phật giáo nhập thế và các vấn đề xã hội đương đại*” (Đồng tác giả TS Nguyễn Tuân, trang 190-2012)

TS. Trần Kỳ Đông, sinh năm 1959, chuyên ngành Nhân học, tại trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn - Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh. Những nghiên cứu và quan tâm liên quan đến Phật giáo: “*Phật giáo nguyên thủy - một nguồn lực trí tuệ khai phóng cho tâm thức hậu hiện đại trong kỷ nguyên toàn cầu hóa*”, Kỷ yếu Hội thảo Khoa học quốc tế, Nxb Hồng Đức, tr. 641-653(2014); “*Hoàn cảnh Mỹ học hậu hiện đại Việt Nam trong Chủ nghĩa hậu hiện đại và phong trào tôn giáo mới ở Việt Nam và thế giới*”, Kỷ yếu Hội thảo Khoa học quốc tế, Nxb ĐHQG TP.HCM. (2014); “*Hoàn cảnh Mỹ học hậu hiện đại Việt Nam trong Chủ nghĩa hậu hiện đại và phong trào tôn giáo mới ở Việt Nam và thế giới*”, Kỷ yếu Hội thảo Khoa học quốc tế, Nxb ĐHQG TP.HCM. (2014)

Th.S Nguyễn Thanh Hải, sinh năm 1978, hiện đang nghiên cứu Lịch sử Phật giáo, Kỹ thuật điều khiển điện gió, tại Học Viện Phật Giáo Việt Nam tại TP.HCM, Trường THPT Chuyên Lê Hồng Phong, TP.HCM. Những nghiên cứu tiêu biểu liên quan đến Phật giáo: Tự Sát Theo Quan Điểm Triết Học Phật Giáo; HTKH “*Việt Nam - Châu Á Những Mối Quan Hệ Lịch Sử, Văn Hóa Và Văn Học*”; ĐH Duy Tân, Đà Nẵng 23/5/2018; Truyền Thừa và Phát Triển Kệ Phái Liễu Quán Tại Bình Định; HTKH “*Phật giáo và Văn học Bình Định*”; ĐH KHXX&NV TP.HCM, Bình Định 3-5/8/2018; Vai Trò Của Văn Hóa Thiền Phái Trúc Lâm Trong Trong Đời Sống Xã Hội Việt Nam Hiện Nay; HTKH “*Thiền phái Trúc Lâm đương đại*”; TT Bảo tồn Di sản Văn hóa Tôn giáo; Hà Nội 28/9/2018, và một số tác phẩm khác

Võ Quang Hiến (Nhuận Trí Tuệ), sinh năm 1965, chuyên ngành Ngôn ngữ – Văn hóa (Khoa Du lịch), tại trường ĐH Kinh tế Công nghiệp Long An. Ông từng tham gia giảng dạy tiếng Anh học thuật tại chùa Giác Ngộ; tham gia ban dịch thuật Anh ngữ; nghiên cứu kinh điển Pali.

TS. Nguyễn Mạnh Hùng, sinh năm 1965, tại Công ty Cổ phần Sách Thái Hà, chuyên nghiên cứu và giảng dạy về Quản trị kinh doanh, Marketing, Văn hóa doanh nghiệp. TS. Nguyễn Mạnh Hùng đã sống, làm việc và có mặt gần 16 năm ở nước ngoài, đã đi qua 42 quốc gia, nên được biết đến như một người ham học và khám phá. Ông thành thạo 3 ngoại ngữ (Anh, Pháp, Nga) và rất ham đọc, mê truyền bá văn hóa đọc đến 93 triệu dân Việt Nam, thông qua hàng trăm buổi nói chuyện hay giảng về văn hóa đọc và kỹ năng đọc sách siêu tốc nên được mệnh danh là “Tiến sĩ văn hóa đọc”. Ông cũng là diễn giả của các hội sách như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Frankfurt - Đức, Bắc Kinh, Kuala Lumpur, Chiang Mai, Story Drive ở Singapore và Istanbul Fellowship. Tiến sĩ Nguyễn Mạnh Hùng là tác giả của 14 tựa sách, bao gồm “*Bài học từ người quét rác*”, “*Tâm từ tâm*”, “*Hạnh phúc thật giản đơn*”, “*Trồng hoa không cho mọc rễ*”, “*Ngày mới tự làm mới*”... Ông cũng đã viết hàng trăm bài báo trên các tờ báo, tạp chí, đã xuất hiện với tư cách là khách mời trên nhiều kênh truyền hình và đài phát thanh trong và ngoài nước, thảo luận về kinh doanh, lãnh đạo, quản lý, văn hóa, giáo dục, xuất bản và tu học Phật pháp.

ĐD. Th.S. Thích Thiện Huy, sinh năm 1991, chuyên nghiên cứu Văn Hóa Phật Giáo Việt Nam, Nghiên Cứu Lịch Sử Phật Giáo Nam Bộ, làm việc tại Ban Tăng sự GHPGVN tỉnh Đồng Nai, Quan Âm Tu Viện, Phường Bửu Hòa, TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai. Trong một số tác phẩm mà tác giả đã từng đóng góp và tham gia các hội thảo về các vấn đề: Giáo dục Phật giáo, Phật giáo với vấn đề trồng rừng bảo vệ môi trường, Tôn giáo Sinh thái, Phật giáo nhập thế và các công tác từ thiện xã hội, an sinh xã hội Phật giáo.... Tác giả cũng đã trình bày các vấn đề một cách tổng quan về lịch sử một số hệ phái Phật giáo Việt Nam, một số hệ phái nội sinh trong dòng chảy phát triển của mình cũng đã góp phần củng cố, nhập thế và phụng sự nhân sinh một cách thiết thực nhất, góp phần thể hiện sâu sắc tinh thần hộ quốc an dân của Phật Giáo Việt Nam. Trong đó, tác giả nhận thấy tôn giáo sinh thái và môi trường là vấn đề quan trọng và cấp thiết, cần được nghiên cứu chuyên sâu và đưa vào ứng dụng thực tiễn trong xã hội hiện đại ngày nay.

Th.S. Nguyễn Thoại Linh, sinh năm 1977, chuyên ngành Tôn giáo học, tại khoa Triết học, trường Đại học Khoa học Xã hội và

Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. Những nghiên cứu và quan tâm liên quan đến Phật giáo: *Phật giáo Theraveda trong văn hóa vật thể ở Đông Nam Á* (Trường hợp Myanmar, Thái Lan và Nam Bộ Việt Nam), luận văn Thạc sĩ – 2012; *Hiện tượng “cải đạo” ở vùng Nam Bộ- Một thách thức trong sự phát triển xã hội bền vững, trong Phật giáo với các mục tiêu thiên niên kỷ của Liên Hiệp Quốc*, Nxb ĐHQG TP.HCM 2014, “*Vai trò giáo dục đạo đức xã hội của Phật giáo Theraveda trong cộng đồng người Khmer ở Tây Nam Bộ, trong Phật giáo nguyên thủy từ truyền thống đến hiện đại – 2014*”, Nxb Hồng Đức; “*Chiều kích Phật giáo trong các hiện tượng tôn giáo mới ở Đồng bằng sông Cửu Long trước 1975, trong Phật giáo vùng Mê – Kông: ý thức môi trường, toàn cầu hóa*”, Nxb ĐHQG TP.HCM 2015, và một số tác phẩm khác.

Th.S. Lê Thị Kiều Oanh, sinh năm 1987, chuyên ngành Xây dựng cơ sở hạ tầng, Môi trường nước, tại Công ty Xây dựng Kyuden-ko Việt Nam. Ths. Lê Thị Kiều Oanh quan tâm đến Phật giáo, bởi tính nhân đạo và việc lý giải các hiện tượng tự nhiên, xã hội biện chứng, khoa học; đã áp dụng phương pháp tư duy của Phật giáo làm phương pháp luận để triển khai các công trình nghiên cứu xây dựng thực tiễn, đặc biệt là việc xử lý nước thải từ các khu công nghiệp hay việc áp dụng khoa học công nghệ hiện đại trong quá trình lắp đặt hệ thống xử lý nước thải của các nhà máy nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường. Nghiên cứu sâu về môi trường nước và áp dụng phương pháp nghiên cứu đa ngành, liên ngành, bà vận dụng quan điểm của Phật giáo lý giải các hiện tượng từ đó làm phương pháp luận cung cấp cho học giả cách đánh giá khách quan, toàn diện về các nội dung để triển khai xây dựng các bản vẽ kỹ thuật xử lý nước thải, góp phần bảo vệ môi trường cho trái đất xanh.

PGS. TS. Bùi Thị Tinh, sinh năm 1974, chuyên ngành Triết học, Lịch sử Triết học, tại Học viện Chính trị Công an nhân dân. PGS. TS. Bùi Thị Tinh quan tâm nghiên cứu và giảng dạy Triết học và Lịch sử Triết học. Đến nay, bà đã chủ biên và tham gia biên soạn 4 sách chuyên khảo, tham khảo và giáo trình Lịch sử triết học... Bà đã có 33 bài báo đăng tải trên các tạp chí chuyên ngành trong nước, trong đó có 03 bài viết tham gia Hội thảo quốc tế, 02 bài báo đăng Tạp chí quốc tế. Với gần 20 năm giảng dạy Lịch sử Triết học phương Đông, trong đó có Triết học Phật giáo, bà đã đào tạo, hướng dẫn 04

học viên cao học và 06 sinh viên làm luận văn, khóa luận tốt nghiệp về Phật giáo. Ngoài ra, bà đã có nhiều năm giảng dạy môn Tôn giáo học, trong đó có Phật giáo cho sinh viên khoa Triết học, Trường ĐHSP Hà Nội. Tuy chưa có nhiều công trình nghiên cứu độc lập về Phật giáo, nhưng là một giảng viên Triết học, bà luôn chủ động nghiên cứu Phật giáo với tư cách là Triết học - Tôn giáo để tìm ra những giá trị hợp lý có thể kế thừa và phát triển.

PGS. TS. Nguyễn Thị Toan, sinh năm 1965, hiện đang là giảng viên Triết học, Trưởng khoa Giáo dục chính trị, Trường Đại học Hà Nội. Những nghiên cứu và quan tâm liên quan đến Phật giáo: Nghiên cứu thế giới quan Phật giáo trong sự tương đồng với thế giới quan khoa học (*“Quan niệm về thời gian trong Phật giáo và vật lý học hiện đại”*, Tạp chí Triết học); *“Về khái niệm Niết bàn trong Phật giáo”* (Tạp chí Triết học); *“Nghiên cứu nhân sinh quan Phật giáo với Giải thoát luận Phật giáo”* (Nxb Chính trị quốc gia), và một số bài viết về Phật giáo đăng trên các tạp chí chuyên ngành.

Ths. Đào Thị Diễm Trang, sinh năm 1980, hiện đang giảng dạy, nghiên cứu văn học Ấn Độ và Đông Nam Á, phê bình sân khấu điện ảnh, tại Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - ĐHQG TP.HCM. Nghiên cứu ảnh hưởng của văn hóa - văn học - nghệ thuật và Phật giáo Ấn Độ tại Đông Nam Á; Những phương diện của Phật giáo có sức lan tỏa đến đời sống xã hội đương đại (du lịch Phật giáo, ứng dụng công nghệ vào tín ngưỡng Phật giáo...). Một số bài nghiên cứu có liên quan đến Phật giáo tiêu biểu đã công bố: *“Những dấu ấn của văn học Ấn Độ trong truyện thơ Thái Lan”* (Nhiều tác giả, Kỷ yếu Hội thảo Dấu ấn Ấn Độ trong tiếp biến văn hóa ở Việt Nam và Đông Nam Á, NXB ĐHQG TP.HCM, 2013; *“Hình ảnh nữ tu sĩ Phật giáo qua một số tác phẩm văn học nghệ thuật Việt Nam”* (Giáo hội Phật giáo Việt Nam, ĐHQG TP.HCM; *Nữ giới Phật giáo Việt Nam: truyền thống và hiện đại*, NXB ĐHQG TP.HCM, 2017), và một số tác phẩm khác.

VÀI NÉT VỀ TT. THÍCH NHẬT TỪ

TT. Thích Nhật Từ, Tiến sĩ Triết học tại Đại học Allahabad, 2002, là chủ tịch sáng lập Quỹ Đạo Phật Ngày Nay từ năm 2000. Hiện Thầy Thích Nhật Từ là Tổng biên tập của Phật điển Việt Nam (ấn bản sách nói), Tổng biên tập Đại tạng Kinh Việt Nam và Chủ biên Tủ sách Đạo Phật Ngày Nay (hơn 250 đầu sách), biên tập hơn 200 album âm nhạc Phật giáo.

Thầy Nhật Từ là tác giả của hơn 80 quyển sách Phật học ứng dụng bằng tiếng Việt, Chủ biên của hơn 50 quyển sách Phật học bằng tiếng Anh, du hành nhiều quốc gia, giảng pháp cho cộng đồng Việt Nam ở Hoa Kỳ, Canada, châu Úc, châu Âu, với hơn 4500 video pháp thoại về nhiều chủ đề.

Thầy Nhật Từ hiện là Ủy viên Hội đồng Trị sự GHPGVN, Phó viện trưởng Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP.HCM, Phó Ban Phật giáo quốc tế, Phó Ban giáo dục Phật giáo trung ương, Phó Ban hoằng pháp trung ương, Phó Viện trưởng Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam.

Thầy Nhật Từ được một số trường Đại học nước ngoài trao tặng 5 bằng Tiến sĩ danh dự và các tổ chức Phật giáo quốc tế tặng nhiều giải thưởng cao quý nhằm ghi nhận các đóng góp của thầy về giáo dục, nghiên cứu, phụng sự xã hội và lãnh đạo trong cộng đồng Phật giáo quốc tế. Thầy Nhật Từ nhận được nhiều giải thưởng, danh hiệu, bằng khen của GHPGVN cũng như của Chính phủ Việt Nam, Miến Điện, Thái Lan và Campuchia.

**QUAN ĐIỂM PHẬT GIÁO VỀ CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0
VÀ MÔI TRƯỜNG BỀN VỮNG**
Thích Nhật Từ (chủ biên)

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
53 Tràng Thi – Hoàn Kiếm - Hà Nội
ĐT: (024)37822845 - Fax: (024)37822841
Email: nhaxuatbantongiao@gmail.com

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc - Tổng biên tập
TS. Bùi Thanh Hà

Biên tập: Nguyễn Thị Huệ
Trình bày: Liên Ngân
Bìa: Thu Thảo
Phụ trách ấn tống: Giác Thanh Nhã

Đơn vị liên kết:
Quý Đạo Phật Ngày Nay
92 Nguyễn Chí Thanh, Phường 3, Quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.



Số lượng in: 2.000 bản, Khổ: 16x24 cm. In tại: Xí nghiệp In Fahasa, 774 Trường Chinh, phường 15, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.. Số ĐKXB: 1322 - 2019/CXBIPH/03 - 49/TG. Mã ISBN:978-604-61-6270-4. QĐXB: 141/QĐ-NXBTG ngày 24 tháng 4 năm 2019. In xong và nộp lưu chiểu quý II năm 2019